

MÃ CHUYỂN ĐỔI NHẠC NỘI BANA 2015

MỤC LỤC

LỜI NGỎ TỪ TRUNG TÂM VÌ NGƯỜI MÙ SAO MAI.....	17
BẢNG KÝ HIỆU	20
CÁC KÝ HIỆU CƠ BẢN	20
Bảng 1. Các ký hiệu chung (từ phần 1.1-1.16)	20
Bảng 2. Hình nốt và giá trị các hình nốt (từ phần 2.1-2.6)	21
Bảng 3. Dấu bậc (từ phần 3.1-3.3.2)	22
Bảng 4. Khóa nhạc (từ phần 4.1-4.5)	22
Bảng 5. Dấu lặng (từ phần 5.1-5.4).....	23
Bảng 6. Dấu hóa bất thường và hóa biểu (từ phần 6.1-6.5.1).....	23
Bảng 7. Các ký hiệu chỉ nhịp (từ phần 7.1-7.2.3)	24
Bảng 8. Những nhóm nốt bất thường (từ phần 8.3-8.6).....	25
Bảng 9. Quãng (từ phần 9.1-9.5.3).....	25
Bảng 10. Dấu nối (từ phần 10.1-10.3)	26
Bảng 11. Kẹp và phân chia ô nhịp (từ phần 11.1-11.4)	26
Bảng 12. Ký hiệu đuôi nốt nhạc (từ phần 12.1-12.4).....	26
Bảng 13. Dấu luyến (từ phần 13.1-13.10.2).....	26
Bảng 14. Dấu ngân rung (từ phần 14.1-14.3)	28
Bảng 15. Ký hiệu ngón (từ phần 15.1-15.4.1)	29
Bảng 16. Các dấu hoa mỹ (từ phần 16.1-16.8)	29
Bảng 17. Dấu nhắc lại trong bản phổ thông (từ phần 17.1–17.3).....	33
Bảng 18. Nhắc lại toàn phần hay một phần ô nhịp, di chuyển song song, và ký hiệu viết tắt chuỗi trong nhạc nổi (từ phần 18.1-18.7.2).....	34
Bảng 19. Nhắc lại bằng số đếm trong nhạc nổi (từ phần 19.1-19.7)	34

Bảng 20. Nhắc lại bằng dấu hồi và dấu Coda (từ phần 20.1-20.3).....	34
Bảng 21. Các ký hiệu chú thích và biến thể (từ phần 21.1-21.6.2).....	34
Bảng 22. Sắc thái (từ phần 22.1-22.4.1)	35
Bảng 23. Các biểu tượng hợp âm (từ phần 23.1-23.2).....	38
CÁC KÝ HIỆU DÙNG TRONG KHÍ NHẠC	38
Bảng 24. Các nhạc cụ thuộc bộ dây	38
Bảng 25. Các loại nhạc cụ phím.....	40
Bảng 26. Bàn phím đánh số và phân tích hòa âm	41
Bảng 27. Đàn harp.....	42
Bảng 28. Đàn accordion	42
Bảng 29. Viết tắt tên các loại nhạc cụ.....	44
Bảng 30. Các loại nhạc cụ thuộc bộ hơi và bộ gõ.....	46
CÁC KÝ HIỆU DÙNG TRONG THANH NHẠC	46
Bảng 31. Ký hiệu trong dòng nhạc.....	46
Bảng 32. Ký hiệu trong dòng lời.....	47
KÝ HIỆU CHO CÁC PHƯƠNG PHÁP KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BANA.....	47
Bảng 33. Đoạn nối đoạn.....	47
Bảng 34. Bản nhạc dàn bè bè dọc và bè ngang (ô-nhịp-nôi-ô-nhịp)	47
Bảng 35. Ký hiệu thay thế.....	47
Bảng 36. Nốt-thành-nốt.....	48
PHẦN I. CÁC KÝ HIỆU CHUNG.....	48
1. PHƯƠNG PHÁP VÀ KÝ HIỆU CHUNG	48
1.1. Chuyển đổi y bản và lược bản.....	48

1.2. Sử dụng chữ tắt tiếng Anh.....	48
1.3. Dấu ngoặc đơn.....	49
1.4. Trang mở đầu	49
1.5. Phân trang.....	50
1.6. Nhan đề đầu trang (page heading)	51
1.7. Tiêu đề chỉ dẫn (music heading)	52
1.8. Ký hiệu đánh nhịp	53
1.9. Tiền tố cho các ký hiệu được người chuyển đổi thêm vào	54
1.10. Vạch nhịp	54
1.11. Dấu gạch nối trong nhạc nổi	56
1.12. Nhân đôi các ký hiệu.....	56
1.13. Dấu ngoặc phổ thông.....	57
1.14. Trùng lặp hình nốt trong nhiều hơn một bè	57
1.15. Lỗi trong bản nhạc phổ thông	58
1.16. Ký hiệu nhạc trong ngữ cảnh văn bản.....	58
1.17. Vị trí thông tin tác quyền trong hợp tuyển.....	59
2. HÌNH NỐT VÀ GIÁ TRỊ TRƯỜNG ĐỘ HÌNH NỐT	59
2.1. Tên gọi và giá trị hình nốt.....	59
2.2. Các ký hiệu thay thế cho nốt tròn kép.....	60
2.3. Nốt có dấu chấm đôi.....	60
2.4. Ký hiệu giá trị lớn hơn và nhỏ hơn	60
2.5. Các nốt có hình dạng đặc biệt	62
2.6. Ký âm theo tỷ lệ	62

3. KÝ HIỆU BẬC	63
3.1. Bậc.....	63
3.2. Quy tắc cho ký hiệu bậc	63
3.3. Ký hiệu 8va và 15ma.....	64
4. KHÓA NHẠC	65
4.1. Khóa nhạc giới hạn trong chuyển đổi y bản	65
4.2. Ký hiệu bậc và dấu phân cách chấm 3	65
4.3. Dòng kẻ nhạc liệt kê cùng với khóa nhạc	65
4.4. Khóa nhạc có bậc	66
4.5. Khóa nhạc thay đổi.....	66
5. DẤU LẶNG	67
5.1. Ký hiệu dấu lặng	67
5.2. Dấu lặng do người chuyển đổi thêm vào	67
5.3. Dấu lặng nhiều ô nhịp	67
5.4. Dấu lặng có chấm đôi.....	68
6. DẤU HÓA BẤT THƯỜNG VÀ HÓA BIỂU	68
6.1. Vị trí đặt dấu hóa bất thường.....	68
6.2. Viết lại dấu hóa bất thường	68
6.3. Dấu hóa tăng giảm $\frac{1}{4}$ và $\frac{3}{4}$ cung.....	69
6.4. Dấu hóa bất thường trong ngữ cảnh văn bản	69
6.5. Hóa biểu	69
7. CÁC KÝ HIỆU CHỈ NHỊP	70
7.1. Số chỉ nhịp.....	70

7.2. Các ký hiệu thời gian thực	73
8. NHÓM CÁC NỐT	74
8.1. Phương pháp nhóm các nốt nhạc nổi	74
8.2. Các nốt móc đơn nhóm thông thường.....	76
8.3. Các nhóm nốt bất thường thể hiện bằng dấu phẩy trong âm nhạc.....	77
8.4. Ký hiệu một ô đơn chỉ một liên ba.....	78
8.5. Ký hiệu ba hay bốn ô cho các nhóm bất thường.....	78
8.6. Thêm các số không có trong bản phổ thông	79
9. QUÃNG.....	80
9.1. Chuyển đổi hợp âm	80
9.2. Hướng của quãng	81
9.3. Nhân đôi quãng	82
9.4. Chùm nốt.....	84
9.5. Ký hiệu di chuyển nốt	85
10. DẤU NÓI.....	86
10.1. Dấu nốt đơn.....	86
10.2. Dấu nốt hợp âm	88
10.3. Nốt với các nốt ẩn	90
11. KÝ HIỆU KẸP VÀ PHÂN CHIA Ô NHỊP	91
11.1. Phương pháp kẹp.....	91
11.2. Viết lại các dấu hóa bất thường trong đoạn kẹp.....	94
11.3. Các đoạn nhân đôi và dấu luyến được duy trì trong các đoạn kẹp liên tục	94
11.4. Phân chia một ô nhị ph giữa các dòng	94

12. KÝ HIỆU ĐUÔI NỐT NHẠC	95
12.1. Chức năng của đuôi nốt nhạc	95
12.2. Vị trí đặt ký hiệu đuôi nốt nhạc.....	95
12.3. Các ký hiệu điều chỉnh đuôi nốt nhạc	96
12.4. Quảng có ký hiệu đuôi nốt nhạc.....	96
13. DẤU LUYỆN.....	96
13.1. Chức năng của dấu luyện	96
13.2. Tiết nhạc chứa đoạn luyện ngắn.....	97
13.3. Tiết nhạc chứa đoạn luyện dài.....	97
13.4. Dấu luyện hội tụ	99
13.5. Dấu luyện và nối	99
13.6. Luyện giữa các bè.....	100
13.7. Ký hiệu phân đôi tiết nhạc	103
13.8. Sắc thái luyện	104
13.9. Đoạn luyện chứa các nốt dựa ngắn	104
13.10. Luyện không có nốt bắt đầu hoặc kết thúc.....	105
14. DẤU NGÂN RUNG	106
14.1. Các loại ngân rung.....	106
14.2. Ngân rung lặp nốt.....	106
14.3. Ngân rung luân phiên	107
15. KÝ HIỆU NGÓN.....	107
15.1. Vị trí đặt ký hiệu ngón.....	107
15.2. Thay đổi ngón bấm.....	108

15.3. Các nốt liền kề bằng một ngón.....	108
15.4. Các ngón bấm luân phiên.....	109
16. CÁC DẤU HOA MỸ	110
16.1. Giải nghĩa các dấu hoa mỹ	110
16.2. Các nốt dựa.....	110
16.3. Dấu láy rên	112
16.4. Dấu lượn và dấu lượn nghịch đảo	114
16.5. Dấu day.....	115
16.6. Ký hiệu dấu vượt	115
16.7. Các dấu hoa mỹ bắt nguồn từ nhạc jazz.....	118
16.8. Các dấu hoa mỹ ít dùng.....	118
17. DẤU NHẮC LẠI TRONG BẢN PHỔ THÔNG.....	118
17.1. Các ký hiệu bắt đầu và kết thúc nhắc lại.....	118
17.2. Nhắc lại không tuần hoàn.....	120
17.3. Biểu tượng nhắc lại ô nhịp trong bản phổ thông.....	120
18. NHẮC LẠI TOÀN PHẦN VÀ MỘT PHẦN Ô NHỊP, DI CHUYỂN SONG SONG, VÀ VIẾT TẮT CHUỖI TRONG NHẠC NỔI	121
18.1. Cách dùng chung của ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi	121
18.2. Nhắc lại toàn ô nhịp	124
18.3. Nhắc lại một phần ô nhịp	126
18.4. Nhắc lại và kẹp	128
18.5. Nhắc lại trong nhạc không chia ô nhịp hoặc nhóm bất thường	128
18.6. Ký hiệu di chuyển song song	129
18.7. Viết tắt chuỗi	130

19. NHẮC LẠI BẰNG SỐ ĐẾM TRONG NHẠC NỔI.....	132
19.1. Nhắc lại bằng số đếm trong nhạc nổi.....	132
19.2. Nhắc lại bằng số đếm trong các bậc và cường độ khác nhau.....	134
19.3. Dấu nối và nhắc lại bằng số đếm.....	134
19.4. Dấu luyến và nhắc lại bằng số đếm.....	135
19.5. Nhân đôi nhắc lại bằng số đếm.....	136
19.6. Các ký hiệu có thể đi kèm với nhắc lại bằng số đếm.....	136
19.7. Nhắc lại bằng số đếm trong bản nhạc dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp.....	136
20. NHẮC LẠI BẰNG DẤU HỒI VÀ DẤU CODA.....	138
20.1. Phương pháp nhắc lại bằng dấu Da Capo và dấu Dal Segno.....	138
20.2. D.C. và D.S. trong bản phổ thông và chỉ bản nổi.....	140
20.3. D.C. và D.S. trong bản nhạc dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp.....	143
21. CÁC KÝ HIỆU CHÚ THÍCH VÀ BIẾN THỂ.....	144
21.1. Dấu hoa thị trong âm nhạc.....	144
21.2. Chú thích cuối trang.....	145
21.3. Dấu ngoặc trong âm nhạc.....	146
21.4. Ký hiệu biên tập.....	146
21.5. Biến thể.....	146
21.6. Đa dạng trong cỡ chữ bản phổ thông.....	148
22. SẮC THÁI VÀ DIỄN ĐẠT BẰNG TỪ NGỮ.....	150
22.1. Biểu tượng đứng trước nốt trong nhạc nổi.....	150
22.2. Biểu tượng đứng sau nốt trong nhạc nổi.....	151
22.3. Từ và từ viết tắt dùng cho diễn đạt.....	152

22.4. Chùm vạch hình rẽ quạt	157
23. BIỂU TƯỢNG HỢP ÂM.....	158
23.1. Chuyển đổi biểu tượng hợp âm.....	158
23.2. Các ký hiệu không phải là hợp âm.....	160
23.3. Biểu tượng hợp âm trong nhiều định dạng khác nhau	160
PHẦN II. KÝ HIỆU DÙNG TRONG KHÍ NHẠC	160
24. ĐỘC TẤU NHẠC CỤ VÀ BÈ TRONG ĐỒNG DIỄN	160
24.1. Định dạng dòng đơn.....	160
24.2. Đặt các đánh dấu cho diễn tập.....	161
24.3. Các dấu trích từ một bản nhạc.....	161
24.4. Các bè có phần ra hiệu (cues)	161
24.5. Các bè cùng in trong một khuôn nhạc.....	162
25. NHẠC CỤ DÂY DÙNG VĨ	162
25.1. Ký âm chung	162
25.2. Diễn giải các số La Mã trong bản phổ thông	162
25.3. Dấu kéo vĩ	163
25.4. Ký hiệu ngón.....	164
25.5. Kéo vĩ và gảy dây (arco và pizzicato).....	165
25.6. Ngân rung (Tremolo)	166
25.7. Hòa âm tự nhiên	166
25.8. Hòa âm nhân tạo.....	167
26. NHẠC CỤ DÂY GÂY.....	168
26.1. Đa dạng trong hệ thống ký âm bản phổ thông	168

26.2. Giải thích về ký âm khuông nhạc.....	169
26.3. Gảy đàn.....	169
26.4. Ký hiệu ngón trên tay trái.....	169
26.5. Ký hiệu dây	170
26.6. Ký hiệu phím.....	171
26.7. Ký hiệu ngón trên tay phải	172
26.8. Ký hiệu vuốt.....	173
26.9. Hợp âm chặn (Barré).....	176
26.10. Hòa âm	178
26.11. Kỹ thuật rải và quạt (Arpeggio và Rasgueado).....	179
26.12. Kỹ thuật gõ (Golpe).....	180
26.13. Giải thích về sơ đồ hợp âm	180
26.14. Ký âm TAB.....	184
27. BẢN NHẠC KHÔNG LỜI CHO NHẠC CỤ	184
27.1. Căn chỉnh biểu tượng hợp âm bên dưới nốt và dấu lặng.....	184
27.2. Phân tách các ô nhịp ở cả hai dòng.....	186
27.3. Giãn cách các biểu tượng hợp âm trong ô nhịp	186
27.4. Giãn cách trong dòng nhạc.....	186
27.5. Dòng nhạc không có biểu tượng hợp âm	187
27.6. Ký hiệu quạt	188
27.7. Sơ đồ hợp âm guitar có biểu tượng hợp âm.....	188
28. ĐỊNH DẠNG Ô-NHIP-TRÊN-Ô-NHIP CHO NHẠC CỤ	188
28.1. Các nguyên tắc chung	188

28.2. Ký hiệu nhắc lại.....	189
28.3. Di chuyển song song và viết tắt chuỗi	190
28.4. Điều chỉnh định dạng cho các phương tiện khác nhau	190
29. CÁC NHẠC CỤ PHÍM.....	190
29.1. Khuông nhạc trên bản phổ thông so với các bè cho mỗi tay trên bản nổi.....	190
29.2. Ký hiệu tay	191
29.3. Cấu trúc tiêu biểu của đoạn nhạc song song dành cho nhạc cụ phím	191
29.4. Các bè kết hợp và tay khách (visiting hands)	199
29.5. Sự trùng lặp các nốt.....	202
29.6. Đoạn nghỉ lớn trên một bè.....	203
29.7. Mở rộng đoạn song song thành bản nhạc mở	204
29.8. Đệm đàn bằng nhạc cụ phím.....	204
29.9. Bản rút gọn cho nhạc cụ phím trong dàn nhạc.....	206
29.10. Bàn đạp cho piano	206
29.11. Ký hiệu bàn đạp piano và nhắc lại	209
29.12. Đoạn song song tiêu biểu cho nhạc dùng đại phong cầm (organ) .	211
29.13. Ký hiệu chân trên đại phong cầm.....	213
29.14. Bảng liệt kê các âm vực cho đại phong cầm.....	214
29.15. Các chỉ dẫn âm vực đại phong cầm	214
29.16. Các chú thích cụ thể cho từng loại nhạc cụ.....	218
29.17. Biểu tượng hợp âm trong bản nhạc dùng nhạc cụ phím	219
30. BÈ TRẦM CÓ ĐÁNH SỐ VÀ PHÂN TÍCH HÒA ÂM.....	221

30.1. Bề trầm có đánh số	221
30.2. Bề trầm có đánh số theo kiểu chiều ngang.....	222
30.3. Bề trầm có đánh số theo kiểu chiều dọc.....	227
30.4. Phân tích hòa âm	229
30.5. Các biểu tượng phân tích trong văn bản	232
31. ĐÀN HARP.....	232
31.1. Ký âm tiêu chuẩn.....	232
31.2. Điều chỉnh cao độ.....	233
31.3. Kỹ thuật chặn dây.....	237
31.4. Ký hiệu đặc biệt cho kỹ thuật dùng móng tay.....	242
32. ĐÀN ACCORDION	242
32.1. Ký âm accordion	243
32.2. Bề trầm viết đầy đủ	246
32.3. Dấu kéo và đẩy.....	246
32.4. Âm vực	247
33. BẢN NHẠC CHO NHÓM ĐỒNG DIỄN NHẠC CỤ	247
33.1. Ứng dụng của định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp	247
33.2. Danh sách các nhạc cụ	248
33.3. Cách bố trí trang giấy	250
33.4. Đoạn song song	250
33.5. Phân chia ô nhịp giữa các đoạn song song.....	257
33.6. Di chuyển song song	258
33.7. Hợp nhất các phần giống nhau.....	260

34. BỘ GỖ.....	261
34.1. Các loại bản nhạc phổ thông.....	261
34.2. Bản chuyển đổi nhạc nổi tiêu biểu.....	262
34.3. Dấu hoa mỹ.....	265
34.4. Các nốt có hình dạng đặc biệt.....	265
34.5. Ký hiệu tượng hình.....	267
34.6. Ký hiệu tay cho bộ gõ.....	268
34.7. Các bản chuyển đổi dàn trống.....	268
PHẦN III. KÝ HIỆU DÙNG TRONG THANH NHẠC.....	269
35. CÁC BÀI ĐƠN CA VÀ BÈ HỢP XƯỚNG.....	269
35.1. Các nguyên tắc của định dạng dòng-nổi-dòng.....	269
35.2. Dấu luyện âm tiết.....	271
35.3. Âm tiết mang từ đoạn song song này sang đoạn song song khác....	272
35.4. Ký hiệu nhắc lại cho từ hoặc cụm từ.....	274
35.5. Các âm tiết kết hợp lại trong một nốt.....	276
35.6. Các bản nhạc bằng hai thứ tiếng trở lên.....	276
35.7. Bài hát có nhiều lời.....	278
35.8. Ký hiệu nhắc lại nhạc nổi trong thanh nhạc.....	281
35.9. Số thứ tự ô nhịp và các đánh dấu cho diễn tập.....	281
35.10. Các bè trích từ bản nhạc cho hợp xướng.....	281
35.11. Thánh ca và hát nói.....	282
35.12. Quảng giọng và hóa biểu dịch chuyển.....	283
36. BIỂU TƯỢNG HỢP ÂM VÀ LỜI NHẠC.....	284

36.1. Mở rộng đoạn song song để chứa biểu tượng hợp âm.....	284
36.2. Điều chỉnh giãn cách các từ	285
36.3. Căn chỉnh các biểu tượng hợp âm dưới lời nhạc	285
36.4. Biểu tượng hợp âm và lời nhạc đứng riêng lẻ.....	292
36.5. Thay đổi hợp âm trong nhạc có nhiều lời	292
37. HỢP XUỐNG	293
37.1. Định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp mở rộng.....	294
37.2. Tất cả các bè có lời giống nhau.....	295
37.3. Các bè có lời khác nhau	296
37.4. Lời bài hát có hai thứ tiếng	298
37.5. Bè phân chia tạm thời.....	298
37.6. Đoạn song song cần nhiều hơn một trang chữ nổi.....	300
38. NHẠC KỊCH.....	300
38.1. Bản nhạc có lời và các trích dẫn diễn đơn	300
38.2. Danh sách nhân vật	301
38.3. Chỉ đạo sân khấu	302
38.4. Nói lỏng các quy tắc trong bản chuyển đổi lược bản.....	303
38.5. Các gợi ý theo sau khoảng lặng dài	304
PHẦN IV. PHỤ LỤC: CÁC ĐỊNH DẠNG KHÔNG DÙNG TẠI CÁC NƯỚC BANA(*) Ở THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI.....	305
39. DÒNG-TRÊN-DÒNG.....	306
39.1. Khác biệt so với định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp.....	306
39.2. Đánh số khuông nhạc	307
39.3. Các đoạn không chia ô nhịp	307

40. ĐOẠN-NÓI-ĐOẠN	308
40.1. Định dạng của một phân đoạn.....	308
41. BẢN NHẠC DÀN BÈ BÈ ĐỌC VÀ Ô-NHIP-NÓI-Ô-NHIP.....	312
41.1. Bối cảnh lịch sử.....	312
41.2. Bản nhạc dàn bè bè đọc.....	312
41.3. Ô-nhip-nói-ô-nhip	314
42. THAY THẾ	317
42.1. Ký hiệu thay thế	317
43. NÓT-THÀNH-NÓT.....	319
43.1. Phương pháp nốt-thành-nốt.....	319
43.2. Thay đổi ý nghĩa các ký hiệu nhạc trong bản nổi	324
BẢNG TRA CỨU THEO KÝ HIỆU NỔI.....	325
Sơ đồ 63 ô chữ nổi.....	325
Danh sách ký hiệu	325

LỜI NGỎ TỪ TRUNG TÂM VÌ NGƯỜI MÙ SAO MAI

Hiện nay, thông qua nhiều chương trình giáo dục và hỗ trợ sinh hoạt, năng lực của người khiếm thị đang ngày càng được nâng cao, chứng tỏ khả năng học tập, làm việc và sống hòa nhập với cộng đồng. Những cánh cửa trường đại học đã rộng mở đón thí sinh khiếm thị. Một số doanh nghiệp cũng bắt đầu mạnh dạn tuyển dụng các ứng viên khiếm thị phù hợp cho các vị trí cần kỹ năng chuyên môn. Do đó, nhu cầu về tài liệu tiếp cận, cụ thể là các tài liệu mang tính học thuật cao cũng tăng lên đáng kể. Để tiếp tục duy trì và phát huy những bước phát triển đáng mừng trong quá trình hòa nhập của người khiếm thị, thì xây dựng nguồn tài nguyên tri thức và giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời (lifelong learning) là một bước đi quan trọng.

Dự án Xây dựng Thư viện Sách tiếp cận ra đời và trở thành một trong những dự án lâu dài của Trung tâm Vì người mù Sao Mai nhằm đẩy mạnh nhiệm vụ hỗ trợ và tăng năng lực cho người khiếm thị. Tính đến năm 2019, Trung tâm Sao Mai đã xây dựng được một hệ thống thư viện trực tuyến với hơn 6,100 đầu sách điện tử. Trải qua một thời gian làm việc với những định dạng sách đa dạng cho nhiều cấp học khác nhau từ tiểu học đến sau phổ thông, chúng tôi thấu hiểu những khó khăn mà người khiếm thị vấp phải khi rơi vào thế bị động vì chưa thể tiếp cận hoàn toàn với các nội dung đặc biệt ngoài phạm vi chữ viết, như hình ảnh, sơ đồ, bản nhạc hay công thức phức tạp trong các môn khoa học tự nhiên. Chúng tôi cũng thấu hiểu áp lực đặt lên giáo viên dạy hòa nhập khi phải nỗ lực nhiều hơn để mô tả lại các nội dung vốn sẵn có trong sách giáo khoa nhưng chưa mang tính tiếp cận; các bậc phụ huynh, hay tình nguyện viên với mong muốn hỗ trợ người khiếm thị nhưng đôi khi phải lúng túng trước một số thông tin phức tạp, chông chéo trong nguồn tài liệu.

Năm 2019, chúng tôi đưa ra quyết định thực hiện một dự án nhỏ nhằm chuyển ngữ các quy tắc và hướng dẫn đã được đúc kết từ kinh nghiệm của các đơn vị đi trước trong lĩnh vực sản xuất sách tiếp cận và chia sẻ với bạn đọc. Các tài liệu được thực hiện trong dự án này cũng là một trong những cơ sở mà chúng tôi tham khảo khi sản xuất các đầu sách cho Thư viện sách tiếp cận, cũng như khi nghiên cứu phát triển các phần mềm hỗ trợ như Sao Mai Braille và Sao Mai Music Reader.

Hiện tại, chúng tôi đã hoàn thành chuyển ngữ các đầu sách:

- *Chữ nổi tiếng Anh thống nhất: Hướng dẫn chuyển đổi chữ nổi trong tài liệu kỹ thuật*, do ICEB phát hành, cung cấp nhiều thông tin và ví dụ, các

quy tắc và ký hiệu chữ nổi được sử dụng trong các môn khoa học tự nhiên (Toán học, Vật lý, Hóa học và Tin học).

- *Hướng dẫn mô tả hình ảnh cho người khiếm thị*, do hai tổ chức NCAM và DIAGRAM phối hợp thực hiện, là bộ tài liệu tập huấn phương pháp soạn thảo văn bản thay thế cho từng loại hình ảnh riêng, có thể áp dụng trong các sách điện tử lẫn sách chữ nổi.
- *Hướng dẫn chuyển đổi hình ảnh nổi*, do BANA biên soạn, giới thiệu các nguyên tắc thiết kế, nhiều phương pháp và vật liệu sản xuất hình ảnh nổi khác nhau như dập bằng máy in chấm chữ nổi, cắt dán giấy, in vi nang, hút định hình chân không, v.v. để bạn đọc có cái nhìn toàn diện, đưa ra đánh giá và lựa chọn phương pháp tối ưu cho tình huống cụ thể.
- *Mã chuyển đổi nhạc nổi BANA 2015*, do BANA biên soạn, là công trình đồ sộ không chỉ liệt kê các quy tắc chuyển đổi ký hiệu âm nhạc chung, mà còn phân tích nhiều phương pháp trình bày bản nhạc bằng chữ nổi cho nhiều loại nhạc cụ dùng trong nhiều mục đích khác nhau.

Các đầu sách trên được chuyển ngữ sang tiếng Việt với mong muốn lan tỏa một nguồn tài nguyên tham khảo hữu ích, đồng thời nhất quán các tiêu chuẩn trình bày trong sách tiếp cận và đề xuất cách giải quyết các khó khăn hiện hữu. Trong các bản dịch, chúng tôi xin phép dùng các thuật ngữ "bản phổ thông", "hình ảnh phổ thông", "bản nhạc phổ thông", "ký hiệu phổ thông",... để chỉ các phiên bản tài liệu, hình ảnh, bản nhạc, ký hiệu,... dùng cho người sáng mắt; các thuật ngữ "bản nổi", "hình ảnh nổi", "bản nhạc nổi", "ký hiệu nổi",... chỉ các phiên bản chuyển đổi thành chữ Braille tương ứng.

Đội ngũ thực hiện dự án của Trung tâm Vì người mù Sao Mai rất hy vọng các quy tắc và phương pháp sắp được giới thiệu trong quyển sách này sẽ góp phần làm tăng hiệu quả giảng dạy và làm việc cho các thầy cô, các bậc phụ huynh, các bạn đồng nghiệp và những ai quan tâm khi tiếp xúc với người khiếm thị. Trong quá trình thực hiện, không thể tránh khỏi nhiều sai sót, chúng tôi rất mong nhận được sự ủng hộ và các ý kiến phản hồi từ phía bạn đọc để tài liệu được hoàn thiện hơn.

Mọi phản hồi và ý kiến đóng góp, xin vui lòng gửi về cho chúng tôi qua các kênh thông tin liên lạc của: TRUNG TÂM VÌ NGƯỜI MÙ SAO MAI

Website: www.saomaicenter.org

Email: info@saomaicenter.org

Đăng ký nhận tin qua email bằng cách gửi một email trống đến:

tin+subscribe@saomaicenter.org

Facebook: [Sao mai Center for the Blind](https://www.facebook.com/SaoMaiCenterfortheBlind)

Twitter: [@SaoMaiCenter](https://twitter.com/SaoMaiCenter)

Youtube: [@SMCenter](https://www.youtube.com/@SMCenter)

MÃ CHUYỆN ĐÔI NHẠC NÔI

Phụ trách dự án: Đặng Hoài Phúc

Phụ trách dịch thuật: Đặng Thị Mỹ Tiên, Nguyễn Thị Thanh Dung, Nguyễn Phạm Anh Thư, Mai Thanh Hoàn

Sản xuất sách điện tử: Phạm Hồ Thu Trang

Bản quyền bản dịch thuộc Trung tâm Vì người mù Sao Mai.

BẢNG KÝ HIỆU

Các ký hiệu được đánh dấu hoa thị (*) là ký hiệu mới được cập nhật trong ấn bản này và phải được liệt kê trên trang "Các ký hiệu đặc biệt" hoặc ghi rõ trong các chú thích của người chuyển đổi trong mỗi bản chuyển đổi có sử dụng đến ký hiệu mới.

CÁC KÝ HIỆU CƠ BẢN

Bảng 1. Các ký hiệu chung (từ phần 1.1-1.16)

Dấu ngoặc đơn trong âm nhạc	⠠ ⠨
* Dấu ngoặc đơn đặc biệt	⠠ ⠨
Dấu báo ngắt trang	⠠
Dấu "=" trong ký hiệu đánh nhịp hay những dấu chỉ sự tương đương	⠠
Vạch nhịp	(khoảng trắng)
Vạch nhịp nét đứt	⠠
Vạch nhịp sử dụng trong các trường hợp bất thường	⠠
Vạch nhịp kép kết bài	⠠
Vạch nhịp kép kết đoạn	⠠
Dấu gạch nối trong nhạc nổi	⠠
Tiền tố cho các ký hiệu được người chuyển đổi thêm vào	⠠
Dấu ngoặc vuông vẽ phía trên khuông nhạc	⠠ ⠨
* Dấu ngoặc vuông thứ hai vẽ phía trên khuông nhạc	⠠ ⠨
Dấu ngoặc vuông nét đứt vẽ phía trên khuông nhạc	⠠ ⠨
Dấu ngoặc vuông cho giải kết mở vẽ phía trên khuông nhạc	⠠ ⠨
Dấu ngoặc vuông vẽ phía dưới khuông nhạc	⠠ ⠨
* Dấu ngoặc vuông thứ hai vẽ phía dưới khuông nhạc	⠠ ⠨
Dấu ngoặc vuông nét đứt vẽ phía dưới khuông nhạc	⠠ ⠨
Dấu ngoặc vuông cho giải kết mở vẽ phía dưới khuông nhạc	⠠ ⠨
Các dấu ngoặc nhỏ bao quanh biểu tượng trong bản phổ thông (chuyển đổi y bản)	⠠ ⠨
Sự trùng lặp giữa các hình nốt	⠠
Dấu bắt đầu ký hiệu nhạc	⠠
Dấu kết thúc ký hiệu nhạc	⠠






Dấu báo dấu câu	⋮
Dấu phẩy văn bản trong ngữ cảnh âm nhạc	⋮

Bảng 2. Hình nốt và giá trị các hình nốt (từ phần [2.1-2.6](#))

Trong suốt ấn bản này: nốt = hình nốt; nốt 1/2 = nốt trắng; nốt 1/4 = nốt đen; nốt 1/8 = nốt móc đơn.

	Đô	Rê	Mi	Fa	Son	La	Si
Nốt tròn hoặc nốt móc đôi (nốt 1/16)	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮
Nốt trắng hoặc nốt móc ba (nốt 1/32)	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮
Nốt đen hoặc nốt móc tư (nốt 1/64)	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮
Nốt móc đơn hoặc nốt móc năm (nốt 1/128)	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮	⋮
Nốt móc sáu (nốt 1/256)	⋮⋮⋮⋮	v.v...					
Nốt tròn kép (gồm 2 nốt tròn) (a)	⋮⋮	⋮⋮	⋮⋮	⋮⋮	⋮⋮	⋮⋮	⋮⋮
(b)	⋮⋮⋮⋮	v.v...					
Nốt tường thuật trong nhạc bình ca	⋮⋮	v.v...					
Dấu chấm đôi tăng thêm giá trị trường độ	⋮						
Các ký hiệu giá trị:							
Các nốt móc đơn và lớn hơn	⋮⋮⋮						
Các nốt móc đôi và nhỏ hơn	⋮⋮⋮						
Các nốt móc sáu	⋮⋮⋮						

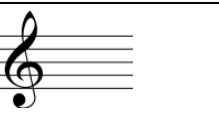
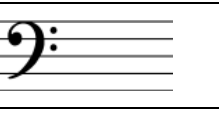
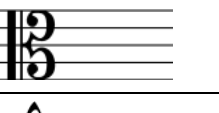
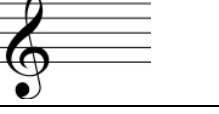
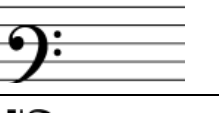
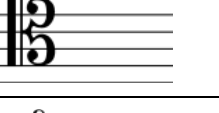

Các ký tự đi trước (tiền tố) dành cho các hình nốt có dạng đặc biệt:


Đầu hình nốt có duy một khối	⋮⋮	
Đầu hình nốt có hình dạng chữ X	⋮⋮	
Đầu hình nốt có hình dạng thoi	⋮⋮	
Cao độ vô định hay xấp xỉ	⋮⋮	
Cao độ xấp xỉ tại điểm kết thúc của đường xiên	⋮⋮	

Bảng 3. Dấu bậc (từ phần [3.1-3.3.2](#))

Nốt Đô bậc 1	⠠⠠⠠		Nốt Đô bậc 6	⠠⠠⠠	
Nốt Đô bậc 2	⠠⠠⠠		Nốt Đô bậc 7	⠠⠠⠠	
Nốt Đô bậc 3	⠠⠠⠠		Nốt La bậc 1 bên dưới	⠠⠠⠠⠠	
Nốt Đô bậc 4	⠠⠠⠠		Nốt Đô bậc 7 bên trên	⠠⠠⠠⠠	
Nốt Đô bậc 5	⠠⠠⠠				

Bảng 4. Khóa nhạc (từ phần [4.1-4.5](#))

Khóa Son (treble)	⠠⠠⠠⠠	
Khóa Fa (bass)	⠠⠠⠠⠠	
Khóa Đô (alto)	⠠⠠⠠⠠	
Khóa Son trên dòng kẻ 1 (khóa vĩ cầm Pháp)	⠠⠠⠠⠠⠠	
Khóa Fa trên dòng kẻ 3 (baritone)	⠠⠠⠠⠠⠠	
Khóa Đô trên dòng kẻ 4 (tenor)	⠠⠠⠠⠠⠠	
Khóa Son có số 8 nhỏ bên trên	⠠⠠⠠⠠⠠	

Khóa Son có số 8 nhỏ bên dưới	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	
Khóa Fa thay đổi cho bè tay phải	⠠⠨⠠⠨⠠⠨	
Khóa Son thay đổi cho bè tay trái	⠠⠨⠠⠨⠠⠨	

Bảng 5. Dấu lặng (từ phần [5.1-5.4](#))

Dấu lặng tròn hoặc dấu lặng kép	⠠⠨
Dấu lặng trắng hoặc dấu lặng móc ba	⠠⠨
Dấu lặng đen hoặc dấu lặng móc bốn	⠠⠨
Dấu lặng đơn hoặc dấu lặng móc năm	⠠⠨
Dấu lặng móc sáu	⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Dấu chấm dôi làm tăng thêm giá trị trường độ cho dấu lặng	⠠⠨
Dấu lặng tròn kép (có giá trị bằng hai lần dấu lặng tròn) (a)	⠠⠨⠠⠨
(b)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨

Bảng 6. Dấu hóa bất thường và hóa biểu (từ phần [6.1-6.5.1](#))

Dấu thăng	⠠⠨
Dấu thăng kép	⠠⠨⠠⠨
Dấu giáng	⠠⠨
Dấu giáng kép	⠠⠨⠠⠨
Dấu bình	⠠⠨
Dấu hóa bất thường thay đổi $\frac{1}{4}$ giá trị cao độ	⠠⠨⠠⠨ ⠠⠨
Dấu hóa bất thường thay đổi $\frac{3}{4}$ giá trị cao độ	⠠⠨⠠⠨ ⠠⠨
Ký hiệu ghi trước dấu hóa bất thường được in lên trên hoặc bên dưới hình nốt	⠠⠨
Hóa biểu có ba dấu thăng	⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Hóa biểu có ba dấu giáng	⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Hóa biểu có bốn dấu thăng	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨

Hóa biểu có bốn dấu giáng	♭♭♭♭
---------------------------	------

Bảng 7. Các ký hiệu chỉ nhịp (từ phần [7.1-7.2.3](#))

Nhịp Bốn - Bốn (4/4)	♩♩♩♩	
Nhịp Sáu - Tám (6/8)	♩♩♩♩♩♩	
Nhịp "C"	♩♩♩♩	
Nhịp "C chẻ"	♩♩♩♩	
Nhịp có mẫu số là giá trị hình nốt	♩♩♩♩♩♩	
Nhịp có hai hay nhiều tử số	♩♩♩♩♩♩	
Nhịp hỗn hợp	♩♩♩♩♩♩	
Nhịp hỗn hợp có dấu cộng (+)	♩♩♩♩♩♩	
Nhịp hỗn hợp có dấu ngoặc đơn	♩♩♩♩♩♩	
Một giây	♩	
Hai giây, v.v...	♩♩	


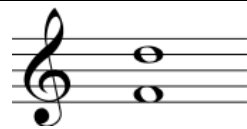

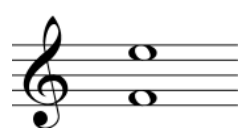



Mười giây, v.v...	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	
Ký hiệu giãn cách	⠠⠠⠠	

Bảng 8. Những nhóm nốt bất thường (từ phần [8.3-8.6](#))

Dấu phẩy sử dụng trong nhạc nổi	⠠⠠⠠
Dấu phẩy kết thúc sử dụng trong nhạc nổi	⠠⠠⠠⠠
Ký hiệu một ô đơn chỉ một liên ba	⠠
Ký hiệu ba ô chỉ một liên ba	⠠⠠⠠
Nhóm hai nốt, v.v...	⠠⠠⠠
Nhóm mười nốt, v.v...	⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

Bảng 9. Quãng (từ phần [9.1-9.5.3](#))




Đối với các quãng lớn hơn quãng 8, xin xem phần. [9.1.1](#) và [9.3.4](#).

Quãng 2	⠠		Quãng 6	⠠	
Quãng 3	⠠		Quãng 7	⠠	
Quãng 4	⠠		Quãng 8	⠠	
Quãng 5	⠠				

Cụm hợp âm:	
có các dấu bình	⠠⠠⠠⠠
có các dấu giáng	⠠⠠⠠⠠
có các dấu thăng	⠠⠠⠠⠠
có tất cả các hình nốt (hay tổ hợp bất kỳ khác)	⠠⠠⠠⠠⠠
của các cao độ không xác định	⠠⠠⠠⠠

Ký hiệu di chuyển nốt:	
đối với một quãng	⋮
đối với hai hay ba quãng	⋮

Bảng 10. Dấu nối (từ phần [10.1-10.3](#))

Dấu nối giữa hai nốt đơn lẻ	⋮	
Hai hay nhiều dấu nối giữa nhiều hợp âm	⋮	
Dấu rải các nốt được chồng lên nhau	⋮	



Bảng 11. Kẹp và phân chia ô nhịp (từ phần [11.1-11.4](#))

Kẹp toàn bộ ô nhịp	⋮
Kẹp một phần ô nhịp	⋮
Phân chia ô nhịp	⋮

Bảng 12. Ký hiệu đuôi nốt nhạc (từ phần [12.1-12.4](#))

Đuôi nốt tròn	⋮		Đuôi nốt móc đơn	⋮	
Đuôi nốt trắng	⋮		Đuôi nốt móc đôi	⋮	
Đuôi nốt đen	⋮		Đuôi nốt móc ba	⋮	

Bảng 13. Dấu luyện (từ phần [13.1-13.10.2](#))

Dấu luyện đơn (ngắn)	⋮	
Dấu luyện kép (dài)	⋮	

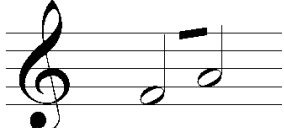




Dấu luyện ngoặc (dài)	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	
Nhiều dấu luyện ngắn hội tụ	⠠⠠⠠⠠	
Nhiều dấu luyện dài hội tụ (luyện ngoặc)	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	
Dấu luyện ngắn từ bè này sang bè kia	⠠⠠⠠	
Dấu luyện dài từ bè này sang bè kia	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	
* Chắp ghép các phần của dấu luyện từ bè này sang bè kia	⠠⠠⠠⠠	
Di chuyển dấu luyện giữa các khuông nhạc	⠠⠠	
Điểm đến của dấu luyện được di chuyển giữa các khuông nhạc	⠠⠠⠠	
Đường kẻ thẳng giữa các khuông nhạc	⠠⠠	
Điểm kết của đường kẻ thẳng giữa các khuông nhạc	⠠⠠⠠	
Dấu phân đôi tiết nhạc	⠠⠠	
Dấu luyện cho nốt dựa ngắn (chuyển đổi y bản)	⠠⠠	
Dấu luyện có điểm đầu không đi từ nốt nhạc nào	⠠⠠⠠	
Dấu luyện có điểm đến không kết thúc ở nốt nhạc nào (dấu luyện chênh vênh)	⠠⠠	

Bảng 14. Dấu ngân rung (từ phần [14.1-14.3](#))







Dấu lặp lại hình nốt và hợp âm liên tục (dấu ngân rung) trong:

Các nốt móc đơn	⠠⠠⠠	
Các nốt móc đôi	⠠⠠⠠	
Các nốt móc ba	⠠⠠⠠	
Các nốt móc tư	⠠⠠⠠	
Các nốt móc năm	⠠⠠⠠	

Dấu luân phiên của các hình nốt hay hợp âm trong:

Các nốt móc đơn	⠠⠠⠠	
Các nốt móc đôi	⠠⠠⠠	
Các nốt móc ba	⠠⠠⠠	
Các nốt móc tư	⠠⠠⠠	
Các nốt móc năm	⠠⠠⠠	

Bảng 15. Ký hiệu ngón (từ phần [15.1-15.4.1](#))



Ngón thứ 1	⋮		Ngón thứ 4	⋮	
Ngón thứ 2	⋮		Ngón thứ 5	⋮	
Ngón thứ 3	⋮		Thay ngón	⋮	

Các ngón bấm luân phiên:



Bỏ ngón lần thứ 1	⋮
Bỏ ngón lần thứ 2	⋮


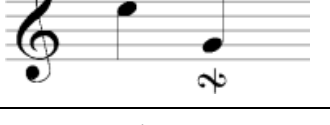

Bảng 16. Các dấu hoa mỹ (từ phần [16.1-16.8](#))

(A) Các nốt dựa (từ phần [16.2-16.2.3](#))




Nốt dựa dài	⋮⋮	
Nốt dựa ngắn	⋮	




(B) Các dấu lấy rền và dấu lượn (từ phần [16.3-16.4.2](#))

Dấu lấy rền	⋮	
Dấu lấy rền có dấu hóa	⋮⋮ ⋮⋮	

Dấu lượn giữa các nốt	⠠⠨	
Dấu lượn ghi bên trên hay dưới một nốt	⠠⠨⠨	
Dấu lượn nghịch đảo giữa các nốt	⠠⠨⠨	
Dấu lượn nghịch đảo ghi bên trên hay dưới một nốt	⠠⠨⠨⠨	
Dấu lượn có dấu hóa bên trên	⠠⠨⠨⠨⠨	
Dấu lượn có dấu hóa bên dưới	⠠⠨⠨⠨⠨	
Dấu lượn mang hai dấu hóa	⠠⠨⠨⠨	

(C) Dấu tay (phần [16.5](#))

Dấu tay chuyển động lên	⠠⠨⠨	
Dấu tay kéo dài chuyển động lên	⠠⠨⠨	
Dấu tay chuyển động xuống	⠠⠨⠨	

Dấu tay kéo dài chuyển động xuống	⠠⠠⠠⠠	
Dấu tay có dấu hóa bên trên	⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠	
Dấu tay có dấu hóa bên dưới	⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠	

(D) Dấu vuốt (từ phần [16.6-16.6.4](#))

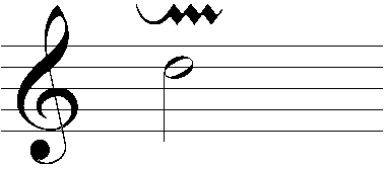
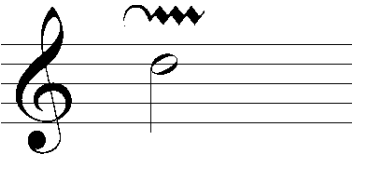
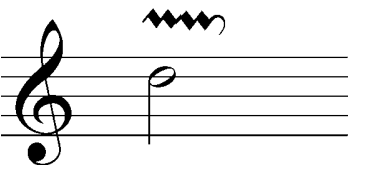
Đường thẳng hay lượn sóng giữa các nốt liên tiếp: ⠠⠠⠠

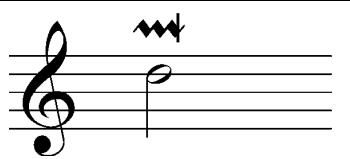
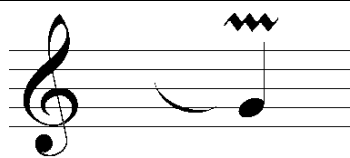

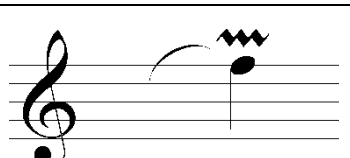
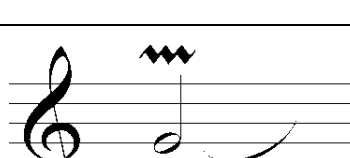
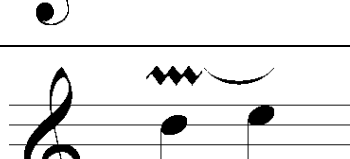
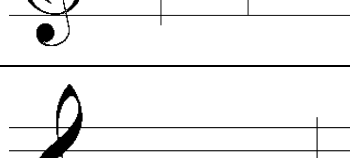
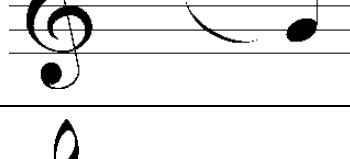
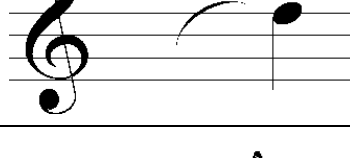
(E) Các dấu hoa mỹ bắt nguồn từ nhạc jazz (phần [16.7](#))

Đường cong đi lên ghi trước hình nốt	⠠⠠⠠⠠
Đường thẳng đi lên hay đường lượn sóng ghi trước hình nốt	⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠
Đường vòm nhỏ cuốn ngược ghi trên hình nốt	⠠⠠
Đường cong đi xuống ghi sau hình nốt	⠠⠠⠠⠠
Đường thẳng hay đường lượn sóng đi xuống ghi sau hình nốt	⠠⠠⠠⠠

(F) Các dấu hoa mỹ ít dùng (phần [16.8](#))

Dấu tay kéo dài chuyển động lên

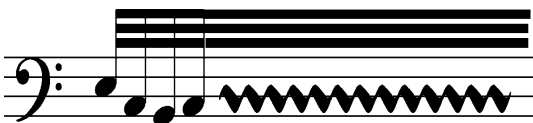
đi trước là một dấu lượn	⠠⠠⠠⠠	
đi trước là một dấu lượn nghịch đảo	⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠	
theo sau là một dấu lượn	⠠⠠⠠⠠	

theo sau là một dấu lượn ngược đảo	⠠⠠⠠⠠⠠	
đi trước là một đường cong đi xuống	⠠⠠⠠⠠	
theo sau là một đường cong đi xuống	⠠⠠⠠⠠	
đi trước là một đường cong đi lên	⠠⠠⠠⠠	
theo sau là một đường cong đi lên	⠠⠠⠠⠠	
theo sau là một đường cong đặt giữa hai nốt liền kề (đường lượn ngắt)	⠠⠠⠠⠠⠠	
Đường cong đi xuống đứng trước một nốt	⠠⠠⠠	
Đường cong đi lên đi trước một nốt	⠠⠠⠠	
Dấu mũi nhọn trở lên trên đặt giữa hai hình nốt liền kề (Dấu Nachschlag)	⠠⠠⠠	

Dấu mũi nhọn trở xuống đặt giữa hai hình nốt liền kề (Dấu Nachschlag)	♫	
Đường cong ngắn ghi giữa hai hình nốt liền kề (âm lướt/ nốt bắc cầu)	♫	
Đường thẳng ngắn liền đoạn nối hai hình nốt liền kề (âm sớm/ nốt vào trước)	♫	
Nét chéo ngắn gạch xuyên qua một hợp âm (hợp âm nhấn láy ngắn)	♫	
Đường cong và các dấu chấm ghi bên trên hay bên dưới một nốt (bebung: số lượng các dấu chấm trong bản phổ thông quy định số lượng các ký hiệu staccato (tách rời tiếng))	♫	

Bảng 17. Dấu nhắc lại trong bản phổ thông (từ phần [17.1–17.3](#))

Vạch đôi có hai chấm phía sau	♫	
Vạch đôi có hai chấm phía trước	♫	
Khung thay đổi thứ 1 (kết lần 1)	♫	
Khung thay đổi thứ 2 (kết lần 2)	♫	

Đường lượn sóng liên tục hoặc đường xoắn ốc dùng cho đoạn nhắc lại không tuần hoàn	⋮⋮	
--	----	--

Bảng 18. Nhắc lại toàn phần hay một phần ô nhịp, di chuyển song song, và ký hiệu viết tắt chuỗi trong nhạc nổi (từ phần [18.1-18.7.2](#))

Nhắc lại một ô nhịp hay một phần ô nhịp	⋮
Phân tách các phần ô nhịp nhắc lại có giá trị khác nhau	⋮
Di chuyển song song	⋮
Ký hiệu viết tắt chuỗi	⋮
Ký hiệu viết tắt chuỗi trong chuyển đổi y bản	⋮⋮
Phân tách các đoạn được nhắc lại trong nhạc không chia ô nhịp	⋮⋮

Bảng 19. Nhắc lại bằng số đếm trong nhạc nổi (từ phần [19.1-19.7](#))

Nói đoạn nhắc lại bằng số đếm ngược	⋮⋮
Tách đoạn nhắc lại bằng số đếm ngược	⋮⋮ ⋮⋮
Nhắc lại bằng số thứ tự đối với ô nhịp đơn	⋮⋮
Nhắc lại bằng số thứ tự đối với nhiều ô nhịp	⋮⋮ ⋮⋮

Bảng 20. Nhắc lại bằng dấu hồi và dấu Coda (từ phần [20.1-20.3](#))

Dấu Da Capo hay dấu D.C trong bản phổ thông	⋮⋮⋮⋮⋮⋮
Dấu Da Capo trong bản nổi	⋮⋮⋮⋮⋮
Dấu segno trong bản phổ thông	⋮
Dấu segno (có chữ cái) trong bản nổi	⋮⋮
Trở lại chỗ có dấu segno (có chữ cái) trong bản nổi	⋮⋮⋮ ⋮⋮⋮ v.v...
Kết thúc một đoạn nhạc có dấu segno trong bản nổi	⋮
Dấu hồi hình vòng tròn chữ thập (dấu coda) trong bản phổ thông	⋮⋮

Bảng 21. Các ký hiệu chú thích và biến thể (từ phần [21.1-21.6.2](#))

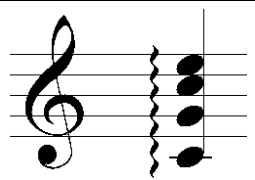
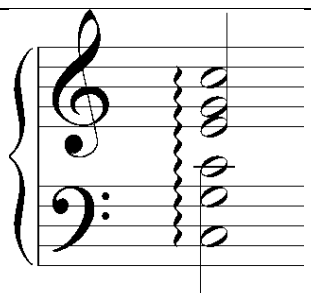

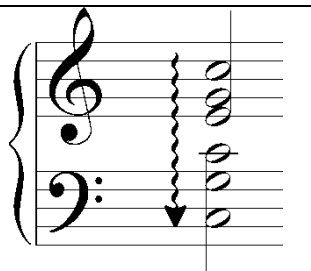
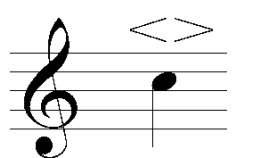
Dấu hoa thị trong âm nhạc	⋮⋮⋮
Dấu tách chú thích cuối trang (đường gạch dài)	⋮⋮⋮⋮⋮

Các dấu ngoặc đơn trong âm nhạc	⠠⠨⠠⠨
* Các dấu ngoặc đơn đặc biệt	⠠⠨⠠⠨
Các hình nốt được in cỡ lớn hơn thông thường	⠠⠨⠠⠨
Các hình nốt được in nhỏ hơn thông thường	⠠⠨⠠⠨
Dấu báo biến thể	⠠⠨
Dấu báo biến thể có chữ số	⠠⠨⠠⠨
Tiền tố dành cho các đánh dấu khi biên tập	⠠⠨⠠⠨


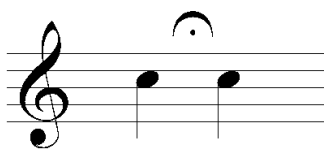
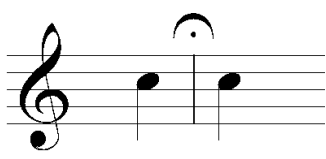
Bảng 22. Sắc thái (từ phần [22.1-22.4.1](#))


(A) Các biểu tượng đặt trước nốt (từ phần [22.1-22.1.1](#))

Dấu chấm ghi trên hay dưới một nốt (staccato)	⠠⠨	
Ký hiệu hình quả lê ghi bên trên hay bên dưới một nốt (staccatissimo)	⠠⠨	
Dấu chấm và một gạch ngắn ghi trên hay dưới một nốt nhạc (mezzo-staccato)	⠠⠨	
Dấu nhấn ngang ghi trên hay dưới một nốt (agogic accent hoặc tenuto)	⠠⠨	
Dấu nhấn có hình mũi nhọn hẹp nằm ngang chỉ về bên phải (accent)	⠠⠨	
* Dấu nhấn có hình mũi nhọn dẫn rộng nằm ngang chỉ về bên phải được liên kết với một hình nốt (expressive)	⠠⠨	
Dấu nhấn có hình mũi nhọn hẹp nằm ngang chỉ về bên trái (reversed accent)	⠠⠨	
Dấu nhấn hình chữ V viết xuôi hoặc ngược (martellato)	⠠⠨	

Đường uốn cong hay gợn sóng chiều thẳng đứng trong một khuôn nhạc (Dấu rải hợp âm từ dưới lên: upward arpeggio)	⠠⠠⠠	
Dấu rải hợp âm từ dưới lên đi liền qua hai khuôn nhạc	⠠⠠⠠⠠	
Dấu rải hợp âm từ trên xuống trong một khuôn nhạc	⠠⠠⠠	
Dấu rải hợp âm từ trên xuống đi liền qua hai khuôn nhạc	⠠⠠⠠⠠	
Dấu nhấn có hai hình mũi nhọn phân kỳ và hội tụ nằm ngang (swell: lên bổng tại một nốt)	⠠⠠	

(B) Các biểu tượng đặt sau hình nốt (phần [22.2](#))

Dấu mắt ngỗng (giữ hoặc dừng):		
đặt trên hay dưới một nốt	⠠⠠	
đặt giữa hai nốt	⠠⠠⠠	
đặt trên hay dưới một vạch nhịp đơn	⠠⠠⠠	

trên hay dưới một vạch nhịp kép chuyển đoạn	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	
trên hay dưới một vạch nhịp kép kết bài	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨	
có dạng gần hình vuông	⠠⠨⠠⠨⠠⠨	
với dạng hình mái lều	⠠⠨⠠⠨⠠⠨	
Ký hiệu lấy hơi hoặc ngắt hơi (a)	⠠⠨⠠⠨	
(b)	⠠⠨⠠⠨	

(C) Các cụm từ và các từ viết tắt (từ phần [22.3-22.3.9](#))

Ký hiệu báo từ trong chữ nổi	⠠⠨
Ký hiệu (đoạn) viết tắt	⠠⠨
Rất êm nhẹ (pianissimo)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Êm nhẹ (piano)	⠠⠨⠠⠨
Mạnh vừa (mezzo-forte)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Mạnh (forte)	⠠⠨⠠⠨
Rất mạnh (fortissimo)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Mạnh dần (crescendo)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Yếu dần (decrescendo)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Giảm dần (diminuendo)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
* Ngâm vang/ ngâm rung (Lasciate Vibrare)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Dấu Mạnh dần (dấu Cresc.) có hình chiếc kẹp tóc nằm ngang phân biên về bên phải và dấu kết thúc	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Dấu Yếu dần (dấu Decresc.) có hình chiếc kẹp tóc nằm ngang hội tụ về phía bên phải và dấu kết thúc	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Đường kẻ đứt đoạn chỉ sự tiếp diễn và dấu kết thúc (thứ 1)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Đường kẻ đứt đoạn chỉ sự tiếp diễn và dấu kết thúc (thứ 2)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨

(D) Các chùm vạch ngang dùng để phân nhóm tiết tấu đặc biệt (từ phần [22.4-22.4.1](#))

Chùm vạch ngang rẽ ra phía bên phải (accelerando)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Các chùm vạch ngang song song nằm trong một nhóm bất thường	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Chùm vạch ngang hội tụ phía bên phải (ritardando: chậm lại dần, ký hiệu: rit.)	⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨⠠⠨
Dấu kết thúc chùm vạch ngang	⠠⠨

Bảng 23. Các biểu tượng hợp âm (từ phần [23.1-23.2](#))

Dấu bình	⠠
Dấu giáng	⠠⠨
Dấu thăng	⠠⠨
Dấu (+), chỉ quãng tăng	⠠⠨
Dấu (-), chỉ quãng giảm	⠠⠨
Hình tròn (trong hợp âm Dim/ hợp âm giảm)	⠠⠨
Hình tròn bị chia đôi bởi một đường kẻ (giảm 1/2 giá trị của hợp âm)	⠠⠨
Hình tam giác	⠠⠨
Hình tam giác bị chia đôi bởi một đường kẻ	⠠⠨
Số 7 in nghiêng đối với một hợp âm 7 đặc biệt	⠠⠨
Dấu gạch chéo	⠠⠨
* Dấu ngoặc đơn	⠠⠨
* Ký hiệu NC hay N.C. (chỉ "không có hợp âm")	⠠⠨
* Tacet hay Tacet. (giữ im lặng)	⠠⠨

CÁC KÝ HIỆU DÙNG TRONG KHÍ NHẠC

Bảng 24. Các nhạc cụ thuộc bộ dây

(A) Các ký hiệu chung

Số dây đàn:




Dây thứ 1	⠠	Dây thứ 5	⠠
Dây thứ 2	⠠	Dây thứ 6	⠠
Dây thứ 3	⠠	Dây thứ 7	⠠
Dây thứ 4	⠠		

Các vị trí đặt ngón và các phím đàn:



Thứ 1	⠠⠠⠠	Thứ 8	⠠⠠⠠
Thứ 2	⠠⠠⠠	Thứ 9	⠠⠠⠠⠠
Thứ 3	⠠⠠⠠	Thứ 10	⠠⠠⠠⠠
Thứ 4	⠠⠠⠠	Thứ 11	⠠⠠⠠⠠
Thứ 5	⠠⠠⠠	Thứ 12	⠠⠠⠠⠠
Thứ 6	⠠⠠⠠	Thứ 13	⠠⠠⠠⠠
Thứ 7	⠠⠠⠠⠠	Nửa phím	⠠⠠⠠⠠

Vuốt	⠠⠠⠠
Các ngón bên tay trái:	
Ngón trỏ	⠠⠠
Ngón giữa (2)	⠠⠠
Ngón áp út (3)	⠠⠠
Ngón út (4)	⠠⠠
Dây buông	⠠⠠
Hòa âm:	
Hòa âm tự nhiên	⠠⠠
Hòa âm nhân tạo	⠠⠠⠠

(B) Các ký hiệu cho nhạc cụ thuộc bộ dây dùng vĩ




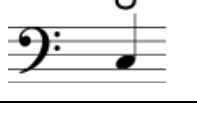
Ngón cái trái	⠠⠠⠠	
Kéo vĩ xuống	⠠⠠⠠	
Kéo vĩ lên	⠠⠠⠠	
Gảy dây tay trái (pizz.)	⠠⠠⠠	
Kéo vĩ	⠠⠠⠠⠠⠠	

(C) Các ký hiệu cho nhạc cụ thuộc bộ dây gảy

Gảy lên	⠠⠠⠠⠠	
Gảy xuống	⠠⠠⠠⠠	
Bấm ngón cái của tay phải (ngón pulgar)	⠠⠠	
Bấm ngón thứ 1 của tay phải (ngón trỏ)	⠠⠠	
Bấm ngón thứ 2 của tay phải (ngón giữa)	⠠⠠	
Bấm ngón thứ 3 của tay phải (ngón áp út)	⠠⠠	
Bấm ngón thứ 4 của tay phải (ngón út)	⠠⠠	
Bấm ngón thứ 4 của tay phải (viết tắt là "ch")	⠠⠠	
Vuốt đơn điệu	⠠⠠⠠⠠	
Bắt đầu vuốt dài	⠠⠠⠠⠠⠠	
Kết thúc vuốt dài	⠠⠠⠠⠠⠠	
Hợp âm chặn toàn bộ (grand hay full barré)	⠠⠠	
Hợp âm chặn bán phần hay một phần (half hay partial barré)	⠠⠠	
Dấu ngoặc dùng cho hợp âm chặn (toàn phần hay một phần)	⠠⠠	
Quạt tiết tấu	⠠⠠	
Chặn tiếng trong sơ đồ guitar	⠠⠠	

Bảng 25. Các loại nhạc cụ phím

Tay phải	⠠⠠⠠⠠	
Tay phải, các quãng đọc đi lên	⠠⠠⠠⠠⠠	
Tay trái	⠠⠠⠠⠠	
Tay trái, các quãng đọc đi xuống	⠠⠠⠠⠠⠠	
Tóm tắt phần đọc tấu	⠠⠠⠠	
Pedal trong đại phong cầm (organ)	⠠⠠⠠	
Sự trùng lặp của các nốt	⠠⠠⠠	
Pedal vang âm trong piano (damper pedal)		
Nhấn pedal	⠠⠠⠠	
Nhả pedal	⠠⠠⠠	
Nhấn và thả pedal trên một nốt	⠠⠠⠠⠠	
Nửa pedal	⠠⠠⠠	
Nhấn pedal ngay sau khi đánh	⠠⠠⠠	


Nhả pedal ngay sau khi đánh	⠠⠠⠠⠠	
Chân trên đại phong cầm		
Ngón chân trái	⠠⠠	
Gót chân trái	⠠⠠	
Ngón chân phải	⠠⠠	
Gót chân phải	⠠⠠	
Thay đổi chân, từ trái sang phải, từ ngón chân sang gót chân, v.v...	⠠⠠	
Thay đổi chân không biểu thị ngón chân hay gót chân	⠠⠠	
Bắt chéo chân phía trước	⠠⠠⠠⠠	
Bắt chéo chân phía sau	⠠⠠⠠⠠	
Bắt đầu tay trái và pedal trong cùng một khuôn nhạc (chuyển đổi y bản)	⠠⠠⠠⠠	
Trở lại chỉ chơi tay trái trong khuôn nhạc (chuyển đổi y bản)	⠠⠠⠠	
Hủy âm vực trên đại phong cầm	⠠⠠	

Bảng 26. Bàn phím đánh số và phân tích hòa âm

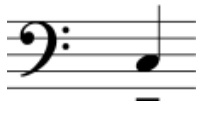
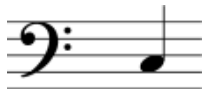

* Dấu báo chữ thường	⠠⠠
Ký hiệu cho bàn phím có đánh số	⠠⠠⠠⠠
Dấu bình	⠠⠠
Dấu giáng	⠠⠠
Dấu thăng	⠠⠠
Hình vòng tròn (hợp âm giảm)	⠠⠠
Hình tròn bị chia đôi bởi một đường chéo (giảm ½ giá trị hợp âm)	⠠⠠⠠⠠
Hình tam giác	⠠⠠
Hình tam giác bị chia đôi bởi đường gạch	⠠⠠⠠⠠
Dấu gạch chéo	⠠⠠
Dấu cộng	⠠⠠
Ký hiệu dấu cộng thay thế chữ số	⠠⠠⠠⠠

Dấu hóa bất thường đứng biệt lập	⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠
Nét gạch xiên thay thế cho chữ số	⠠⠠⠠
Nét gạch xiên ghi trên hoặc gạch qua hình nốt	⠠⠠
Chữ số bị lược bỏ trong chuỗi các chữ số	⠠⠠⠠
Ký hiệu phân biệt ý nghĩa đi trước	⠠⠠
Đường gạch xiên kết thúc <i>tasto solo</i>	⠠⠠⠠
Đường kẻ ngang nối dài	⠠⠠⠠
Hai đường nối dài	⠠⠠⠠⠠
Ba đường nối dài	⠠⠠⠠⠠⠠


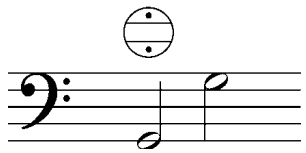

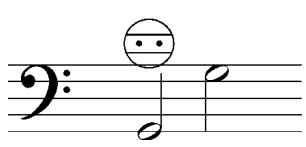


Bảng 27. Đàn harp

* Tiền tố cho sơ đồ pedal	⠠⠠⠠	
* Đường phân chia trái/phải trong sơ đồ pedal	⠠⠠	
* Vị trí bàn đạp cao	⠠⠠	
* Vị trí bàn đạp lưng chừng	⠠⠠	
* Vị trí bàn đạp thấp	⠠⠠	
* Vị trí bàn đạp không thay đổi	⠠⠠	
* Chặn dây	⠠⠠⠠	
* Chặn sau khi phát ra tiếng	⠠⠠⠠⠠	
* Chặn tất cả các âm	⠠⠠⠠⠠⠠	
* Chặn bên dưới cao độ cho sẵn	⠠⠠⠠⠠	
* Không chặn dây	⠠⠠⠠	
Móng tay gảy	⠠⠠⠠	

Bảng 28. Đàn accordion





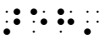









Ký hiệu ký âm hàng nút	⠠⠠⠠	
Hàng nút thứ 1 (gạch ngang bên dưới nốt)	⠠⠠	
Hàng nút thứ 2 (không có ký hiệu biểu thị)	⠠⠠	
Hàng nút thứ 3 (số 1 hay chữ M in hoa)	⠠⠠	

Hàng nút thứ 4 (số 2 hay chữ m in thường)	⠠⠨	
Hàng nút thứ 5 (số 3, số 7 hay chữ S in hoa)	⠠⠩	
Hàng nút thứ 6 (số 4 hay chữ d thường)	⠠⠬	
Kéo đàn (Dấu chữ V nằm ngang mũi nhọn bên trái)	⠠⠠⠨	
Đẩy đàn (Dấu chữ V nằm ngang mũi nhọn bên phải)	⠠⠠⠩	
Bè trầm diễn đơn (B.S.)	⠠⠠⠠⠠⠠	
Âm vực	⠠⠠⠠	
Không theo âm vực	⠠⠠⠠⠠	
Cài đặt âm vực		
4 ft.	⠠⠠⠠⠠	
8 ft.	⠠⠠⠠⠠⠠	
16 ft.	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	
4 ft. 8 ft. 16 ft.	⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	
4 ft. 8 ft.	⠠⠠⠠⠠⠠	
8 ft. 16 ft.	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	











4 ft. 16 ft.		
Dấu ngân rung (tremolo)		
Vòng tròn nhỏ bên trên (dấu vẽ ở trên)		
Vòng tròn nhỏ bên dưới (dấu vẽ ở dưới)		

Bảng 29. Viết tắt tên các loại nhạc cụ

(A) Tiếng Anh

Piccolo (Sáo nhỏ)		Kettledrums (Trống định âm)	
Flute (Sáo ngang)		Cymbals (Chũm chọe)	
Oboe (Kèn Oboe)		Triangle (Kèng tam giác)	
English horn (Kèn Cor Anh)		Snare drum (Trống dây)	
Clarinet (Kèn Clarinet)		Bass drum (Trống cái)	
Bass clarinet (Kèn Bass Clarinet)		* Tay phải đàn harp	
Bassoon (Kèn Bassoon)		* Tay trái đàn harp	
Double bassoon (Kèn Double bassoon)		* Tay phải đàn piano	
Horn (Kèn Cor)		* Tay trái đàn piano	
Trumpet (Kèn Trumpet)		Violin I	
Trombone (Kèn Trombone)		Violin II	
Tuba (Kèn Tuba)		Viola	
		Violoncello	
		Double bass (Kèn Double bass)	

(B) Tiếng Ý

Flauto piccolo		Timpani	
Flauto		Piatti	
Oboe		Triangolo	
Corno inglese		Tamburo militare	
Clarinetto		Gran cassa	

Clarinetto basso	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	* Arpa mano destra	⠠⠠⠠⠠
Fagotto	⠠⠠⠠⠠	* Arpa mano sinistra	⠠⠠⠠⠠
Contrafagotto	⠠⠠⠠⠠⠠	* Piano mano destra	⠠⠠⠠⠠
		* Piano mano sinistra	⠠⠠⠠⠠
Corno	⠠⠠⠠⠠		
Tromba	⠠⠠⠠⠠	Violino I	⠠⠠⠠⠠
Trombone	⠠⠠⠠⠠	Violino II	⠠⠠⠠⠠
Tuba	⠠⠠⠠⠠	Viola	⠠⠠⠠⠠
		Violoncello	⠠⠠⠠⠠
		Contrabasso	⠠⠠⠠⠠

(C) Tiếng Pháp

Petite flute	⠠⠠⠠⠠⠠	Timbales	⠠⠠⠠⠠
Grande flute	⠠⠠⠠⠠	Cymbale	⠠⠠⠠⠠
Hautbois	⠠⠠⠠⠠	Triangle	⠠⠠⠠⠠
Cor anglais	⠠⠠⠠⠠	Caisse Claire	⠠⠠⠠⠠
Clarinette	⠠⠠⠠⠠	Grosse caisse	⠠⠠⠠⠠
Clarinette basse	⠠⠠⠠⠠⠠	* Harpe main droite	⠠⠠⠠⠠
Basson	⠠⠠⠠	* Harpe main gauche	⠠⠠⠠⠠
Contrebasson	⠠⠠⠠⠠	* Piano main droite	⠠⠠⠠⠠
		* Piano main gauche	⠠⠠⠠⠠
Cor	⠠⠠⠠⠠⠠		
Trompette	⠠⠠⠠⠠	Violon I	⠠⠠⠠⠠
Trombone	⠠⠠⠠⠠	Violon II	⠠⠠⠠⠠
Tuba	⠠⠠⠠⠠	Alto	⠠⠠⠠⠠
		Violoncelle	⠠⠠⠠⠠
		Contrebasse	⠠⠠⠠⠠

(D) Tiếng Đức

Kleine Flöte	⠠⠠⠠⠠⠠	Pauken	⠠⠠⠠⠠
Grosse Flöte	⠠⠠⠠⠠	Becken	⠠⠠⠠⠠
Oboe	⠠⠠⠠	Triangel	⠠⠠⠠⠠
Englisches Horn	⠠⠠⠠⠠	Kleine Trommel	⠠⠠⠠⠠
Klarinette	⠠⠠⠠⠠	Grosse Trommel	⠠⠠⠠⠠
Bassklarinette	⠠⠠⠠⠠⠠	* Harfe rechte Hand	⠠⠠⠠⠠
Fagott	⠠⠠⠠⠠	* Harfe linke Hand	⠠⠠⠠⠠
Doppelfagott	⠠⠠⠠⠠⠠	* Klavier rechte Hand	⠠⠠⠠⠠
		* Klavier linke Hand	⠠⠠⠠⠠
Horn	⠠⠠⠠⠠		

Trompete	⠠⠠⠠⠠	Violine I	⠠⠠⠠⠠
Posaune	⠠⠠⠠⠠⠠	Violine II	⠠⠠⠠⠠
Basstuba	⠠⠠⠠⠠	Bratsche	⠠⠠⠠⠠
		Violoncello	⠠⠠⠠⠠
		Kontrabass	⠠⠠⠠⠠

Bảng 30. Các loại nhạc cụ thuộc bộ hơi và bộ gõ

Gõ tay phải	⠠⠠
Gõ tay trái	⠠⠠
* Nốt có hình dạng đặc biệt cho các loại nhạc cụ không định âm (1)	⠠⠠
* Nốt có hình dạng đặc biệt cho các loại nhạc cụ không định âm (2)	⠠⠠
* Nốt có hình dạng đặc biệt cho các loại nhạc cụ không định âm (3)	⠠⠠
Dấu chữ thập ghi trên hay dưới một nốt cho các loại nhạc cụ thuộc bộ hơi	⠠⠠⠠
Hình tròn ghi trên hay dưới một nốt cho loại nhạc cụ thuộc bộ hơi	⠠⠠

CÁC KÝ HIỆU DÙNG TRONG THANH NHẠC

Bảng 31. Ký hiệu trong dòng nhạc

Dấu chỉ định giọng nữ cao (giọng soprano)	⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nữ cao 1	⠠⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nữ cao 2	⠠⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nữ trầm (alto)	⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nam cao (tenor)	⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nam trầm (bass)	⠠⠠⠠
Dấu luyện âm tiết đơn	⠠⠠
Dấu luyện âm tiết kép	⠠⠠ ⠠⠠
Dấu luyện phân câu	⠠⠠ ⠠⠠⠠
Dấu luyện cho biến thể của các âm tiết giữa các lời	⠠⠠
Dấu luyện trong ngôn ngữ thứ nhất	⠠⠠
Dấu luyện trong ngôn ngữ thứ hai	⠠⠠
Dấu luyện – ngắt (portamento)	⠠⠠
Hai âm tiết trong cùng một nốt	⠠⠠
Ba âm tiết trong cùng một nốt	⠠⠠
Số thứ tự lời	⠠⠠ ⠠⠠
Ký hiệu cảnh báo bè bị phân chia	⠠⠠
Hơi dài	⠠⠠⠠
Hơi ngắn	⠠⠠

Bảng 32. Ký hiệu trong dòng lời

Dấu chỉ định giọng nữ cao (giọng soprano)	⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nữ cao 1	⠠⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nữ cao 2	⠠⠠⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nữ trầm (alto)	⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nam cao (tenor)	⠠⠠⠠
Dấu chỉ định giọng nam trầm (bass)	⠠⠠⠠
Lặp lại một từ hay một câu	⠠⠠⠠
Lặp lại 2 lần	⠠⠠⠠⠠
Lặp lại 3 lần trở lên	⠠⠠⠠⠠⠠
Nhóm các nguyên âm hay các âm tiết	⠠⠠⠠
Dấu ngoặc dành cho phần chữ của các nốt trường thuật	⠠⠠⠠⠠⠠
Dấu chỉ trong phần chữ	⠠⠠⠠

KÝ HIỆU CHO CÁC PHƯƠNG PHÁP KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BANA

Bảng 33. Đoạn nối đoạn

Thay đổi các khuông nhạc	⠠⠠⠠
--------------------------	-----

Bảng 34. Bản nhạc dàn bè bè dọc và bè ngang (ô-nhịp-nôi-ô-nhịp)

(A) Bản nhạc xếp các bè theo chiều dọc

Hai hay nhiều bè trên cùng một nốt	⠠⠠
Không dùng bàn đạp (Senza ped.)	⠠⠠⠠
Thánh ca chỉ có giai điệu	⠠⠠⠠⠠⠠
Thánh ca có nhạc và lời hoàn chỉnh	⠠⠠⠠

(B) Bản nhạc xếp các bè theo chiều ngang

Vạch nhịp	⠠⠠
Nhắc lại nhiều ô nhịp	⠠⠠⠠⠠

Bảng 35. Ký hiệu thay thế

Ký hiệu bắt đầu thay thế (ví dụ các nốt móc đôi từ bậc 2 đi lên)	⠠⠠⠠⠠
--	------

Bảng 36. Nốt-thành-nốt

Các nốt phụ	⋮ ⋮ ⋮ ⋮ ⋮ ⋮ ⋮
Ký hiệu tách biệt	⋮
Di chuyển nốt	⋮
Nốt láy ngắn (acciaccatura)	⋮
Nốt dựa (appoggiatura)	⋮⋮
Dấu lượn giữa các nốt	⋮⋮
Dấu lượn trên nốt	⋮⋮
Nhắc lại toàn phần hay một phần ô nhịp	⋮
Nhóm bất thường mở đầu	⋮
Dấu láy rên và dấu day	⋮ ⋮⋮ ⋮⋮⋮ ⋮⋮⋮⋮ ⋮⋮⋮⋮⋮
Các dấu tách rời tiếng, các dấu nhân, v.v...	⋮ ⋮⋮ ⋮⋮⋮ ⋮⋮⋮⋮ ⋮⋮⋮⋮⋮

PHẦN I. CÁC KÝ HIỆU CHUNG

1. PHƯƠNG PHÁP VÀ KÝ HIỆU CHUNG

(Bảng 1)

1.1. Chuyển đổi y bản và lược bản

Ký hiệu nhạc trong văn bản phổ thông là hình ảnh; trong khi ký hiệu nhạc nổi là các ký tự tường thuật. Một bản nhạc bằng chữ nổi có thể có hoặc không bao gồm những ký hiệu dùng để ký âm trên bản phổ thông như khóa nhạc và bậc (octave), v.v... Một bản chuyển đổi nhạc nổi chứa những ký hiệu đó bằng chữ nổi được gọi là bản "chuyển đổi y bản"; bản chuyển đổi lược bỏ chúng được gọi là bản "chuyển đổi lược bản". Nhìn chung, những ghi chép y bản thường dành cho những giáo viên khiếm thị sử dụng trong giảng dạy các học sinh sáng mắt và số khác đặc biệt yêu cầu có bản sao chính xác. Bản nhạc lược bản thường được sử dụng nhiều hơn. Mọi bản chuyển dịch dù là y bản hay lược bản đều phải được ghi rõ trên trang chú thích của người chuyển đổi.

1.2. Sử dụng chữ tắt tiếng Anh

Theo quy ước quốc tế, viết tắt trong văn bản nổi thường không được dùng trong bản chuyên đổi nhạc nổi. Tuy nhiên, chữ viết tắt có thể được sử dụng trong lời Thánh ca và tài liệu bằng tiếng Anh dành cho các lớp tiểu học trở xuống. Tùy theo quyết định của người chuyển đổi, những phần chữ của một ấn phẩm bao gồm tên bài hát, tên nhạc sĩ hoặc người biên tập, nhan đề, lời đề tặng, lời giới thiệu, mục lục, thông tin tác quyền, v.v... có thể được viết tắt nếu chúng là tiếng Anh. Tuy nhiên, không được dùng chữ tắt trong các đoạn văn hay cụm từ tiếng

(a) Để thuận tiện cho việc trao đổi các bản nhạc giữa các nước với nhau, toàn bộ các trang tựa đề phải dùng chữ Braille viết đủ. Yêu cầu này bao gồm tựa đề, nhạc sĩ, nhà xuất bản và tất cả thông tin xuất hiện trên trang tựa đề.

(b) Định dạng (phương pháp) trình bày bản nhạc phải được thể hiện rõ trên trang tựa đề.

(c) Số trang của cả bản phổ thông và bản nổi phải được đặt ở dòng đầu của mỗi trang nổi. Trang phổ thông vượt quá một trang nổi và trang phổ thông nằm hoàn toàn trong trang nổi, được đặt ở bên trái, còn số trang nổi vượt quá một trang phổ thông có chữ *t* (transcriber - người chuyển đổi) và *p* (print - bản phổ thông) được đặt bên phải.

(d) Khi có ký hiệu xuất phát từ hai bảng mã chữ nổi hoặc phân loại đặc biệt khác nhau trở lên nằm trong trang "Các ký hiệu đặc biệt" thì mỗi loại ký hiệu này nên được đề cập trong một danh sách riêng như "Nhạc nổi", "Chữ nổi tiếng Anh thống nhất", hoặc "Ký hiệu tiếng Tây Ban Nha". Trước mỗi danh sách có một nhan đề thích hợp đặt ở ô 5.

(e) Nếu có trang mục lục, số trang trên bản phổ thông được thay thế bằng số trang nổi tương ứng.

1.5. Phân trang

Bắt đầu bằng trang chữ nổi 1, số trang nổi vượt quá một trang phổ thông nằm ở lề phải dòng trên cùng của mỗi trang. Phân trang và sang trang trong bản phổ thông, phải được thể hiện trong chuyển đổi y bản. Thông thường, phân trang trên bản phổ thông cũng nên được đề cập trong chuyển đổi lược bản, đặc biệt với các tác phẩm đồng diễn hoặc đơn ca có nhạc đệm. Trước số trang tài liệu phổ thông được đánh dấu bằng dấu báo phân trang ⠆⠆ đặt ở lề trái phía trên mỗi trang tài liệu nổi bắt đầu bằng trang nổi 1. Và quy tắc này áp dụng cho cả hai mặt trên tờ giấy chữ nổi. Phân trang bản phổ thông phải được đặt cách tựa đề ít nhất ba khoảng trắng.

Ví dụ 1.5-1.

⠆⠆⠆⠆

1.5.1. Đánh số trang phổ thông nằm hoàn toàn trong một trang nổi

Nếu bản nhạc phổ thông có hai trang liên tiếp nhau trở lên nhưng chỉ nằm trong một trang bản nhạc nổi thì số trang của bản phổ thông được đặt ở góc trái trên cùng trong bản nhạc nổi. Hai con số chỉ trang đầu tiên và trang cuối cùng cách nhau bằng một dấu gạch nối, có ký hiệu phân trang để thông báo và một dấu báo số dùng cho cả hai số trang. Nếu trang nhạc chữ nổi chứa các trang nhạc phổ

thông không liên tục, số trang chính xác của các trang phổ thông phải được trình bày theo đúng trật tự xuất hiện của nó. Không cần thiết phải trình bày lại dấu báo phân trang cho mỗi số hay cặp số và cũng không cần phải ngăn cách các số bằng dấu câu.

Ví dụ 1.5.1-1.

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

Ví dụ 1.5.1-2.

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠

1.5.2. Dấu báo sang trang bản phổ thông

Dùng cùng một ký hiệu cho phân trang và sang trang, ký hiệu sang trang được đặt ở giữa những khoảng trắng khi bắt đầu chuyển qua trang mới. Nếu có hai trang chữ phổ thông trở lên nằm trong một trang chữ nổi thì ký hiệu sang trang phải được đặt ngay tại vị trí chuyển trang, theo liền sau là số trang tương ứng. Trong các bản nhạc dùng cho nhạc cụ phím hoặc viết dưới dạng chùm nhiều dòng, ký hiệu sang trang phải được viết trong mỗi dòng nhạc. Còn trong thanh nhạc viết theo dạng dòng-nổi-dòng, mỗi ký hiệu sang trang (luôn chứa dấu báo và số trang) nên xuất hiện chỉ trong dòng nhạc. Ký hiệu phân trang và sang trang cũng được trình bày trong nhạc đệm. Nốt nhạc đầu tiên sau ký hiệu sang trang cần một dấu bậc.

Ví dụ 1.5.2-1. Dạng dòng đơn

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

Ví dụ 1.5.2-2. Dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

Ví dụ 1.5.2-3. Dạng dòng-nổi-dòng

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠

1.6. Nhan đề đầu trang (page heading)

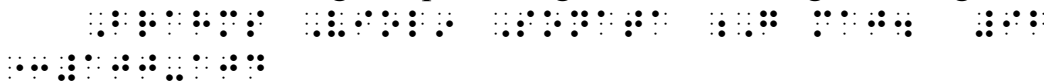
Ngoại trừ trên trang bìa và trang chữ nổi 1, nhan đề trên các trang còn lại được căn giữa và đặt giữa hai dấu chỉ trang. Nếu sau khi rút gọn nhan đề để có ít nhất

ba khoảng trắng mỗi lề nhưng vẫn không đủ chỗ ghi hết số trang và nhan đề thì ký hiệu phân trang của trang-phổ-thông-nằm-hoàn-toàn-trong-một-trang-nổi được chuyển xuống đầu dòng thứ 2. Phần còn lại của dòng này phải để trống.

Ví dụ 1.6-1. Nhan đề được đặt giữa hai số trang



Ví dụ 1.6-2. Phân trang bản phổ thông được đưa xuống đầu dòng thứ 2



1.6.1. Tựa đề trên trang nổi 1 (title on Braille page 1)

Trên trang nổi 1, tựa đề tác phẩm được chuyển đổi thành chữ nổi như tựa đề trong văn bản và được căn giữa hai lề trái phải mà không cần phải xem xét về độ dài của ký hiệu báo số trang phổ thông và trang nổi.

1.7. Tiêu đề chỉ dẫn (music heading)

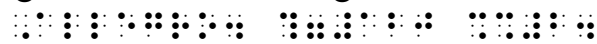
Cách trình bày những hướng dẫn về phong cách, tốc độ, cũng như dấu đánh nhịp, dấu hóa và số chỉ nhịp có sự khác nhau giữa bản nhạc nổi và bản nhạc phổ thông. Tổ hợp các yếu tố đó được coi là tiêu đề chỉ dẫn của bản nhạc và dòng này được căn giữa trong mọi dạng bản nhạc. Một dòng trống phải đặt trước dòng đầu tiên thể hiện tiêu đề chỉ dẫn của một hay một phần bản nhạc trừ khi dòng này xuất hiện trên đầu trang chữ nổi ngay sau dòng nhan đề. Giữa dòng tiêu đề chỉ dẫn và dòng đầu tiên của phần nhạc không được chèn dòng trống. Những dòng chỉ dẫn của các đoạn nhạc con về sau được chuyển đổi thành chữ nổi mà không có dòng trống đi trước và theo sau, ngoại trừ trường hợp dùng bản nhạc cho đồng diễn thì áp dụng các quy tắc đặc biệt. (Xem Mục [33.3](#).)

(a) Các hướng dẫn ghi trước bằng chữ nổi viết đủ. Chữ in hoa và dấu câu viết theo bản phổ thông. Ngoại lệ, nếu không có dấu chấm hết câu trong bản phổ thông thì dùng ký hiệu dấu ngoặc đơn đặc biệt và đoạn văn kết thúc bằng một dấu chấm văn bản. Trong ngữ cảnh văn bản tiếng Anh, các ký tự có dấu (như ă, â, ô, ơ, v.v...) được chuyển đổi sang chữ nổi tiếng Anh thống nhất. Bảng chữ cái và các ký tự có dấu trong ngôn ngữ gốc được dùng trong thanh nhạc và khi ấn phẩm được in hoàn toàn bằng tiếng khác ngoài tiếng Anh.

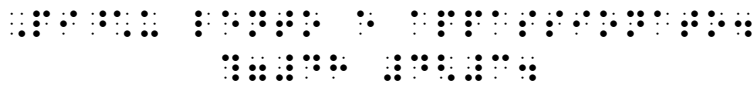
(b) Ký hiệu đánh nhịp (số nhịp đánh trong một phút), nếu có, thì được ghi sau một khoảng trắng. Hóa biểu và số chỉ nhịp cùng đặt sau một khoảng trắng nữa.

(c) Nếu không đủ chỗ cho dòng tiêu đề chỉ dẫn được căn giữa và cách hai bên lề ít nhất ba ô trống, thì ký hiệu đánh nhịp và số chỉ nhịp được căn giữa ở dòng tiếp theo.

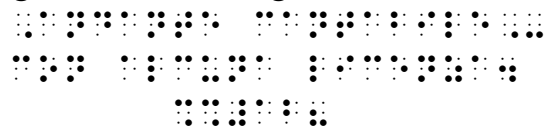
Ví dụ 1.7-1. Dòng tiêu đề chỉ dẫn căn giữa trên một dòng



Ví dụ 1.7-2. Ký hiệu đánh nhịp và số chỉ nhịp căn giữa ở dòng thứ hai (văn bản tiếng Anh)



Ví dụ 1.7-3. Những chỉ dẫn dài dòng được chia làm nhiều dòng



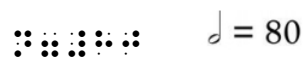
Ví dụ 1.7-4. Dấu ngoặc đơn đặc biệt



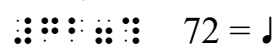
1.8. Ký hiệu đánh nhịp

Ký hiệu đánh nhịp trong nhạc nổi tương tự như trong bản phổ thông. Giá trị hình nốt (có cao độ không xác định trong bản phổ thông) được viết thành nốt Đô có giá trị trường độ tương ứng; ký hiệu :: tượng trưng cho dấu "=" và số đếm nhịp trên phút được viết cùng một dấu báo số. Trong bản phổ thông, thứ tự đôi khi thay đổi thành số được ghi trước nốt, và bản nổi phải viết theo bản phổ thông. Dấu ngoặc kèm với ký hiệu đánh nhịp trong bản phổ thông bị lược bỏ trong bản nổi. Nếu có từ "circa" (nghĩa là "khoảng") hoặc từ có nghĩa tương tự trong ngôn ngữ khác thì nó nên được ghi trước ký hiệu đánh nhịp, dù đặt trước hay sau trong bản phổ thông.

Ví dụ 1.8-1.



Ví dụ 1.8-2.



Ví dụ 1.8-3.



Ví dụ 1.8-4.



Ví dụ 1.8-5.

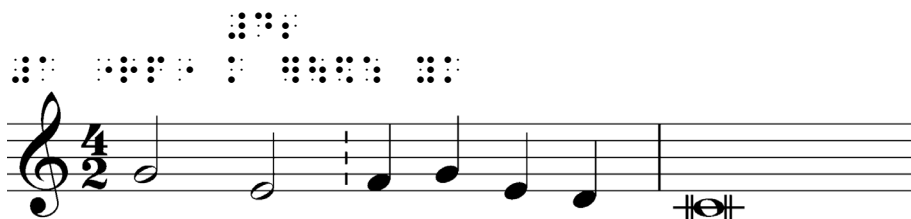




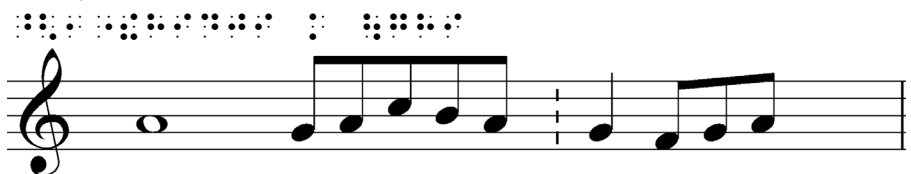
1.10.1. Vạch nhịp đặc biệt trong bản phổ thông

Đường vạch nhịp nét đứt được thể hiện bằng ký hiệu ⋮ giữa các khoảng trắng. Nếu vạch nhịp đặc biệt này trùng với phần kết thúc một dòng chữ nổi, ký hiệu này được ghi ở cuối dòng, trước nó là một khoảng trắng. Cần thêm một dấu gạch nối chấm 5 vào sau ký hiệu cuối cùng liền trước vạch nhịp đặc biệt trong một ô nhịp. Khi bản nhạc không chia ô nhịp hoặc vạch nhịp đặc biệt phân chia các ô nhịp với nhau thì không cần đến dấu gạch nối.

Ví dụ 1.10.1-1.



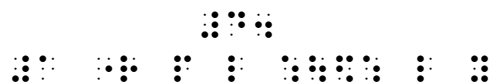
Ví dụ 1.10.1-2.



1.10.2. Vạch nhịp đặc biệt trong nhạc nổi

Một số trường hợp như khi ô nhịp chứa khoảng trống bất thường trên dòng nhạc nổi để khớp với các biểu tượng hợp âm trên dòng thứ hai của đoạn song song, cần phân chia các ô nhịp với nhau bằng một ký hiệu đặc biệt. Đó là ký hiệu ⋮ được ghi trên dòng nhạc nổi, trước nó là ít nhất một khoảng trắng sau ký hiệu cuối của ô nhịp đầu tiên và một khoảng trắng trước ô đầu tiên của ô nhịp thứ hai. Ký hiệu này không được cho là do người chuyển đổi thêm vào nên không cần tiền tố chấm 5. Nếu ô nhịp đầu tiên kết thúc cùng với dòng nhạc nổi thì không dùng đến ký hiệu này. Nếu ô nhịp đầu tiên kết thúc cùng với kết thúc dòng nhạc nổi thì không cần dùng đến ký hiệu này. (Xem Mục [29.17.1](#) về cách dùng ký hiệu này trong bản nhạc dùng nhạc cụ phím.)

Ví dụ 1.10.2-1.





1.10.3. Vạch nhịp kép

Trước vạch nhịp kép kết bài $\text{:}:\text{:}$ hay kết đoạn $\text{:}:\text{:}:\text{:}$ đều không có khoảng cách với ký hiệu đứng trước. Nốt đầu tiên theo sau vạch nhịp kép cần thêm một dấu bậc. (Xem Mục [17.1](#) về vạch nhịp kép có các chấm chỉ sự nhắc lại.)

Ví dụ 1.10.3-1.



Ví dụ 1.10.3-2.



1.11. Dấu gạch nối trong nhạc nổi

Khi một ô nhịp bị ngắt quãng vì nhiều lý do, bao gồm ngắt nhịp cuối dòng nhạc nổi để tiếp tục dòng mới thì phía trước dấu gạch nối (chấm 5) không có khoảng trắng và phải được ghi ngay sau ký hiệu đứng trước nó. Nếu đoạn nhạc còn tiếp tục trên cùng dòng nhạc nổi thì sau dấu gạch nối phải chứa một khoảng trắng. Cách sử dụng dấu gạch nối được minh họa trong rất nhiều ví dụ trong tài liệu này.

1.12. Nhân đôi các ký hiệu

Nhiều ký hiệu có thể được nhân đôi lên nếu chúng xuất hiện từ bốn lần liên tiếp trở lên. Ký hiệu ô đơn được gấp đôi bằng cách viết lại 2 lần. Ký hiệu hai ô hay ba ô được gấp đôi bằng cách viết lại đầy đủ ký hiệu, trong khi số còn lại chỉ viết lại một phần ký hiệu. Kết thúc nhân đôi bằng cách viết lại ký hiệu một lần tại vị trí xuất hiện cuối cùng trong đoạn liên tiếp trên bản phổ thông. Mỗi ký hiệu nhân đôi giới thiệu trong tài liệu này đều được đề cập trong các chương riêng

cho từng ký hiệu và phương pháp nhân đôi được chỉ rõ trong trường hợp nó là ký hiệu hai ô hoặc ba ô.

1.13. Dấu ngoặc phổ thông

Có khá nhiều loại dấu ngoặc xuất hiện trong bản phổ thông được thể hiện bằng các cặp ký hiệu mở ngoặc và đóng ngoặc trong nhạc nổi. Các ký hiệu này được đặt trên các dòng nhạc nổi mà không cần khoảng trắng ở giữa hay dấu bậc đặc biệt dành cho các nốt nhạc đứng sau chúng. Mỗi ký hiệu dấu ngoặc phải được đặt trên cùng một dòng với phần bên trong nó.

1.13.1. Dấu ngoặc phổ thông trên hoặc dưới khuông nhạc

Dấu ngoặc trên hoặc dưới khuông nhạc thường là một trong ba dạng sau: dấu ngoặc đóng mở liền nét, dấu ngoặc đóng mở đứt nét (chấm hoặc vạch) hoặc dấu ngoặc cho giải kết mở (dấu có ngoặc mở nhưng không có ngoặc đóng).

Ví dụ 1.13.1-1.

The image shows a musical example with Braille notation above a staff. The staff is in 4/4 time with a key signature of one flat (B-flat). The melody consists of eighth and quarter notes. Braille symbols for opening and closing parentheses are placed above the staff to group specific notes.

1.13.2. Các dấu ngoặc nhỏ đính với biểu tượng trong bản phổ thông

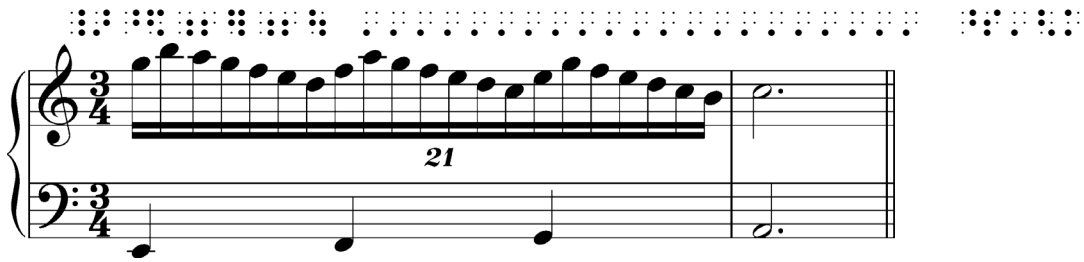
Trong bản chuyển đổi y bản, các dấu ngoặc nhỏ đính kèm với một nốt riêng lẻ hoặc các ký hiệu khác được thể hiện trong chữ nổi bằng ký hiệu ⠠⠠⠠ để mở ngoặc và ⠠⠠⠠ để đóng ngoặc. Trong bản chuyển đổi lược bản, những dấu ngoặc này được thể hiện bằng dấu ngoặc đơn âm nhạc hoặc bằng tiền tố đánh dấu sự chỉnh sửa. (Xem Mục [21.3-21.4](#).)

1.14. Trùng lặp hình nốt trong nhiều hơn một bè

Trong các bản nhạc dùng nhạc cụ phím hay đồng diễn, ký hiệu ⠠⠠⠠ có thể được đặt trước các hình nốt trong mỗi bè để cho biết chúng xuất hiện đồng thời. (Xem Mục [29.5](#) về các phương pháp thay thế để thể hiện sự trùng lặp trong bản nhạc cho nhạc cụ phím.)

Ví dụ 1.14-1.

The image shows a Braille notation example. It features a sequence of Braille symbols, including a repeat symbol ⠠⠠⠠ followed by several notes, and another repeat symbol ⠠⠠⠠ at the end, indicating simultaneous repetition of the notes.



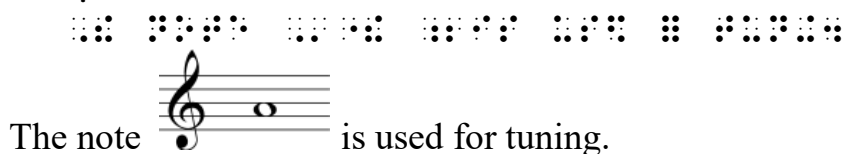
1.15. Lỗi trong bản nhạc phổ thông

Khi xuất hiện lỗi về phần nhạc trong bản nhạc phổ thông, việc lựa chọn phương pháp chuyển đổi sang chữ nổi phụ thuộc vào bản chuyển đổi đó là y bản hay lược bản. Nếu là chuyển đổi y bản, phần nhạc phải được sao chép đúng như trong bản nhạc phổ thông. Nếu người chuyển đổi biết rõ đó là lỗi gì thì có thể thêm dấu hoa thị tại vị trí lỗi và gợi ý sửa lỗi trong phần ghi chú, hoặc bằng mô tả hoặc bằng ký âm. Nếu là chuyển đổi lược bản, người chuyển đổi có thể sửa lại với ký âm đúng bằng chữ nổi và dùng dấu hoa thị để chỉ vị trí có sự khác nhau. Gợi ý sửa lỗi phải được mô tả trong phần chú thích của người chuyển đổi.

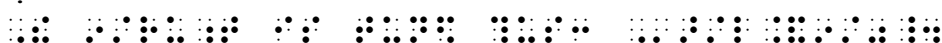
1.16. Ký hiệu nhạc trong ngữ cảnh văn bản

Văn bản được chuyển đổi dựa vào "Các quy tắc chữ nổi tiếng Anh thống nhất" hiện hành. Dấu bắt đầu ký hiệu nhạc $:::$ và dấu kết thúc ký hiệu nhạc $:::$ chủ yếu được dùng khi ký hiệu nhạc nằm xen lẫn trong tài liệu chữ. Dù là ký hiệu bắt đầu hay kết thúc thì đều đặt sau một khoảng trắng và ngay trước ký tự đầu tiên của phần nhạc/phần chữ. Nếu phần nhạc kết thúc bằng vạch nhịp kép thì không cần dấu kết thúc ký hiệu nhạc cho phần chữ theo sau. Khi dấu câu trong văn bản được sử dụng cùng với ký hiệu nhạc nổi, dùng ký hiệu báo dấu câu $:$ để ngăn cách ký hiệu nhạc và dấu câu. Dấu câu báo hiệu quay lại phần văn bản và cũng không cần dùng dấu kết thúc ký hiệu nhạc trước phần văn bản này. Tuy nhiên, khi một dấu phẩy dùng để tách các ký hiệu nhạc liên tiếp nhau hoặc giữa ký hiệu nhạc và đoạn văn bản thì nó được thể hiện bằng chấm 6, không có ký hiệu báo dấu câu đằng trước, và nó cũng báo hiệu quay lại phần văn bản. Khi phần nhạc có kèm từ ngữ (như "pizz.", "arco" trong Ví dụ 1.16-5), chúng phải được ghi dưới dạng cụm từ liền đặt và không được tách riêng trong quá trình chuyển đổi qua lại giữa mã nhạc và mã chữ.

Ví dụ 1.16-1.



Ví dụ 1.16-2.



The instrument is tuned thus: . Unusual tunings ...

Ví dụ 1.16-3.

When the notes etc. are sung,

Ví dụ 1.16-4.

Typical simple meters are 2/4, 3/4, and 4/4.

Ví dụ 1.16-5.

The movement closes with this mocking motif from the basses and cellos.

1.17. Vị trí thông tin tác quyền trong hợp tuyến

Thông tin tác quyền thông thường được ghi trên trang tựa đề của bản nhạc. Tuy nhiên, trong một hợp tuyến bao gồm nhiều tác giả, thông tin tác quyền được viết dưới dạng đoạn văn đặt ở cuối mỗi tập, sau một dòng trống.

2. HÌNH NỐT VÀ GIÁ TRỊ TRƯỜNG ĐỘ HÌNH NỐT

(Bảng 2)

2.1. Tên gọi và giá trị hình nốt

Các hình nốt của một quãng tám trong thang âm Đô được liệt kê trong Bảng 2. Nốt móc đơn (nốt 1/8) chỉ bao gồm tên nốt chiếm vị trí các chấm 1245. Chấm 6 được thêm vào để hình thành nốt đen (nốt 1/4), thêm chấm 3 để được nốt trắng (nốt 1/2), và thêm chấm 36 để được nốt tròn. Mỗi ký hiệu cũng đại diện cho một giá trị nhỏ hơn. Số nốt trong một ô nhịp sẽ giúp người đọc biết được nốt có giá trị nào trong hai giá trị của ký hiệu.

Ví dụ 2.1-1.

2.2. Các ký hiệu thay thế cho nốt tròn kép

Đối với vấn đề có hai ký hiệu được dùng cho nốt tròn kép, ký hiệu hai ô đơn giản được dùng khi không có khả năng phát sinh nhầm lẫn với ký hiệu cho ngón thứ 5, dây buông, hay hòa âm tự nhiên. Trong trường hợp dễ gây nhầm lẫn, ký hiệu cho nốt tròn kép phải thay bằng ký hiệu bốn ô phức tạp hơn.

2.3. Nốt có dấu chấm đôi

Một nốt có dấu chấm đôi được mô tả bằng cách thêm chấm 3 sau nốt đó. Khi một nốt có nhiều hơn một dấu chấm đôi, số lượng chấm 3 được thêm vào bản nổi bằng số chấm đôi trên bản phổ thông. Không có ký hiệu nào khác có thể đứng giữa nốt và dấu chấm đôi.

Bảng 2.3-1. Nốt có dấu chấm đôi

Nốt đen có một chấm đôi	⠠⠠⠠⠠
Nốt đen có hai chấm đôi	⠠⠠⠠⠠⠠⠠
Nốt tròn kép có một chấm đôi	⠠⠠⠠⠠⠠⠠ hoặc ⠠⠠⠠⠠⠠⠠

2.4. Ký hiệu giá trị lớn hơn và nhỏ hơn

Khi có khả năng gây nhầm lẫn giữa hai giá trị lớn hơn hay nhỏ hơn của cùng một ký hiệu hình nốt (ví dụ như trong trường hợp nốt trắng đứng liền trước hoặc liền sau một nốt móc ba), ký hiệu lớn hơn ⠠⠠⠠⠠ hoặc nhỏ hơn ⠠⠠⠠⠠ phải đặt trước thay đổi giá trị. Bất kỳ trường hợp nào sử dụng dấu lặng hoặc nốt móc sáu đều cần có một dấu giá trị cho mỗi đoạn nhạc chứa nó. (Xem Chương 8 về phương pháp nhóm các nốt có giá trị nhỏ hơn.)

Ví dụ 2.4-1. Nốt trắng và nốt móc ba

Ví dụ 2.4-2. Nốt móc năm và nốt móc tư

The image shows musical notation for Example 2.4-2. It features a treble clef and a 3/4 time signature. The first measure contains a five-measure rest (represented by a vertical line with a '5' below it). The second measure contains a four-measure rest (represented by a vertical line with a '4' below it). The notation continues with several measures of music, including a double bar line and a page number '11' at the bottom right.

2.4.1. Các giá trị nhỏ hơn khác nhau

Cần có dấu giá trị thích hợp khi xuất hiện các cấp độ giá trị nhỏ hơn khác nhau.

Ví dụ 2.4.1-1. Nốt móc sáu, nốt móc năm và nốt móc đơn

The image shows musical notation for Example 2.4.1-1. It features a treble clef and a 3/4 time signature. The notation includes a six-measure rest, a five-measure rest, and a one-measure rest, followed by several measures of music.

2.4.2. Một số trường hợp cần có dấu giá trị trong các ô nhịp thiếu

Khi một bản nhạc bắt đầu hoặc kết thúc bằng một ô nhịp thiếu (nhịp lấy đà) và có sự mơ hồ về giá trị của một hình nốt hay dấu lặng, dùng ký hiệu $\text{::}\text{::}$ nếu hình nốt hoặc dấu lặng mang giá trị nhỏ hơn.

Ví dụ 2.4.2-1.

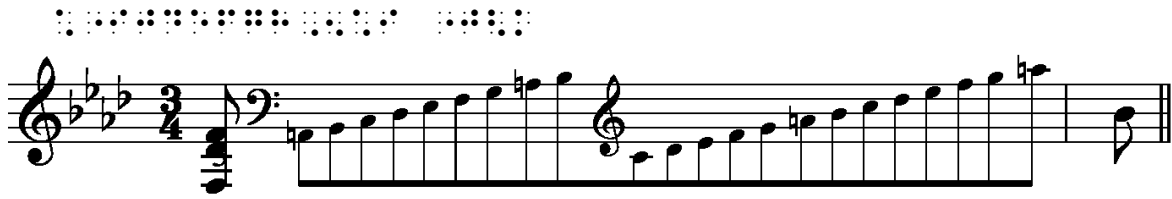
The image shows musical notation for Example 2.4.2-1. It features a treble clef and a 3/4 time signature. The notation includes a three-measure rest, followed by several measures of music.

2.4.3. Nhạc không chia ô nhịp

Trong các đoạn ngẫu hứng độc tấu (cadenza) hoặc đoạn nhạc không chia ô nhịp, vốn khó phân biệt hai giá trị lớn hơn hay nhỏ hơn, cần phải dùng ký hiệu giá trị.

Ví dụ 2.4.3-1. Nốt móc đơn không chia ô nhịp

The image shows musical notation for Example 2.4.3-1. It features a treble clef and a 3/4 time signature. The notation includes a single note without a measure rest, followed by several measures of music.



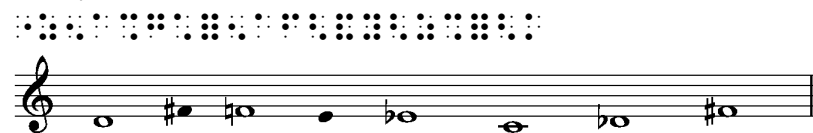
2.5. Các nốt có hình dạng đặc biệt

Ký âm hiện đại đôi khi còn dùng các đầu nốt có hình dạng đặc biệt để xác định khoảng thời gian hoặc các hiệu ứng đặc biệt. Trong nhạc nổi, các hình dạng này được trình bày như trong Bảng 2 và được đặt trước dấu hoa mỹ, sắc thái, dấu hóa bất thường, và dấu bậc. Khi không thể hiện giá trị nốt cụ thể, dùng giá trị nốt móc đơn để tượng trưng cho hình nốt. Các "đầu hình nốt không có đuôi" được tô màu đen đặc (như nốt đen và các nốt nhỏ hơn). Các nốt "cao độ vô định hay xấp xỉ" thường là các đuôi nốt không có đầu. (Xem Ví dụ 16.7-1 nốt cao độ xấp xỉ ở cuối một đường xiên.)

2.5.1. Nhân đôi nốt có hình dạng đặc biệt

Một ký hiệu chỉ nốt có hình dạng đặc biệt có thể được nhân đôi khi có từ 4 nốt cùng loại xuất hiện liên tiếp trở lên. Chỉ có nửa sau của ký hiệu được lặp lại. Phần hướng dẫn bằng chữ phổ thông cho đoạn nhạc organ bên dưới cho biết rằng một đầu nốt rộng "tương đương với trường độ dài hơn" và đầu nốt đặc "tương đương với trường độ ngắn hơn". Vì đầu nốt rộng và nốt tròn có hình dáng giống nhau trong bản phổ thông, chúng cũng giống nhau trong bản nổi.

Ví dụ 2.5.1-1.



2.6. Ký âm theo tỷ lệ

Khi các bản nhạc từ những thế kỷ trước được viết bằng ký âm theo tỷ lệ (mensural notation), sử dụng thang đo như dưới đây:

Bảng 2.6-1. Ký âm theo tỷ lệ

Nốt tròn tư (maxima)	⠠⠠⠠⠠⠠⠠
Nốt tròn ba (longa)	⠠⠠⠠⠠⠠
Nốt tròn kép (brevis)	⠠⠠⠠⠠
Nốt tròn (semibrevis)	⠠⠠⠠

3. KÝ HIỆU BẬC

(Bảng 3)

3.1. Bậc

Để ký âm bằng chữ nổi, thang âm được chia thành các phần gọi là bậc (octave), mỗi phần gồm các nốt từ nốt Đô lên nốt Si tiếp theo. Các bậc này được đánh số từ 1 đến 7, bắt đầu từ nốt Đô thấp nhất trên đàn piano. Bậc dưới bậc 1 gọi là bậc dưới (sub octave), và bậc trên bậc 7 gọi là bậc trên (super octave).

3.2. Quy tắc cho ký hiệu bậc

Các quy tắc sử dụng ký hiệu (dấu) bậc là cực kỳ quan trọng. Cao độ của nốt được trình bày bằng cách đặt trước nó một dấu bậc (nếu cần) dùng để chỉ bậc chứa nốt đó. Không có ký hiệu nào khác có thể đứng giữa hai ký hiệu này.

3.2.1. Ký hiệu bậc phải đặt ở các phần mở đầu

Ký hiệu bậc luôn được khai báo cho nốt đầu tiên của một dòng chữ nổi, nốt đầu tiên theo sau một dấu báo số hay báo từ, và ở nhiều vị trí khác (sẽ được giải thích tại các phần liên quan trong suốt tài liệu này).

3.2.2. Cần xác định bằng quãng giai điệu

Trong một quãng giai điệu:

- không thêm ký hiệu bậc cho nốt thứ hai trong 2 nốt liên tiếp nếu chúng cách nhau một quãng nhỏ hơn 4,
- luôn thêm ký hiệu bậc trong quãng lớn hơn 5, và
- chỉ thêm ký hiệu bậc trong quãng 4 hoặc quãng 5 khi nốt thứ hai và nốt thứ nhất nằm trong 2 bậc khác nhau.

Ví dụ 3.2.2-1.

The image shows a musical staff in treble clef with a key signature of one flat (Bb) and a 3/4 time signature. The melody consists of the following notes: Bb4, C5, D5, E5, F5, G5, A5, Bb5. Three specific intervals are labeled: (a) between Bb4 and C5 (interval of 2), (b) between C5 and D5 (interval of 2), and (c) between Bb4 and Bb5 (interval of 12). Above the staff, Braille notation is provided for each note, with an octave sign (⠠) placed before the notes Bb5 and Bb5 in cases (b) and (c) respectively.

3.3. Ký hiệu 8va và 15ma

Trong chuyển đổi lược bản, các từ "8va," "15ma," "loco," và các cụm từ tương tự được trình bày bằng cách chuyển đổi các cao độ của nốt trong bậc mà không ghi chú các từ/cụm từ trên. Trong chuyển đổi y bản, những từ/cụm từ này có thể được chuyển đổi bằng một trong hai cách.

Ví dụ 3.3-1. Chuyển đổi lược bản

The image shows a musical staff in treble clef with a 3/4 time signature. The melody consists of eighth and quarter notes. A bracket above the staff spans the first six notes, with the label "8va" above it, indicating an octave shift. Above the staff, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes on the staff.

3.3.1. Chuyển đổi y bản bằng từ

Trong chuyển đổi y bản, các từ/cụm từ trên được chuyển thành các cụm từ diễn đạt, các nốt được chuyển đổi theo bậc in trong bản phổ thông. Đoạn nhạc trong Ví dụ 3.3-1 sẽ được chuyển đổi như sau:

Ví dụ 3.3.1-1.

The image shows a single line of Braille notation representing the musical example. It consists of a series of Braille cells corresponding to the notes in the original example.

3.3.2. Chuyển đổi y bản bằng hai dấu bậc

Cách thứ hai trong chuyển đổi y bản, nốt đầu tiên của đoạn nhạc được thêm 2 ký hiệu bậc, ký hiệu thứ nhất chỉ vị trí của nó trên khuông nhạc, ký hiệu thứ hai chỉ âm thực tế. Bất kỳ dấu bậc nào xuất hiện trong đoạn này phải là ký hiệu cho âm, không phải là ký hiệu cho khuông nhạc. Nốt đầu tiên sau phần cuối của đoạn nhạc được thêm 2 dấu bậc để thể hiện vị trí của nó trên khuông nhạc in trong bản phổ thông tương ứng với âm thực tế của nó. Những dấu bậc đặc biệt này phải được thêm vào ngay cả khi các nốt không cần ký hiệu bậc. Do đó, Ví dụ 3.3-1 sẽ được viết như trong Ví dụ 3.3.2-1. Tuy nhiên, dùng cách này sẽ dễ gây nhầm lẫn khi gặp các nốt/hợp âm tách biệt dưới bậc 1 hoặc trên bậc 7 (những trường hợp đã có sẵn 2 dấu bậc), và các nốt/hợp âm đó phải được chuyển thành các cụm từ diễn đạt như mô tả trong Mục [3.3.1](#).

Ví dụ 3.3.2-1.

The image shows a single line of Braille notation representing the musical example. It consists of a series of Braille cells corresponding to the notes in the original example, including octave indicators.

Ví dụ 3.3.2-2.

The image shows a musical example with Braille notation above a staff. The staff is in bass clef with a 4/4 time signature. It contains two measures: the first measure has a whole note G2, and the second measure has a whole note G1 (labeled '8vb'). Above the staff, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes and the octave sign.

4. KHÓA NHẠC

(Bảng 4)

4.1. Khóa nhạc giới hạn trong chuyển đổi y bản

Thông thường, các dấu khóa được lược bỏ trong bản chuyển đổi nhạc nổi. Tuy nhiên, khi cần có bản chuyển đổi y bản, chẳng hạn như trường hợp dành cho giáo viên khiếm thị dạy học viên sáng mắt, dấu khóa trong bản phổ thông phải được đánh dấu trong bản nổi.

4.2. Ký hiệu bậc và dấu phân cách chấm 3

Một hình nốt theo sau một khóa nhạc phải luôn có dấu bậc phù hợp. Nếu ký hiệu theo sau một dấu khóa có chứa một chấm 1, 2, hoặc 3, ký hiệu đó phải được phân cách bởi một chấm 3.

Ví dụ 4.2-1.

The image shows a musical example with Braille notation above a staff. The staff is in bass clef. It starts with a key signature of three sharps (F#, C#, G#) and a 3/4 time signature. The first measure contains a quarter note G2. The second measure contains a quarter rest. The third measure contains a quarter note G2 with a piano (p) dynamic marking. Above the staff, there are three lines of Braille notation corresponding to the notes, rests, and dynamic marking.

4.3. Dòng kẻ nhạc liệt kê cùng với khóa nhạc

Khi cần thể hiện khóa nhạc được đặt trên dòng kẻ nào trong khuôn nhạc, như khi dùng khóa tenor, khóa baritone, và khóa violon Pháp, ô cuối cùng của ký hiệu ♯ được theo trước bởi một dấu chỉ số thứ tự dòng kẻ. Dấu này giống với ký hiệu đại diện cho số đó khi làm một dấu bậc.

4.4. Khóa nhạc có bậc

Khi một khóa nhạc có số 8 nhỏ in bên trên hoặc bên dưới, nhằm chỉ ra một bậc cao hơn hay thấp hơn thông thường, ký hiệu khóa nhạc trong bản nổi được theo sau bởi một dấu báo số và một số 8 ở ô trên hoặc ô dưới.

4.5. Khóa nhạc thay đổi

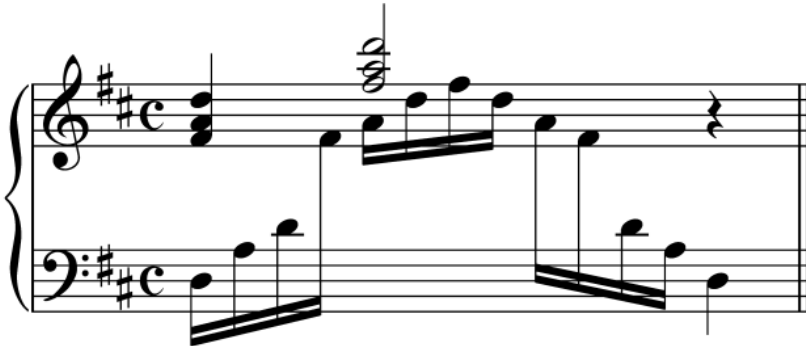
Khi khóa nhạc trong bản phổ thông được viết trong bản nổi và phần nhạc của một tay di chuyển đến phần cho tay còn lại, các khóa nhạc thay đổi liệt kê trong Bảng 4 được dùng để thay thế cho ký hiệu khóa nhạc thông thường. Các dấu hóa bất thường phải được viết lại sau khóa nhạc thay đổi. Những dấu hóa viết thêm này phải có chấm 5 đặt trước để chỉ ra chúng là ký hiệu do người chuyển đổi thêm vào. Hướng đọc quãng và đoạn kẹp được xác định bằng ký hiệu tay đầu dòng, không xác định bằng khung nhạc chứa các nốt được in.

Ví dụ 4.5-1.

⠠

⠠

⠠

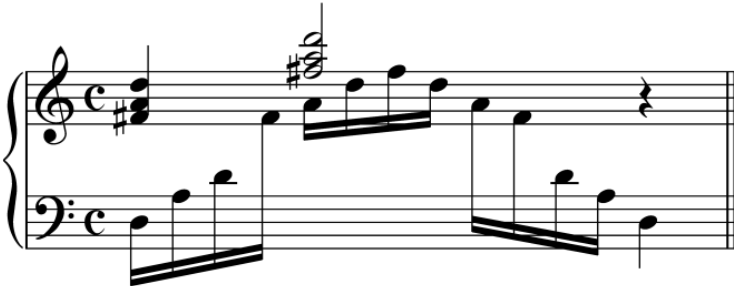


Ví dụ 4.5-2.

⠠

⠠

⠠



5. DẤU LẶNG

(Bảng 5)

5.1. Ký hiệu dấu lặng

Các ký hiệu trong Bảng 5 được dùng cho tất cả các dấu lặng xuất hiện trong bản phổ thông. Một ô nhịp của một khoảng lặng được chỉ ra trong bản phổ thông bằng một dấu lặng tròn, bất kể số chỉ nhịp là bao nhiêu, ngoại trừ trong nhịp 4/2 đôi khi sẽ xuất hiện dấu lặng tròn kép.

5.2. Dấu lặng do người chuyển đổi thêm vào

Có nhiều trường hợp bản nổi chỉ có thể được làm rõ cho người đọc hiểu bằng cách thêm các dấu lặng không có trong bản phổ thông. Mỗi dấu lặng do người chuyển đổi thêm vào phải có một chấm 5 đặt trước.

Ví dụ 5.2-1.

5.3. Dấu lặng nhiều ô nhịp

Khi một khoảng lặng được kéo dài qua hai hay ba ô nhịp, hai hay ba dấu lặng tròn liên tiếp được viết liền không có khoảng trắng, và cả tổ hợp này được đặt giữa hai khoảng trắng. Khi nó trải dài trên bốn ô nhịp trở lên, đặt một dấu lặng tròn, theo trước là số tương ứng (chỉ số lượng ô nhịp) bao gồm cả dấu báo số, và cả tổ hợp này được đặt giữa hai khoảng trắng. Hình nốt theo sau cần có một dấu bậc đặc biệt.

Ví dụ 5.3-1.

5.3.1. Dấu lặng tròn kép nhiều ô nhịp

Khi các ô nhịp liên tiếp của một khoảng lặng được thể hiện bằng dấu lặng tròn kép, phải dùng ký hiệu hai ô cho nốt tròn kép cùng một con số thích hợp. Ví dụ, :::: đại diện cho hai ô nhịp nghỉ đầy đủ.

5.4. Dấu lặng có chấm đôi

Dấu lặng có chấm đôi được trình bày tương tự như cách trình bày hình nốt có chấm đôi, bằng cách thêm số chấm 3 tương ứng với số chấm đôi in sau dấu lặng. Không có ký hiệu nào khác có thể đứng giữa dấu lặng và dấu chấm đôi.

6. DẤU HÓA BẤT THƯỜNG VÀ HÓA BIỂU

(Bảng 6)

6.1. Vị trí đặt dấu hóa bất thường

Một dấu hóa bất thường được đặt ngay trước hình nốt hoặc quãng chứa nó và không thể bị ngăn cách với hình nốt hay quãng đó bằng bất cứ ký hiệu nào ngoài ký hiệu bậc. Nhìn chung, các dấu hóa bất thường phải được đánh dấu dù cho chúng xuất hiện ở đầu trong bản phổ thông. Khi một dấu hóa bất thường được in phía trên hoặc phía dưới hình nốt chứ không in trong khung nhạc, tiền tố chấm 6 phải được đặt ngay trước ký hiệu dấu hóa.

Ví dụ 6.1-1.

Braille symbols above the staff: ♯ ♭ ♮ ♯ ♭ ♯ ♭ ♮

6.2. Viết lại dấu hóa bất thường

Như trong bản phổ thông, dấu hóa bất thường vẫn có hiệu lực cho đến khi nó bị hủy bỏ hoặc cho đến cuối ô nhịp, nhưng chỉ với nốt cùng cao độ (cùng tên). Một dấu hóa bất thường phải được viết lại ở đầu một phân đoạn hoặc đoạn song song, hoặc một trang chữ nổi mới, hoặc bất kỳ yếu tố cắt ngang lớn nào chẳng hạn như một cụm từ diễn đạt dài, dấu nhắc lại bằng khung thay đổi, v.v... Mọi dấu hóa bất thường được người chuyên đổi thêm vào phải có chấm 5 theo trước.

Ví dụ 6.2-1.

♯ ♭ ♮ ♯ ♭ ♯ ♭ ♮

6.3. Dấu hóa tăng giảm 1/4 và 3/4 cung

Không có ký âm chuẩn dành cho các dấu thăng hoặc giáng 1/4 hay 3/4 cung trong bản phổ thông. Ngoài ra còn kể đến các dấu giáng đi lùi, dấu thăng chỉ có 1 hoặc 3 gạch đứng (thay vì 2 gạch như dấu thường dùng), và các mũi tên lên/xuống. Khi có chỉ dẫn của nhà xuất bản về ý nghĩa của các ký hiệu này, người chuyên đổi nên thêm các chỉ dẫn đó vào bản nổi và sử dụng các ký hiệu trong Bảng 6. Trong ví dụ sau đây, theo chú thích của người soạn nhạc, dấu thăng có 1 gạch đứng mô tả dấu tăng cao độ lên 1/4 cung và dấu thăng có 3 gạch đứng mô tả dấu tăng cao độ lên 3/4 cung.

Ví dụ 6.3-1.

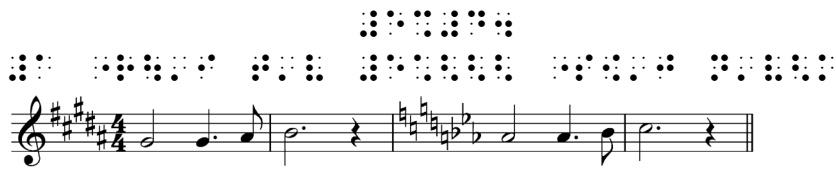
6.4. Dấu hóa bất thường trong ngữ cảnh văn bản

Khi các dấu hóa bất thường xuất hiện trong một văn bản, cần sử dụng ký hiệu phù hợp trong danh sách ký tự *Chữ nổi tiếng Anh thống nhất* (UEB). (Xem Mục [1.16](#) về các ký hiệu âm nhạc xen lẫn trong văn bản.)

6.5. Hóa biểu

Khi một hóa biểu (còn gọi là dấu hóa lập thành, dấu hóa mặc định) chứa 1, 2, hay 3 dấu hóa, nó được trình bày trong bản nổi bằng con số tương ứng chỉ số lượng các dấu thăng/giáng liên tiếp. Khi hóa biểu chứa từ 4 dấu hóa trở lên, con số này, bao gồm cả dấu báo số, được đặt trước một dấu thăng/giáng đơn lẻ. Hóa biểu được đặt giữa hai khoảng trắng (trừ trường hợp nó đứng ngay trước số chỉ nhịp) và được chuyển thành chữ nổi tại vị trí xuất hiện trong bản phổ thông. Hóa biểu ở đầu mỗi khuôn nhạc trong bản phổ thông được lược bỏ sau khi xuất hiện ở đầu bản nhạc. Hóa biểu thay đổi được đặt ở vị trí bất kỳ mà nó xuất hiện và thông thường nên đặt ở cùng dòng với nốt theo sau. Nốt đầu tiên theo sau hóa biểu cần có một dấu bậc. (Xem Mục [1.7](#) về hóa biểu trong tiêu đề chỉ dẫn.)

Ví dụ 6.5-1.



6.5.1. Các hóa biểu đặc biệt

Khi có một hóa biểu khác thường, cần trình bày nó như sau: dấu ngoặc trong âm nhạc, tay hoặc khóa nhạc, dấu hóa, dấu bậc, một hay nhiều hình nốt, đóng ngoặc âm nhạc.

Ví dụ 6.5.1-1. Hóa biểu đơn lẻ đặc biệt



Ví dụ 6.5.1-2. Hóa biểu kết hợp đặc biệt



7. CÁC KÝ HIỆU CHỈ NHỊP

(Bảng 7)

7.1. Số chỉ nhịp

Số chỉ nhịp (meter signature hay time signature) được đặt giữa hai khoảng trắng (hoặc giữa một hóa biểu và một khoảng trắng). Khi chuyển nhịp, số chỉ nhịp được đặt ở dòng bất kỳ trong bản nhạc phổ thông, và ưu tiên đặt ở cùng dòng với các nốt theo sau nó trong bản nhạc nổi. Nốt đầu tiên theo sau số chỉ nhịp cần có một dấu bậc. (Xem Mục [1.7](#) về số chỉ nhịp trong tiêu đề chỉ dẫn)

Ví dụ 7.1-1.

7.1.1. Số chỉ nhịp kết hợp hình nốt

Khi số chỉ nhịp chứa một chữ số và một hình nốt nhằm xác định giá trị nhịp, chữ số được đặt trước, theo sau là dấu báo nhạc nổi và nốt Đô đại diện cho trường độ.

Ví dụ 7.1.1-1.

7.1.2. Số chỉ nhịp có hai hay nhiều tử số

Đối với số chỉ nhịp chứa nhiều chữ số đặt bên trên và một chữ số đặt bên dưới, khi chuyển sang chữ nổi cũng phải tuân theo quy luật như trong chữ phổ thông. Dấu cộng trên bản phổ thông (nếu có) cũng được sử dụng trong chữ nổi. Nếu trong bản phổ thông có dấu câu hoặc các ký hiệu khác xuất hiện giữa các chữ số, thì trong bản nổi sẽ có một dấu báo số đặt ở đầu dãy số chỉ nhịp, không thêm khoảng trắng, và chữ số cuối cùng bên dưới cũng được đặt ở cuối mà không có khoảng trắng. Nếu trên bản phổ thông không có dấu câu giữa các chữ số, dấu báo số được lặp lại liên trước mỗi chữ số trên, nhưng không đặt trước chữ số dưới.

Ví dụ 7.1.2-1.

Ví dụ 7.1.2-2.

7.1.3. Số chỉ nhịp hỗn hợp

Trường hợp có hai số chỉ nhịp kết hợp với nhau, cả hai số được đặt liền kề nhau khi chuyển sang chữ nổi. Mỗi số chỉ nhịp thành phần được bắt đầu bằng một dấu báo số. Dấu câu hoặc ký hiệu bất kỳ khác được đặt ở vị trí như trong bản phổ thông. Dấu ngoặc dùng trong trường hợp này là dấu ngoặc trong âm nhạc, không dùng dấu ngoặc thường dùng cho văn bản.

Ví dụ 7.1.3-1.

The image shows a musical staff with a treble clef and a key signature of two flats. The time signature is a mixed meter, indicated by a large fraction with a 5 over an 8 and a 2 over a 4. The notation consists of a sequence of notes: a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, and a half note.

Ví dụ 7.1.3-2. Dấu cộng

The image shows a musical staff with a treble clef and a key signature of two flats. The time signature is a mixed meter, indicated by a large fraction with a 5 over an 8 and a 2 over a 4, with a plus sign between them. The notation consists of a sequence of notes: a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, and a half note.

Ví dụ 7.1.3-3. Dấu ngoặc

The image shows a musical staff with a treble clef and a key signature of two flats. The time signature is a mixed meter, indicated by a large fraction with a 3 over a 4 and a 6 over an 8, enclosed in large parentheses. The notation consists of a sequence of notes: a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, an eighth note, a quarter note, and a half note.

7.1.4. Biểu tượng chỉ nhịp

Trong bản phổ thông, số chỉ nhịp 4/4 có thể được thay bằng biểu tượng chữ C hoa đặt giữa khuôn nhạc. Thuật ngữ âm nhạc còn gọi đây là nhịp C (common time). Biểu tượng này được chuyển thành ký hiệu $\text{::}\text{::}$ trong nhạc nổi. Nhịp 2/2 có thể được thay bằng biểu tượng chữ C hoa có gạch dọc ở giữa, còn gọi là nhịp C chẻ (cut time). Biểu tượng này được chuyển thành ký hiệu $\text{::}\text{::}$.

7.1.5. Số chỉ nhịp trong văn bản

Số chỉ nhịp khi xuất hiện trong một đoạn văn bản thông thường sẽ có dạng tương tự như một phân số. Để người đọc hiểu được đâu là số chỉ nhịp, cần phải trình bày số này dưới dạng ký hiệu, theo trước là dấu báo nhạc nổi tương tự như các ký hiệu âm nhạc khác.

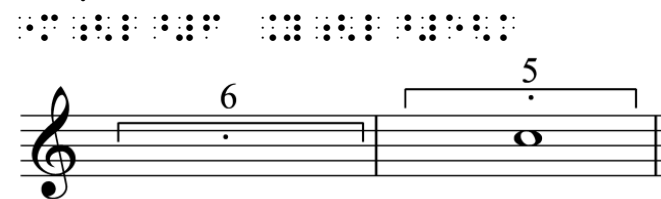
7.2. Các ký hiệu thời gian thực

Khi trường độ được trình bày bằng thời gian thực tế (thường tính bằng giây) chứ không dùng các hình nốt chuẩn, hầu hết các bản nhạc phổ thông sử dụng một trong hai phương pháp. Phương pháp thứ nhất là viết một con số bên trên một nốt nhạc, dấu lặng hoặc thao tác để xác định thời gian (tính bằng giây) thực thi nó; đôi khi con số này còn kèm theo các loại dấu ngoặc. Phương pháp thứ hai, các đơn vị thời gian được chỉ ra bằng một số kiểu đánh dấu bên trên khuôn nhạc. Những ký hiệu này chưa được chuẩn hóa. Tuy nhiên, chúng thường được giải thích trong phần chú giải của người biên soạn nhạc hoặc nhà xuất bản. Trong mọi trường hợp, người chuyển đổi đều phải ghi chú thêm. Sau đây là hai trường hợp minh họa và đề xuất cách chuyển đổi cho từng trường hợp điển hình.

7.2.1. Trường độ viết bằng con số

Khi trường độ của hình nốt, khoảng lặng hoặc thao tác được trình bày trong bản phổ thông dưới dạng các dấu mắt ngỗng (dấu chấm ngân) chỉ một số giây cụ thể, ký hiệu một giây (chấm 45) được đặt sau ký hiệu chữ nổi của thao tác và theo sau nó là con số được áp dụng. Ví dụ 7.2.1-1 bao gồm một khoảng lặng 6 giây, theo sau là một nốt được ngân 5 giây.

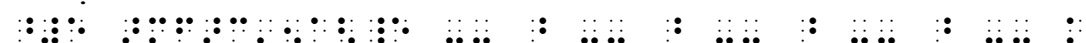
Ví dụ 7.2.1-1.



7.2.2. Thời gian xác định bằng đánh dấu

Khi trường độ của hình nốt, khoảng lặng hoặc thao tác được xác định bằng cách đánh dấu phía trên khuôn nhạc (mỗi dấu chỉ một giây trôi qua), ký hiệu một giây (chấm 45) được viết trên dòng nhạc và phải được đặt giữa hai khoảng trống, trừ trường hợp có con số đi kèm. Trong trường hợp đó, ký hiệu giây đứng liền trước dấu báo số, và cả nhóm các ký hiệu này phải được đặt giữa hai khoảng trống. Nếu trường độ được trình bày trong bản phổ thông bằng dòng giãn cách và không có con số, vạch trường độ (chấm 36, 36) được thêm vào trong bản nổi. Vạch này phải được đặt giữa hai khoảng trống. Trong Ví dụ 7.2.2-1 số giây từ đầu đoạn được chuyển thành chữ nổi ở lề trang, tại đầu phân đoạn (vị trí thường đặt các số thứ tự ô nhịp). Phần bắt đầu khuôn nhạc, dấu vạch nhịp nét đứt, và các dấu gạch đứng được hiểu là đánh dấu bắt đầu một giây.

Ví dụ 7.2.2-1.



7.2.3. Xen kẽ các ký hiệu nhịp và thời gian thực

Khi bản nhạc chứa một số đoạn có số chỉ nhịp và một số đoạn có các ký hiệu khác liên quan đến thời gian, cụm từ "ký hiệu thời gian" được thêm vào tại vị trí thích hợp thay cho số chỉ nhịp.

8. NHÓM CÁC NỐT

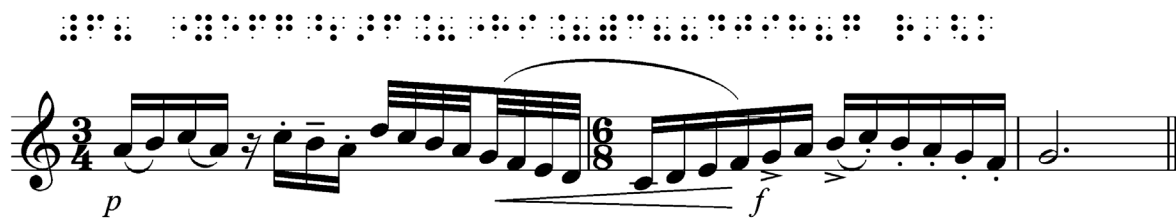
(Bảng 8)

8.1. Phương pháp nhóm các nốt nhạc nổi

Cách nhóm các hình nốt có giá trị nhỏ hơn nốt móc đơn trong bản nhạc nổi cũng tương tự nhưng không hoàn toàn giống với trong bản phổ thông. Không thể áp dụng các hướng dẫn nhóm nốt trong bản phổ thông cho bản nổi. Để chuyển thành nhạc nổi, một nhóm thường gồm 3 hình nốt có cùng giá trị trở lên và chiếm đủ một phách hoặc một phần chia đều của một phách. Nguyên tắc chung của cách nhóm nốt trong nhạc nổi là viết hình nốt đầu tiên của nhóm theo giá trị đúng của nó, các nốt còn lại được gán giá trị bằng với nốt móc đơn. Nếu vị trí đầu tiên của nhóm là một dấu lặng có giá trị tương đương, các nốt còn lại được gán giá trị bằng với nốt móc đơn. Không nhất thiết phải nhóm các nốt với nhau trong bản phổ thông để có thể nhóm chúng trong bản nổi. Việc nhóm các nốt không bị ảnh hưởng bởi sự xuất hiện của các dấu luyến, dấu nối, sắc thái, cường độ, v.v...

Ví dụ 8.1-1.

Ví dụ 8.1-2.



8.1.1. Các trường hợp không được nhóm các nốt

Các hình nốt không được nhóm lại, mà phải trình bày theo đúng giá trị của chúng, khi:

(a) các hình nốt không nằm hoàn toàn trong cùng một phách hay phân chia đều của phách;

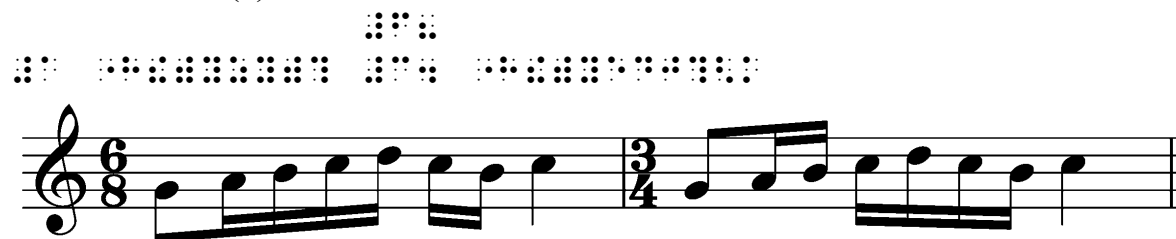
(b) không thể viết hết cả nhóm nốt trên cùng một dòng;

(c) theo sau nhóm trên cùng một dòng và trong cùng một ô nhịp là một dấu lặng/hình nốt móc đơn hoặc móc đơn chấm đôi; tuy nhiên, có thể nhóm nốt nếu dấu lặng/nốt móc đơn theo sau nhóm trở thành dấu lặng/nốt đầu tiên của một đoạn nhắc lại một phần ô nhịp và không được trình bày trong bản nổi như một dấu lặng/hình nốt thực sự;

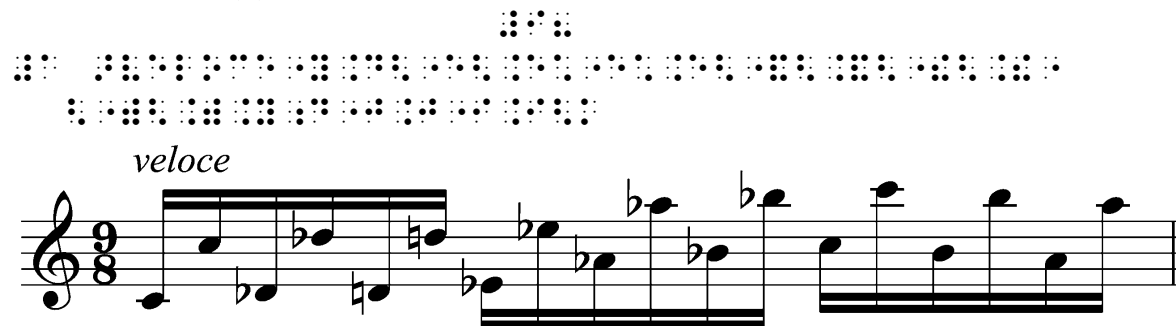
(d) dấu lặng có giá trị tương đương xuất hiện ở vị trí bất kỳ ngoài vị trí đầu nhóm; hoặc

(e) nhóm bị gián đoạn bởi một dấu gạch nối âm nhạc.

Ví dụ 8.1.1-1. (a)



Ví dụ 8.1.1-2. (b)



Ví dụ 8.1.1-3. (c)

Musical notation for Example 8.1.1-3 (c) showing Braille notation above a bass clef staff in common time. The staff contains a sequence of eighth notes and rests.

Ví dụ 8.1.1-4. (d)

Musical notation for Example 8.1.1-4 (d) showing Braille notation above a treble clef staff in 6/8 time. The staff contains a sequence of eighth notes and rests.

Ví dụ 8.1.1-5. (e)

Musical notation for Example 8.1.1-5 (e) showing Braille notation above a bass clef staff in 3/4 time. The staff contains a sequence of eighth notes and rests, with dynamic markings *f* and *sub. p*.

8.1.2. Dấu giá trị để phân biệt

Khi một hình nốt có giá trị nhỏ hơn đặt ở đầu một ô nhịp hoặc phách và theo sau là hai hay nhiều nốt móc đơn, người chuyển đổi nên dùng một ký hiệu giá trị lớn hơn trước nốt móc đơn đầu tiên để chỉ rõ ngay rằng các nốt này không phải là các nốt được nhóm lại từ nốt có giá trị nhỏ hơn.

Ví dụ 8.1.2-1.

Musical notation for Example 8.1.2-1 showing Braille notation above a treble clef staff in 2/4 time. The staff contains a sequence of eighth notes and rests.

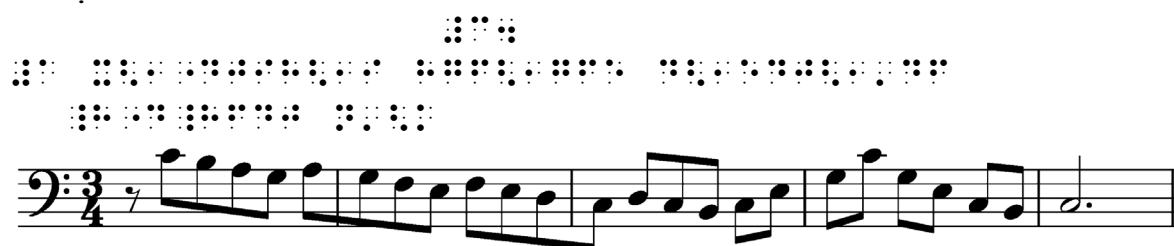
8.2. Các nốt móc đơn nhóm thông thường

Dễ thấy việc áp dụng phương pháp nhóm là không thể thực hiện được cho các nốt móc đơn. Bước nhóm các nốt móc đơn chiếm đủ một phách hoặc một phần chia của phách được bỏ qua trong bản nổi.

8.3. Các nhóm nốt bất thường thể hiện bằng dấu phẩy trong âm nhạc

Phải sử dụng dấu phẩy nhạc $\therefore \therefore$ để thể hiện các nhóm đặc biệt phát sinh khi các nốt có giá trị thông thường được nhóm xuyên qua các ô nhịp/phách. Dấu phẩy nhạc được đặt ở đầu mỗi nhóm bất thường. Nếu nhóm bất thường đứng liền trước một dấu lặng hoặc hình nốt có giá trị khác thì không cần thêm ký hiệu kết thúc. Tuy nhiên, nếu các nốt theo sau có giá trị giống và có thể bị nhầm lẫn thành một nhóm bất thường, một dấu phẩy được sửa đổi bằng cách thêm chấm 3 (mang ý nghĩa xác định rõ dấu kết thúc), được đặt ở vị trí bắt đầu nhóm thông thường.

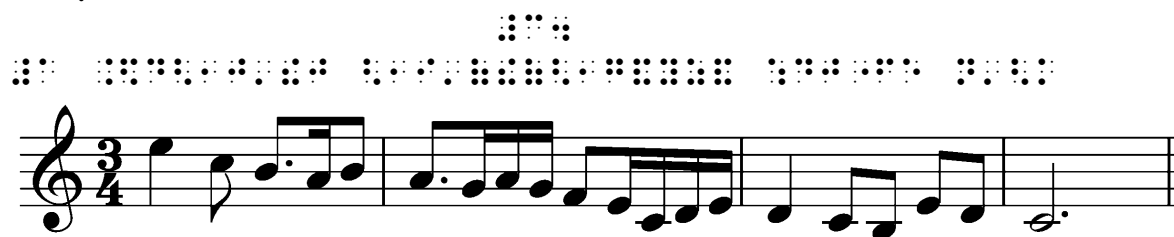
Ví dụ 8.3-1.



8.3.1. Nhóm bất thường chứa các nốt có giá trị khác nhau

Dấu phẩy nhạc cũng có thể được dùng để chỉ nhóm đặc biệt chứa các nốt có giá trị khác nhau. Không nên dùng phương pháp nhóm nốt khi nhóm đặc biệt chỉ ra một nhịp mâu thuẫn với nhịp đã cho. Như trong ví dụ dưới đây, nhóm đặc biệt có nhịp 6/8, trong khi nhịp đúng là nhịp 3/4.

Ví dụ 8.3.1-1.

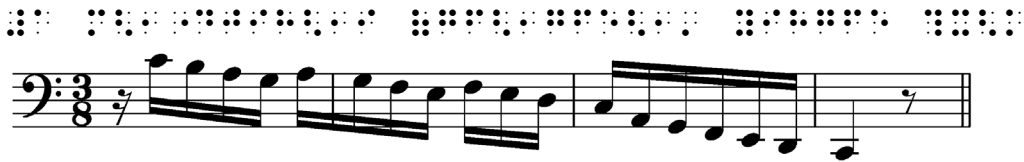


8.3.2. Nhóm thông thường và dấu phẩy trong âm nhạc đi cùng nhau

Có thể duy trì sử dụng nhóm nốt thông thường trong khi nhóm đặc biệt được trình bày bằng dấu phẩy nhạc.

Ví dụ 8.3.2-1.

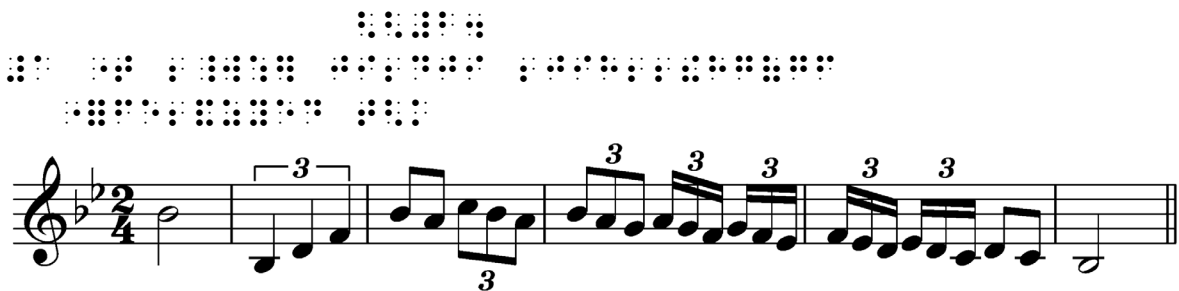




8.4. Ký hiệu một ô đơn chỉ một liên ba

Ký hiệu một ô đơn \therefore thường được dùng để chỉ một liên ba có giá trị bất kỳ. Ký hiệu này có thể được nhân đôi lên cho từ bốn liên ba liên tiếp có cùng giá trị trở lên. Có thể áp dụng phương pháp nhóm nốt trong nhạc nổi khi tất cả các nốt trong liên ba đều có cùng giá trị.

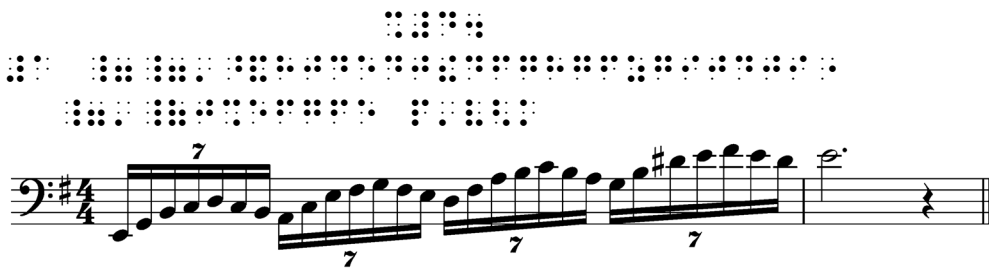
Ví dụ 8.4-1.



8.5. Ký hiệu ba hay bốn ô cho các nhóm bất thường

Ký hiệu ba ô (hoặc bốn ô trong trường hợp số nốt lớn hơn 9), gồm chấm 456 theo sau là một chữ số chiếm các chấm ở phần dưới của ô (tức số không chứa chấm 1, 4), không có dấu báo số, và chấm 3, được dùng để chỉ một nhóm bất thường chứa số nốt bất kỳ khác 3. Ký hiệu này có thể được nhân đôi lên cho bốn hay nhiều nhóm liên tiếp giống nhau, bằng cách viết chấm 456 và chữ số hai lần rồi thêm một chấm 3. Có thể áp dụng phương pháp nhóm nốt trong nhạc nổi khi tất cả các nốt trong nhóm đều có cùng giá trị.

Ví dụ 8.5-1.



8.5.1. Ký hiệu ba ô dùng cho liên ba trong một nhóm bất thường

Ký hiệu ba ô được dùng để chỉ một liên ba có giá trị nhỏ hơn nằm bên trong một liên ba có giá trị lớn hơn, hoặc trong bất kỳ nhóm bất thường nào khác. Phương

pháp nhóm nốt trong nhạc nổi có thể sẽ không được áp dụng trong liên ba có giá trị nhỏ hơn.

Ví dụ 8.5.1-1.

8.5.2. Ký hiệu ba ô dùng cho liên ba giữa các nhóm bất thường

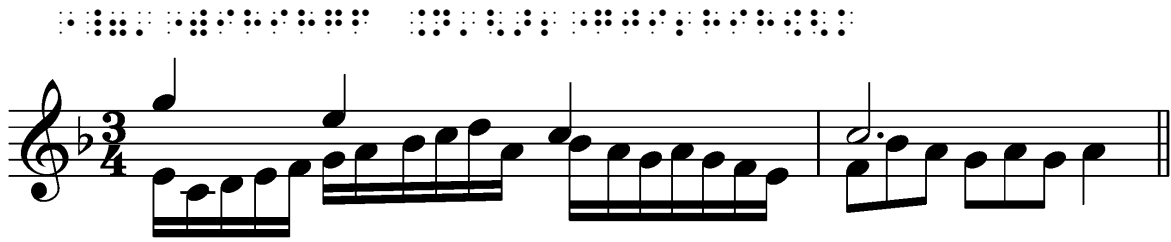
Nên dùng ký hiệu ba ô cho liên ba khi một liên ba xuất hiện giữa các nhóm bất thường có giá trị khác. Có thể áp dụng phương pháp nhóm nốt.

Ví dụ 8.5.2-1.

8.6. Thêm các số không có trong bản phổ thông

Số nốt trong một liên ba hoặc một nhóm bất thường khác đôi khi không được trình bày trong bản phổ thông, với giả định rằng người đọc có thể nhìn thấy rõ số lượng này. Bản nổi luôn cần có số nốt đi kèm khi sử dụng ký hiệu ba ô. Trong trường hợp chỉ liên ba, việc số nốt có hiện diện trên bản phổ thông hay không không được trình bày trong bản nổi. (Xem Ví dụ 8.5.1-1.) Khi người chuyển đổi thêm một số không có trong bản phổ thông cho bất kỳ nhóm bất thường nào, trước ký hiệu nhóm phải có chấm 5.

Ví dụ 8.6-1.



9. QUÃNG

(Bảng 9)

9.1. Chuyển đổi hợp âm

Khi hai hay nhiều hình nốt có cùng trường độ vang lên cùng lúc, hình thành nên một hợp âm, chỉ có một nốt được viết theo Bảng 2. Các nốt còn lại được đại diện bởi các ký hiệu trong Bảng 9, là những ký hiệu chỉ ra khoảng cách, còn gọi là quãng, của những nốt này tính từ nốt được viết. Một dấu hóa bất thường gắn với một trong những nốt đại diện bằng quãng được chuyển thành chữ nổi ngay trước ký hiệu quãng hoặc ký hiệu bậc của quãng. Nếu nốt được viết có dấu chấm đôi, các dấu chấm đôi không được thêm vào sau bất kỳ quãng nào.

Ví dụ 9.1-1.

9.1.1. Ký hiệu bậc trong hợp âm

Một nốt được đại diện bởi một ký hiệu quãng phải có một ký hiệu bậc thích hợp đặt liền trước khi:

- nó tạo thành một đồng âm với nốt được viết (ký hiệu quãng tám được dùng cùng với ký hiệu bậc thích hợp)
- nó là quãng đầu tiên hoặc duy nhất và dài hơn một quãng tám tính từ nốt được viết,
- nó là quãng thứ hai trong hai quãng liền kề và là một quãng tám hoặc dài hơn, hoặc

(d) nó tạo thành một đồng âm với một quãng khác đã có trước đó trong hợp âm.

Ví dụ 9.1.1-1.

9.1.2. Giọng đan xen trong các hợp âm liên tiếp

Khi hai bè được đại diện bởi các quãng đan xen nhau trong một hợp âm, mỗi nốt "lệch vị trí" phải có dấu bậc thích hợp, tuy nhiên trật tự các phần vẫn không đổi. Các giọng đan xen có thể được ưu tiên trình bày bằng ký hiệu kẹp hơn. (Xem Chương [11](#).)

Ví dụ 9.1.2-1.

9.2. Hướng của quãng

Nhìn chung, các bản nhạc phổ thông có khóa Son treble hoặc khóa Đô alto, như các phần tay phải cho nhạc cụ phím, giọng soprano và alto, đàn violon, viola, sáo, v.v..., khi chuyển đổi dùng nốt trên cùng trong hợp âm làm nốt được viết và các nốt còn lại là các quãng hướng xuống so với nốt trên cùng. Các bản nhạc phổ thông có khóa Fa bass hoặc khóa Đô tenor, như phần tay trái cho nhạc cụ phím, giọng bass và tenor, bass, cello, kèn bassoon, v.v..., khi chuyển đổi dùng nốt dưới cùng làm nốt được viết và các nốt còn lại là các quãng hướng lên so với nốt dưới cùng. Trong bất kỳ bản chuyển đổi nào có chứa ký hiệu quãng, hướng đọc quãng nên được chỉ rõ trong trang chú thích của người chuyển đổi hoặc chú thích ở cuối trang có ký hiệu quãng xuất hiện lần đầu tiên. (Xem các mục sau đây về các quy tắc và ngoại lệ trong phương pháp chung này: [29.2](#) về phần bè

tay trái/phải trên nhạc cụ phím; [29.4-29.4.3](#) về "tay khách" trên nhạc cụ phím; [29.12](#) về phần bè bàn đập cho đàn đại phong cầm; [30.4\(b\)](#) về nhạc dành cho phân tích hòa âm; [31.1](#) về nhạc cho đàn harp; [33.4.2](#) về bản nhạc cho nhóm đồng diễn nhạc cụ; [34.2.3](#) về nhạc cho nhạc cụ không định âm (không chỉnh cao độ); [35.10.1](#) về các bè cá nhân trong hợp xướng; và [37.1\(j\)](#) về bản nhạc cho dàn hợp xướng.)

Ví dụ 9.2-1.

Ví dụ 9.2-2.

9.3. Nhân đôi quãng

Các quãng có thể được nhân đôi khi có nhiều hơn 3 nốt liên tiếp được theo sau bởi cùng một quãng hoặc các quãng không bị biến đổi do dấu hóa bất thường hay ký hiệu khác (ngoại trừ quãng đầu tiên và cuối cùng). Việc nhân đôi một quãng không bị ảnh hưởng bởi sự xuất hiện của các quãng được thêm vào nhưng không nhân đôi. Tuy không thật sự cần thiết, nhưng theo thường lệ tất cả các đoạn nhân đôi đều kết thúc ở cuối một đoạn di chuyển.

Ví dụ 9.3-1.

9.3.1. Viết lại đoạn nhân đôi quãng

Tất cả các đoạn nhân đôi quãng có hiệu lực ở cuối một trang chữ nổi phải được nhắc lại ở đầu trang tiếp theo, giả sử có đủ số nốt để nhân đôi quãng. Do đó, đoạn nhân đôi sẽ không bắt đầu ở cuối trang nếu không có ít nhất 3 quãng giống nhau liên tiếp trên trang đó, và đoạn nhân đôi cũng không được viết lại ở đầu trang mới nếu không có ít nhất 4 quãng ở đầu trang.

9.3.2. Nhân đôi mất hiệu lực ở các thay đổi hoặc cắt ngang

Việc nhân đôi quãng phải kết thúc nếu nốt được đại diện bằng ký hiệu quãng bị thay đổi. Tuy nhiên, có thể tiếp tục nhân đôi bằng cách nhân đôi lại ký hiệu quãng, với điều kiện có từ 3 quãng tương tự trở lên theo sau, nhưng quãng cuối cùng trong đó không bị thay đổi. Một đoạn nhân đôi có hiệu lực ngay trước một đoạn cắt ngang lớn phải được kết thúc, ngay cả khi đoạn này có thể được khôi phục sau đoạn ngắt.

Ví dụ 9.3.2-1.

The image shows musical notation for Example 9.3.2-1. It consists of two lines. The top line is Braille notation, and the bottom line is a musical staff in bass clef with a common time signature (C). The staff contains several chords and intervals, with a double bar line and a key signature change to two flats (B-flat and E-flat) after the second measure.

9.3.3. Nhiều đoạn nhân đôi kết thúc cùng nhau

Nếu có hai đoạn nhân đôi quãng trở lên diễn ra cùng lúc, và một trong các quãng phải kết thúc, tất cả các đoạn nhân đôi đều phải kết thúc. Bất kỳ đoạn nhân đôi nào được phép tiếp tục có thể được nhân đôi trở lại tại điểm đó.

Ví dụ 9.3.3-1.

The image shows musical notation for Example 9.3.3-1. It consists of two lines. The top line is Braille notation, and the bottom line is a musical staff in treble clef with a 6/8 time signature. The staff contains several chords and intervals, with a double bar line at the end.

9.3.4. Nhân đôi quãng lớn hơn tám

Khi các quãng của hợp âm trải rộng trên phạm vi lớn hơn một quãng tám, không nên nhân đôi quãng dưới bất kỳ hình thức nào, ngoại trừ một trường hợp hiếm gặp là tất cả các quãng được nhân đôi và trở nên giống nhau trong cả đoạn nhạc.

Ví dụ 9.3.4-1.

The image shows a musical staff in bass clef with a key signature of one sharp (F#) and a 4/4 time signature. The staff contains a sequence of notes and rests. Above the staff is a corresponding Braille representation of the musical notation, consisting of a series of Braille cells representing the notes and rests.

9.3.5. Lược bỏ dấu hóa bất thường trong các đoạn nhạc có quãng tám nhân đôi

Trong đoạn nhạc có quãng tám nhân đôi, phần nhân đôi không bị cắt ngang bởi sự xuất hiện của các dấu hóa bất thường vốn được đánh dấu cho quãng tám cũng như cho nốt được viết.

Ví dụ 9.3.5-1.

The image shows a musical staff in bass clef with a key signature of two flats (Bb, Eb) and a 2/4 time signature. The staff contains a sequence of notes and rests. Above the staff is a corresponding Braille representation of the musical notation, consisting of a series of Braille cells representing the notes and rests.

9.3.6. Nhân đôi quãng có ký hiệu ngón

Trong bản nhạc có ký hiệu ngón, không nên nhân đôi bất kỳ quãng nào ngoài quãng tám trừ khi mỗi nốt trong đoạn nhạc đều có ký hiệu ngón hay ký hiệu ngón được đặt tại vị trí có thể chỉ rõ nó được áp dụng cho nốt nào mà không gây mơ hồ hay nhầm lẫn.

9.4. Chùm nốt

Chùm nốt được viết trong bản phổ thông bằng nhiều cách khác nhau. Thông thường nốt cao độ ở đỉnh và đáy được viết giống như trong hợp âm. Giữa hai nốt này sẽ có một đường gạch đứng, một ô, thanh in đậm, hoặc một hình dạng khác để chỉ chùm nốt. Có thể có hoặc không có các dấu hóa bất thường hoặc chữ đi kèm với chùm nốt. Trong nhạc nổi, nốt cao độ ở đỉnh và đáy được viết theo hướng lên/xuống thích hợp của quãng, theo sau là ký hiệu chùm nốt và ký hiệu quãng chỉ ra các cao độ bên ngoài.

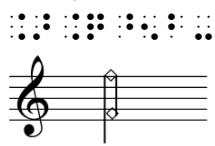
Ví dụ 9.4-1.



Ví dụ 9.4-2.



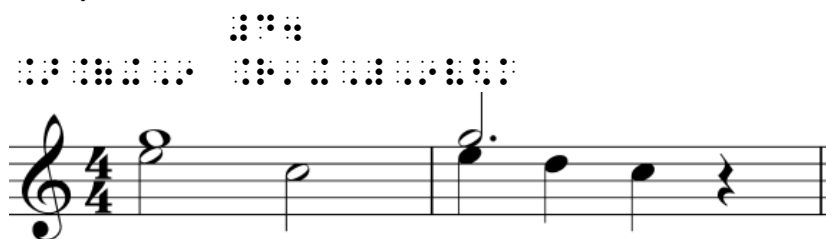
Ví dụ 9.4-3.



9.5. Ký hiệu di chuyển nốt

Dù ít được sử dụng nhưng ký hiệu di chuyển nốt thường rất hữu ích cho thanh nhạc hoặc nhạc cụ phím trong các bài Thánh ca. Khi có 2, hoặc tối đa 3 nốt có giá trị tương đương di chuyển bên dưới hoặc bên trên một nốt dài hơn, chúng có thể được viết giống như các quãng được tách biệt bởi chấm 6. Dùng ký hiệu kẹp trình bày các trường hợp giống vậy là không đúng. Tính phức tạp của ký hiệu ngón, câu nhạc và sắc thái khiến cho ký hiệu di chuyển nốt trở nên không phù hợp với nhạc hòa tấu nói chung.

Ví dụ 9.5-1.

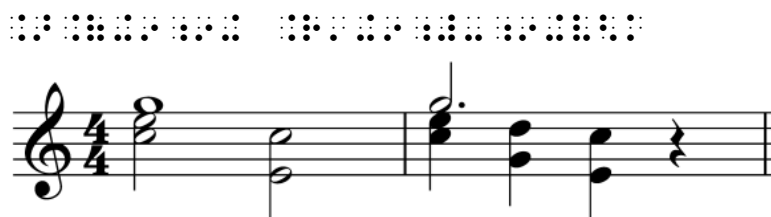


9.5.1. Di chuyển nốt trong nhiều hơn một giọng

Ký hiệu di chuyển cũng có thể được dùng khi có hai hay nhiều quãng di chuyển cùng nhau theo cùng một cách thức, chấm 56 được thêm vào thay cho chấm 6.

Ví dụ 9.5.1-1.

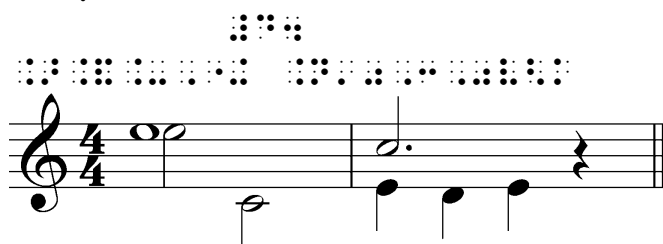




9.5.2. Dấu bậc cùng với nốt di chuyển

Việc đánh dấu các bậc trong phần di chuyển được quy định tại Mục [9.1.1](#).

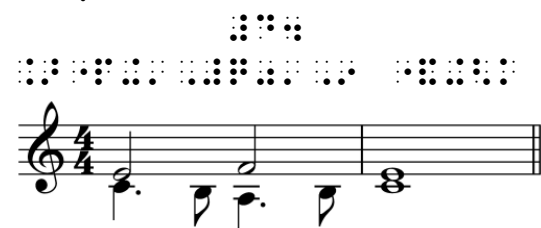
Ví dụ 9.5.2-1.



9.5.3. Di chuyển nốt có chấm đôi

Ký hiệu di chuyển nốt có thể được dùng cho nốt đen có chấm đôi đặt trước một nốt móc đơn hoặc một tiết tấu tương tự, nhưng không được dùng cho đảo nhịp hay các tiết tấu không tương đương khác. Ký hiệu di chuyển nốt nhiều giọng (chấm 56) có thể không bao giờ được sử dụng cho tiết tấu có chấm đôi.

Ví dụ 9.5.3-1.



10. DẤU NÓI

(Bảng [10](#))

10.1. Dấu nối đơn

Dấu nối được đặt ngay sau nốt đầu tiên của hai nốt được nối, hoặc sau bất kỳ dấu chấm đôi, ký hiệu ngón, dấu ngân rung, và/hoặc dấu luyện. (Xem thêm Mục [13.5](#) về dấu nối và dấu luyện đi cùng nhau. Xem Mục [18.1.2](#), [18.2.1](#), và [19.3](#) dấu nối liên hệ với các dấu nhắc lại trong nhạc nổi.)

Ví dụ 10.1-1.

10.1.1. Phân biệt dấu nối và dấu luyến

Do ký hiệu dấu nối và dấu luyến có hình dạng giống nhau trong bản phổ thông nhưng khác nhau trong bản nổi, đôi khi người chuyên đổi phải phân biệt rõ hai dấu này. Như trong ví dụ sau, ký hiệu ngón trong bản phổ thông cho thấy ký hiệu đang dùng không phải là dấu nối mà là dấu luyến, tạo nên hiệu ứng đặc biệt.

Ví dụ 10.1.1-1.

10.1.2. Viết lại dấu nối

Trong bản nhạc có dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp hay bản nhạc mở (gồm nhiều khuôn nhạc song song tách biệt cho từng loại nhạc cụ/giọng), tất cả các dấu nối đều được nhắc lại ở đầu một đoạn song song mới. Trong nhạc hòa tấu viết dạng một dòng đơn, cần phải viết lại dấu nối ở đầu một phân đoạn hoặc trang chữ nổi mới; không cần nhắc lại ở đầu dòng kéo dài (dòng nhạc không thể viết hết trên một dòng chữ nổi), trừ khi nó nằm ở đầu trang chữ nổi mới. Trong mọi loại bản nhạc, cần phải viết lại dấu nối sau một đoạn cắt ngang lớn như một cụm từ diễn đạt dài, vạch nhịp nhân đôi, khung thay đổi, v.v... Dấu nối viết lại đứng trước mọi ký hiệu khác, ngoại trừ số thứ tự ô nhịp ở lề trang, ký hiệu tay, khóa nhạc, đoạn nhắc lại nhạc điệu, và ký hiệu chỉ nhịp. (Xem Mục [35.3.2](#) về viết lại dấu nối trong thanh nhạc.) Viết lại dấu nối hợp âm (Xem Mục [10.2](#)) cũng tuân theo quy tắc tương tự.

Ví dụ 10.1.2-1.

10.1.3. Viết lại dấu hóa bất thường đi cùng nốt được nối

Với một nốt thăng/giáng do dấu hóa bất thường, khi nốt này được nối từ ô nhịp này sang ô nhịp khác, dấu hóa được viết lại nếu nó cũng được viết lại trong bản phổ thông. Dấu hóa cũng được viết lại kèm một chấm 5 đứng trước, khi nó không được ghi trong bản phổ thông và ô nhịp mới nằm ở vị trí bắt đầu dòng chữ nối hoặc đoạn song song mới, hoặc khi nó theo sau một đoạn cắt ngang lớn. Nếu ô nhịp tiếp tục được viết trên cùng một dòng, dấu hóa sẽ được nhắc lại, ngược lại, khi nốt được nối thứ hai rơi vào phần đầu của một dòng kéo dài (dòng viết tiếp ô nhịp chưa hoàn chỉnh từ dòng trước) thì không được nhắc lại dấu hóa.

Ví dụ 10.1.3-1.

Ví dụ 10.1.3-2.

10.2. Dấu nối hợp âm

Dấu nối cho hợp âm ::: được dùng khi có nhiều hơn một nốt được nối lại giữa hai hợp âm. Ví dụ 10.2-1 thể hiện dấu nối dùng cho toàn hợp âm. Ví dụ 10.2-2 minh họa dấu nối hợp âm giữa các hợp âm chứa một số nốt không được nối. Nếu một hay nhiều nốt trong hai hợp âm liên tiếp được lặp lại trong khi những nốt khác vẫn được nối, phải dùng ký hiệu dấu nối đơn cho mỗi nốt hoặc quãng được nối. Ví dụ 10.2-3 minh họa các nốt được nhắc lại kết hợp với các nốt được nối.

Ví dụ 10.2-1.

Ví dụ 10.2-2.

Ví dụ 10.2-3.

10.2.1. Dấu nối hợp âm có quãng nhân đôi

Nếu hai hợp âm được nối lại trong một đoạn liên tiếp chứa các hợp âm viết bằng quãng nhân đôi, không được cắt ngang phần nhân đôi.

Ví dụ 10.2.1-1.

10.2.2. Nhân đôi dấu nối hợp âm

Khi có từ 4 hợp âm liên tiếp trở lên được nối lại bằng dấu nối hợp âm, ký hiệu dấu nối có thể được nhân đôi bằng cách viết lại ô thứ hai.

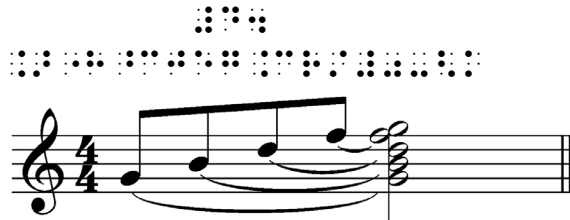
Ví dụ 10.2.2-1.



10.2.3. Chồng các hợp âm rải

Ký hiệu hợp âm rải chồng lên nhau $\text{♯} \text{♯} \text{♯}$ được đặt sau nốt đầu tiên trong các nốt chồng, và dấu nối hợp âm được thêm vào (a) giữa nốt cuối cùng của hợp âm rải và hợp âm cuối khi dấu nối dẫn đến các nốt của hợp âm, hoặc (b) trước nốt cuối cùng của các nốt chồng khi dấu nối không dẫn đến các nốt của hợp âm. Có thể áp dụng phép chồng các hợp âm rải (c) khi giá trị của các nốt chồng đã được trình bày ở giá trị đúng của chúng bằng các đuôi nốt riêng biệt và do đó được chuyển đổi thành các ký hiệu đuôi nốt trong chữ nổi.

Ví dụ 10.2.3-1. (a)



Ví dụ 10.2.3-2. (b)



Ví dụ 10.2.3-3. (c)



10.3. Nối với các nốt ẩn

Khi các nốt được nối với các cao độ tương ứng, rõ ràng là được ngâm chỉ mà không ghi trong bản phổ thông, thì trong bản nổi phải ghi ra các nốt này cùng giá trị phù hợp của chúng. Trong chuyển đổi y bản, đặt một dấu hoa thị trong âm nhạc trước các nốt ẩn, nhằm chỉ đến chú thích của người chuyển đổi. Có thể ghi

chú như sau: "Dễ dàng nhận ra ý định của tác giả, dù các nốt này không được trình bày trong bản phổ thông gốc."

Ví dụ 10.3-1.

11. KÝ HIỆU KẸP VÀ PHÂN CHIA Ô NHỊP

(Bảng 11)

11.1. Phương pháp kẹp

Trong cùng một ô nhịp, nếu có hai hay nhiều bè đồng thời không thể viết như những hợp âm thì chúng được viết liên tiếp và kết hợp với nhau bằng một dấu kẹp, mà không có khoảng trắng xen giữa. Các bè được trình bày theo cách này có thể bao gồm toàn bộ ô nhịp, hoặc ô nhịp đó có thể được chia thành nhiều phần nhỏ (tiết đoạn) sao cho thuận tiện, mỗi tiết đoạn được coi là một đơn vị riêng lẻ. Ký hiệu kẹp toàn bộ ô nhịp hay các ký hiệu phân chia ô nhịp và kết nối các đoạn kẹp một phần ô nhịp là khác nhau. Trong mọi trường hợp, thứ tự viết các bè bị chi phối bởi các nguyên tắc giống như các nguyên tắc áp dụng cho cách viết các quãng: các bè bổng (bè treble) viết lần lượt từ cao xuống thấp, các bè trầm (bè bass) viết lần lượt từ thấp lên cao. (Xem Mục 9.2) Nốt đầu tiên sau bất cứ ký hiệu nào kẻ trên đều phải có dấu bậc, và dấu bậc cũng phải được thêm vào đầu một ô nhịp khác theo sau một ô nhịp kết thúc bằng một đoạn kẹp.

11.1.1. Ký hiệu kẹp toàn bộ ô nhịp

Khi dùng phương pháp kẹp để chỉ đoạn nhạc chứa một ô nhịp hoàn chỉnh cho một bè trên tay (trái/phải) hoặc một bè khác có chứa hai hoặc nhiều thao tác độc lập, các bè cấu thành được kết hợp bằng ký hiệu kẹp toàn bộ ô nhịp. Mỗi bên của đoạn kẹp phải bao gồm chính xác một ô nhịp đủ các giá trị hình nốt. Nếu trên bản nổi cần phải viết các dấu lặng ẩn không được viết rõ trên bản phổ thông, mỗi dấu lặng được người chuyển đổi thêm vào phải có một chấm 5 đứng trước.

Ví dụ 11.1.1-1.

Braille notation for Example 11.1.1-1 is shown above a single staff in 2/4 time. The notation consists of two lines of Braille characters. The musical staff shows a melody starting with a quarter rest, followed by quarter notes G4, A4, B4, and C5, then eighth notes B4, A4, G4, and F4, and ending with a whole note chord G4-B4.

Ví dụ 11.1.1-2.

Braille notation for Example 11.1.1-2 is shown above a single staff in 3/4 time. The notation consists of two lines of Braille characters. The musical staff shows a melody starting with a quarter note G2, followed by quarter notes A2, B2, and C3, and ending with a whole note chord G2-B2.

Ví dụ 11.1.1-3.

Braille notation for Example 11.1.1-3 is shown above a grand staff in 4/4 time. The notation consists of two lines of Braille characters. The musical staff shows a melody in the right hand starting with a quarter note G4, followed by quarter notes A4, B4, and C5, then quarter notes B4, A4, G4, and F4, and ending with a whole note chord G4-B4. The left hand plays a bass line of quarter notes G2, A2, B2, and C3, then quarter notes B2, A2, G2, and F2, and ending with a whole note chord G2-B2.

Ví dụ 11.1.1-4.

Braille notation for Example 11.1.1-4 is shown above a grand staff in 3/4 time. The notation consists of two lines of Braille characters. The musical staff shows a melody in the right hand starting with a quarter note G4, followed by quarter notes A4, B4, and C5, then quarter notes B4, A4, G4, and F4, and ending with a whole note chord G4-B4. The left hand plays a bass line of quarter notes G2, A2, B2, and C3, then quarter notes B2, A2, G2, and F2, and ending with a whole note chord G2-B2.

11.1.2. Ký hiệu kẹp một phần ô nhịp

Khi đoạn nhạc chứa một ô nhịp quá dài hoặc quá phức tạp đến nỗi không thể viết ra một cách rõ ràng như cách kẹp toàn ô nhịp thì nên chia ô nhịp đó thành nhiều tiết đoạn sao cho thuận tiện, mỗi tiết đoạn được coi là một đơn vị riêng lẻ. Ký hiệu phân chia ô nhịp đứng giữa các tiết đoạn mà không có bất kỳ khoảng trắng nào xen giữa. Ký hiệu kẹp một phần ô nhịp kết nối các bè của tiết đoạn được tạo thành. Đoạn nhạc trên mỗi bên của ký hiệu kẹp phải bao gồm chính xác cùng một tổng số giá trị hình nốt. Trong nhiều trường hợp, người chuyển đổi phải tùy ý lựa chọn giữa kẹp toàn phần và phân chia ô nhịp bằng một hoặc nhiều

đoạn kẹp một phần. Chỉ có ký hiệu kẹp một phần ô nhịp mới có thể sử dụng cho một ô nhịp thiếu.

Ví dụ 11.1.2-1.

Ví dụ 11.1.2-2.

11.1.3. Kẹp lồng ghép

Một đoạn kẹp một phần ô nhịp có thể được bao hàm trong một đoạn kẹp toàn bộ ô nhịp. Các đoạn kẹp một phần ô nhịp không nên được chia nhỏ hơn nữa.

Ví dụ 11.1.3-1.

11.1.4. Các giọng đan xen với nhau

Khi các bè được đan xen với nhau trong âm nhạc đối âm (contrapuntal), hướng các đuôi nốt nhạc thường được dùng để xác định thứ tự các bè của đoạn kẹp.

Ví dụ 11.1.4-1.

11.2. Viết lại các dấu hóa bất thường trong đoạn kẹp

Các dấu hóa bất thường viết bằng chữ nổi trước ký hiệu phân chia ô nhịp hoặc trước một trong hai loại ký hiệu kẹp kê trên không ảnh hưởng đến các hình nốt trong cùng một ô nhịp được chuyển thành chữ nổi sau ký hiệu đó. Do đó, thông thường cần phải viết lại các dấu hóa bất thường để tránh các lỗi có thể xảy ra trong khi đọc nhạc. Các dấu hóa bất thường được người chuyển đổi thêm vào phải có dấu chấm 5 đặt trước.

Ví dụ 11.2-1.

The example shows a musical staff in 4/4 time with a key signature of one sharp (F#). The melody consists of quarter notes: F#4, G4, A4, B4, A4, G4, F#4, E4, D4, C4. Above the staff is the corresponding Braille notation, which includes a key signature change (F#) and a time signature change (4/4) at the beginning, followed by the notes for each measure.

11.3. Các đoạn nhân đôi và dấu luyện được duy trì trong các đoạn kẹp liên tục

Các ký hiệu quãng hoặc sắc thái vẫn có hiệu lực khi chúng được nhân đôi theo cùng bên của các ô nhịp liên tục chứa đoạn kẹp toàn phần. Cần chú ý đến tất cả các hạn chế liên quan đến phép nhân đôi. Tương tự, các dấu luyện kép hay luyện ngoặc cũng được duy trì hiệu lực. (Xem Mục [13.6.1](#) về dấu luyện được di chuyển giữa các bè của đoạn kẹp.)

Ví dụ 11.3-1.

The example shows a musical staff in 3/4 time with a key signature of one flat (Bb). The melody consists of quarter notes: Bb3, A3, G3, F3, E3, D3, C3. A slur is placed under the notes Bb3, A3, G3, F3, E3, D3, C3. Above the staff is the corresponding Braille notation, which includes a key signature change (Bb) and a time signature change (3/4) at the beginning, followed by the notes for each measure.

11.4. Phân chia một ô nhịp giữa các dòng

Bất cứ khi nào một ký hiệu kẹp hoặc ký hiệu phân chia ô nhịp xuất hiện ở cuối dòng chữ nổi, nó biểu thị rằng ô nhịp chưa kết thúc và do đó, sẽ là dư thừa nếu viết thêm một dấu gạch nối âm nhạc. Để duy trì sự gắn kết của các phần càng chặt chẽ càng tốt, tốt nhất là nên phân chia ô nhịp tại một trong các ký hiệu này hơn là phân chia một trong các bè bằng một dấu gạch nối, miễn là cách chia như vậy không kéo theo việc phải thêm các dòng chữ nổi bổ sung không cần thiết.

Ví dụ 11.4-1.



The image shows musical notation for Example 11.4-1. At the top, there are three lines of Braille notation. Below the Braille is a musical staff with a treble clef and a 12/8 time signature. The staff contains a sequence of notes and rests, including some accidentals (sharps and naturals).

12. KÝ HIỆU ĐUÔI NỐT NHẠC

(Bảng 12)

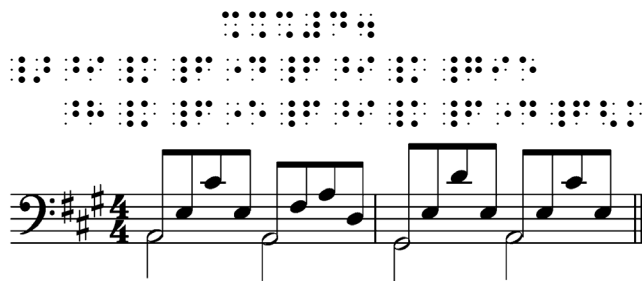
12.1. Chức năng của đuôi nốt nhạc

Đôi khi ký hiệu kẹp không thể hoặc khó diễn tả chính xác các đoạn nhạc chứa những hình nốt được in kèm hai đuôi nốt nhạc mô tả các giá trị giống hoặc khác nhau. Ký hiệu đuôi nốt nhạc được dùng cho mục đích này. Cần thận trọng khi sử dụng ký hiệu đuôi nốt nhạc; ưu tiên sử dụng ký hiệu kẹp khi có thể. Các giá trị hình nốt được thể hiện trên bản phổ thông bằng các đuôi bổ sung đôi khi không phải là giá trị tính theo tỉ lệ của nhịp. Trong những trường hợp như thế, sử dụng ký hiệu đuôi nốt nhạc là cách duy nhất để chuyển đổi bản phổ thông thành nhạc nổi.

12.2. Vị trí đặt ký hiệu đuôi nốt nhạc

Ký hiệu đuôi nốt nhạc được đặt sau hình nốt chứa nó và không có dấu gạch nối âm nhạc xen giữa. Khi hai giá trị đuôi nốt nhạc là khác nhau, sử dụng giá trị lớn hơn làm ký hiệu đuôi nốt nhạc.

Ví dụ 12.2-1.



The image shows musical notation for Example 12.2-1. At the top, there are three lines of Braille notation. Below the Braille is a musical staff with a bass clef and a 4/4 time signature. The staff contains a sequence of notes and rests, including some accidentals (sharps and naturals).

Ví dụ 12.2-2.



A single line of Braille notation consisting of several groups of six dots.

12.3. Các ký hiệu điều chỉnh đuôi nốt nhạc

Ký hiệu đuôi nốt nhạc có thể được thêm dấu chấm dôi bằng cách thức tương tự như hình nốt. Cũng có thể điều chỉnh các ký hiệu đuôi nốt nhạc bằng ký hiệu dấu nổi, dấu luyến, dấu ngoặc trong âm nhạc và các biến thể khác, dấu staccato, và accent. (Xem Bảng [10](#), [13](#), [21](#), và [22](#).)

Ví dụ 12.3-1.

12.4. Quãng có ký hiệu đuôi nốt nhạc

Khi một hợp âm được chuyển thành chữ nổi và có ký hiệu đuôi nốt nhạc, ký hiệu này phải được đặt sau mỗi quãng của hợp âm cũng như sau nốt được viết.

Ví dụ 12.4-1.

13. DẤU LUYẾN

(Bảng [13](#))

13.1. Chức năng của dấu luyến

Ký hiệu dấu luyến trong bản nổi dùng để chỉ sự liên kết và tách biệt giữa các nốt nhạc và được thể hiện bằng những đường cong nằm trên hoặc dưới khuông nhạc trong bản phổ thông. Trong thanh nhạc, dấu luyến còn được dùng để chỉ mỗi

quan hệ giữa âm tiết trong lời bài hát với những nốt nhạc tương ứng, bất kể nó có nằm trong bản phổ thông hay không. (Xem Chương 35 về luyện âm và luyện câu trong thanh nhạc.)

13.1.1. Dấu lặng trong tiết nhạc

Một dấu lặng xuất hiện giữa các nốt trong một câu nhạc (tiết nhạc) được mô tả bằng một đường luyện cong được xem như một nốt nhạc. (Xem Ví dụ 13.3.1-1 và 13.3.2-1.)

13.2. Tiết nhạc chứa đoạn luyện ngắn

Ký hiệu dấu luyện đơn :: dùng để nối một tiết nhạc có 2, 3 hoặc 4 nốt, được ghi sau mỗi nốt trừ nốt cuối cùng. Nó theo sau ký hiệu ngón bất kỳ và được đặt sau quãng cuối của một hợp âm.

Ví dụ 13.2-1.

13.3. Tiết nhạc chứa đoạn luyện dài

Khi luyện hơn 4 nốt, dấu luyện nối được trình bày theo một trong hai cách sau. Thứ nhất, nhân đôi (viết 2 lần) dấu luyện đơn sau nốt đầu tiên của tiết nhạc (và ký hiệu ngón hoặc quãng đi kèm) và kết thúc bằng cách thêm một dấu luyện đơn khác sau nốt nhạc kế cuối. Thứ hai, đặt các nốt luyện giữa cặp ký hiệu :: và :: được gọi là luyện ngoặc. Hai cách này được mô tả trong Ví dụ 13.3-1 bên dưới.

Ví dụ 13.3-1.

(a) Dùng dấu luyện đơn và nhân đôi nó

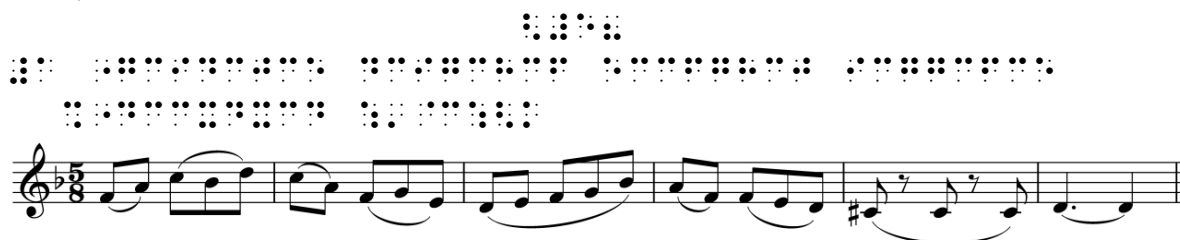
(b) Dùng dấu luyện đơn và luyện ngoặc



13.3.1. Ưu tiên luyện kép hay luyện ngoặc

Dấu luyện kép (nhân đôi) dùng trong thanh nhạc với đoạn luyện âm tiết dài. (Xem Chương 35.) Dấu luyện ngoặc thường được ưa dùng cho các câu luyện dài trong các bản nhạc cho nhạc cụ phím và các nhạc cụ khác. Tuy nhiên, nếu một phần của bản nhạc chứa nhiều tiết nhạc ngắn thì có thể dùng dấu luyện kép khi chỉ có một số ít tiết nhạc có quá 4 nốt. Việc lựa chọn cách này hoàn toàn dựa vào cảm nhận âm nhạc của cá nhân người chuyển đổi.

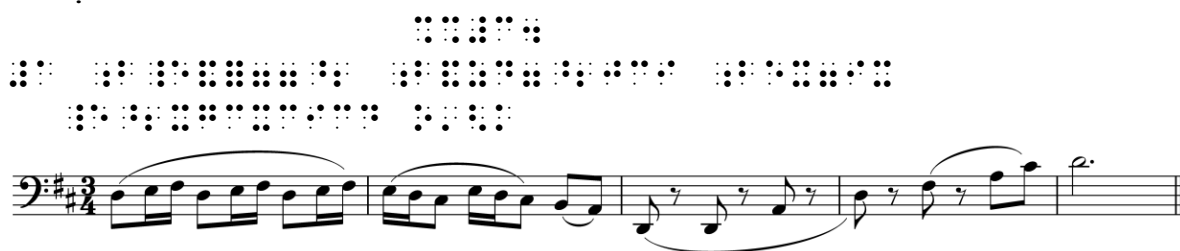
Ví dụ 13.3.1-1.



13.3.2. Cho phép nhắc lại trong bản nổi bằng dấu luyện ngoặc

Trong một vài trường hợp, dấu luyện ngoặc cho phép người chuyển đổi sử dụng dấu nhắc lại một phần ô nhịp trong khi dấu luyện đơn đòi hỏi phải liệt kê toàn bộ các nốt nhạc.

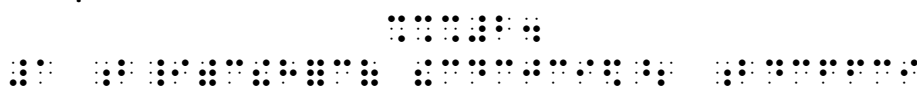
Ví dụ 13.3.2-1.



13.3.3. Luyện chồng/lớp

Khi luyện hai lần trong tiết nhạc hoặc diễn âm thì dấu luyện ngoặc sẽ dùng cho những lớp luyện dài, còn dấu luyện đơn (được nhân đôi khi cần) sẽ dùng cho các lớp luyện ngắn.

Ví dụ 13.3.3-1.

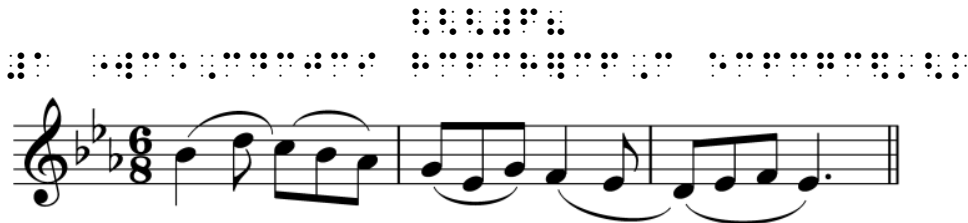




13.4. Dấu luyện hội tụ

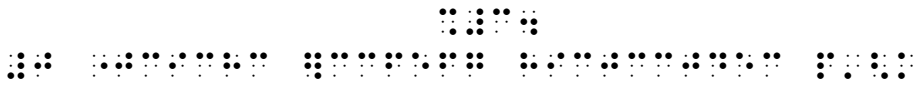
Trong một vài trường hợp, dấu luyện có thể kết thúc trên một nốt nhạc khi có một dấu luyện khác nữa cũng bắt đầu trên cùng nốt nhạc đó. Nếu hai tiết nhạc đều ngắn, một ký hiệu dấu luyện đặc biệt :: được đặt giữa nốt nhạc chung và nốt đứng trước nó. Ví dụ 13.4-1 mô tả việc sử dụng ký hiệu luyện đặc biệt này. Nếu cả hai đều là dấu luyện ngoặc, một ký hiệu 4 ô, chứa ngoặc mở đứng trước và ngoặc đóng theo sau, được đặt trước nốt nhạc chung. Ví dụ 13.4-2 mô tả trường hợp (a) với dấu luyện đơn và kép, và (b) với dấu luyện ngoặc.

Ví dụ 13.4-1.

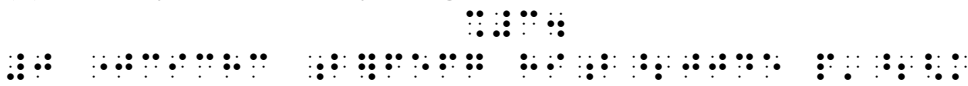


Ví dụ 13.4-2.

(a) Dấu luyện đơn và kép



(b) Dấu luyện đơn và luyện ngoặc

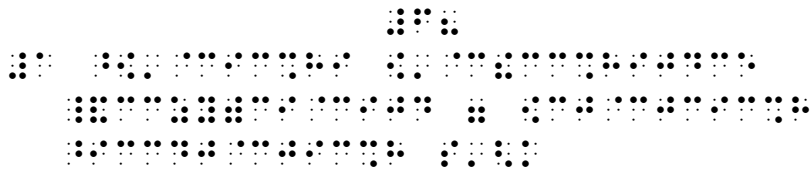


13.5. Dấu luyện và nối

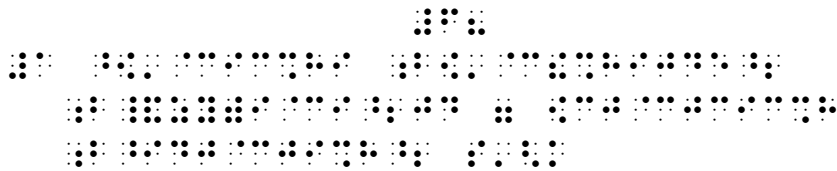
Khi một nốt nhạc vừa được luyện và vừa nối với một nốt khác thì dấu luyện sẽ trở nên dư thừa trong nhạc nối, dù nó có trong bản phổ thông. Trong chuyển đổi lược bản, có thể bỏ dấu luyện đó. Trong chuyển đổi y bản, nếu dấu luyện đơn hoặc dấu luyện ngoặc đóng trùng với nốt được nối, dấu nối phải được đặt sau dấu luyện. Ví dụ 13.5-1 mô tả các trường hợp tiêu biểu cho việc dấu luyện và nối trùng nhau.

Ví dụ 13.5-1.

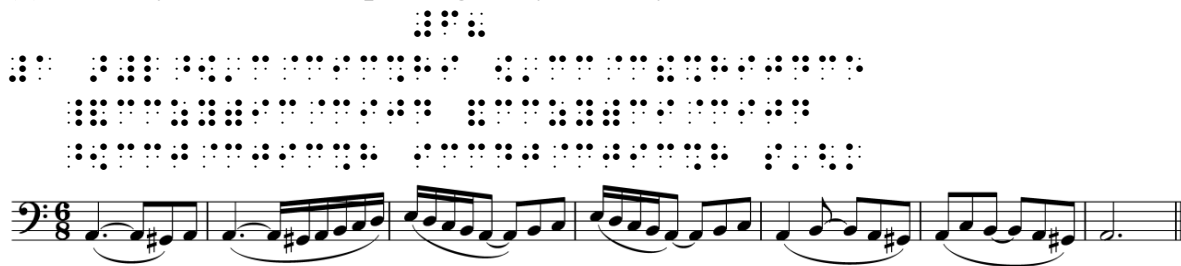
(a) Dấu luyện đơn và kép



(b) Dấu luyện đơn và luyện ngoặc



(c) Dấu luyện đơn và kép trong chuyên đôi y bản



13.6. Luyện giữa các bè

Với bản nhạc phổ thông dùng cho nhạc cụ phím, dấu luyện có thể chuyển từ bè này hay tay này qua bè khác hay tay khác. Ký hiệu dấu luyện được điều chỉnh bằng các cách khác nhau trong bản nổi để chỉ sự khác nhau giữa những dấu luyện này.

13.6.1. Luyện giữa các bè trong cùng một đoạn kẹp

Khi một dấu luyện kéo dài từ bè kẹp này sang bè kẹp khác trên cùng một khuông nhạc, ký hiệu "gửi" (sending) ⠠⠠ được ghi sau nốt cuối cùng của câu luyện để xuất hiện trong bè dấu luyện bắt đầu, gọi là bè "khởi đầu" (originating). Ký hiệu "tiếp tục" (continuation) ⠠⠠⠠ được đặt trước nốt đầu tiên của câu tiếp nối ở bè "nhận" (receiving). Cách sử dụng các ký hiệu này được điều chỉnh dựa vào các điều kiện sau:

(a) Trong tiết nhạc ngắn, nếu tiết nhạc đã nằm hoàn toàn trong một bè đơn lẻ, dấu luyện đơn đặt sau nốt cuối trong bè "khởi đầu" được thay thế bằng ký hiệu "gửi". Ký hiệu "tiếp tục" đặt trước nốt đầu tiên trong phần tiếp tục của bè nhận, những dấu luyện đơn còn lại được viết như bình thường nếu phần tiếp tục chứa 2 hoặc 3 nốt.

(b) Với đoạn luyện dài dùng dấu luyện ngoặc, ký hiệu "tiếp tục" có thể được lược bỏ nếu phần tiếp tục nằm ở điểm bắt đầu ô nhịp hoặc đoạn song song tiếp theo.

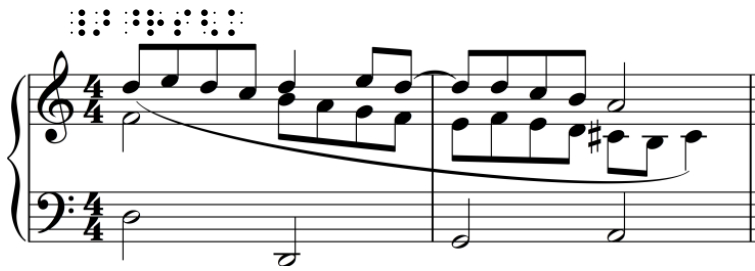
(c) Với đoạn luyện dài dùng dấu luyện kép, khi tiết nhạc trong bè "khởi đầu" chỉ gồm 1 nốt, dấu luyện "gửi" sẽ được nhân đôi bằng cách viết lại ô thứ 2 của nó và thay cho dấu luyện kép ban đầu (dấu đặt sau nốt đầu tiên nếu câu nhạc được tiếp tục trong phần này).

(d) Với đoạn luyện dài dùng dấu luyện kép, nếu tiết nhạc trong bè "nhận" chỉ gồm 1 nốt thì ký hiệu "tiếp tục" sẽ dùng để kết thúc đoạn luyện. Nếu tiết nhạc trong bè nhận gồm 2 nốt trở lên thì ký hiệu "tiếp tục" được nhân đôi bằng cách viết lại ô thứ 3 của nó, nhưng có thể lược bỏ nếu phần tiếp tục nằm ở điểm bắt đầu ô nhịp hoặc đoạn song song tiếp theo. Kết thúc đoạn luyện như thường lệ bằng cách đặt một dấu luyện đơn sau nốt nhạc kế cuối của tiết nhạc.

Ví dụ 13.6.1-1. Tiết nhạc ngắn dùng dấu luyện đơn

Ví dụ 13.6.1-2. Tiết nhạc dài dùng dấu luyện ngoặc

Ví dụ 13.6.1-3. Tiết nhạc dài dùng dấu luyện kép



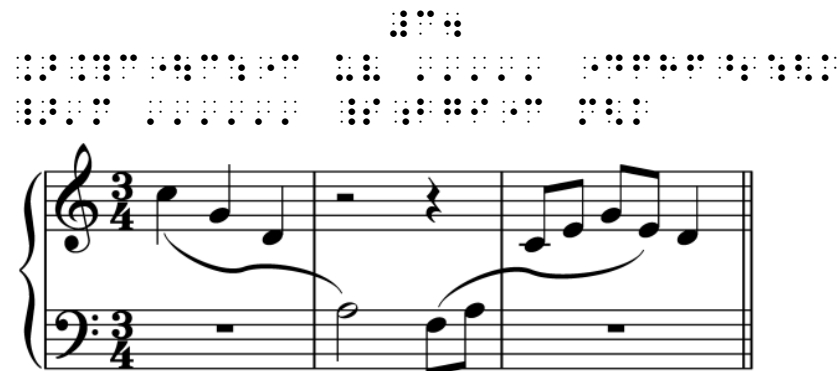
Ví dụ 13.6.1-4. Tiết nhạc dài dùng dấu luyện kép



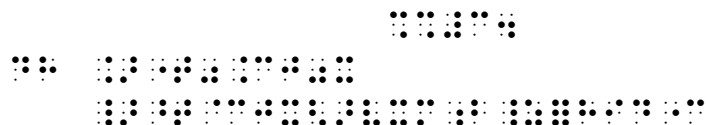
13.6.2. Luyện giữa các khuông nhạc

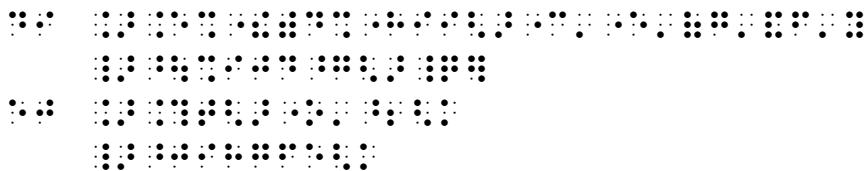
Ký hiệu luyện di chuyển trill chỉ vị trí dấu luyện bắt đầu ở khuông nhạc này rồi kéo qua khuông nhạc khác. Ký hiệu này thay cho dấu luyện đơn trong những đoạn luyện ngắn. Giữa đoạn luyện dài, nó là ký hiệu thêm vào đặt giữa dấu luyện kép và luyện ngoặc đóng, hoặc giữa hai dấu luyện ngoặc. Ví dụ 13.6.2-1 mô tả dấu luyện di chuyển khi thay thế cho dấu luyện đơn và khi làm ký hiệu thêm vào giữa hai dấu luyện ngoặc. Nếu chưa rõ liệu bè kẹp nào có thể là phần tiếp diễn của tiết nhạc chứa luyện chuyển, ký hiệu bổ sung trill được đặt ở điểm bắt đầu phần này. Ví dụ 13.6.2-1 mô tả cách sử dụng ký hiệu này.

Ví dụ 13.6.2-1.



Ví dụ 13.6.2-2.





13.6.3. Đường thẳng nối các khuông nhạc

Đường thẳng nối nốt này của một khuông nhạc đến nốt kia của khuông nhạc khác trong bản phổ thông là đường chuyển đổi giai điệu giữa hai khuông nhạc. Nó được mô tả bằng ký hiệu :: đặt sau nốt đầu tiên trong hai nốt. Nếu chưa rõ liệu bè kẹp nào có thể là phần tiếp diễn của tiết nhạc, ký hiệu để kết thúc đường thẳng giữa các khuông nhạc ::: được đặt ở điểm bắt đầu phần tiếp diễn.

Ví dụ 13.6.3-1.



13.7. Ký hiệu phân đôi tiết nhạc

Tiết nhạc phân đôi đôi khi được mô tả bằng hai dấu luyến nối tiếp nhau, viết bằng ký hiệu : đặt sau nốt cuối cùng của dấu luyến đầu tiên.

Ví dụ 13.7-1.



13.8. Sắc thái luyện

Khi một đoạn luyện ngắn được thêm sắc thái đơn thì ký hiệu thể hiện sắc thái đó được đặt trước mỗi nốt. Trong đoạn luyện dài có sắc thái nhân đôi bắt đầu tại điểm đầu hoặc kết thúc tại điểm cuối của đoạn luyện, ký hiệu sắc thái nằm ngoài dấu luyện kép hoặc nằm trong dấu luyện ngoặc.

Ví dụ 13.8-1.

(a) Dấu luyện đơn và kép

Braille notation for example 13.8-1(a), showing single and double practice marks.

(b) Dấu luyện đơn và dấu luyện ngoặc

Braille notation for example 13.8-1(b), showing single and bracketed practice marks, followed by a musical staff with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 6/8 time signature. The staff contains a melodic line with various rhythmic values and phrasing slurs.

13.9. Đoạn luyện chứa các nốt dựa ngắn

Những đoạn luyện ngắn độc lập chứa các nốt dựa ngắn trong bản chuyển đổi lược bản, như các dấu luyện khác, sẽ được trình bày bằng các ký hiệu dấu luyện kép hoặc dấu luyện ngoặc nếu có hơn 4 nốt nhạc được luyện liên tiếp nhau. Nếu những đoạn luyện ngắn đó nằm trong một đoạn luyện dài thì đoạn luyện ngắn sẽ dùng dấu luyện đơn hoặc kép, còn đoạn luyện dài phải dùng dấu luyện ngoặc dù cho tổng số nốt nhạc ít hơn 4.

Ví dụ 13.9-1.

(a) Dấu luyện đơn và kép

Braille notation for example 13.9-1(a), showing single and double practice marks.

(b) Dấu luyện đơn và dấu luyện ngoặc

Braille notation for example 13.9-1(b), showing single and bracketed practice marks, followed by a musical staff with a treble clef and a 3/4 time signature. The staff contains a melodic line with various rhythmic values and phrasing slurs.

Ví dụ 13.9-2.

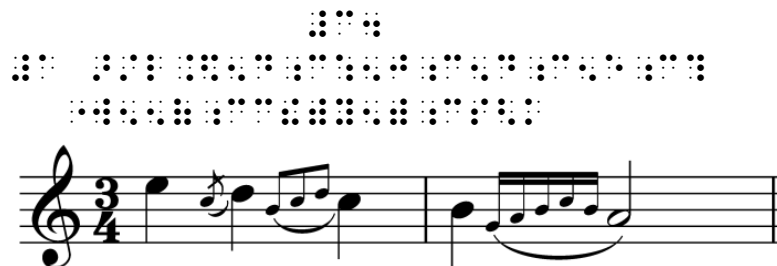
Braille notation for example 13.9-2, showing single and double practice marks.



13.9.1. Luyện nốt dựa trong chuyển đổi y bản

Trong chuyển đổi y bản, ký hiệu dấu luyện đặc biệt $\text{::}\text{::}$ được dùng cho những đoạn luyện ngắn độc lập. Nếu có từ 4 nốt dựa liên tiếp trở lên, ký hiệu này được nhân đôi bằng cách viết lại ô thứ 2 của nó; dấu luyện ngoặc không dùng trong trường hợp này.

Ví dụ 13.9.1-1.



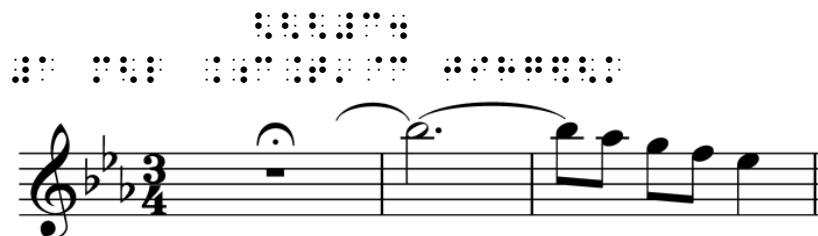
13.10. Luyện không có nốt bắt đầu hoặc kết thúc

Trong bản phổ thông, dấu luyện có thể không có điểm bắt đầu hoặc điểm kết thúc ở bất kỳ nốt nhạc nào. Trong bản nổi sẽ dùng những ký hiệu đặc biệt để thể hiện các dấu luyện này.

13.10.1. Luyện không bắt đầu từ nốt

Ký hiệu $\text{::}\text{::}$ được dùng để mô tả dấu luyện không bắt đầu từ nốt nào. Nó được đặt ngay trước nốt kết thúc luyện và trước bất kỳ dấu bậc, dấu hóa hay dấu chỉ sắc thái nào đi kèm. Ký hiệu này có thể không được nhân đôi.

Ví dụ 13.10.1-1.



13.10.2. Luyện không kết thúc tại nốt

Trong bản nhạc dùng nhạc cụ có khả năng kéo dài âm thanh và để âm thanh nhỏ dần khi chơi, có thể dùng dấu luyện không kết thúc tại một nốt nhạc nào, được

mô tả bằng ký hiệu $\text{::}\text{::}$. Nó đứng sau nốt mà dấu luyến bắt đầu và các ký hiệu ngón liên quan. Nếu những dấu luyến này bắt đầu từ các nốt trong một hợp âm thì ký hiệu luyến phải được đặt sau nốt đó và sau mỗi quãng. Các ký hiệu âm nhạc khác như dấu lặng, nốt nhạc hoặc vạch nhịp kép có thể đứng sau dấu luyến này. Ký hiệu dấu luyến này có thể không được nhân đôi.

Ví dụ 13.10.2-1.

14. DẤU NGÂN RUNG

(Bảng 14)

14.1. Các loại ngân rung

Có hai loại ký âm được các nhà nghiên cứu âm nhạc đặt tên là "dấu ngân rung". Loại thứ nhất thường được nhắc đến như "dấu phân chia" trong nhạc nổi, thể hiện việc lặp lại một nốt đơn lẻ hoặc một hợp âm, thường bằng một hoặc nhiều dấu gạch chéo xuyên qua đuôi nốt nhạc hoặc nhiều dấu chấm ở trên hoặc dưới một hình nốt có giá trị trường độ dài hơn; loại còn lại thể hiện việc các nốt hoặc các phần của một hợp âm luân phiên nhau, thường được thể hiện trong bản phổ thông bằng các giá trị hình nốt bằng nhau được nối với nhau bởi các đường thẳng song song. Mỗi loại ngân rung có thể được trình diễn theo nhịp hoặc không, do người trình diễn trong thực tế quyết định và không có phân biệt trong bản ghi chép hay chuyển đổi. (Xem Mục [25.6](#): Dấu ngân rung trong các nhạc cụ dây dùng vĩ.)

14.2. Ngân rung lặp nốt

Ký hiệu chữ nổi dành cho dấu lặp nốt, gồm tiền tố $\text{:}\text{:}$ và một giá trị chỉ sự lặp lại trong một giá trị trường độ nhất định, được đặt sau một nốt bị ảnh hưởng hoặc sau quãng cuối nếu đó là hợp âm, và chỉ được ngăn cách khỏi đó bằng các dấu chấm hoặc các ký hiệu ngón. Khi trong bản phổ thông có 4 hình nốt liên tiếp trở lên vì vậy mà bị phân nhỏ trong cùng một giá trị trường độ, ký hiệu chữ nổi có thể được nhân đôi bằng cách viết ô thứ hai của ký hiệu đó hai lần.

Ví dụ 14.2-1.

$\text{:}\text{:}$

Ví dụ 15.1-1.

Example 15.1-1 shows a musical score in 6/8 time. The score consists of two staves: a treble clef staff and a bass clef staff. The melody is played in the right hand, and the bass line is in the left hand. The piece is in a major key. The notation includes fingerings: 1, 1, 4, 5 in the right hand and 5, 1, 4, 3, 2 in the left hand. Above the score, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes and fingerings.

15.2. Thay đổi ngón bấm

Sự thay đổi ngón bấm ở một nốt hoặc một quãng được thể hiện bằng cách đặt ký hiệu ♯ giữa hai ký hiệu ngón bấm.

Ví dụ 15.2-1.

Example 15.2-1 shows a musical score in 3/4 time. The score consists of two staves: a treble clef staff and a bass clef staff. The piece is in a minor key. The notation includes fingerings: 2, 1, 4-2 in the right hand and 5, 1-5, 1-5 in the left hand. Above the score, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes and fingerings.

15.3. Các nốt liền kề bằng một ngón

Việc một ngón tay chơi hai nốt liền kề nhau phải được biểu thị sau cả hai nốt hoặc hai quãng đó.

Ví dụ 15.3-1.

Example 15.3-1 shows a single Braille notation symbol consisting of two groups of six dots, representing two adjacent notes played by the same finger.

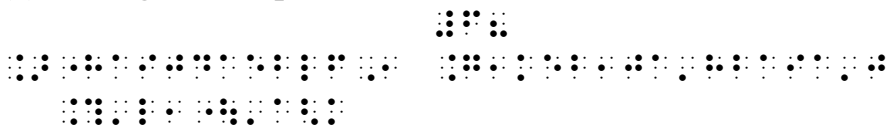


15.4. Các ngón bấm luân phiên

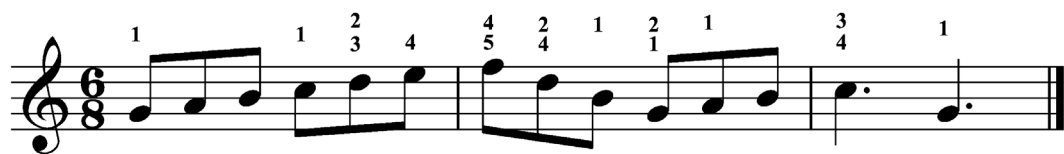
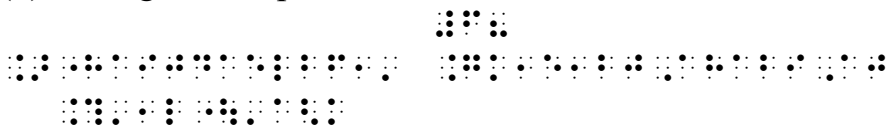
Các ngón bấm luân phiên được thể hiện bằng cách đặt hai ngón bấm sau hình nốt hoặc quãng. Thứ tự viết các ký hiệu này không quan trọng, nhưng một khi thứ tự đó đã được thành lập, nó phải được duy trì nghiêm ngặt để tránh gây nhầm lẫn. Nếu trong một đoạn như vậy, một trong số các ngón bấm được bỏ ra khỏi bất cứ một hoặc nhiều nốt nào, vị trí của nó phải được lấp bằng chấm 6 đối với lần thay đổi đầu tiên và chấm 3 với lần thay đổi thứ hai. Không cần phải thêm các dấu chỉ vị trí này vào các ngón bấm đơn lẻ đi trước hoặc sau đoạn có các ngón bấm luân phiên. Ví dụ 15.4-1 được minh họa bằng (a) một loạt các ngón bấm phía trên trước, và (b) một loạt các ngón bấm phía dưới trước. (Xem Mục [9.3.6](#) để xem cảnh báo về việc không sử dụng các quãng nhân đôi chung với các ngón bấm.)

Ví dụ 15.4-1.

(a) Các ngón bấm phía trên trước



(b) Các ngón bấm phía dưới trước



15.4.1. Các ngón bấm luân phiên thể hiện trong các đoạn kẹp

Nếu có từ hai ngón bấm trở lên, đoạn nhạc phải được viết lại cho mỗi ngón bấm bằng cách dùng ký hiệu kẹp. Nó cũng phải được viết lại bất cứ khi nào các ngón bấm luân phiên được dùng cho nhạc cụ dây. (Xem Mục [25.4.2](#); xem thêm Mục [21.5-21.5.3](#) về các biến thể khác rộng hơn.)

Ví dụ 15.4.1-1.

The image shows a musical example with Braille notation above a treble clef staff. The melody consists of a series of eighth notes followed by a quarter note. Below the staff, the following fingerings are indicated:

5	2	1		1		
5	3	2		2	3	4
5	1	2	3	1	3	4

16. CÁC DẤU HOA MỸ

(Bảng 16)

16.1. Giải nghĩa các dấu hoa mỹ

Danh sách các ký hiệu tương đương trong nhạc nôi của một số các biểu tượng dấu hoa mỹ phổ biến nhất được liệt kê ở các phần (A), (B), và (C) trong Bảng 16. Một điều quan trọng cần biết là các nhà soạn nhạc, các biên tập viên và các thời đại khác nhau trong lịch sử không có một cách nhất quán để diễn giải các dấu hoa mỹ này. Tương tự, các biểu tượng giống hoặc tương tự nhau có thể được biết đến với những cái tên khác nhau. Người chuyển đổi phải thường xuyên dựa vào hình dạng của biểu tượng trong bản phổ thông, chứ không phải ý nghĩa của nó, để chọn ký hiệu chữ nôi thích hợp nhất.

16.2. Các nốt dựa

Nốt dựa được in dưới dạng một nốt nhỏ có một dấu gạch chéo xuyên qua đuôi nốt, hoặc là một phần của một nhóm các nốt dựa liên tiếp được in dưới dạng các nốt nhỏ, được thể hiện bằng một nốt dựa ngắn trong nhạc nôi. Một nốt dựa đơn lẻ không có dấu gạch chéo xuyên qua đuôi nốt được viết thành một nốt dựa dài trong nhạc nôi. Theo định nghĩa, sẽ chỉ có một nốt dựa dài đứng trước một nốt thường. Các giá trị của các nốt dựa không được cộng vào tổng các giá trị tiết tấu của ô nhịp đó. Ký hiệu nốt dựa được thể hiện bằng chữ nôi trước nốt nhỏ mà nó tác động, trước một dấu hóa bất thường hoặc dấu bậc. Nốt dựa nên luôn được viết trong cùng một dòng chữ nôi với nốt mà nó tô điểm thêm nếu không có dấu vạch nhịp nào xen ngang. Ký hiệu nốt dựa được nhân đôi khi có từ bốn nốt dựa liên tiếp trở lên. Phép lập nhóm chữ nôi không bao giờ được dùng cho các nốt dựa. (Xem Mục 13.9 về dấu luyến với nốt dựa.)

Ví dụ 16.2-1.

Braille representation of the musical notation for Example 16.2-1.

16.2.1. Nốt dựa có quãng

Khi một hợp âm được in dưới dạng một nốt dựa, ký hiệu cho nốt dựa được dùng cho cả nốt đó và các quãng.

Ví dụ 16.2.1-1.

Braille representation of the musical notation for Example 16.2.1-1.

16.2.2. Việc lập nhóm không bị nốt dựa ảnh hưởng

Do nốt dựa không được tính vào tổng các giá trị tiết tấu của ô nhịp, nó không ảnh hưởng đến việc lập nhóm trong nhạc nổi. Sự hiện diện của một nốt dựa móc đơn trong hay sau một nhóm không cản trở việc lập nhóm. Tương tự, sự hiện diện của một nốt dựa có giá trị lớn hoặc nhỏ hơn không phải là dấu hiệu cho phép nhóm nốt nếu nốt hoặc dấu lặng tiếp theo được tính đến là một nốt/dấu lặng móc đơn.

Ví dụ 16.2.2-1.

Braille representation of the musical notation for Example 16.2.2-1.

16.2.3. Nốt dựa và nhân đôi

Trong một đoạn có chứa các nốt dựa mà trong đó có dùng bất cứ phép nhân đôi nào, việc nhân đôi đó được giữ nguyên xuyên suốt trừ khi các nốt dựa không bị

đoạn nhân đôi đó ảnh hưởng, trong trường hợp đó việc nhân đôi phải bị gián đoạn.

Ví dụ 16.2.3-1.

16.3. Dấu láy rền

Ký hiệu dành cho một dấu láy rền được đặt ngay trước nốt bị ảnh hưởng, trước bất cứ dấu hóa bất thường hoặc dấu bậc nào. Nếu một dấu láy rền được cho thấy có ảnh hưởng đến một nốt được đại diện bằng ký hiệu quãng, ký hiệu dấu láy rền trong nhạc nổi được đặt trước dấu quãng đó.

Ví dụ 16.3-1.

16.3.1. Các dấu hóa bất thường và dấu láy rền

Một dấu hóa bất thường được cho thấy có ảnh hưởng đến nốt phụ của một dấu láy rền được viết bằng chữ nổi trước ký hiệu dấu láy rền, dù cho nó ở bất cứ vị trí nào trong bản phổ thông. Một dấu hóa bất thường được cho thấy là dành cho nốt chính thì đương nhiên được viết bằng chữ nổi ở vị trí thích hợp của nó.

Ví dụ 16.3.1-1.

16.3.2. Nhân đôi ký hiệu dấu láy rền

Trong một loạt bốn nốt trở lên có dấu láy rền, ký hiệu dấu láy rền có thể sẽ được nhân đôi miễn là bản thân biểu tượng láy rền trong bản phổ thông không bị một dấu hóa bất thường thay đổi.

Ví dụ 16.3.2-1.

Example 16.3.2-1 shows a musical staff in bass clef with a 4/4 time signature. It contains five measures of music, each starting with a trill sign (tr) above a note. The notes are G2, A2, B2, C3, and D3. The trill signs are double (tr tr) for the first three measures and single (tr) for the last two. Above the staff, there are two rows of Braille notation corresponding to the notes and trill signs.

16.3.3. Ký hiệu ngón có dấu láy rền

Một ký hiệu ngón dùng cho một dấu láy rền được viết bằng chữ nổi sau hình nốt hoặc quãng.

Ví dụ 16.3.3-1.

Example 16.3.3-1 shows a musical staff in treble clef with a 4/4 time signature. It contains four measures of music. The first measure has a dotted quarter note G4 with a trill sign (tr) above it and the number 43 below it. The second measure has an eighth note A4 with a trill sign (tr) above it and the number 1 below it. The third measure has a dotted quarter note B4 with a trill sign (tr) above it and the number 32 below it. The fourth measure has a dotted quarter note C5 with a trill sign (tr) above it and the number 1 below it. Above the staff, there are two rows of Braille notation corresponding to the notes and trill signs.

16.3.4. Dấu láy rền được nối

Khi chỉ có một biểu tượng dấu láy rền xuất hiện, theo sau bởi một đường lượn sóng đi qua từ hai nốt trở lên, ký hiệu dấu láy rền được thể hiện trong bản nổi chỉ một lần, theo sau bởi một đường nối dài thể hiện bằng hai chấm 3; dấu hiệu kết thúc ⠆⠆ chỉ ra điểm dừng của dấu láy rền được nối.

Ví dụ 16.3.4-1.

Example 16.3.4-1 shows a musical staff in treble clef with a 3/4 time signature. It contains six measures of music. The first measure has a dotted quarter note G4 with a trill sign (tr) above it. The second measure has a dotted quarter note A4 with a trill sign (tr) above it. The third measure has a dotted quarter note B4 with a trill sign (tr) above it. The fourth measure has a dotted quarter note C5 with a trill sign (tr) above it. The fifth measure has a dotted quarter note D5 with a trill sign (tr) above it. The sixth measure has a dotted quarter note E5 with a trill sign (tr) above it. Above the staff, there are two rows of Braille notation corresponding to the notes and trill signs.

16.4. Dấu lượn và dấu lượn nghịch đảo

Ký hiệu chỉ một dấu lượn hoặc dấu lượn nghịch đảo được đặt trước nốt hoặc quãng bị ảnh hưởng, dù cho nó ở vị trí nào trong bản phổ thông. Nếu một dấu lượn được cho thấy có ảnh hưởng đến một nốt được đại diện bởi một ký hiệu quãng, ký hiệu chữ nổi của dấu lượn được đặt trước ký hiệu quãng. Tuy nhiên, vị trí của biểu tượng này so với nốt được xác định bởi bản thân ký hiệu chữ nổi đó. Ký hiệu dấu lượn cơ bản $\ddot{\cdot}$ chỉ ra một dấu lượn được in sau nốt được thêm dấu hoa mỹ. Một dấu lượn nghịch đảo được đại diện bởi ký hiệu cơ bản này cùng các chấm 123 theo sau. Biểu tượng dấu lượn được in ngay phía trên hoặc dưới nốt được đại diện bằng ký hiệu tương ứng có chấm 6 đi trước.

Ví dụ 16.4-1.

16.4.1. Dấu hóa bất thường và dấu lượn

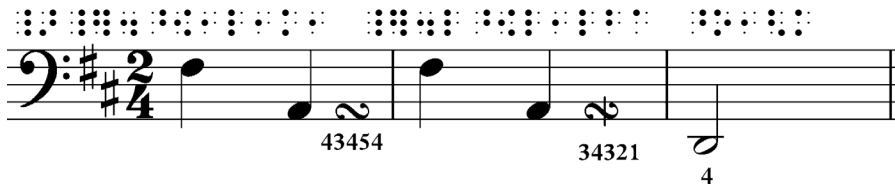
Một dấu hóa bất thường thay đổi nốt phụ cao hơn của một dấu lượn được thể hiện bằng cách đặt một dấu hóa bất thường trong nhạc nổi trước ký hiệu dấu lượn. Một dấu hóa bất thường thay đổi nốt phụ thấp hơn được thể hiện bằng cách thêm chấm 6 trước dấu hóa đó. Khi các dấu hóa bất thường thay đổi cả hai nốt phụ, dấu hóa phía trên được viết trước, theo sau là một chấm 6 rồi đến dấu hóa phía dưới.

Ví dụ 16.4.1-1.

16.4.2. Ký hiệu ngón cùng với dấu lượn

Trong nhạc nổi, ký hiệu ngón đi cùng với một dấu lượn được đặt sau nốt hoặc quãng bị ảnh hưởng.

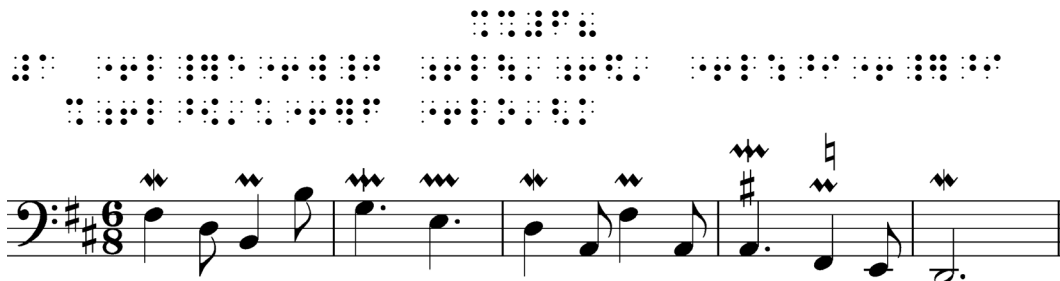
Ví dụ 16.4.2-1.



16.5. Dấu tay

Ký hiệu cho bất cứ loại nào trong bốn loại dấu tay được viết trước nốt hoặc quãng bị ảnh hưởng trong nhạc nổi. Nếu một dấu tay được cho thấy có ảnh hưởng đến một nốt được đại diện bằng một ký hiệu quãng, dấu tay trong nhạc nổi được đặt trước ký hiệu quãng đó. Một dấu hóa bất thường thay đổi dấu tay đó, ở trên hoặc ở dưới nó, được viết trước ký hiệu dấu tay. Ký hiệu ngón được viết sau nốt hoặc quãng đó.

Ví dụ 16.5-1.

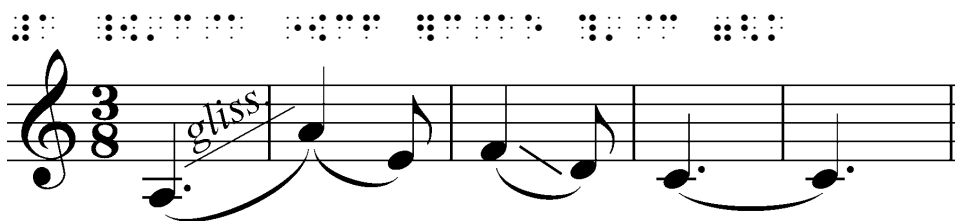


16.6. Ký hiệu dấu vuốt

Ký hiệu nhạc nổi chỉ dấu vuốt ::: đại diện cho một đường thẳng hoặc lượn sóng liên kết các cao độ khởi đầu và kết thúc. Nó được đặt sau nốt đầu tiên trong hai nốt, và sau ký hiệu ngón và/hoặc một dấu luyến đơn nếu dấu luyến này có trong bản phổ thông. Nếu dấu vuốt ảnh hưởng đến các nốt được đại diện bằng các quãng trong hợp âm, ký hiệu này phải được ghi sau mỗi nốt và/hoặc quãng bị ảnh hưởng. Thông thường, không cần trình bày từ "glissando" (dấu vuốt) hoặc từ viết tắt của nó (gliss) như trong bản phổ thông trừ khi cần chuyển đổi y bản. Ký hiệu trong bản phổ thông được đại diện bởi ký hiệu chữ nổi này có thể còn được gọi là dấu luyến – ngắt, chuyển ngón, lướt hoặc chuyển gam (portamento, shift, slide hay glide). (Xem Mục [26.8-26.8.2](#) về chuyển ngón và vuốt trong bản nhạc cho guitar, Mục [35.2](#) về dấu luyến ngắt đi kèm với một dấu luyến âm tiết trong thanh nhạc, và Bảng [16\(E\)](#) và [\(F\)](#) về các dấu tương tự trong bản phổ thông trong các ngữ cảnh khác.)

Ví dụ 16.6-1.





16.6.1. Dấu vuốt trong giá trị thời gian không xác định

Khi một dấu vuốt được thực hiện trong một quãng thời gian mà lẽ ra không thể được trình bày, và quãng thời gian này rất rõ ràng, có thể dùng một dấu hoa thị trong âm nhạc để chỉ đến chú thích của người chuyển đổi nhằm giải thích rõ ràng rằng dấu vuốt này sẽ diễn ra trong chính xác bao lâu, theo phách hoặc theo giá trị nốt.

Ví dụ 16.6.1-1.

16.6.2. Dấu vuốt cùng với các ký hiệu trùng lặp

Nếu một dấu vuốt được viết trong một bản nhạc chuyển đổi theo dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp, các ký hiệu trùng lặp \therefore có thể được dùng ở những điểm thích hợp trong tất cả các bè.

Ví dụ 16.6.2-1.

16.6.3. Dấu vuốt và các nốt xen ngang

Trong một đoạn vuốt có các nốt xen ngang, ký hiệu dấu vuốt có thể được nhân đôi sau nốt đầu tiên và được viết một lần trước nốt cuối của đoạn. Ví dụ, trong bản nhạc cho đàn harp, các nốt ở bậc 1 trong đoạn vuốt có thể được in ra để thể hiện thao tác lên dây đàn.

Ví dụ 16.6.3-1.

The image shows a musical staff in bass clef with a key signature of one sharp (F#) and a 2/4 time signature. The melody consists of a series of notes: G2, A2, B2, C3, D3, E3, F#3, G3, A3, B3, C4, D4, E4, F#4, G4, A4, B4, C5. A wavy line above the notes indicates a glissando. Above the first note (G2), there are two sets of six dots, representing a double glissando symbol. Above the final note (C5), there is one set of six dots, representing a single glissando symbol. The dynamic marking *pp* is written above the first note.

16.6.4. Dấu vuốt xuyên qua một ô nhịp rộng

Khi một dấu vuốt kéo dài xuyên qua một ô nhịp rộng trong một bè viết trên dòng đơn, ký hiệu dấu vuốt phải được đặt giữa hai vạch nhịp (chấm 123) có các khoảng trống xen trước và sau, để đánh dấu ô nhịp rộng đó. Khi một dấu vuốt kéo dài xuyên qua một nhịp rộng trong một dòng của bản nhạc dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp hoặc trong một bản nhạc mở, ký hiệu dấu vuốt phải được căn chỉnh theo hàng dọc như thể nó là một nốt.

Ví dụ 16.6.4-1.

The image shows a musical staff in bass clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 2/4 time signature. The melody consists of a series of notes: G2, A2, B2, C3, D3, E3, F#3, G3, A3, B3, C4, D4, E4, F#4, G4, A4, B4, C5. A wavy line above the notes indicates a glissando. The glissando symbol is placed between the first and second bar lines, with small gaps before and after it. The dynamic marking *gliss.* is written above the symbol.

Ví dụ 16.6.4-2.

The image shows a musical staff in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 2/4 time signature. The melody consists of a series of notes: G4, A4, B4, C5, D5, E5, F#5, G5, A5, B5, C6, D6, E6, F#6, G6, A6, B6, C7. A wavy line above the notes indicates a glissando. The glissando symbol is placed between the first and second bar lines, with small gaps before and after it. The dynamic marking *f* is written above the symbol.

16.7. Các dấu hoa mỹ bắt nguồn từ nhạc jazz

Ý nghĩa để trình diễn các ký hiệu bắt nguồn từ jazz được thể hiện trong Bảng 16(E) chưa được chuẩn hóa. Chúng phải được chuyển đổi dựa theo hình dạng, chứ không phải mục đích của chúng. Ký hiệu dấu hoa mỹ loại này được đặt trước hoặc sau nốt, tùy theo bản phổ thông; nếu ký hiệu được in ngay trên hoặc ngay dưới nốt thì viết trước nốt đó trong bản nổi. Nếu những ký hiệu này ảnh hưởng đến các nốt được đại diện bằng các quãng trong hợp âm, chúng phải được viết cùng với mỗi nốt và/hoặc ký hiệu quãng bị ảnh hưởng. Người chuyển đổi có lẽ sẽ cần phải sáng tạo các ký hiệu dành cho các dấu hoa mỹ ít dùng khác, hoặc dùng các dấu đã có để đại diện cho các biểu tượng gần giống trên bản phổ thông; bất cứ việc phóng tác nào như vậy cũng phải được giải thích trong chú thích của người chuyển đổi. Trường hợp minh họa cuối của ví dụ 16.7-1 bao gồm một cao độ xấp xỉ ở điểm cuối của một đường xiên theo sau một nốt, như mô tả trong Mục 2.5.

Ví dụ 16.7-1.

The image shows a musical notation example. At the top, there are three lines of Braille notation. The first line starts with a double colon (⠆⠆) and contains several groups of Braille characters. The second line continues the Braille notation. The third line is a single line of Braille characters. Below the Braille is a musical staff in 4/4 time, starting with a treble clef and a key signature of one sharp (F#). The staff contains a sequence of notes and rests. Above the staff, there are some markings: a 'U' above the fourth measure, and a blue underline under the first three measures of the staff.

16.8. Các dấu hoa mỹ ít dùng

Các dấu hoa mỹ ít dùng trong bản phổ thông được liệt kê trong Bảng 16(F) có tính biến thiên rất lớn, và luôn luôn phải có một ghi chú miêu tả bản chất của chúng trong bất cứ bản chuyển đổi chữ nổi nào mà chúng có mặt. Nhiều ấn phẩm có chứa các bảng, các lời tựa của ban biên tập, hoặc các chú thích ở cuối trang giải thích ý nghĩa của các dấu hoa mỹ có mặt trong tác phẩm đó.

17. DẤU NHẮC LẠI TRONG BẢN PHỔ THÔNG

(Bảng 17)

17.1. Các ký hiệu bắt đầu và kết thúc nhắc lại

Vạch nhịp kép có hai dấu chấm phía sau, nhằm chỉ bắt đầu đoạn được nhắc lại, được chuyển thành ký hiệu ⠆⠆⠆ trong chữ nổi. Ký hiệu này là một thành phần của ô nhịp: nó được đặt liền trước ký hiệu đầu tiên trong ô nhịp (hoặc một phần ô nhịp) mà không có khoảng trắng hay chấm 3 xen giữa, trừ khi ký hiệu đầu tiên là một cụm từ có chứa một hay nhiều khoảng trắng. Trong trường hợp đó, phải

thêm dấu gạch nối âm nhạc và khoảng trắng trước cụm ký hiệu đầu tiên. (Xem Mục [22.3.8](#).) Khi đoạn được nhắc lại dài hơn một dòng nhạc nổi, thông thường nên đặt nó ở đầu phân đoạn hoặc đoạn song song. Nếu ký hiệu này xuất hiện giữa ô nhịp thì phải thêm một dấu gạch nối trong âm nhạc và một khoảng trắng giữa nó và ký hiệu đứng trước nó. Vạch nhịp kép có hai dấu chấm phía trước, nhằm chỉ kết thúc đoạn được nhắc lại, được chuyển thành ký hiệu :: trong chữ nổi. Nó được đặt liền sau ký hiệu cuối cùng trong ô nhịp mà không có khoảng trắng xen giữa. Nếu ký hiệu này xuất hiện giữa một ô nhịp và phần đứng sau nó của ô nhịp vẫn còn nằm trên cùng một dòng nhạc nổi với phần trước, thì phải thêm một dấu gạch nối trong âm nhạc và một khoảng trắng giữa nó và ký hiệu đứng sau nó. Nốt đầu tiên theo sau ký hiệu bắt đầu hay kết thúc nhắc lại đều phải có một dấu bậc đặc biệt.

Ví dụ 17.1-1.

The image shows musical notation for Example 17.1-1. It consists of two staves. The top staff is a treble clef with a 2/4 time signature. The bottom staff is a bass clef. Above the top staff, there are three lines of Braille notation. Above the bottom staff, there are three lines of Braille notation. The musical notation includes notes, rests, and repeat signs.

17.1.1. Khung thay đổi

Ký hiệu cho khung thay đổi được đặt liền trước ký hiệu đầu tiên trong ô nhịp mà không có khoảng trắng xen giữa. Nốt đầu tiên theo sau ký hiệu khung thay đổi cần có một dấu bậc đặc biệt. Nếu ký hiệu theo sau khung thay đổi chứa chấm 1, 2, hoặc 3, ký hiệu khung thay đổi phải có một chấm 3 đứng sau để phân cách. Ngoài ra cũng có các trường hợp:

(a) Có thể viết từ hai khung thay đổi liên tiếp trở lên trên cùng một dòng nhạc nổi nếu có đủ chỗ.

(b) Nếu có từ hai khung thay đổi trở lên được viết chung và đánh số trong bản phổ thông, mỗi con số phải có dấu báo số trừ khi nó theo sau một dấu gạch nối, và không thêm khoảng trắng giữa các số. Nếu bản phổ thông dùng dấu gạch nối để thể hiện một dãy số thì bản nổi được viết theo bản phổ thông (Ví dụ 17.1.1-2). Dấu phẩy, dấu chấm hoặc bất kỳ dấu câu nào giống với con số ở phần dưới của ô chữ nổi phải được lược bỏ (Ví dụ 17.1.1-3).

(c) Lược bỏ dấu ngoặc in phía trên ô nhịp thay thế cho khung thay đổi.

(d) Nếu số thứ tự ô nhịp in trên bản nhạc cho thấy nhà xuất bản đã đánh các số trùng nhau cho các ô nhịp có khung thay đổi liên tiếp, bản nổi phải viết theo như bản phổ thông, kèm theo lời giải thích viết trong chú thích của người chuyển đổi.

Ví dụ 17.1.1-1.

Ví dụ 17.1.1-2.

Ví dụ 17.1.1-3.

17.2. Nhắc lại không tuần hoàn

Khi bản phổ thông dùng một đường lượn sóng, đường nét đứt hay yếu tố hình ảnh nào khác để nhắc lại, dùng ký hiệu \therefore trong bản nổi. Ký hiệu này phải được viết lại trong mỗi ô nhịp, hoặc trong bản nhạc không chia ô nhịp, ở đầu mỗi phân đoạn hoặc đoạn song song.

Ví dụ 17.2-1.

17.3. Biểu tượng nhắc lại ô nhịp trong bản phổ thông

Trong bản phổ thông, khi nhắc lại ô nhịp ngay trước đó, người ta dùng biểu tượng gồm một nét gạch xiên đặt giữa hai dấu chấm. Biểu tượng này được đặt giãn cách trên khuôn nhạc tương tự như một ô nhịp. Trong bản nổi, sử dụng ký hiệu nhắc lại toàn bộ ô nhịp cho biểu tượng trên. (Xem Mục [18.2-18.2.1](#) và Ví dụ 18.2.1-1.)

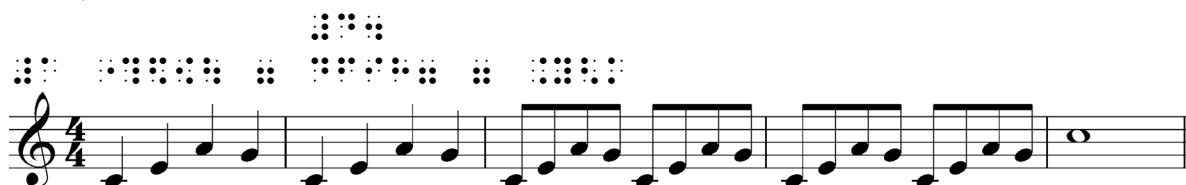
18. NHẮC LẠI TOÀN PHẦN VÀ MỘT PHẦN Ô NHỊP, DI CHUYỂN SONG SONG, VÀ VIẾT TẮT CHUỖI TRONG NHẠC NỔI

(Bảng 18)

18.1. Cách dùng chung của ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi

Các ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi được sử dụng tự do hơn nhiều so với trong bản phổ thông. Dùng ký hiệu nhắc lại nhạc nổi \therefore , với một số hạn chế, để biểu thị nhắc lại cả ô nhịp hoặc chỉ một phần ô nhịp liền trước. Ngoại trừ trường hợp như mô tả dưới đây, chỉ dùng ký hiệu này khi đoạn nhắc lại có cùng sắc thái và các đánh dấu khác áp dụng cho các nốt hay phần ô nhịp trong đoạn gốc. Không dùng ký hiệu này cho đoạn nhạc dài hơn một ô nhịp.

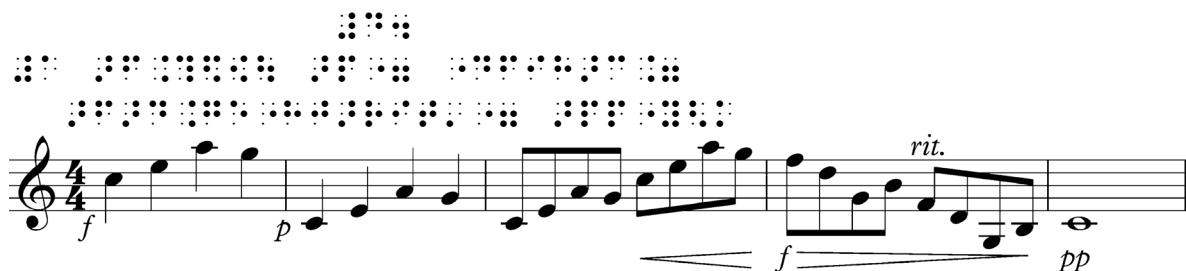
Ví dụ 18.1-1.



18.1.1. Nhắc lại trong các bậc và cường độ khác nhau

Khi một ô nhịp/phần ô nhịp được viết lại nhưng ở một bậc khác, có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại, đặt trước là một dấu bậc thích hợp. Nốt nhạc theo sau đoạn nhắc lại đó cần có dấu bậc. Khi đoạn nhắc lại được điều chỉnh bằng cách thay đổi cường độ hoặc các ký hiệu hướng dẫn bằng từ ngữ áp dụng cho cả đoạn nhắc lại cả bên ngoài nó, có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại, đặt trước là một dấu bậc thích hợp.

Ví dụ 18.1.1-1.



18.1.2. Dấu nối và dấu nhắc lại

Ký hiệu nhắc lại bao gồm cả dấu nối nằm hoàn toàn trong đoạn được nhắc lại, không bao gồm dấu nối nốt hay hợp âm cuối cùng của đoạn nhạc. Nếu nốt cuối cùng của đoạn nhắc lại được nối với nốt tiếp theo sau, đặt ký hiệu dấu nối sau ký

hiệu nhắc lại. Phải viết lại dấu nối khi nốt tiếp theo nằm trong một phân đoạn hay đoạn song song mới, hoặc bị ngăn cách với đoạn nhắc lại bằng yếu tố cắt ngang. Khi nốt tiếp theo sau nằm trong bè thứ hai của một đoạn kép, nếu nằm trên cùng một dòng nhạc nối thì không cần viết lại dấu nối, nhưng nếu đoạn kép không viết hết trên một dòng nhạc nối trong một phân đoạn hay đoạn song song thì phải viết lại dấu nối.

Ví dụ 18.1.2-1.

18.1.3. Dấu luyện và dấu nhắc lại

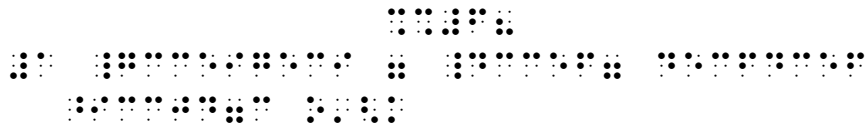
Ký hiệu nhắc lại bao gồm cả dấu luyện nằm hoàn toàn trong đoạn gốc, không bao gồm dấu luyện nốt hay hợp âm cuối cùng của đoạn. Có thể dùng ký hiệu nhắc lại khi một dấu luyện đơn hay dấu kết thúc luyện kép nối phần cuối đoạn nhắc lại với nốt nhạc theo sau, khi đó ký hiệu dấu luyện được đặt sau ký hiệu nhắc lại. Trong nhiều trường hợp, có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại cùng lúc với dấu luyện ngoặc, nhưng không dùng với dấu luyện kép. Dấu luyện ngoặc được đặt bên ngoài đoạn nhắc lại trong khi dấu luyện đơn và kép được đặt bên trong. Không thể dùng ký hiệu nhắc lại khi dấu luyện đơn bắt đầu một cụm trong đoạn gốc và kết thúc nó trong đoạn nhắc lại. Đôi khi sẽ tốt hơn nếu dùng dấu luyện ngoặc hoặc luyện kép khi chỉ có từ 4 nốt trở xuống được viết ra.

Ví dụ 18.1.3-1.

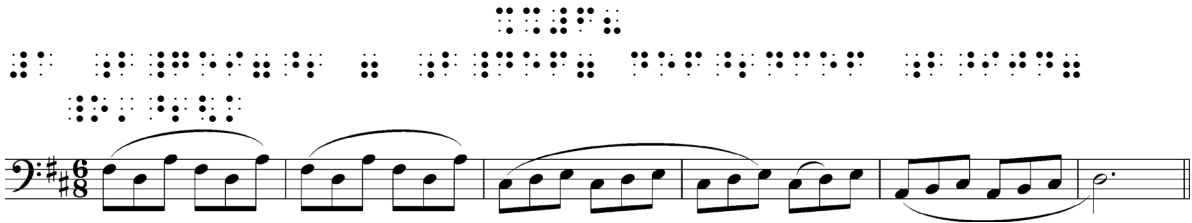
Ví dụ 18.1.3-2.

Ví dụ 18.1.3-3.

(a) Dấu luyện kép



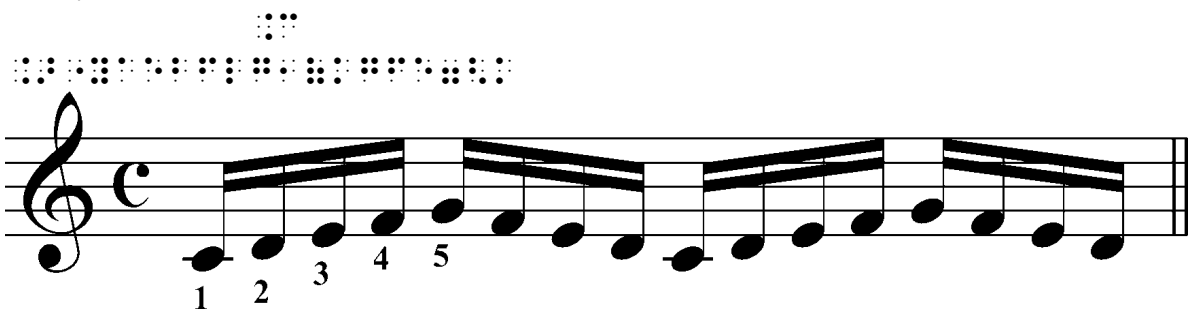
(b) Dấu luyện ngoặc



18.1.4. Ký hiệu ngón và nhắc lại

Ký hiệu nhắc lại hiển nhiên được dùng khi đoạn gốc và đoạn nhắc lại được viết với cùng ký hiệu ngón. Cũng có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại khi ô nhịp/phần ô nhịp gốc có ghi rõ ký hiệu ngón nhưng phần nhắc lại thì không.

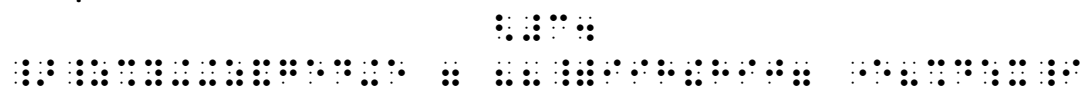
Ví dụ 18.1.4-1.



18.1.5. Nhân đôi và nhắc lại

Có thể dùng ký hiệu nhắc lại khi có bất kỳ phép nhân đôi nào nằm hoàn toàn trong đoạn gốc. Có thể dùng khi có bất kỳ phép nhân đôi nào đang có hiệu lực ở đầu đoạn gốc và tiếp tục đi qua hay thậm chí vượt ra khỏi đoạn nhắc lại. Ngoài ra ký hiệu nhắc lại còn dùng trong một trường hợp hiếm gặp là khi phép nhân đôi bắt đầu từ nốt đầu tiên của đoạn gốc và kết thúc ở nốt cuối cùng của đoạn nhắc lại. Trong trường hợp đó, ký hiệu kết thúc được trình bày trên nốt cuối cùng của đoạn gốc. Không dùng ký hiệu nhắc lại khi đoạn gốc và đoạn nhắc lại có phép nhân đôi khác nhau.

Ví dụ 18.1.5-1.



18.1.6. Các ký hiệu có thể đi kèm với ký hiệu nhắc lại

Ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi áp dụng cho các nội dung của một ô nhịp, không áp dụng với các ký hiệu thêm vào như dấu vạch nhịp nét đôi, khung thay đổi, và dấu nhắc lại trong bản phổ thông. Vạch nhịp nét đôi, vạch nhịp nét đôi kết thúc, ký hiệu kết thúc nhắc lại trong bản phổ thông, hoặc ký hiệu lẩy hơi/ngắt nghỉ có thể được đặt ngay sau ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi mà không có khoảng trắng.

Ví dụ 18.1.6-1.

18.1.7. Ký hiệu bỏ nghĩa sau nốt cuối cùng của đoạn nhắc lại

Đoạn nhắc lại sẽ bao gồm một ký hiệu theo sau nốt cuối cùng của đoạn nếu ký hiệu này bổ sung thêm ý nghĩa âm nhạc cho nốt đó, nhưng sẽ không bao gồm ký hiệu chỉ thao tác theo sau nốt đó. Nếu không chắc chắn, không nên dùng ký hiệu nhắc lại.

Ví dụ 18.1.7-1.

18.2. Nhắc lại toàn ô nhịp

Theo phương pháp chung mô tả trong Mục [18.1-18.1.7](#), ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi, cùng với bất kỳ ký hiệu đi kèm đặt trước hay sau nó, được đặt giữa hai khoảng trắng để thể hiện nhắc lại toàn bộ ô nhịp. Có thể dùng ký hiệu nhắc lại ở đầu một dòng nhạc nổi mới trong một phân đoạn hay đầu một đoạn song song,

nhưng không dùng ở đầu trang chữ nổi mới. Tuy nhiên, không bao giờ được dùng ký hiệu nhắc lại để thể hiện một ô nhịp nghỉ, mà phải dùng ký hiệu nghỉ toàn ô nhịp. (Xem Mục [35.8](#) về nhắc lại ô nhịp trong thanh nhạc và Mục [29.11-29.11.5](#) về bàn đạp cho piano và dấu nhắc lại.)

18.2.1. Nhắc lại ô nhịp nhiều lần

Khi một ô nhịp được nhắc lại hai lần, ký hiệu nhắc lại được viết bằng chữ nổi hai lần, có khoảng trắng ngăn cách. Khi một ô nhịp được nhắc lại từ ba lần trở lên, dùng con số tương ứng, có kèm dấu báo số, đặt sau ký hiệu nhắc lại mà không có khoảng trắng xen giữa. Nốt nhạc theo sau đoạn nhắc lại nhiều lần như trên phải có dấu bậc. Nếu có dấu nối hay dấu luyện đơn từ nốt cuối cùng của ô nhịp được nhắc lại nhiều lần, và trong tất cả các đoạn nhắc lại đều có dấu nối/luyện đó, thì hai dấu này có thể được chuyển thành chữ nổi ngay trước ký hiệu đầu tiên trong ô nhịp tiếp theo. Tương tự, nếu có dấu luyện đơn hoặc dấu nối từ nốt cuối cùng của chỉ đoạn nhắc lại cuối cùng, có thể viết dấu luyện/nối ngay trước ký hiệu đầu tiên trong ô nhịp tiếp theo. Tất cả các phương pháp chung về ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi được áp dụng cho các trường hợp nhắc lại nhiều lần này.

Ví dụ 18.2.1-1.

(a) Có dấu luyện kép

Braille notation for a double practice sign. It consists of a double bar line followed by a double practice sign (two dots 1-2 and two dots 3-4) and another double bar line.

(b) Có dấu luyện ngoặc

Braille notation for a bracketed practice sign. It consists of a double bar line followed by a bracketed practice sign (two dots 1-2, two dots 3-4, and a closing bracket) and another double bar line.

Musical score for example 18.2.1-1(b) showing a practice sign in a musical context. The score is in 3/8 time and consists of four staves. The first staff has a treble clef and a key signature of one flat. The second staff has a treble clef and a key signature of one flat. The third staff has a treble clef and a key signature of one flat, with fingerings 2, 3, 4, 5, 6, and 7 indicated above the notes. The fourth staff has a treble clef and a key signature of one flat. The practice sign is placed above the first staff.

18.2.2. Nhắc lại toàn ô nhịp trong dạng bản nhạc ô-nhịp-trên-ô-nhịp

Trong bản nhạc viết ở định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp, có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại ở bất kỳ dòng nhạc nào. Khi một ô nhịp được nhắc lại ở tất cả các dòng, ký hiệu nhắc lại phải được đặt thẳng hàng theo chiều dọc với nhau. Có thể nhắc lại toàn ô nhịp ở ô nhịp đầu tiên trong một đoạn song song, nhưng không dùng ở đầu một chương hay đầu một trang nhạc mới.

Ví dụ 18.2.2-1.

The image shows a musical score in 2/4 time. The treble clef staff has a key signature of one flat (Bb) and contains the melody: G4 (quarter), A4 (quarter), B4 (quarter), C5 (quarter), B4 (quarter), A4 (quarter), G4 (quarter). The bass clef staff contains the accompaniment: G3 (quarter), F3 (quarter), E3 (quarter), D3 (quarter), C3 (quarter), B2 (quarter), A2 (quarter), G2 (quarter). Above the treble staff, there are Braille-like symbols representing a repeat sign for the entire measure.

18.2.3. Tránh nhắc lại toàn ô nhịp

Ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi không được dùng để nhắc lại cả ô nhịp khi:

- ô nhịp được nhắc lại nằm ở đầu một phân đoạn, chương, hoặc trang chữ nổi mới; hoặc
- các nốt trong những ô nhịp liên tiếp là giống nhau, nhưng khác nhịp, ví dụ 6 nốt móc đơn ở nhịp 3/4 theo sau các nốt tương tự nhưng ở nhịp 6/8.

18.3. Nhắc lại một phần ô nhịp

Theo phương pháp chung mô tả trong Mục [18.1-18.1.7](#), ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi, cùng với bất kỳ ký hiệu đi kèm đặt trước hay sau nó, có thể được dùng để biểu thị một phần ô nhịp khi:

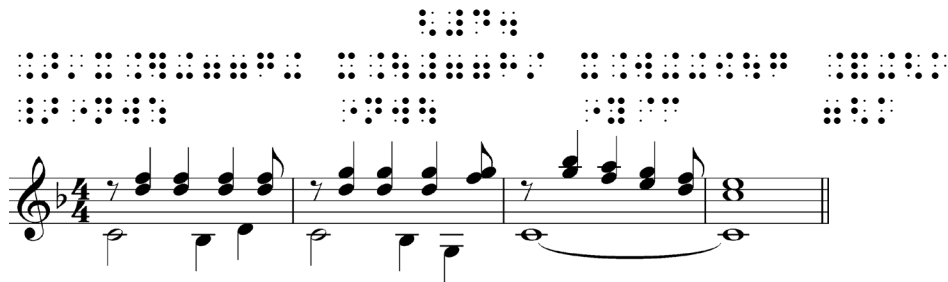
- nửa sau của ô nhịp lặp lại chính xác như nửa đầu,
- một phách hoàn chỉnh được nhắc lại ngay trong ô nhịp,
- một phần chia đều của một phách được nhắc lại ngay trong ô nhịp, hoặc
- một hợp âm viết cùng với ký hiệu quãng được nhắc lại ngay trong ô nhịp.

Ví dụ 18.3-1.

The image shows a musical score in 2/4 time. The treble clef staff has a key signature of one flat (Bb) and contains the melody: G4 (quarter), A4 (quarter), B4 (quarter), C5 (quarter), B4 (quarter), A4 (quarter), G4 (quarter). The bass clef staff contains the accompaniment: G3 (quarter), F3 (quarter), E3 (quarter), D3 (quarter), C3 (quarter), B2 (quarter), A2 (quarter), G2 (quarter). Above the treble staff, there are Braille-like symbols representing a repeat sign for the first half of the measure.



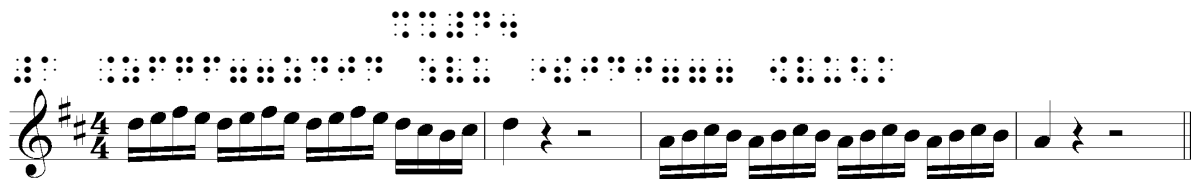
Ví dụ 18.3-2.



18.3.1. Nhắc lại các phần ô nhịp liên tiếp có cùng giá trị

Ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi có thể được viết lại bất kể số lần, khi cần, để biểu thị nhắc lại các phần liên tiếp có cùng cấu trúc gốc trong ô nhịp.

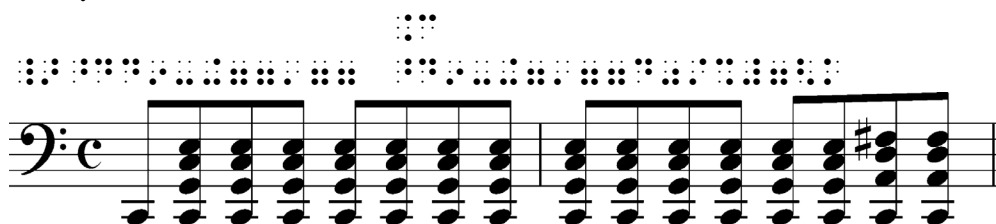
Ví dụ 18.3.1-1.



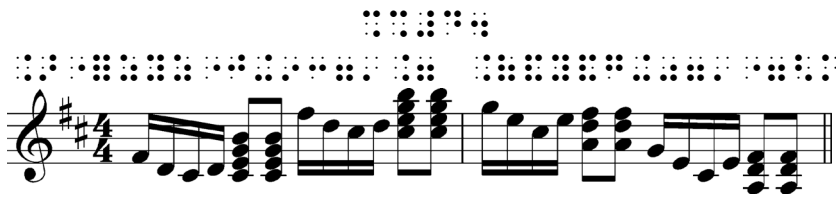
18.3.2. Nhắc lại các phần ô nhịp liên tiếp khác giá trị

Khi một phần ô nhịp kết thúc bằng một đoạn nhắc lại và được nhắc lại hoàn toàn ngay lập tức, ký hiệu nhắc lại dùng cho phần có giá trị nhỏ hơn được thêm chấm 3 đặt liền sau nó để phân cách. Ký hiệu nhắc lại thứ hai, cùng với bất kỳ ký hiệu bậc hay ký hiệu bổ sung nào khác, theo sau để đại diện cho phần có giá trị lớn hơn. Lượng nhạc trong phần lớn hơn phải được chỉ rõ bằng số ký hiệu nhắc lại được viết. Nếu không chắc chắn thì không nên dùng ký hiệu nhắc lại. Không thể mở rộng phương pháp này cho nhiều hơn hai cấp độ nội dung tiết tấu.

Ví dụ 18.3.2-1.



Ví dụ 18.3.2-2.



The image shows a musical score for Example 18.3.2-2. It features a single staff in 4/4 time with a key signature of one sharp (F#). The melody consists of several measures, including a repeat sign (double bar line with two dots) above the staff. Above the staff, there are several groups of Braille dots, which are musical notation for the Braille system.

18.3.3. Tránh nhắc lại một phần ô nhịp

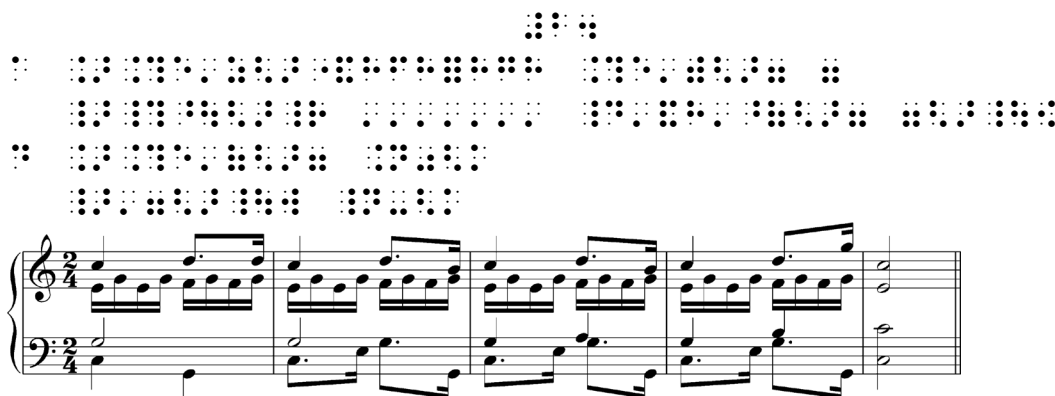
Ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi không được dùng để nhắc lại một phần ô nhịp khi

- (a) đoạn nhắc lại không nằm hoàn toàn trong ô nhịp,
- (b) đoạn nhắc lại không nằm trên cùng một dòng chữ nổi với đoạn gốc,
- (c) đoạn nhắc lại không nằm trong cùng bề của đoạn kẹp so với đoạn gốc, hoặc
- (d) đoạn được nhắc lại chứa những phần chia nhỏ của các phách liên tiếp, trừ trường hợp hợp âm đảo xen với phách. (Xem Ví dụ 18.3-2.)

18.4. Nhắc lại và kẹp

Ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi được dùng cho đoạn nhắc lại chứa một hay nhiều bề kết hợp với ký hiệu kẹp và phân chia ô nhịp. Ký hiệu nhắc lại phải được dùng cho từng phần được nhắc lại trừ khi nhắc lại cả ô nhịp, khi đó chỉ có một ký hiệu nhắc lại được dùng để nhắc lại toàn bộ ô nhịp.

Ví dụ 18.4-1.



The image shows a musical score for Example 18.4-1. It features a single staff in 2/4 time with a key signature of one sharp (F#). The melody consists of several measures, including a repeat sign (double bar line with two dots) above the staff. Above the staff, there are several groups of Braille dots, which are musical notation for the Braille system.

18.5. Nhắc lại trong nhạc không chia ô nhịp hoặc nhóm bất thường

Có thể nhắc lại một đoạn nhạc trong bản nhạc không chia ô nhịp bằng cách sử dụng ký hiệu $\therefore ::$ đặt trước nốt đầu tiên của phần tử được nhắc lại. Cần phải

thêm một dấu bậc đặc biệt cho nốt này. Bản thân ký hiệu :: không phải là ký hiệu nhắc lại; nó xác định điểm bắt đầu của phần tử được nhắc lại ngay lập tức. Ký hiệu này cũng được dùng nhắc lại một cấu trúc dễ nhận thấy trong nhóm tiết tấu bất thường. Không dùng ký hiệu này khi cấu trúc được nhắc lại là một phần chia đều của nhịp.

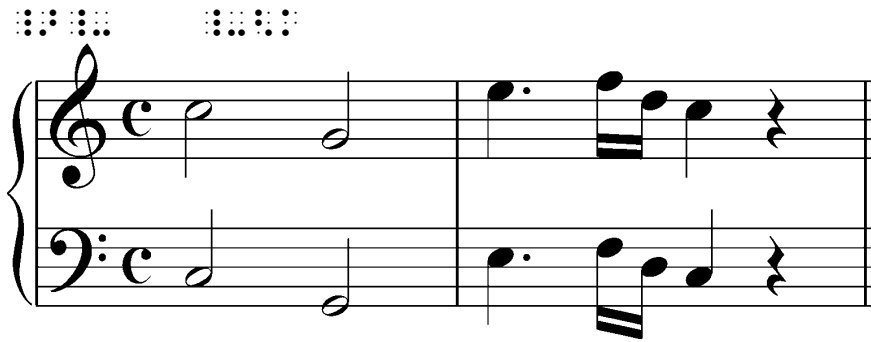
Ví dụ 18.5-1.

Ví dụ 18.5-2.

18.6. Ký hiệu di chuyển song song

Trong bản nhạc dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp, cụ thể là trong bản nhạc cho nhạc cụ phím, khi một dòng di chuyển song song với một dòng khác cách nó một hay nhiều bậc, bè thứ hai có thể được viết tắt bằng cách dùng một ký hiệu quãng tám đơn lẻ thay cho các nốt của nó, kèm theo một dấu bậc thích hợp tại vị trí mà hai bè cách nhau hơn một quãng tám. Ký hiệu di chuyển song song rất ít khi được dùng, thường chỉ dùng cho các ô nhịp hoàn chỉnh. (Xem Mục [33.6](#) về sử dụng ký hiệu này trong các bản nhạc cho nhóm đồng diễn hay dàn nhạc.)

Ví dụ 18.6-1.



18.6.1. Di chuyển song song qua nhiều ô nhịp

Khi đoạn di chuyển song song trải rộng trên hơn hai ô nhịp, ký hiệu quãng tám được thêm một con số đặt liền sau, có dấu báo số, nhằm chỉ số lượng ô nhịp chứa trong đoạn.

Ví dụ 18.6.1-1.



18.7. Viết tắt chuỗi

Trong các sách nghiên cứu kỹ thuật, v.v..., thường có tình huống một mô-típ nhạc được lặp lại liên tục lên trên hoặc xuống dưới trong thang âm của hóa biểu được viết. Có thể viết tắt các đoạn nhạc như thế bằng cách viết mô-típ một lần, và từ đó về sau đặt ký hiệu :: sau mỗi nốt bắt đầu của nó, lược bỏ các nốt còn lại. Ký hiệu :: không được phép nhân đôi, dù đoạn nhạc dài bao nhiêu. Hiển nhiên đoạn nhắc lại phải chính xác, các phách chứa mô-típ phải hoàn chỉnh. Nốt đầu tiên của mô-típ có thể mang dấu hóa bất thường. Tuy nhiên, đoạn nhắc lại không được thay đổi bằng bất cứ cách nào bởi các dấu hóa bất thường, ký hiệu ngón, v.v... Cách này chỉ nên dùng trong ngữ cảnh nhạc diatonic (âm nguyên). Cách tốt nhất là giới hạn hình thức viết tắt này chỉ trong những đoạn nhạc mà tất cả các nốt đều có giá trị tương đương, ngoại trừ trong những trường hợp quá dễ nhận biết. Không được dùng cách viết tắt chuỗi trừ khi thao tác biểu diễn chính xác được thể hiện rất rõ ràng trên bản nhạc.

Ví dụ 18.7-1.

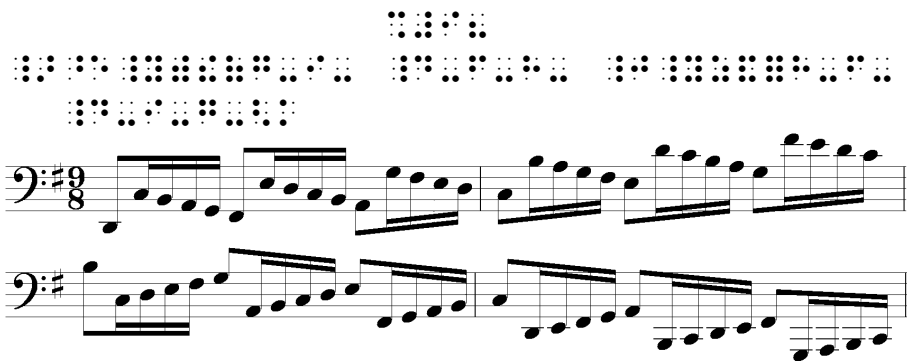




Ví dụ 18.7-2.



Ví dụ 18.7-3.



18.7.1. Ký hiệu nhắc lại và viết tắt chuỗi

Có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại trong mô-típ được viết thành chuỗi, miễn là thao tác vẫn rõ ràng.

Ví dụ 18.7.1-1.

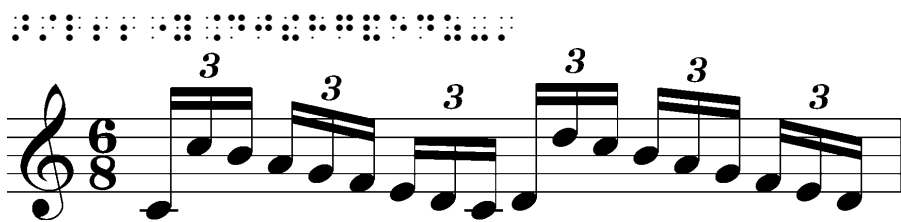


18.7.2. Viết tắt chuỗi trong chuyển đổi y bản

Trong chuyển đổi y bản, ký hiệu viết tắt chuỗi được điều chỉnh bằng cách thêm chấm 3 (chấm 36, 3), để thông tin cho người đọc biết rằng trong bản phổ thông không dùng ký hiệu chuỗi.

Ví dụ 18.7.2-1.





19. NHẮC LẠI BẰNG SỐ ĐẾM TRONG NHẠC NỔI

(Bảng 19)

19.1. Nhắc lại bằng số đếm trong nhạc nổi

Trong bản nhạc nổi dùng cho nhạc cụ, có thể nhắc lại một đoạn chứa một hay nhiều ô nhịp hoàn chỉnh bằng một trong hai cách sử dụng các con số, ngay cả khi đoạn nhắc lại bị tách biệt với đoạn gốc bằng yếu tố cắt ngang. Cách thứ nhất là dùng số đếm ngược, còn gọi là viết tắt một phần, hướng dẫn người đọc đếm số ô nhịp về phía trước và lặp lại đúng số ô nhịp đó tính từ điểm được viết. Cách thứ hai là dùng số thứ tự ô nhịp, còn gọi là dùng số đếm xuôi, hướng dẫn người đọc xác định vị trí và lặp lại một số lượng các ô nhịp cụ thể bằng các số tuyệt đối trong bản nhạc. Cần phải xem xét thận trọng. Một đoạn nhắc lại ngắn có thể được lồng trong đoạn nhắc lại dài hơn khi cả đoạn gốc và đoạn nhắc lại của nó đều nằm hoàn toàn trong đoạn nhắc lại dài hơn. Tuy nhiên, ký hiệu nhắc lại bằng số đếm không được phép chỉ đến một đoạn nhắc lại bằng số đếm thứ hai mà không được lồng ghép như cách trên. Nốt đầu tiên theo sau đoạn nhắc lại dùng số đếm bất kỳ đều cần có một dấu bậc. Trong thanh nhạc, chỉ áp dụng cách dùng số đếm ngược, và chỉ trong một số điều kiện hạn chế. (Xem Mục [35.8](#).)

19.1.1. Nhắc lại bằng số đếm ngược

Có thể chuyển đổi một đoạn nhắc lại chứa một hay nhiều ô nhịp đủ bằng cách viết hai con số cùng nhau giữa các khoảng trống, con số đầu tiên thể hiện người đọc cần đếm bao nhiêu ô nhịp trở về trước từ vị trí đang đứng, số thứ hai thể hiện có bao nhiêu ô nhịp trong số ô nhịp vừa đếm được nhắc lại. Cách này chỉ nên được sử dụng hạn chế trong các đoạn nhạc tương đối ngắn, thường không vượt quá 8 ô nhịp, và số ô nhịp đếm ngược cũng có giới hạn. Không viết hai (hay nhiều hơn) đoạn nhắc lại bằng số đếm ngược tại cùng một điểm trong bản nhạc. Đoạn gốc và đoạn nhắc lại phải nằm trên cùng một trang chữ nổi. Nếu một đoạn nhạc chứa hai ô nhịp trở lên được nhắc lại mà không có đoạn nhạc khác cắt ngang, nghĩa là hai con số (số ô đếm ngược và số ô nhắc lại) là giống nhau, thì chỉ cần ghi một số. Khi một đoạn nhạc được nhắc lại liên tiếp nhiều lần mà không có đoạn nhạc khác cắt ngang, chỉ cần ghi một con số, cách này có thể viết đi viết lại nhiều lần tương ứng với đoạn nhạc được nhắc lại bao nhiêu lần. Nếu

đoạn nhắc lại liên tục chỉ chứa một ô nhịp, nên sử dụng ký hiệu nhắc lại toàn ô nhịp thay vì nhắc lại bằng số đếm.

Ví dụ 19.1.1-1. Có đoạn nhạc khác cắt ngang

Ví dụ 19.1.1-2. Không có đoạn nhạc khác cắt ngang

Ví dụ 19.1.1-3. Viết lại để nhắc lại nhiều lần

19.1.2. Nhắc lại bằng số đếm xuôi (số thứ tự ô nhịp)

Có thể tận dụng hiệu quả số thứ tự của ô nhịp để thể hiện nhắc lại các ô nhịp đơn lẻ hay các đoạn nhạc chứa ô nhịp đủ, ngay cả khi đoạn nhắc lại nằm cách xa đoạn gốc. Các con số được viết giữa các khoảng trắng, và dùng các số ở phần dưới của ô chữ nổi (số không chứa chấm 1 và 4). Khi chỉ nhắc lại một ô nhịp, chỉ ghi số thứ tự của ô nhịp gốc. Nếu có một loạt ô nhịp được nhắc lại, viết số thứ tự của ô nhịp bắt đầu và ô nhịp kết thúc, nối với nhau bằng dấu gạch nối trong văn bản; không viết lại dấu báo số. Cần thận trọng; không nên chỉ đến một ô nhịp cô lập khác xa với điểm nhắc lại. Không có giới hạn nào cho độ dài của đoạn được nhắc lại. Tuy nhiên, chỉ nên tham chiếu đến các ô nhịp trên trang chữ nổi khác trước đó nếu đoạn nhạc được nhắc lại rất dài hoặc thường được nhắc lại. Tuy không bắt buộc, nhưng nên đặt ô nhịp/đoạn nhạc gốc ở đầu một phân đoạn hoặc đoạn song song để dễ xác định vị trí.

Ví dụ 19.1.2-1.

19.2. Nhắc lại bằng số đếm trong các bậc và cường độ khác nhau

Khi đoạn nhắc lại được trình bày trong bản nhạc nổi bằng số đếm và nằm ở bậc khác với đoạn gốc, có thể thêm dấu bậc tương ứng trước dấu báo số. Khi một đoạn nhắc lại được điều chỉnh bằng cường độ hoặc ký hiệu chỉ dẫn bằng từ ngữ khác, áp dụng cho toàn đoạn nhắc lại hoặc vượt ra cả bên ngoài đoạn nhắc lại, có thể thêm ký hiệu tương ứng ở trước nó, không thêm khoảng trắng xen giữa. Khi các ô nhịp được nhắc lại có một dấu diễn đạt đặt trước và dấu này rõ ràng áp dụng cho mọi ô nhịp trong đoạn được nhắc lại, có thể thêm từ "sempre" (liên tục) dù trong bản phổ thông không có từ này. Từ này phải có chấm 5 đặt trước để thể hiện nó là yếu tố được người chuyển đổi thêm vào.

Ví dụ 19.2-1.

Ví dụ 19.2-2.

19.3. Dấu nối và nhắc lại bằng số đếm

Nhắc lại bằng số đếm bao gồm nhắc lại cả dấu nối nằm hoàn toàn trong đoạn nhắc lại, không bao gồm dấu nối trên nốt hay hợp âm cuối cùng của đoạn. Nếu nốt cuối cùng của đoạn được nối với nốt tiếp theo sau, dấu nối được đặt trước nốt đầu tiên của ô nhịp tiếp theo, sau ký hiệu nhắc lại bằng số đếm. Ký hiệu dấu nối thường không được gắn với ký hiệu nhắc lại bằng số đếm. Tuy nhiên, có trường hợp ngoại lệ khi toàn bộ đoạn nhạc gốc và nhắc lại tạo thành một đoạn

nhắc lại trong bản phổ thông (xác định bằng ký hiệu nhắc lại trong bản phổ thông). Khi đó, ở cuối đoạn nhạc có thể dùng cách nhắc lại bằng số đếm, và tại điểm đó cần chỉ ra rằng nốt cuối cùng phải được nối với nốt đầu tiên của đoạn được nhắc lại.

Ví dụ 19.3-1.

Ví dụ 19.3-2.

19.4. Dấu luyện và nhắc lại bằng số đếm

Có thể kết hợp nhắc lại bằng số đếm với dấu luyện ngoặc miến là cách viết luôn luôn rõ ràng. Để thấy, một dấu luyện đơn, viết giống như ký tự 3, không đứng liền sau một con số. Nếu nốt cuối cùng của đoạn được nhắc lại luyện với nốt tiếp theo hoặc có một dấu luyện kép kết thúc, dấu luyện có thể được đặt trước nốt đầu tiên của ô nhịp tiếp theo đứng sau ký hiệu nhắc lại bằng số đếm.

Ví dụ 19.4-1.

(a) dấu luyện kép

(b) dấu luyện ngoặc

Ví dụ 19.4-2.



19.5. Nhân đôi nhắc lại bằng số đếm

Bất kỳ phần nhân đôi nào đang có hiệu lực ở đầu đoạn được nhắc lại, và sử dụng một trong các cách nhắc lại bằng số đếm, thì phải được viết lại tại đó. Một phần nhân đôi vẫn tiếp diễn sau đoạn nhắc lại thì phải được viết lại ở đầu phần tiếp theo (của đoạn tiếp diễn).

Ví dụ 19.5-1.



19.6. Các ký hiệu có thể đi kèm với nhắc lại bằng số đếm

Nhắc lại bằng số đếm chữ nổi áp dụng cho nội dung của ô nhịp, không áp dụng cho các ký hiệu thêm vào như vạch nhịp nét đôi, khung thay đổi và ký hiệu nhắc lại trong bản phổ thông. Một vạch nhịp nét đôi, vạch nhịp nét đôi cuối bài, hoặc ký hiệu kết thúc nhắc lại trong bản phổ thông có thể được đặt liền sau ký hiệu nhắc lại bằng số đếm trong nhạc nổi mà không có khoảng trắng.

Ví dụ 19.6-1.



19.7. Nhắc lại bằng số đếm trong bản nhạc dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp

Có thể dùng số thứ tự của ô nhịp để chỉ ra các ô nhịp được nhắc lại trong bản nhạc viết dưới dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp. Khi tất cả các bè trong đoạn song song được nhắc lại, số thứ tự của ô nhịp được căn chỉnh thẳng hàng theo chiều dọc trong mọi dòng của đoạn song song. Khi có một số bè (không toàn bộ) trong đoạn song song được nhắc lại, số thứ tự của ô nhịp được trình bày trên dòng liên

quan với nó, căn chỉnh thẳng hàng với ký hiệu âm nhạc đầu tiên trên các dòng còn lại. Dĩ nhiên trong các trường hợp này, các chuỗi ô nhịp không được kết hợp lại. Cách nhắc lại dùng số thứ tự ô nhịp (số đếm xuôi) được dùng tự do hơn so với cách dùng số đếm ngược. Chỉ có thể dùng số đếm ngược khi cả đoạn gốc và đoạn nhắc lại đều nằm trong cùng đoạn song song.

Ví dụ 19.7-1.

Ví dụ 19.7-2.

Ví dụ 19.7-3.

20. NHẮC LẠI BẰNG DẤU HỒI VÀ DẤU CODA

(Bảng 20)

20.1. Phương pháp nhắc lại bằng dấu Da Capo và dấu Dal Segno

Trong bản phổ thông, việc nhắc lại một đoạn nhạc có độ dài và khoảng cách bất kỳ so với đoạn nhạc gốc được mô tả bằng ký hiệu "D.C." hay "da capo" (nhắc lại từ đầu bài đến hết) nếu đoạn nhạc đó nằm ở phần đầu của tác phẩm, hoặc bằng ký hiệu "D.S." hay "dal segno" (lặp lại từ đoạn có dấu hồi) nếu phần đầu của đoạn nhạc đã được đánh dấu bằng một dấu segno (chữ S kiểu hoa văn). Bốn điểm cần được xác định là: điểm hồi, điểm cuối đoạn lặp, điểm bắt đầu chơi lặp lại và điểm tiếp tục. Bằng một vài điều chỉnh bổ sung, dấu D.C. và dấu D.S. có thể được sử dụng để nhắc lại đoạn nhạc trong bản nổi dù chúng không xuất hiện trong bản phổ thông. Việc sử dụng các ký hiệu này vào bản nổi thay cho việc phải nhắc lại bằng số đếm trong thanh nhạc, hoặc những bản nhạc cho dàn nhạc và nhóm và đồng diễn khi mà những số ô nhịp không còn cần thiết phải trình bày rõ ràng. So với dùng số đếm thể hiện việc nhắc lại trong bản nhạc dạng dòng đơn hoặc nhạc cho nhạc cụ phím thì dùng hai dấu này thuận tiện hơn, đặc biệt khi phải lặp lại đoạn nhạc bắt đầu hoặc kết thúc bằng một phần ô nhịp. Nốt đầu tiên sau các ký hiệu này phải có một dấu bậc.

20.1.1. Điểm hồi

Nếu đoạn nhạc được nhắc lại bằng dấu D.C thì không cần đặt dấu này từ lúc bắt đầu bản nhạc. Nếu đoạn nhạc nhắc lại bằng dấu D.S., ký hiệu dấu hồi ∷ được đặt giữa các khoảng trắng tại nơi mà ký hiệu đó xuất hiện trong bản phổ thông hoặc đặt tại vị trí bắt đầu đoạn nhạc được lặp khi ký hiệu này chỉ được thêm vào trong bản nổi (không có trong bản phổ thông). Ở đầu đoạn nhạc được lặp phải luôn là một phân đoạn mới hoặc đoạn song song mới. Vì vậy, dấu hồi sẽ luôn là ký hiệu nhạc đầu tiên trong dòng đó. Điểm hồi có thể xuất hiện ở bất kỳ vị trí nào trong ô nhịp. Nếu đoạn lặp bắt đầu từ vị trí nằm trong bất kỳ đoạn nhân đôi nào trong ô nhịp thì cần phải viết lại ký hiệu nhân đôi tại vị trí đó. Trong bản phổ thông, chỉ có một dấu hồi xuất hiện trong đoạn di chuyển nhưng nếu dấu hồi chỉ xuất hiện trong bản nổi thì được phép xuất hiện hơn một lần. Vậy nên liền sau mỗi ký hiệu dấu hồi bằng chữ nổi sẽ ghi các chữ cái (*a, b, c, v.v...*) tùy theo vị trí của nó trong đoạn nhạc là vị trí đầu, thứ hai hay thứ ba,... trong đoạn di chuyển. Chữ *a* vẫn được dùng ngay cả khi chỉ có một dấu hồi nhạc nổi. Dấu hồi không bao giờ nằm chồng lên nhau.

20.1.2. Điểm cuối đoạn nhắc lại kết thúc đoạn di chuyển

Trong bản phổ thông, khi điểm kết thúc của đoạn được nhắc lại tạo thành điểm kết của đoạn di chuyển thì sẽ xuất hiện từ "Fine" (kết thúc), thường là đi cùng với một dấu vạch nhịp kép kết bài. Vạch nhịp kép loại nào xuất hiện trong bản phổ thông cũng sẽ được ghi trong bản nổi. Nếu từ "Fine" xuất hiện cùng với vạch nhịp kép kết thúc thì nó sẽ được đặt giữa hai ký hiệu báo từ và sau một khoảng trắng theo sau vạch nhịp kép trong bản nổi. Nếu từ "Fine" nằm trong ô nhịp không có vạch nhịp kép kết bài hoặc kết đoạn thì đặt một dấu gạch nối âm nhạc và khoảng trắng trước ký hiệu báo từ. Khi dấu hồi chỉ được thêm vào trong bản nổi, điểm cuối của đoạn nhạc được mô tả bằng ký hiệu \therefore theo sau là một khoảng trắng. Tuy nhiên, nếu ký hiệu \therefore trùng với một vạch nhịp kép hoặc các dấu báo tương tự khác thì nó sẽ được đặt trước các dấu báo đó mà không cần khoảng trắng xen giữa. Dù dấu câu xuất hiện trong lời bài hát ở cuối đoạn nhắc lại là dạng gì thì nó cũng phải được ghi trong phần chữ của đoạn gốc, ngay cả khi nó có khác so với dấu trong đoạn gốc.

20.1.3. Điểm cuối đoạn lặp dẫn đến một đoạn tiếp tục

Trong bản phổ thông, khi đoạn nhạc được tiếp tục từ một điểm thì phần cuối của đoạn nhạc được nhắc lại được đánh dấu bằng một chữ thập có vòng tròn bao quanh (dấu coda) và/hoặc một cụm từ chỉ dẫn chẳng hạn như "al coda". Trong bản nổi, ký hiệu dấu coda này \therefore và/hoặc cụm từ chỉ dẫn được đặt giữa các khoảng trắng tại vị trí nó xuất hiện. Nếu dấu này xuất hiện trong ô nhịp, phần nhạc phải được ngắt bằng một dấu gạch nối âm nhạc. Nếu chỉ dùng dấu hồi trong bản nhạc nổi thì ký hiệu dấu coda như trên không được áp dụng mà phần cuối đoạn nhắc lại sẽ được thể hiện bằng ký hiệu \therefore theo sau bởi một khoảng trắng. Tuy nhiên, nếu ký hiệu này trùng với một vạch nhịp kép hoặc các dấu báo tương tự khác thì nó được đặt trước các dấu báo đó mà không cần khoảng trắng xen giữa. Nếu điểm cuối của đoạn-nhắc-lại-chỉ-dùng-trong-bản-nổi nằm trong một ô nhịp thì ký hiệu dấu coda phải được theo sau bằng một dấu gạch nối âm nhạc trước khoảng trắng bắt buộc, trừ khi nó trùng với một vạch nhịp kép hoặc các dấu báo tương tự.

20.1.4. Điểm bắt đầu chơi nhắc lại

Trong bản phổ thông, chỉ dẫn nhắc lại từ đầu bài hoặc từ dấu hồi được mô tả bằng cụm từ, thường là "D.C.," "da capo," "D.S.," hoặc "dal segno." Các cụm từ thường gắn với lời chỉ dẫn rõ ràng hơn như "al fine," "e poi al coda," hoặc "senza ripetizione." Các cụm từ này được chuyển đổi thành chữ nổi đúng y như trong bản phổ thông, đặt giữa hai ký hiệu báo từ, theo sau vạch nhịp kép có sẵn và một khoảng trắng. Khi chỉ dùng trong bản nổi, một đoạn nhắc lại từ đầu bài được xác định bằng cụm ký hiệu $\therefore \therefore \therefore \therefore$ tại vị trí mà từ "D.C." xuất hiện trong bản phổ thông. Khi dấu hồi "D.S." chỉ được thêm vào trong bản nổi thì nó được

mô tả bằng ký hiệu ⋮⋮ với các chữ cái tương ứng (a, b, c, v.v...) tại vị trí từ "D.S." xuất hiện trong bản phổ thông.

20.1.5. Điềm tiếp tục

Trong bản phổ thông, đoạn tiếp theo sau đoạn nhắc lại chứa ký hiệu D.C. hoặc D.S. thường được đánh dấu bằng một dấu coda, điệp khúc hoặc các thuật ngữ khác. Nếu dấu coda trong bản phổ thông gắn với các thuật ngữ này thì nó sẽ không được ghi trong bản nổi nữa. Nếu đoạn nhạc tiếp theo tương đối dài, trong bản nhạc nổi ở mọi định dạng, thuật ngữ đó được căn giữa, theo sau là một dấu chấm văn bản, đặt trong một dòng tự do (cùng với bất kỳ ký hiệu thay đổi số chỉ nhịp hay hóa biểu nào.) Nếu đoạn nhạc tiếp theo rất ngắn và không được phân biệt bằng thay đổi nhịp điệu, hóa biểu, và/hoặc số chỉ nhịp thì thuật ngữ đó có thể được đặt riêng lẻ trong một dòng, giữa các ký hiệu báo từ; đối với bản nhạc dạng dòng đơn hoặc cho thanh nhạc, nó được đặt bên lề; đối với bản nhạc dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp, nó được đặt cách 2 ô bên phải của các ký hiệu tay. Nếu ký hiệu dấu hỏi chỉ dùng trong bản nổi, thì phải bắt đầu một phân đoạn hoặc đoạn song song mới, nhưng không cần dấu báo đặc biệt nào.

20.2. D.C. và D.S. trong bản phổ thông và chỉ bản nổi

Các ví dụ bên dưới đã được rút gọn để mô tả cách sử dụng hai ký hiệu này một cách súc tích. Dấu D.C. và D.S. thông thường sẽ dành cho những đoạn nhắc lại dài hơn.

Ví dụ 20.2-1. Ký hiệu D.C. không có dấu coda trong bản phổ thông

The image shows musical notation in 3/4 time, key of B-flat major. It consists of two staves. The first staff contains a melodic line with notes: G4 (quarter), A4 (quarter), B4 (quarter), A4-G4 (eighth pair), F4 (quarter), E4 (quarter), D4 (half). Above this staff are several lines of Braille notation. The second staff starts with a double bar line, followed by the word "Fine", another double bar line, and then notes: G4 (quarter), A4 (quarter), B4 (quarter), A4-G4 (eighth pair), F4 (quarter), E4 (quarter), D4 (half). Above this staff are more lines of Braille notation, including the label "D.C." above the final note.

Ví dụ 20.2-2. Ký hiệu D.C. không có đoạn nhạc tiếp theo được thêm vào chỉ trong bản nổi

The image shows Braille notation for two staves. The first staff contains Braille notation for the melody: G4, A4, B4, A4-G4, F4, E4, D4. The second staff contains Braille notation for a continuation: G4, A4, B4, A4-G4, F4, E4, D4. This continuation is placed directly below the first staff, starting after the final note of the first staff's Braille notation.

Do mi do sol fa mi re do re do ti do sol la fa
sol la sol fa mi re do mi do sol fa mi re do re do ti do.

Ví dụ 20.2-3. Ký hiệu D.C. có dấu coda vẫn tắt trong bản phổ thông

D.C. CODA

Ví dụ 20.2-4. Ký hiệu D.C. có đoạn nhạc tiếp theo chỉ trong bản nổi

Do mi do sol fa mi re do, Do la sol mi fa sol mi re,
do mi do sol fa mi re do, la sol fa mi re do ti do.

Ví dụ 20.2-5. Ký hiệu D.S. không có dấu coda trong bản phổ thông

§ fine D.S. al fine

Ví dụ 20.2-6. Ký hiệu D.S. không có đoạn nhạc tiếp theo chỉ trong bản nổi

Re do mi do sol fa mi re do do la sol mi fa sol mi re mi do
 do re fa mi la sol fa mi re sol do do la sol mi fa sol mi re mi do.

Ví dụ 20.2-7. Ký hiệu D.S. có nhiều dấu coda trong bản phổ thông

Ví dụ 20.2-8. Ký hiệu D.S. có đoạn nhạc tiếp theo chỉ trong bản nổi

Do mi do sol fa mi re do do la sol mi fa sol mi re
 sol fa mi re do do la sol la sol fa mi re do ti do.

Ví dụ 20.2-9. Hai dấu hồi chỉ có trong bản nổi

Do mi do sol fa mi re do do la sol mi fa sol fa mi la sol fa mi re do do la sol
 la fa re do ti do re mi re do re mi fa sol la fa re
 do ti do re mi sol mi sol la ti re do do.

20.3. D.C. và D.S. trong bản nhạc dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp

Các ký hiệu gắn liền với phương pháp nhắc lại bằng D.C. và D.S. phải được ghi trong toàn bộ các bè trong định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp. Dấu hồi segno phải có khoảng trắng hai bên và phải đặt cách các ký hiệu tay bằng một khoảng trắng trong bản nhạc cho nhạc cụ phím và căn dọc trong các bản nhạc ô-nhịp-trên-ô-nhịp. Khi các dấu hồi chỉ được thêm vào trong bản nổi, ký hiệu kết thúc đoạn nhắc lại phải được đặt ngay sau ký hiệu cuối cùng của đoạn nhạc được nhắc lại trong mỗi bè; tuy nhiên, nếu ký hiệu này trùng với một vạch nhịp kép hoặc các dấu báo tương tự bất kỳ thì nó sẽ được đặt trước các dấu báo này mà không có khoảng trắng xen giữa. Dấu coda đi kèm các ký hiệu D.C. hoặc D.S. trong bản phổ thông nên được căn dọc trong tất cả các bè. Lời chỉ dẫn bằng từ ngữ liên quan phải được ghi ở dòng cho tay phải đối với bản nhạc cho nhạc cụ phím hoặc dòng nhạc trên cùng trong một bản nhạc cho nhóm đồng diễn. Lời chỉ dẫn cũng được căn dọc trong toàn bộ dòng nhạc của đoạn nhạc song song. Tuy nhiên, nó cũng có thể chỉ được ghi trên một dòng bắt buộc đó nếu như không có chỗ ở cuối trong tất cả các dòng nhạc. Chỉ dẫn phải được hoàn chỉnh trên dòng căn ghi; nó không được chia nhỏ giữa các dòng trong đoạn nhạc song song.

Ví dụ 20.3-1. Ký hiệu D.S. có dấu coda vẫn tắt trong bản phổ thông

21. CÁC KÝ HIỆU CHÚ THÍCH VÀ BIẾN THỂ

(Bảng 21)

21.1. Dấu hoa thị trong âm nhạc

Dấu hoa thị trong âm nhạc ♫ được đặt ngay trước nốt, quãng, từ hay ký hiệu đầu tiên mà nó nhằm giải thích, và không nằm ngoài giới hạn căn chỉnh ô-nhịp-trên-ô-nhịp ở phần bắt đầu ô nhịp hay phần tiếp tục của ô nhịp bị phân chia. Nốt nhạc theo sau dấu hoa thị cần đính kèm một dấu bậc đặc biệt. Ngay sau dấu hoa thị có thể đánh số (1, 2, 3...) hoặc chữ cái (a, b, c...) nếu trong bản phổ thông có đánh số/chữ cái. Dấu hoa thị vẫn phải được viết trong bản nổi dù cho trong bản phổ thông các con số/chữ cái trên không đi kèm dấu hoa thị hay dấu chú thích nào khác. Nếu có hai hoặc hơn hai dấu hoa thị không đánh số/chữ cái trong bản phổ thông, người chuyển đổi nên tự thêm những số thích hợp sau các dấu hoa thị đó trong bản nổi. Dấu báo biểu tượng trong chữ tắt cấp 1 ♫ không được chèn giữa một dấu hoa thị và một chữ cái kèm theo nó. Dấu hoa thị dù có kèm đánh số hay chữ cái hay không vẫn phải có chấm 3 đứng sau khi ký tự tiếp theo chứa chấm 1, 2 hoặc 3.

Ví dụ 21.1-1.

Ví dụ 21.1-2.

Ví dụ 21.1-3.

Ví dụ 21.1-4.

21.2. Chú thích cuối trang

Tất cả các chú thích về âm nhạc được đặt phía dưới của trang nổi dưới dạng đoạn văn và sau một dòng chấm 25. Chú thích được giới thiệu bằng dấu hoa thị trong âm nhạc kèm đánh số hay chữ cái tương ứng nằm trong bản phổ thông. (Xem lại Mục [21.1.](#)) Trước phần văn bản ghi chú thích cần chừa một khoảng trắng. Nếu chú thích là của người chuyển đổi, phần văn bản chú thích được giới thiệu bằng từ viết tắt "T.N." (transcriber's note - chú thích của người chuyển đổi) và chứa một khoảng trắng phía sau. Chú thích được ghi bằng chữ nổi viết đủ.

Ví dụ 21.2-1.

21.3. Dấu ngoặc trong âm nhạc

Một ký hiệu âm nhạc nằm trong dấu ngoặc trong bản phổ thông được đặt giữa ký hiệu dấu ngoặc âm nhạc ⌋⌋ trong bản nổi. Khi một hay một phần cụm từ diễn đạt được đặt trong dấu ngoặc thì ký hiệu dấu ngoặc đặc biệt trong chữ nổi ⌋⌋ được thêm vào cụm từ diễn đạt đó.

Ví dụ 21.3-1.

Ví dụ 21.3-2.

21.4. Ký hiệu biên tập

Các ký hiệu chỉnh sửa trong bản phổ thông như các ký hiệu thêm vào hoặc thay thế khi viết trong bản nổi được thêm tiền tố ⌋⌋. Những ký hiệu bổ sung này có thể là các dấu luyện chấm vạch, các từ có kiểu chữ khác hoặc các đường hình kẹp nét đứt chỉ khúc nhạc mạnh dần hay nhẹ dần.

Ví dụ 21.4-1.

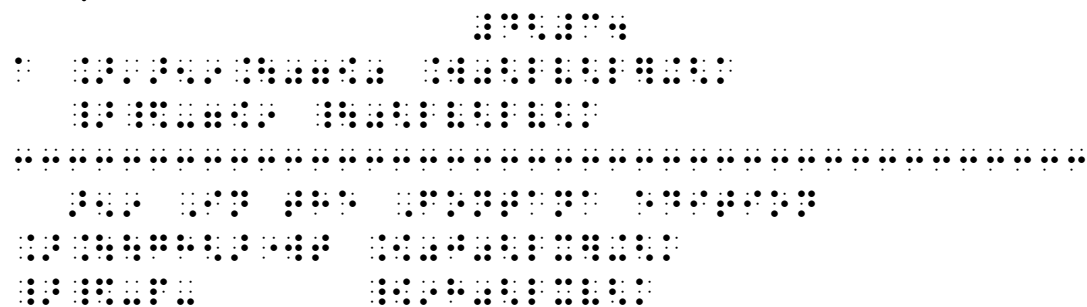
21.5. Biến thể

Nếu một đoạn nhạc có hai hoặc hơn hai phiên bản trong bản phổ thông thì các biến thể đó có thể được viết như chú thích, như đoạn kẹp hoặc sắp xếp theo hàng hay theo bảng bằng cách dùng dấu báo biến thể.

21.5.1. Biến thể viết như chú thích

Nếu một biến thể có độ dài và độ phức tạp đáng kể, có thể đặt một dấu hoa thị âm nhạc tại vị trí thuận tiện gần nhất trong bản nhạc và đặt biến thể trong phần chú thích.

Ví dụ 21.5.1-1.



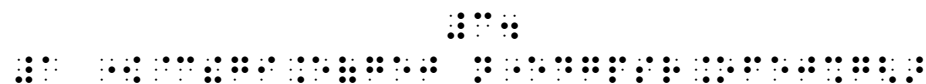
* In the Fontana edition



21.5.2. Biến thể viết như đoạn kẹp

Một biến thể có thể nhập/nói với phần nhạc chính như trong đoạn kẹp. Phương pháp này đặc biệt chỉ thích hợp để sử dụng khi biến thể thực sự ngắn.

Ví dụ 21.5.2-1.



21.5.3. Biến thể được mô tả bằng các dấu báo biến thể

Một biến thể hoặc một nhóm các biến thể của cùng một bản gốc có thể được viết ngay sau bản gốc đó. Ngay trước và sau mỗi biến thể là ký hiệu \therefore . Nếu có hai biến thể trở lên, mỗi biến thể được đánh số tương ứng; và đoạn nhạc chứa nhiều hơn một ô nhịp thì số lượng ô nhịp được đặt sau ký hiệu \therefore đầu tiên và trước mỗi biến thể. Việc sử dụng phương pháp này chỉ đặc biệt thích hợp khi có hai hoặc nhiều hơn hai biến thể đồng thời có độ dài tương tự nhau để mỗi biến thể có thể nằm trên một dòng chữ nổi riêng biệt.

Ví dụ 21.5.3-1.

21.6. Đa dạng trong cỡ chữ bản phổ thông

Ký hiệu \therefore dùng để chỉ nốt và dấu lặng được in nhỏ hơn bình thường; ký hiệu \therefore dùng để chỉ các nốt/dấu lặng được in lớn hơn. Hai ký hiệu này được đặt trước bất kỳ ký hiệu kéo vĩ, dấu hoa mỹ, ký hiệu diễn đạt, dấu hóa bất thường hay dấu bậc. Các ký hiệu này phải được dùng trong chuyển đổi y bản, còn trong chuyển đổi lược bản thì không bắt buộc. Người chuyển đổi phải xác định xem sự khác nhau về cỡ in của các nốt nhạc có vai trò gì về âm nhạc hay chỉ đơn giản là để cho dễ nhìn. Ký hiệu nào trong hai ký hiệu nốt cỡ lớn và cỡ nhỏ cũng có thể được nhân đôi bằng cách viết ô thứ 2 của nó 2 lần. Việc nhân đôi kết thúc bằng cách viết ký hiệu 2 ô đó trước nốt chịu ảnh hưởng cuối cùng. Ví dụ sau mô tả 3 cách chuyển đổi sang chữ nổi đối với sự khác nhau về cỡ chữ trong bản phổ

thông. Ví dụ (a) là chuyển đổi y bản. Ví dụ (b) không thể hiện sự khác nhau này. Ví dụ (c) cho thấy người chuyển đổi đã xác định cỡ nốt có liên quan đến việc trình diễn bản nhạc và dựa trên giả định các nốt nhạc nhỏ trong bản phổ thông có chức năng âm nhạc như cỡ thường còn các nốt cỡ lớn hơn là ngoại lệ. (Thực ra, hiếm khi thấy các nốt nhạc cỡ lớn trong bản nhạc phổ thông.) Các bản chuyển đổi trên đều không có gì sai; còn bản nào là thích hợp nhất thì đó lại là quyết định của người chuyển đổi dựa vào ngữ cảnh âm nhạc.

Ví dụ 21.6-1.

(a) Chuyển đổi y bản

Braille notation for example (a), showing a musical phrase with small notes.

(b) Chuyển đổi lược bản không phân biệt cỡ nốt

Braille notation for example (b), showing a musical phrase where note sizes are not distinguished.

(c) Chuyển đổi lược bản với cỡ nốt lớn được xem là quan trọng

Braille notation for example (c), showing a musical phrase where large notes are treated as important.

21.6.1. Nốt cỡ nhỏ và thường trong hợp âm

Cả hai cỡ nốt nhỏ và thường xuất hiện trong cùng một hợp âm có thể được trình bày theo 2 cách sau. Thứ nhất, cả nốt nhỏ và thường được ghi ở các bên riêng biệt của một đoạn kẹp như ví dụ (a) bên dưới. Thứ hai, như ví dụ (b), nốt nhỏ hoặc lớn được trình bày trong chữ nổi tương tự như trình bày quãng bằng các đặt ký hiệu tương ứng trước ký hiệu quãng. Nếu nốt cỡ nhỏ và lớn là nốt được viết trong hợp âm trong bản nổi, hợp âm đó phải được mô tả bằng đoạn kẹp khác để tránh nhầm lẫn rằng toàn bộ hợp âm được viết giống nhau trong bản phổ thông. Khi những ký hiệu này được dùng cho những nốt nhạc nằm trong bản nổi giống như quãng, chúng chỉ được nhân đôi nếu quãng đó được nhân đôi.

Ví dụ 21.6.1-1.

(a) Nốt cỡ nhỏ trong đoạn kẹp

Braille notation for example (a), showing a chord with small notes in a bracket.

hay dấu bậc nào. Nốt nhạc đứng sau các ký hiệu này không cần thêm dấu bậc đặc biệt. Trong trường hợp hai hoặc nhiều hơn hai ký hiệu này được áp dụng cho cùng một nốt nhạc, chúng nên được đặt theo thứ tự: dấu gọn sóng (arpeggio), dấu chấm trên hoặc dưới nốt nhạc (staccato) hoặc chấm hình quả lê trên dưới nốt nhạc (staccatissimo), các dấu nhấn giọng (accent), dấu ngân (tenuto) và các ký hiệu khác.

Ví dụ 22.1-1.

22.1.1. Nhân đôi biểu tượng diễn đạt và diễn âm

Ngoại trừ ký hiệu hình kẹp chỉ độ mạnh dần hay nhẹ dần của nốt nhạc (swell sign), bất kỳ ký hiệu nào cũng có thể được nhân đôi nếu nó áp dụng cho 4 nốt nhạc liên tiếp trở lên. Toàn bộ các đoạn nhân đôi ký hiệu có hiệu lực ở cuối một trang nốt phải được viết lại khi sang đầu trang nốt mới, giả định rằng ở mỗi trường hợp đều có đủ số nốt để bảo đảm đủ điều kiện nhân đôi. Vậy nên đoạn nhân đôi không được bắt đầu ở cuối trang nếu không có ít nhất 3 ký hiệu tương tự liên tiếp trong trang đó, cũng không thể được viết lại ở đầu trang mới nếu không có ít nhất 4 ký hiệu đó ở đầu trang.

Ví dụ 22.1.1-1.

22.2. Biểu tượng đứng sau nốt trong nhạc nổi

Các ký hiệu lấy hơi hoặc ngắt nghỉ trong bản phổ thông hay các ký hiệu dấu mắt ngỗng được trình bày trong Bảng 22(B), đứng sau nốt nhạc mà nó tác động. Nếu có ký hiệu dấu chấm đôi, ký hiệu ngón hoặc quãng được gắn với nốt thì các ký hiệu đó đứng trước ký hiệu lấy hơi/ ngắt nghỉ hoặc dấu mắt ngỗng.

Ví dụ 22.2-1.





22.3. Từ và từ viết tắt dùng cho diễn đạt

Các từ đơn, từ viết tắt, những cụm từ dài hơn chứa từ và/hoặc từ viết tắt, và ký hiệu kết thúc gắn với những cụm từ này được giới thiệu bằng ký hiệu báo từ ∷ trong chữ nổi. Cần phải thận trọng trong việc đặt các cụm từ này dựa vào ý nghĩa của chúng, bất kể chúng nằm ở vị trí nào trong bản nhạc phổ thông. Từ chỉ nhịp độ có thể được đặt trước một dấu lặng nhưng một từ chỉ cường độ hoặc từ chỉ diễn âm nên được đặt trước một nốt. Số từ đơn, từ viết tắt hoặc các cụm khác mà không chứa khoảng trắng có thể được chuyển đổi thành chữ nổi liên tục, và được giới thiệu bằng ký hiệu báo từ. Những cụm từ này được chuyển thành chữ nổi trước các ký hiệu trong Bảng [22\(A\)](#). (Xem Mục [29.3.3-29.3.5](#) về vị trí của cụm từ diễn đạt trong nhạc dùng cho nhạc cụ phím, và Mục [33.4](#) và [33.4.5](#) về đồng diễn nhạc cụ). Tất cả cụm từ diễn đạt đều:

(a) được viết bằng chữ nổi viết đủ bằng mã chữ nổi cho văn bản: Trong ngữ cảnh văn bản tiếng Anh, các ký tự có dấu (như ã, â, ô, ơ, v.v...) được chuyển đổi sang *Chữ nổi tiếng Anh thống nhất* (xem Ví dụ [22.3.8-1](#)). Bảng chữ cái và các ký tự có dấu trong ngôn ngữ gốc được dùng trong thanh nhạc và khi ấn phẩm được in hoàn toàn bằng tiếng khác ngoài tiếng Anh;

(b) được chuyển thành chữ nổi không in hoa;

(c) sử dụng các ký tự dùng trong văn bản cho toàn bộ các dấu câu trừ trường hợp (1) chấm 3 ∷ được dùng cho dấu chấm câu, và (2) dấu ngoặc đơn đặc biệt ∷ được dùng khi dấu ngoặc trong bản phổ thông bao hàm toàn bộ hoặc một phần cụm từ diễn đạt (xem Mục [22.3.3](#) về ngoại lệ liên quan đến ký hiệu chỉ cường độ trong ngoặc);

(d) phải được theo sau bởi chấm 3 nếu ký hiệu sau nó chứa chấm 1, 2 hoặc 3, trừ khi (1) đó là ký hiệu cuối cùng của ô nhịp, (2) ký hiệu sau nó là một ký hiệu báo từ, hoặc (3) đã có sẵn một chấm 3 đại diện cho dấu chấm câu; và

(e) cần một dấu bậc cho nốt kế tiếp.

22.3.1. Cụm từ diễn đạt chỉ gồm một từ đơn

Trong bản nổi, một từ diễn đạt đơn lẻ được đặt sau một ký hiệu báo từ trong dòng nhạc tại vị trí nó xuất hiện.

Ví dụ 22.3.1-1.

The image shows a musical staff in 6/8 time with a treble clef. The melody consists of quarter notes and eighth notes, with some rests. Above the staff, there are two lines of Braille notation. The first line starts with a Braille symbol for a treble clef, followed by notes corresponding to the melody. The second line contains rests. The word "ruidido" is written above the first measure, and "diminuendo" is written above the last two measures.

22.3.2. Từ viết tắt

Từ viết tắt được đặt tại vị trí thích hợp trong bản nhạc mà không có khoảng trắng nào xen giữa, đứng trước hoặc sau nốt tương ứng với nó. Trong bản phổ thông có khá nhiều từ viết tắt cho các từ "crescendo" (mạnh dần), "decrescendo" (nhẹ dần) và "diminuendo" (yếu dần). Tuy vậy, khi chuyển đổi sang chữ nổi, các từ viết tắt tương ứng ⠠⠠⠠⠠⠠⠠, ⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠, và ⠠⠠⠠⠠⠠⠠ sẽ được dùng bất kể các từ trên được viết tắt như thế nào trong bản phổ thông. Ví dụ, từ "L.V." hoặc "lv" viết tắt cho cụm "let vibrate" trong bất kỳ ngôn ngữ nào, đều dùng ký hiệu ⠠⠠⠠⠠⠠⠠ trong chữ nổi bất kể nó được viết tắt trong bản phổ thông như thế nào. Tất cả những từ viết tắt còn lại được chuyển đổi theo như trên bản phổ thông.

22.3.3. Chữ cái và dấu hình kẹp thể hiện cường độ

Chữ cái thể hiện cường độ và những ký hiệu nổi dùng để đại diện cho điểm bắt đầu và kết thúc của những biểu tượng hội tụ và chia rẽ, mô tả cách chơi mạnh lên hoặc nhẹ đi, được chuyển thành chữ nổi bằng những cụm từ diễn đạt như trong bản phổ thông khi chúng là những ký hiệu độc lập (và không phải là một phần của cụm từ dài hơn). Nếu một trong những ký hiệu độc lập này được đặt giữa những dấu ngoặc đơn trong bản phổ thông, thì cả cụm ký hiệu, bao gồm ký hiệu báo từ, sẽ được đặt giữa các dấu ngoặc đơn âm nhạc trong bản nổi.

(a) Một ký hiệu chỉ cường độ độc lập gồm một hay nhiều chữ cái không được xem là một từ viết tắt; không cần chấm 3 nếu ký hiệu theo sau nó không chứa chấm 1, 2 hoặc 3. Tuy nhiên, cần ghi thêm một chấm 3 nếu những ký hiệu chỉ cường độ nằm trong trong những cụm từ dài hơn. (Xem Mục [22.3.8.](#))

(b) Cụm từ diễn đạt đại diện cho điểm bắt đầu và kết thúc của biểu tượng "hình kẹp" (hairpin) có thể không nằm trong những cụm từ dài hơn. Nếu ký hiệu hình kẹp đó được đặt giữa các dấu ngoặc đơn thì mỗi cặp ký hiệu nổi phải được đặt giữa các dấu ngoặc đơn âm nhạc. Có thể lược bỏ ký hiệu hợp âm Đô trưởng giảm (lowered C) ⠠⠠ hoặc hợp âm Rê trưởng giảm (lowered D) ⠠⠠ dùng để chỉ sự kết thúc của hình kẹp nếu ký hiệu liền sau là những ký hiệu xác định sự kết thúc hoặc mâu thuẫn như các cường độ khác, dấu lặng hoặc vạch nhịp kép kết bài. Nếu cần có một trong những ký hiệu kết thúc trên, nó được viết sau nốt

cuối cùng bị tác động và một ký hiệu ngón, dấu quãng, luyến hoặc nối trong bản nổi.

Ví dụ 22.3.3-1.

Ví dụ 22.3.3-2.

Ví dụ 22.3.3-3.

22.3.4. Đường nối dài

Những đường chấm hoặc nét đứt để tiếp tục hiệu lực của một cụm từ diễn đạt được mô tả bằng hai chấm 3 liên tiếp cho ví dụ thứ nhất, và bằng 2 ô chấm 36 liên tiếp cho ví dụ thứ hai nếu các đường chấm/nét đứt đó chồng lên nhau. Ký hiệu kết thúc $:::$ hoặc $::::$ được đặt sau nốt bị tác động cuối cùng và ký hiệu ngón, quãng, luyến hoặc nối. Không cần dùng dấu này nếu liền sau nó có một dấu xác định kết thúc hoặc mâu thuẫn. (Xem thêm Mục [22.3.8](#))

Ví dụ 22.3.4-1.

22.3.5. Cụm từ liên quan đến nốt đứng trước

Hầu hết các cụm từ diễn đạt đều chỉ đến các ký hiệu âm nhạc đứng sau nó. Đôi khi còn có từ hoặc cụm từ áp dụng ở cuối của nốt trước đó. Trong trường hợp này, cụm từ diễn đạt được đặt ngay sau nốt nhạc và bất kỳ ký hiệu ngón, quãng, luyến hay nối nào theo sau nốt đó.

Ví dụ 22.3.5-1.

22.3.6. Thứ tự của những cụm từ diễn đạt đồng thời

Khi hai hoặc hơn hai cụm từ có hiệu lực đồng thời thì chúng phải được sắp xếp hợp lý dựa vào vai trò chứ không phải vị trí của chúng trong bản phổ thông. Cụm từ càng có liên kết cụ thể với nốt nhạc thì nó càng đứng gần nốt đó. Ví dụ như một cụm từ chỉ nhịp độ nên đứng trước một cụm từ chỉ cường độ.

Ví dụ 22.3.6-1.

22.3.7. Cụm từ cuối dòng chữ nổi

Thông thường nên đặt cụm từ diễn đạt ở cùng dòng với nốt mà nó tác động. Tuy nhiên, nếu cần dành khoảng trống thì cụm từ đứng trước nốt có thể được đặt ở

cuối dòng nhạc nổi và sau nó là một dấu gạch nối âm nhạc, từ đó tách biệt nó với nốt chịu tác động. (Xem Ví dụ 22.3.3-3.)

22.3.8. Cụm từ chứa khoảng trắng

Một cụm từ chứa từ hai từ/từ viết tắt trở lên (ở đây và trong một số phần khác trong tài liệu còn gọi là cụm từ diễn đạt dài) cần có khoảng trắng giữa chúng. Một cụm từ dài, gồm cả bất kỳ đường nối dài nào, được đặt giữa một cặp ký hiệu báo từ, và giữa hai khoảng trắng. Nếu cụm từ đó xuất hiện giữa một ô nhịp nhưng không nằm ngay sau ký hiệu kẹp hoặc ký hiệu phân chia ô nhịp thì cần phải đặt một dấu gạch nối âm nhạc trước khoảng trắng trước nó. Bản nhạc được tiếp tục ngay sau khoảng trắng đứng sau ký hiệu báo kết thúc từ. Một cụm từ chỉ cường độ được mô tả bằng một hay nhiều chữ cái nằm trong cụm từ diễn đạt được xem như một từ viết tắt và phải được theo sau bằng chấm 3 biểu thị dấu chấm câu. Dấu ngoặc đơn bao quanh toàn bộ hoặc một phần của cụm từ được chuyển đổi thành dấu ngoặc đơn đặc biệt trong cụm từ đó. Hai hoặc nhiều hơn hai cụm từ dài không liên quan nhau nên được đặt giữa các cặp ký hiệu báo từ riêng biệt và xen giữa là một khoảng trắng. (Xem [17.1](#) Mục về những cụm từ trùng với ký hiệu bắt đầu nhắc lại.)

Ví dụ 22.3.8-1.

♩ ♪ ♫ ♬ ♭ ♮ ♯ ♭♭ ♯♯ ♩ ♪ ♫ ♬ ♭ ♮ ♯ ♭♭ ♯♯

molto espr.

mp *più p*

Ví dụ 22.3.8-2.

♩ ♪ ♫ ♬ ♭ ♮ ♯ ♭♭ ♯♯ ♩ ♪ ♫ ♬ ♭ ♮ ♯ ♭♭ ♯♯

non legato *poco a poco più legato*

ff *molto giocoso* *(meno f)*

Ví dụ 22.3.8-3

♩ ♪ ♫ ♬ ♭ ♮ ♯ ♭♭ ♯♯ ♩ ♪ ♫ ♬ ♭ ♮ ♯ ♭♭ ♯♯



22.3.9. Các cụm từ diễn đạt trong khi ngân một nốt

Khi trên bản phổ thông, các cụm từ diễn đạt được đặt tại vị trí nhằm thể hiện rõ việc chúng được thực thi ngay tại các vị trí trung gian trong khi ngân một nốt, người chuyên đôi không được viết lại giá trị của nốt được ngân bằng những nốt có giá trị nhỏ hơn nối lại với nhau (bằng dấu nối). Thay vào đó, nên sử dụng cách kẹp toàn phần hoặc một phần ô nhịp chứa toàn bộ các dấu lặng với và đặt cụm từ diễn đạt tại vị trí sao cho đúng. Trước mỗi dấu lặng đặt một chấm 5 để biết nó không xuất hiện trong bản phổ thông. Tất cả cụm từ diễn đạt xuất hiện trong quãng thời gian này phải được đặt trong đoạn kẹp chứa dấu lặng. Để tránh tình trạng lặp lại chấm 5, số dấu lặng được ghi càng ít càng tốt. Ví dụ dấu lặng đen có chấm đôi được dùng để chỉ dấu lặng đen và dấu lặng đơn.

Ví dụ 22.3.9-1.

22.4. Chùm vạch hình rẽ quạt

Nếu một nhóm nốt nhạc được nối với nhau bằng những chùm vạch (dấu nối cờ nốt) hình rẽ quạt chứ không phải những đường vạch song song thì những nốt nhạc đó sẽ được chơi nhanh lên hoặc chậm lại. Giá trị nốt tiêu chuẩn vẫn được sử dụng nhưng nhóm nốt đó được đặt sau ký hiệu thể hiện sự nhanh lên (*accelerando*) $\text{♩} \text{♩} \text{♩}$ hoặc chậm lại (*ritardando*) $\text{♩} \text{♩} \text{♩}$ và đứng trước ký hiệu kết thúc (chấm 56, 13). Nếu chùm vạch bắt đầu tại cùng một nốt và rẽ ra những nốt tiếp theo (hội tụ phía bên trái) nghĩa là chơi nhanh lên; nếu chùm vạch hội tụ phía bên phải nghĩa là chơi chậm lại.

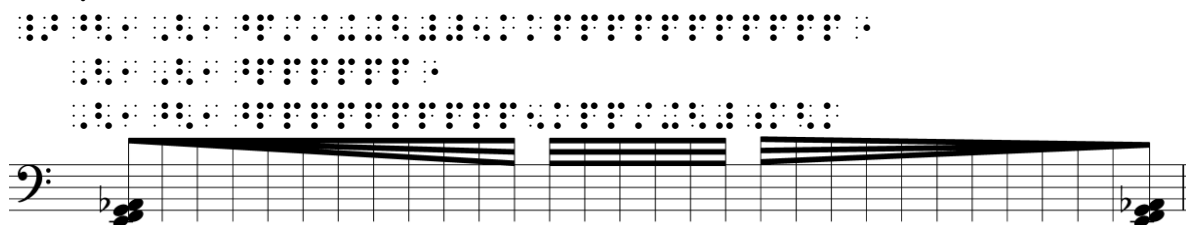
Ví dụ 22.4-1.



22.4.1. Thay đổi hướng chùm vạch

Nêu hướng của rê quạt thay đổi trong nhóm tiết tấu trước khi chùm vạch kết thúc, các ký hiệu trên được đặt tại vị trí bắt đầu sự thay đổi. Ký hiệu thể hiện nhịp đều $\text{:::} \text{:::} \text{:::}$ được sử dụng khi chùm vạch ghi song song nhau. Giữa hợp âm đầu và hợp âm cuối trong Ví dụ 22.4.1-1, bản nhạc phổ thông chỉ có đuôi nốt; ký hiệu cho nốt nhạc chỉ có đuôi nốt được sử dụng và nhân đôi lên.

Ví dụ 22.4.1-1.



23. BIỂU TƯỢNG HỢP ÂM

(Bảng 23)

23.1. Chuyển đổi biểu tượng hợp âm

Biểu tượng hợp âm, bao gồm chữ cái, số, dấu hóa và các ký tự khác trong bản phổ thông được sử dụng khá thường xuyên, đặc biệt trong các bản nhạc pop, jazz hay nhạc dân ca. Hệ thống này đôi khi được gọi là "nhạc phổ dạng ngắn". Các biểu tượng này được chuyển đổi nguyên bản như trong bản phổ thông. Các ký tự trong biểu tượng hợp âm được in dọc thì khi chuyển sang chữ nổi sẽ nằm ngang từ thấp nhất đến cao nhất.

Bảng 23.1-1. Các biểu tượng hợp âm điển hình

Dm		E ^b	
D ^b /A ^b		Dmaj7	
G6/D		F [#] dim7	
F [#] o7		F [#] 7	
C7sus		Dm([#] 7)	
B7-9		Gmaj7+9	
B+		B7(-9)	
B ^b o		B ^b o7	
C Δ		A ^b maj7 ⁺⁹ _{b5}	
D7(^{b5} _{b9})		NC or N.C.	
G7(B bass)		Tacet	

23.1.1. Chữ cái và Chữ số

Toàn bộ chữ cái và chữ số được chuyển đổi bằng chữ nổi viết đủ dựa vào mã chữ nổi trong văn bản, trừ ký hiệu thể hiện số 7 in nghiêng đại diện cho hợp âm 7. Không dùng dấu báo viết tắt Cấp 1. Các dấu báo số khác đều được sử dụng. Dấu chấm được lược bỏ. Các chữ in hoa thì vẫn như bản phổ thông, nhưng không dùng in hoa nguyên đoạn.

23.1.2. Ký tự không phải là ký tự Latin

Ký hiệu dấu hóa bất thường bằng chữ nổi được dùng tại vị trí nó xuất hiện trong bản phổ thông. Bảng 23 chứa hầu như toàn bộ các ký tự trong những biểu tượng hợp âm. Một số biểu tượng phổ thông như vòng tròn nhỏ (hợp âm giảm) và vòng tròn nhỏ có đường gạch ngang (hợp âm giảm một nửa) mang những ý nghĩa tiêu chuẩn nhất định. Một số ký hiệu khác thì lại không được chuẩn hóa về ý nghĩa. Chúng thường được giải thích trong đoạn văn kèm theo và đương nhiên phải ghi chú các đoạn này trong bản chuyển đổi. Người chuyển đổi có thể phải đặt ra các ký hiệu nổi thích hợp để đại diện cho các ký tự không nằm trong bảng này và định nghĩa chúng trong ghi chú của mình.

23.1.3. Dấu gạch chéo thay cho ký hiệu nốt trầm

Nếu một nốt trầm được ghi trong bản phổ thông, thường được đặt giữa hai dấu ngoặc đơn, như một phần của biểu tượng hợp âm thì khi chuyển sang chữ nổi, nó sẽ được mô tả bằng một dấu gạch chéo đứng trước tên nốt.

23.2. Các ký hiệu không phải là hợp âm

Ký hiệu NC hoặc N.C có nghĩa là "không có hợp âm" (no chord) và ký hiệu Tacet đại diện cho "yên lặng" (Tacet) được đặt giữa các khoảng trắng và không phải là các biểu tượng hợp âm. Bất kỳ dấu chấm nào trong các ký hiệu này đều bị lược bỏ khi chuyển sang chữ nổi.

23.3. Biểu tượng hợp âm trong nhiều định dạng khác nhau

Các hướng dẫn cách chuyển đổi biểu tượng hợp âm trong bản nhạc không lời với khuôn nhạc đơn được trình bày trong Chương [27](#); hướng dẫn cho bản nhạc có lời với khuôn nhạc đơn nằm ở Chương [36](#) và cho bản nhạc soạn cho nhạc khí dùng định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp nằm ở Mục [29.17-29.17.1](#).

PHẦN II. KÝ HIỆU DÙNG TRONG KHÍ NHẠC

24. ĐỘC TÁU NHẠC CỤ VÀ BÈ TRONG ĐỒNG DIỄN

24.1. Định dạng dòng đơn

Bản nhạc chỉ có một bè, như bản độc tấu nhạc cụ hoặc phần riêng của một người tham gia trong nhóm đồng diễn, được thể hiện bằng định dạng dòng đơn. Người chuyển đổi chia nhạc thành các phân đoạn thích hợp dựa trên cấu trúc và cách phân nhịp của bản nhạc. Một phân đoạn điển hình bao gồm 2 đến 4 dòng chữ nổi. Người chuyển đổi có quyền tự do quyết định việc phân chia các phân đoạn sao cho người đọc dễ dàng ghi nhớ chúng. Nếu thấy số thứ tự ô nhịp trong bản phổ thông đã được đặt ở những điểm mang ý nghĩa âm nhạc quan trọng, nên bắt đầu các phân đoạn ở các điểm đó. Nếu thấy số thứ tự ô nhịp được sắp xếp không theo phân nhịp, chẳng hạn ở đầu mỗi khuôn nhạc của bản nhạc, chỉ cần đặt số thứ tự ô nhịp chính xác tại phần đầu của mỗi phân đoạn chữ nổi.

24.1.1. Định dạng của các phân đoạn

Mỗi phân đoạn được bắt đầu ở lề trang bằng số thứ tự ô nhịp đầu tiên của nó. Nếu phân đoạn bắt đầu bằng một phần ô nhịp, số này sẽ có chấm 3 theo sau. Khi ô nhịp đầu tiên của đoạn di chuyển không hoàn chỉnh, nó sẽ được đặt số thứ tự là 0. Phần âm nhạc được viết sau trên cùng một dòng, sau một khoảng trắng. Các dòng chữ nổi liên tiếp trong phân đoạn sẽ được thụt vào ô chữ nổi thứ 3. Ví dụ 24.1.1-1 trình bày các phân đoạn điển hình có độ phức tạp trung bình. (Xem Mục [22.3-22.3.9](#) về vị trí đặt các từ và từ viết tắt điển đạt trong định dạng dòng đơn.)

Ví dụ 24.1.1-1.

24.2. Đặt các đánh dấu cho diễn tập

Nếu có một đánh dấu cho diễn tập trong bản phổ thông, thì phải bắt đầu một phân đoạn mới ngay tại nơi nó xuất hiện. Nếu đánh dấu cho diễn tập là số ô thứ tự nhịp thực tế, thì không cần phải viết lại, vì số này sẽ xuất hiện ở lề của phân đoạn mới. Nếu đánh dấu cho diễn tập là một chữ cái hoặc một con số không phải là số thứ tự ô nhịp thực tế thì phải đặt nó ở giữa các ký hiệu báo từ ở lề trang, trong một dòng riêng phía trên dòng đầu tiên của phân đoạn. Các chữ cái đánh dấu cho diễn tập không tuân theo luật không viết hoa trong các cụm từ diễn đạt.

24.3. Các dấu trích từ một bản nhạc

Khi bản chuyển đổi được trích từ một bản nhạc mà phần độc tấu hoặc bè cá nhân được in thành một bè của một bản nhạc có nhiều khuông nhạc, người chuyển đổi phải cẩn trọng và chuyển đổi hết các dấu có thể xuất hiện trong phần nhạc đệm hoặc ở các nơi khác trong bản nhạc khi chúng được áp dụng vào phần âm nhạc đang được chuyển đổi.

24.4. Các bè có phần ra hiệu (cues)

Trong các bè biểu diễn cá nhân trong nhóm đồng diễn, các phần ra hiệu chứa ba hoặc bốn ô nhịp có thể được viết tại nơi có các khoảng lặng dài. Những phần ra hiệu này có thể được viết thành các đoạn kẹp trong chữ nổi sau các ô nhịp lặng đại diện cho phần độc tấu. Phần ra hiệu chỉ chứa các nốt, khoảng lặng, dấu nối và dấu mắt ngừng.

Ví dụ 24.4-1.



24.5. Các bè cùng in trong một khuôn nhạc

Trong nhạc dành cho dàn nhạc hoặc các loại đồng diễn khác, hai bè tương tự nhau, chẳng hạn kèn oboe 1 và 2, thường được in trong một khuôn nhạc đơn. Nếu hai (hoặc nhiều) bè này có cùng cao độ trừ vài đoạn ngắn, thì có thể viết chúng trong cùng một bản chuyển đổi, thể hiện vị trí chúng khác nhau bằng phương pháp kẹp nốt. Nếu các bè này được chơi độc lập trong bất cứ khoảng thời gian đáng kể nào trong bản nhạc, mỗi bè nên được chuyển đổi riêng. Không được viết các bè dành cho các nhạc công riêng biệt thành chữ nổi dưới dạng quãng.

25. NHẠC CỤ DÂY DÙNG VĨ

(Bảng 24)

25.1. Ký âm chung

Âm nhạc dành cho nhạc cụ dây dùng vĩ được chuyển đổi theo định dạng dòng đơn. Các quãng và các đoạn kẹp được đọc từ trên xuống trong nhạc dành cho violin và viola và đọc từ dưới lên trong nhạc dành cho cello và bass, bất kể bản phổ thông dùng khóa nhạc nào.

25.2. Diễn giải các số La Mã trong bản phổ thông

Các số La Mã có thể xuất hiện trên hoặc dưới các nốt để chỉ hoặc số của dây được chơi hoặc vị trí bàn tay. Các số La Mã không được dùng cho cả hai mục đích này trong cùng một bản nhạc. Cần phải xác định chúng có chức năng nào trong một bản nhạc cần chuyển đổi bởi vì trong cả hai trường hợp, chúng đều không được chuyển đổi thành chữ số La Mã. Một người chuyển đổi không thông thạo nhạc cụ dây phải tìm đến sự trợ giúp của một nghệ sĩ biểu diễn hoặc sách tham khảo.

25.2.1. Số dây

Các ký hiệu chỉ số dây được đặt trước các nốt và quãng, và trước các ký hiệu khởi đầu như dấu luyện ngoặc mở, dấu hoa mỹ, dấu sắc thái, dấu hóa bất thường và dấu bậc. Không cần phải có dấu bậc đặc biệt. Các đường nối dài được thể hiện bằng cách dùng nguyên tắc nhân đôi, chỉ có nửa sau của ký hiệu được viết hai lần. Khi các ký hiệu dây được thể hiện bằng tổ hợp các chữ số hoặc ký tự và

từ như "dây", "string", "corda" hoặc "sul G" (dây Sol), nên thay thế bằng các ký hiệu dây chữ nổi trừ khi chuyển đổi y bản. (Cách đánh số dây ở các quốc gia khác nhau không giống nhau; trong tài liệu này chúng được đánh số từ cao nhất đến thấp nhất.) Hai ví dụ bản phổ thông trong Ví dụ 25.2.1-1 có cùng ý nghĩa và được chuyển đổi giống hệt nhau.

Ví dụ 25.2.1-1.

The image shows a musical score for two staves in common time (C). The top staff has Braille notation above it, with Roman numerals IV and III indicating fingerings. The bottom staff has Braille notation above it, with 'sul G' and 'sul D' indicating string techniques. The music consists of a sequence of eighth and quarter notes.

25.2.2. Phím (vị trí)

Ký hiệu dành cho các phím khác nhau được đặt trước các nốt và trước các ký hiệu khởi đầu chẳng hạn như sắc thái. Nốt đứng sau cần có một dấu bậc đặc biệt. Một đường nối dài theo sau một ký hiệu phím được mô tả bằng cách thêm hai chấm 3 liên tiếp (hoặc hai chấm 6 liên tiếp nếu đã có một đường nối dài khác đang có hiệu lực) vào ký hiệu này. Điểm kết thúc đường nối dài được thể hiện bằng cách chèn ký hiệu kết thúc ::: (hoặc ::: dành cho đường nối dài thứ hai) vào sau nốt cuối cùng bị ảnh hưởng. Nốt tiếp theo cần có một dấu bậc đặc biệt. Không cần viết ký hiệu kết thúc đường nối dài khi có một ký hiệu phím mới.

Ví dụ 25.2.2-1.

The image shows a musical score for a single staff in 2/4 time with a key signature of one sharp (F#). The music features sixteenth-note runs and eighth-note patterns. Braille notation is placed above the staff, with Roman numerals V, I, III, and V indicating fingerings. The score ends with a double bar line.

25.3. Dấu kéo vĩ

Ký hiệu kéo vĩ nên được đặt gần nốt hết mức có thể và không nên bị tách khỏi nốt đó trừ khi bằng các ký hiệu dấu hoa mỹ, sắc thái, dấu hóa bất thường và dấu bậc. Dấu luyến nguyệt mở nên đi trước dấu kéo vĩ. Nốt nhạc không cần có dấu bậc đặc biệt. Ký hiệu kéo vĩ có thể được nhân đôi nếu nó được dùng cho từ 4 nốt liên tiếp trở lên; toàn bộ ký hiệu hai ô phải được lặp lại.

Ví dụ 25.3-1.

The image shows a single Braille symbol consisting of a series of six dots arranged in a 2x3 grid, which represents a fermata in musical notation.

25.4. Ký hiệu ngón

Ngón bấm trong bản nhạc dùng nhạc cụ dây được viết thành chữ nổi giống với cách viết trong bản nhạc dùng nhạc cụ phím. (Xem Chương 15.) Tuy nhiên, ý nghĩa của các dấu không giống nhau hoàn toàn. Người chơi nhạc cụ dây đếm ngón trỏ là ngón 1 và ngón út là ngón 4. Ký hiệu dành cho dây buông \circ được đặt ngay sau nốt, như thể đó là một ký hiệu ngón. Nếu nốt được chơi trên hai dây, dây chặn được đại diện bằng ký hiệu đuôi nốt nhạc. Vị trí ngón cái, được mô tả trong bản phổ thông bằng một vòng tròn có một đường thẳng đứng xuyên qua, được thể hiện bằng ký hiệu ngón cái \circ theo sau nốt đó, như bất cứ ký hiệu ngón bấm nào khác.

Ví dụ 25.4-1.

Ví dụ 25.4-2.

Ví dụ 25.4-3.

25.4.1. Các đường nối dài có các ngón bấm

Các đường nối dài có thể được thể hiện cùng các ngón bấm trong nhạc dùng nhạc cụ dây, đặc biệt là trong các tài liệu hướng dẫn. Một đường nối dài như thế được mô tả bằng cách đặt chấm 3 sau ký hiệu ngón dành cho nốt đầu tiên, và viết lại ngón bấm này sau chấm 6 sau nốt cuối cùng bị ảnh hưởng.

Ví dụ 25.4.1-1.

The image shows a musical staff in 2/4 time. The first measure contains a quarter note with a fingering of 1-4. The second measure contains a quarter rest. The third measure contains a quarter note with a fingering of 1-2-3-4. The fourth measure contains a quarter note with a fingering of 1-2-3-4. Above the staff, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes and rests.

25.4.2. Các ngón bấm luân phiên

Vì các ký hiệu dùng để thể hiện các đường nối dài trong nhạc cụ dây giống với các ký hiệu được dùng để thể hiện các ngón bấm luân phiên trong nhạc cụ phím, không thể mô tả các ngón bấm luân phiên trong nhạc cụ dây bằng công cụ này. Các ngón bấm luân phiên trong nhạc cụ dây phải được thể hiện bằng cách kẹp nốt hoặc trình bày như một biến thể. (Xem Mục [21.5.2](#) và [21.5.3](#).)

25.5. Kéo vĩ và gảy dây (arco và pizzicato)

Thao tác gảy bằng tay phải và kéo vĩ được chuyển đổi bằng các ký hiệu từ chính xác như cách ghi trong bản phổ thông.

Ví dụ 25.5-1.

The image shows a musical staff in common time. The first measure contains a quarter note with a pizzicato (pizz.) marking. The second measure contains a quarter note with an arco marking. The third measure contains a quarter note with a pizzicato (pizz.) marking. The fourth measure contains a quarter note. Above the staff, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes and markings.

25.5.1. Gảy bằng tay trái

Thao tác gảy bằng tay trái được thể hiện bằng ký hiệu $\text{:}\text{:}\text{:}$ đặt trước mỗi nốt được chơi bằng cách đó. Phải có một chấm 3 theo sau ký hiệu này nếu ký hiệu tiếp theo có chứa các chấm 1, 2 hoặc 3. Nốt tiếp theo phải có một dấu bậc đặc biệt. Ký hiệu này có thể được nhân đôi trong một đoạn có 4 nốt trở lên. Kỹ thuật này thường được chỉ ra trong bản phổ thông bằng một dấu thập trên hoặc dưới nốt nhạc. Trong nhạc nôi, từ "pizz." và các từ chỉ tay trái như "m.g." hoặc "LH"

được lược bỏ khỏi các nốt hoặc hợp âm gảy bằng tay trái trừ khi chuyển đổi y bản.

Ví dụ 25.5.1-1.

Ví dụ 25.5.1-2.

25.6. Ngân rung (Tremolo)

Việc ngân rung lặp nốt và luân phiên nốt được thể hiện bằng các ký hiệu tương ứng của chúng trong Bảng 14. (Xem thêm Chương [14](#).)

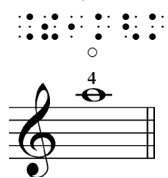
Ví dụ 25.6-1.

25.7. Hòa âm tự nhiên

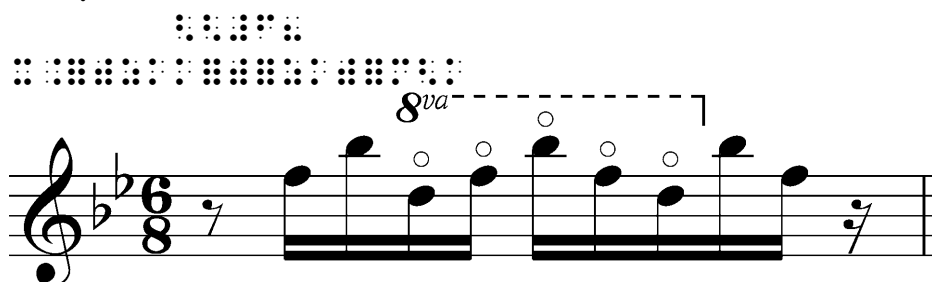
Các hòa âm tự nhiên có thể được ký âm trong bản phổ thông bằng một trong hai cách. Thông thường một vòng tròn nhỏ, giống với ký hiệu dành cho dây buông, có thể được đặt trên một nốt hình tròn bình thường có hoặc không có số chỉ ngón bấm. Đôi khi nốt được chơi như một hòa âm tự nhiên sẽ có dạng hình thoi, hoặc có hình tròn nhỏ/ngón bấm hoặc không. Trong cả hai trường hợp, ký hiệu nhạc nổi chỉ vòng tròn nhỏ, giống với ký hiệu dành cho dây buông, được đặt ngay sau nốt hoặc quãng, hoặc sau ngón bấm của nó. Nếu nốt này là hình thoi, ký hiệu dành cho đầu nốt hình thoi ∴ được đặt sau nốt đó, và cách thể hiện hòa âm tự nhiên này (ít gặp hơn) nên được giải thích trong phần chú thích của

người chuyên đôi. Ký hiệu dành cho hòa âm tự nhiên (và ký hiệu hình thoi nếu có) có thể được nhân đôi cho một loạt 4 hòa âm tự nhiên trở lên. Hai hòa âm tự nhiên có thể được viết như một hợp âm, dùng các ký hiệu quãng.

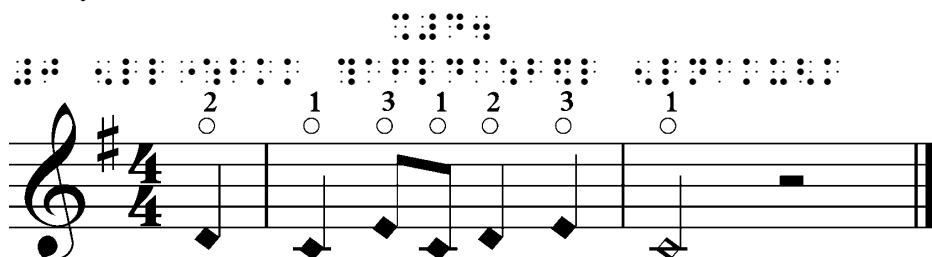
Ví dụ 25.7-1.



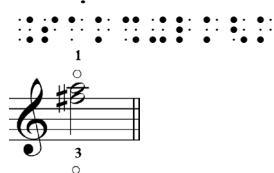
Ví dụ 25.7-2.



Ví dụ 25.7-3.



Ví dụ 25.7-4.

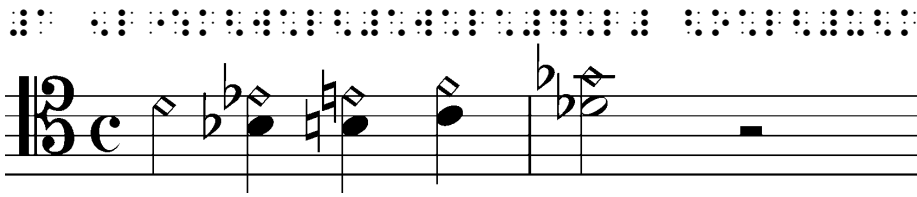


25.8. Hòa âm nhân tạo

Ký hiệu dành cho hòa âm nhân tạo $\therefore \therefore$ được đặt trước nốt hoặc quãng, và có thể chỉ được tách khỏi đó bằng một dấu bậc hoặc dấu hóa bất thường. Không thể nhân đôi ký hiệu này. Trong chữ nổi, sự hiện diện của một dấu hòa âm nhân tạo khiến cho ký hiệu hình thoi dành cho nốt phía trên trở nên không cần thiết.

Ví dụ 25.8-1.

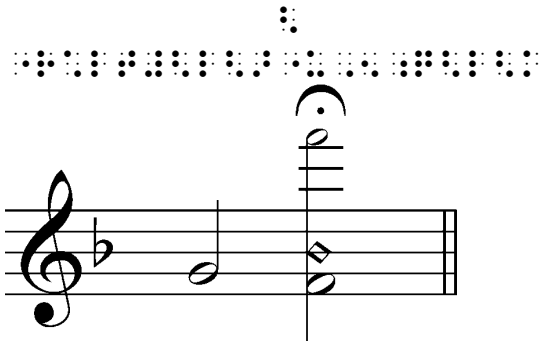




25.8.1. Đoạn tổng hợp (resultants) được thể hiện cùng các hòa âm nhân tạo

Khi các đoạn nhạc tổng hợp (resultants) được chỉ định, chúng được in dưới dạng các nốt nhỏ, thường được trình bày trong các dấu ngoặc. Trong nhạc nổi chúng phải được thể hiện bằng các đoạn kẹp, sử dụng dấu báo nốt cỡ nhỏ, nhưng lược bỏ các dấu ngoặc trừ khi chuyển đổi y bản. Nếu hai đoạn nhạc tổng hợp trở lên được viết thành một hợp âm, chúng có thể được viết như một hợp âm trong bản nổi.

Ví dụ 25.8.1-1.



26. NHẠC CỤ DÂY GÂY

(Bảng [24](#))

26.1. Đa dạng trong hệ thống ký âm bản phổ thông

Chuyển đổi các bản nhạc cho nhạc cụ dây gây khá phức tạp vì thực tế có rất nhiều nhạc cụ khác nhau gắn liền với vô số nguồn gốc về địa lý và lịch sử khác nhau. Trong ứng dụng hiện tại, có ít nhất 4 hệ ký âm cho những nhạc cụ như vậy. Hệ ký âm khuông nhạc (Mục [26.2–26.12](#)) là hệ thống mà người chuyển đổi thường gặp nhất. Hệ thống biểu tượng hợp âm hoặc nhạc phổ ngắn (Chương [23](#) và [27](#)) thường được bắt gặp khá nhiều trong nhạc pop và nhạc dân ca. Hệ thống sơ đồ hợp âm đàn gảy, hay còn gọi là "ký âm bằng hình ảnh" (Xem Mục [26.13–26.13.4](#)) có thể đi cùng với biểu tượng hợp âm. Tablature là dạng ký âm không chứa khuông nhạc và không thể chuyển đổi sang nhạc nổi được. (Xem Mục [26.14](#) về TAB, một hệ ký âm mới cho guitar hoặc ukulele.) Ứng dụng của những hệ ký âm này là khác nhau giữa các vùng lãnh thổ và nhà xuất bản. Người chuyển đổi phải có kiến thức nhất định về kỹ thuật của từng loại nhạc cụ và nhu cầu của nghệ sĩ biểu diễn trước khi thực hiện chuyển đổi. Những nguyên

tắc chuyển đổi thành chữ nổi nêu ra trong tài liệu này chỉ là những điều khái quát. Người chuyển đổi phải có những điều chỉnh khi cần thiết kèm theo giải thích phù hợp trong bản nổi. Những tài liệu hướng dẫn cho các nhạc cụ này phải cung cấp những mô tả đầy đủ về ký âm nổi được dùng, đặc biệt khi bản phổ thông được viết bằng hệ thống khác hệ ký âm khuông nhạc.

26.2. Giải thích về ký âm khuông nhạc

Nhìn chung, âm nhạc cho nhạc cụ dây gảy được viết trên một khuông nhạc có khóa Sol và được chuyển đổi thành chữ nổi dưới dạng dòng đơn, thường khó phân biệt với bản nhạc cho các nhạc cụ trình bày bằng dòng đơn khác, đặc biệt là nhạc cụ dùng vĩ. Nó có thể chứa các nốt đơn lẻ, hợp âm, đa âm 2 hoặc 3 giọng, hay bất cứ chuỗi hay tổ hợp nào của những kết cấu này. Tuy người chuyển đổi có thể bắt gặp nhiều bản nhạc cho nhiều loại nhạc cụ khác nhau (như guitar, mandolin, banjo, và ukulele) nhưng hầu hết các quy tắc hoặc ví dụ dưới đây mô tả nhạc cho guitar cổ điển. Bản nhạc cho guitar cổ điển được ký âm cao hơn cao độ của nó một quãng tám (bậc). Khi chuyển đổi cũng viết như vậy mà không cần chú thích gì. Quãng và các đoạn kẹp được đọc theo hướng đi xuống. Tương tự, nếu có chữ số dùng để chỉ dây nhạc cụ thì chúng cũng được viết từ dây có cao độ cao nhất đến thấp nhất.

26.3. Gảy đàn

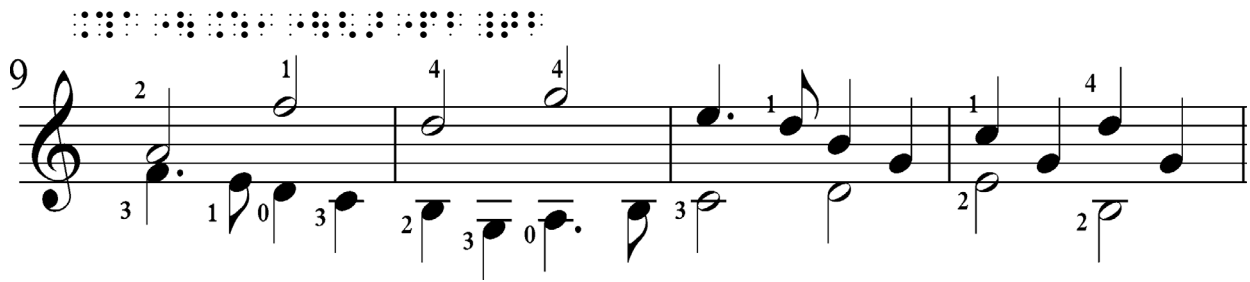
Đối với các bản nhạc cho nhạc cụ dây dùng phím gảy, những ký hiệu chỉ hát lên và gảy xuống bằng chữ nổi tương tự như các ký hiệu chỉ thao tác kéo từ phần đầu vĩ xuống cuối vĩ và kéo từ phần cuối vĩ lên đầu vĩ trong bản nhạc của các nhạc cụ dùng vĩ. (Xem Mục [25.3.](#))

26.4. Ký hiệu ngón trên tay trái

Các ký hiệu ngón trên tay trái, dùng để chỉ ngón bấm vào các nốt trên dây tạo ra cao độ âm thanh, được thể hiện trong bản phổ thông bằng những chữ số Ả Rập. Ký hiệu ngón, giống như ngón bấm cho các nhạc cụ dùng vĩ, được đánh số từ ngón trỏ là ngón 1 và đến ngón út là ngón 4. Dây buông được mô tả trong chữ nổi bằng chấm 13. Ký hiệu ngón theo sau nốt hoặc quãng.

Ví dụ 26.4-1.

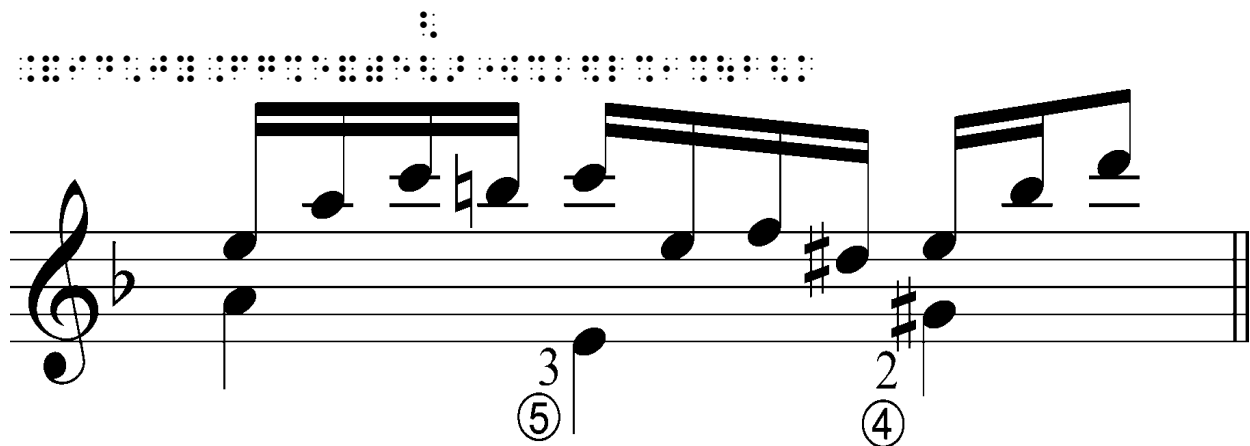




26.5. Ký hiệu dây

Trong bản phổ thông, những con số chỉ dây thường nằm trong những vòng tròn nhỏ. Ký hiệu nhạc nổi gồm 2 ô dùng để chỉ dây được đặt trước nốt và dấu bậc, dấu hóa bất thường, dấu chỉ sắc thái và một liên ba hoặc ký hiệu nhóm khác, nhưng đặt sau một dấu luyến ngoặc mở, cụm từ diễn đạt hoặc ký hiệu phím bấm. Nốt nhạc theo sau ký hiệu dây không cần dấu bậc đặc biệt. Dây trong bản phổ thông đôi khi được gọi bằng tên nốt của chúng. Trong bản nổi, nên thay bằng ký hiệu số chỉ dây. Đối với bản chuyển đổi y bản, việc thay thế đó phải được ghi trong chú thích của người chuyển đổi. (Lưu ý rằng vị trí của ký hiệu dây trong nhạc cụ dây gảy khác với nhạc cụ dùng vĩ về thứ tự các ký hiệu.)

Ví dụ 26.5-1.



26.5.1. Nhân đôi ký hiệu dây

Ký hiệu dây có thể được nhân đôi nếu một đường nối dài cho thấy ký hiệu này bao hàm 4 nốt trở lên. Chỉ có nửa thứ 2 của ký hiệu mới được viết 2 lần. Việc nhân đôi này kết thúc bằng ký hiệu 2 ô đứng trước nốt cuối cùng trong các nốt thuộc dây đó. Nếu đường nối dài cho thấy ký hiệu dây chỉ bao hàm 2 hoặc 3 nốt, ký hiệu dây phải được viết lại trước mỗi nốt.

Ví dụ 26.5.1-1.



26.6. Ký hiệu phím

Vị trí tay trên dây đàn, đôi khi được gọi là phím đàn hay vị trí phím bấm, được ghi trong bản phổ thông bằng chữ số La Mã hoặc chữ số Ả Rập. Đàn guitar cổ điển có 12 phím. Ô đầu tiên của một ký hiệu phím là biểu tượng giống với ký hiệu báo từ; tương tự như một cụm từ điển đạt, nốt đứng sau phải có dấu bậc và ký hiệu phím phải có một chấm 3 đứng sau nếu ô kế tiếp chứa chấm 1, 2 hoặc 3. Ký hiệu cho phím thứ 7 bao gồm một chấm 6 dẫn đầu để phân biệt nó với ký hiệu kết thúc của dấu hình kẹp chỉ sự mạnh dần. Nếu một ô nhịp hay một phần ô nhịp chứa ký hiệu phím được ghi trong các đoạn kẹp thì ký hiệu phím đó chỉ được chuyển đổi thành chữ nổi trong bè kẹp đầu tiên, ngay cả khi nó xuất hiện trước dấu lặng.

Ví dụ 26.6-1.

26.6.1. Ký hiệu phím và ký hiệu dây xuất hiện đồng thời

Ký hiệu phím và ký hiệu dây thường xuất hiện cùng nhau. Ký hiệu phím được đặt trước ký hiệu dây trong bản nổi. Một đường nối dài cho ký hiệu phím được mô tả trong bản nổi bằng hai chấm 3 ngay sau ký hiệu phím đó, trước nốt đầu tiên trong các nốt thuộc phím đó và kết thúc bằng ký hiệu :: sau nốt cuối. Nếu có một ký hiệu phím mới theo ngay sau đoạn nối dài thì không cần ký hiệu

kết thúc nữa. (Lưu ý rằng cách chuyển đổi các đường nối dài là không giống nhau giữa ký hiệu dây và ký hiệu phím.)

Ví dụ 26.6.1-1.

26.7. Ký hiệu ngón trên tay phải

Khi ngón đàn được mô tả cho thao tác gảy dây bằng tay phải thì bản nổi được mở rộng thành một đoạn song song gồm 2 dòng và số chỉ ngón đàn được đặt ở dòng thứ 2, căn chỉnh thẳng hàng với nốt hoặc quãng liên quan trong ký âm ở dòng trên. Việc áp dụng dòng này không tạo nên một định dạng khác với dạng bản nhạc một dòng đơn, mà được xem là biến thể của định dạng dòng đơn. Các chữ cái *p*, *i*, *m*, và *a* thể hiện cho ngón cái và ba ngón kế tiếp phải được đặt ngay dưới nốt hoặc quãng mà không có ký hiệu bổ sung nào đứng trước hoặc sau nốt đó. Không được dùng những chấm định hướng khi số chỉ ngón đàn được giãn cách rộng. Nếu bản phổ thông sử dụng các chữ cái khác với các chữ này, nên thay thế bằng các chữ này trong bản nổi. Chữ *c* hoặc viết tắt *ch* hiếm khi được tìm thấy trong bản nổi; chữ *c* được chuyển đổi như trong bản phổ thông; chữ *ch* được chuyển đổi bằng ký hiệu \therefore . Không dùng dòng chứa số chỉ ngón đàn nếu bản phổ thông không ghi ngón đàn tay phải nào cho nốt hoặc quãng nằm trong dòng nhạc đó. Để rõ ràng hơn, khi một số dòng trong một đoạn nhạc yêu cầu dùng ngón đàn tay phải, và một số khác lại không thì tốt nhất nên bắt đầu một phân đoạn mới sau mỗi dòng chứa số chỉ ngón đàn. Tất cả dòng nhạc thêm vào trong một phân đoạn đều bắt đầu ở ô 3.

Ví dụ 26.7-1.

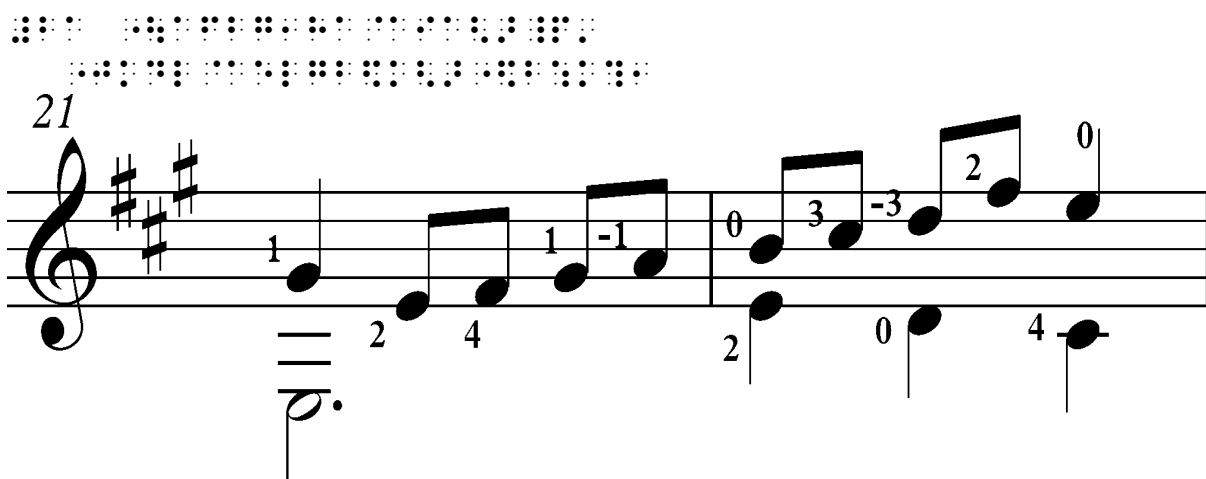
Ví dụ 26.7-2.

26.8. Ký hiệu vượt

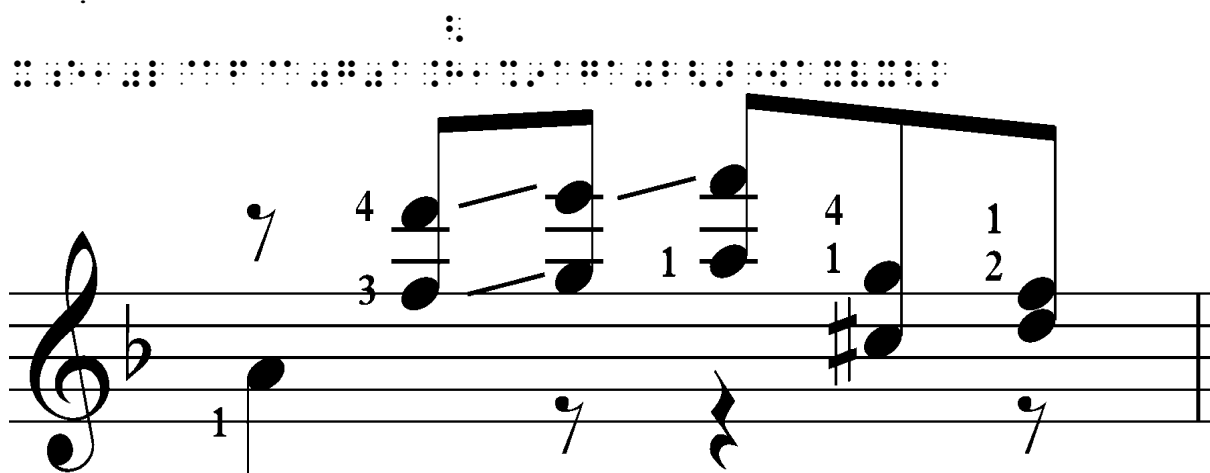
Dấu chỉ thao tác vượt hoặc lướt (shift hay glide), tương tự như dấu luyện ngắt (portamento) hoặc hát lướt (glissando) trong thanh nhạc hoặc những bản nhạc dùng nhạc cụ khác, có thể xuất hiện trong bản nhạc dùng guitar giữa hai nốt kề nhau với cùng tông giọng, giữa một nốt trong một hợp âm này với một quãng trong một hợp âm khác, giữa các quãng trong những hợp âm liên tiếp nhau hoặc giữa những nốt riêng biệt trong cùng tông giọng. Nếu một đường vượt xuất hiện giữa hai nốt viết liền kề thì dấu luyện ngắt đơn giản ::: được sử dụng cho bản nổi. Nếu giữa nốt được viết và quãng của một hợp âm đều được đánh dấu bằng những đường vượt thì chỉ cần một ký hiệu đặt sau quãng trong bản nổi. Nếu nốt được viết được đánh dấu bằng một đường vượt nhưng quãng thì không, thì ký hiệu vượt sẽ đứng sau nốt đó.

Ví dụ 26.8-1.

:::



Ví dụ 26.8-2.

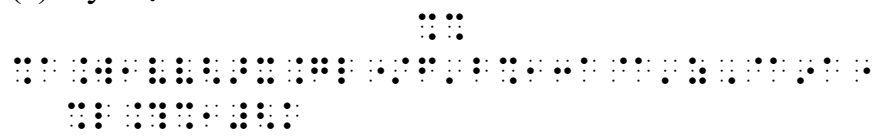


26.8.1. Dấu chỉ bắt đầu và kết thúc vuốt

Nếu một đường vuốt kéo dài từ nốt được viết của một hợp âm đến quãng của một hợp âm tiếp theo (hoặc ngược lại), hoặc khi đường vuốt nối các quãng trong những hợp âm liên tiếp thì ký hiệu bắt đầu vuốt ☪ và kết thúc vuốt ☩ được sử dụng. Ký hiệu bắt đầu vuốt đặt sau nốt hoặc quãng đầu tiên và ký hiệu kết thúc vuốt đứng trước nốt hoặc quãng thứ 2. Nếu "đích đến" của thao tác vuốt là quãng thì ký hiệu kết thúc vuốt được đặt sau nốt hoặc quãng cao hơn. Ví dụ 26.8.1-1 (a) mô tả phương pháp này. Cách ở ví dụ (b) vẫn đúng và có thể được ưa dùng trong việc trình bày ô nhịp dùng đoạn kẹp hơn là quãng. Khi đường vuốt xuất hiện giữa các nốt không kề nhau trong một tông giọng, cần sử dụng ký hiệu bắt đầu và kết thúc vuốt.

Ví dụ 26.8.1-1.

(a) Ký hiệu bắt đầu và kết thúc vuốt



(b) Đoạn kẹp

The musical score for 'Đoạn kẹp' is written on a grand staff with a treble and bass clef. The key signature has two sharps (F# and C#). The piece consists of two measures. The first measure contains a quarter note G4 (fingered 4), a quarter note F#4 (fingered 3), and a quarter note E4 (fingered 2). The second measure contains a quarter note D4 (fingered 1), a quarter note C#4 (fingered 3), and a quarter note B3 (fingered 1). The bass line starts with a whole note G3 (fingered 7) in the first measure, followed by a quarter note F#3 (fingered 1), a quarter note E3 (fingered 1), and a quarter note D3 (fingered 1) in the second measure. Circled numbers 1, 3, and 4 are placed below the notes in the first and second measures respectively. Braille notation is present above the staff.

Ví dụ 26.8.1-2.

The musical score for 'Ví dụ 26.8.1-2' is written on a grand staff with a treble and bass clef. The key signature has two sharps (F# and C#). The piece consists of three measures. Each measure contains a quarter note G4 (fingered 4), a quarter note F#4 (fingered 4), and a quarter note E4 (fingered 4). The bass line contains three triplets of eighth notes: G3-F#3-E3, F#3-E3-D3, and E3-D3-C#3. Braille notation is present above the staff.

26.8.2. Ký hiệu Glissando

Một đường vuốt trong bản phổ thông đi cùng với từ glissando (vuốt) hoặc bất kỳ từ viết tắt nào của từ này đều được chuyển đổi thành một thao tác vuốt đơn giản với cụm từ diễn đạt ♯:♯:♯:♯:♯:♯: chèn giữa nốt và ký hiệu vuốt. Từ viết tắt này được sử dụng bất kể cụm từ trong bản phổ thông được viết như thế nào, trừ phi bản chuyển đổi là y bản. Nốt nhạc đứng sau cụm từ diễn đạt này và ký hiệu vuốt cần một dấu bậc.

Ví dụ 26.8.2-1.

♯:♯:♯:♯:♯:♯:

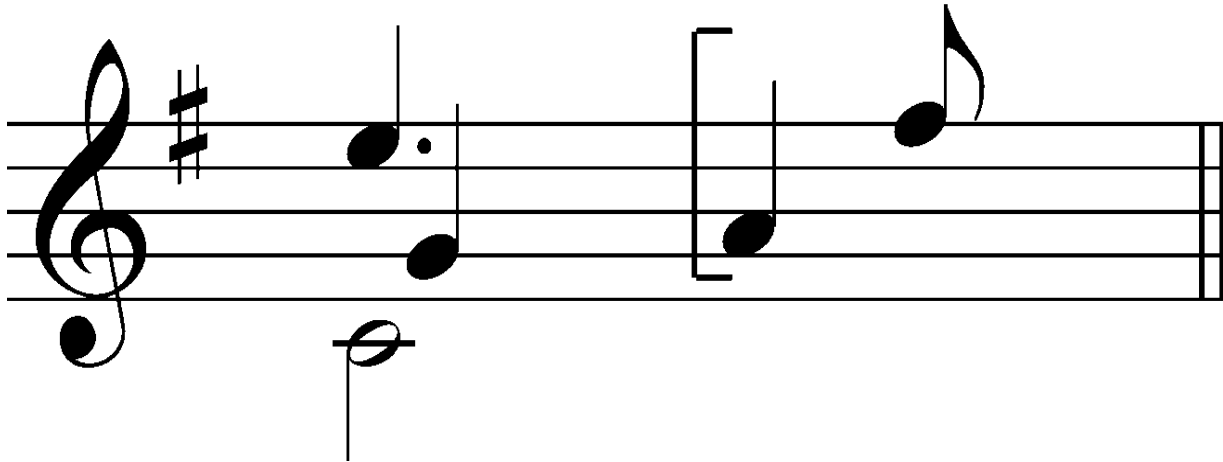
26.9. Hợp âm chặn (Barré)

Trong biểu diễn, hợp âm chặn có thể là chặn tất cả dây đàn (hợp âm chặn toàn phần) hoặc chỉ chặn một vài dây (hợp âm chặn một phần). Một hợp âm chặn có thể được mô tả bằng một trong 2 cách trong ký âm khuông nhạc, đó là bằng chữ cái phía trên khuông nhạc hoặc bằng dấu ngoặc vuông trên khuông nhạc. Chữ cái viết hoa đứng một mình, thường là *C* hoặc *B*, chỉ hợp âm chặn toàn phần; phân số cùng với chữ cái hoặc dấu gạch chéo cắt chữ cái chỉ hợp âm chặn một phần. Dấu ngoặc vuông hướng dọc đứng trước nốt hoặc hợp âm không ám chỉ hợp âm chặn là toàn phần hay bán phần. Trong cả hai trường hợp này, ký hiệu chỉ hợp âm chặn thường được ghi cùng với một ký hiệu phím.

26.9.1. Hợp âm chặn mô tả bằng chữ cái và/hoặc phân số

Khi hợp âm chặn được mô tả bằng chữ cái và/hoặc phân số trong bản phổ thông thì chúng không được ghi trong bản nổi, trừ trường hợp chuyển đổi y bản. Thay vào đó, ký hiệu chỉ hợp âm chặn toàn phần :: hoặc một phần : được đặt ngay trước ký hiệu phím.

Ví dụ 26.9.1-1.



26.9.3. Hợp âm chặn và dấu ngoặc vuông xuất hiện đồng thời

Khi một phím chặn toàn phần hay một phần xuất hiện cùng với dấu ngoặc vuông hướng dọc thì dấu ngoặc hợp âm chặn được lược bỏ trong bản nổi nếu đó không phải là bản chuyển đổi y bản.

26.10. Hòa âm

Hòa âm tự nhiên (natural harmonic) và hòa âm nhân tạo (artificial harmonic) được chuyển đổi dựa theo các ký hiệu trong Bảng 24 và chỉ dẫn trong Mục 25.7–25.8.1. Hình dạng nốt trong bản phổ thông sẽ quyết định ký hiệu được dùng trong bản nổi. Ký hiệu cho hòa âm nhân tạo chỉ được dùng trong nhạc nổi khi nốt có hình thoi và ký hiệu cho hòa âm tự nhiên chỉ được dùng khi có vòng tròn phía trên nốt. Không giống như cách sử dụng trong nhạc đối với các nhạc cụ dùng vĩ, ký hiệu hòa âm nhân tạo có thể được nhân đôi bằng cách viết lại đủ ký hiệu 2 ô nếu có 4 nốt hình thoi liền kề nhau trở lên. Bất cứ khi nào từ "hamornic(s)" hoặc từ viết tắt của nó xuất hiện trong khuôn nhạc thì cụm từ diễn đạt $\therefore \therefore \therefore \therefore$ được ghi trong bản nổi. Nếu có số đi kèm ký hiệu hòa âm trong bản phổ thông thì số đó cũng nằm trong cụm từ diễn đạt và đứng trước chấm 3 kết thúc. Đối với chuyển đổi y bản, từ hay từ viết tắt của "harmonic(s)" cũng phải được viết như trong bản phổ thông. Nếu cụm từ dài hơn như "artificial harmonic" hoặc từ viết tắt của nó xuất hiện trong bản phổ thông thì cụm từ diễn đạt $\therefore \therefore \therefore \therefore \therefore \therefore \therefore \therefore$ sẽ được ghi trong bản nổi (chuyển đổi lược bản), tất nhiên trường hợp chuyển đổi y bản thì phải viết giống như bản phổ thông.

Ví dụ 26.10-1.



Braille notation above the staff.

arm 12

Ví dụ 26.10-2.

Braille notation above the staff.

Art. Harmonics

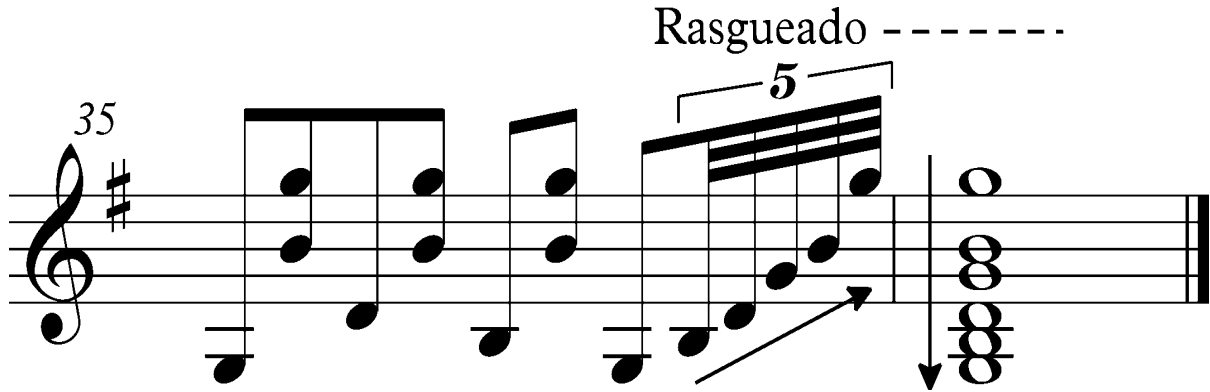
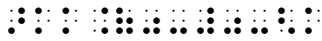
C.III

26.11. Kỹ thuật rải và quạt (Arpeggio và Rasgueado)

Kỹ thuật chơi hợp âm rải (arpeggio), dù là rải lên hay rải xuống, đều được mô tả bằng ký hiệu tương ứng trong Bảng 22(A). Nếu trong bản phổ thông đề cập đến cách chơi rasgueado (kỹ thuật quạt nhanh cho một hợp âm) thì cụm từ điển đạt được chèn trong bản nhạc nổi trước ký hiệu hợp âm rải, bất kể trong bản phổ thông từ Rasgueado được viết như thế nào. Đối với chuyên đổi y bản, từ chỉ kỹ thuật này viết như thế nào trong bản phổ thông thì phải được chuyển đổi y như vậy trong nhạc nổi.

Ví dụ 26.11-1.

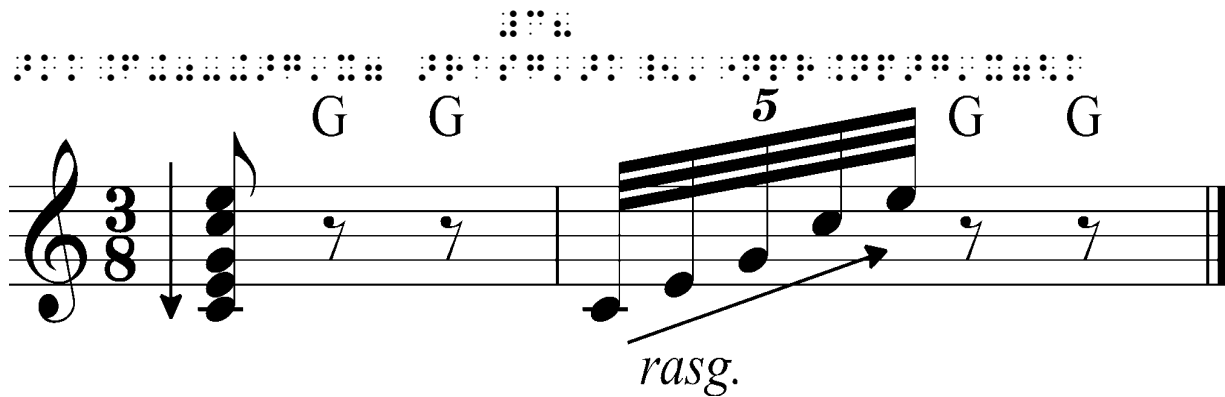
Braille notation above the staff.



26.12. Kỹ thuật gõ (Golpe)

Nếu kỹ thuật gõ (golpe hay knock) được đề cập trong bản phổ thông thì nguyên từ hoặc từ viết tắt của nó được viết như trong bản phổ thông. Nếu có dấu lặng thì từ hoặc từ viết tắt đó được đặt trước dấu lặng. Nếu không thì các ký hiệu trong bản nhạc phổ thông được sắp xếp như thế nào thì trong bản nhạc nổi sẽ phải như thế ấy.

Ví dụ 26.12-1.



26.13. Giải thích về sơ đồ hợp âm

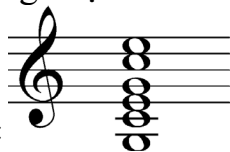
Sơ đồ hợp âm của cần đàn, hay còn gọi là "ký âm bằng hình ảnh", là sơ đồ chứa đường kẻ dọc chỉ dây đàn và đường kẻ ngang chỉ phím đàn (dòng trên cùng chỉ lược đàn thường là đường in đậm hoặc dòng đôi). Dòng đầu tiên ngay dưới lược đàn đại diện cho phím bấm đầu tiên, dòng thứ 2 là phím bấm thứ 2, v.v... (nếu như bản phổ thông không được đánh dấu gì đặc biệt). Dây được đọc và chuyển thành chữ nổi từ phải sang trái, với dây đầu tiên là dây xa nhất so với bên phải. Những chấm đen hoặc vòng tròn có số được đặt trên dòng chứa dây, ngay phía trên các dòng chỉ phím bấm để mô tả vị trí của các ngón tay. Số chỉ ngón bấm được ghi bên cạnh các chấm đen, phía trên sơ đồ hoặc bên trong các vòng tròn. Vòng tròn chỉ dây buông được in phía trên dây ở trên cùng của sơ đồ.

26.13.1. Sơ đồ hợp âm trong nhạc nổi

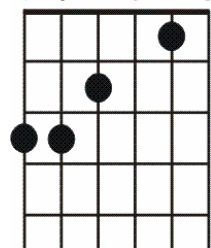
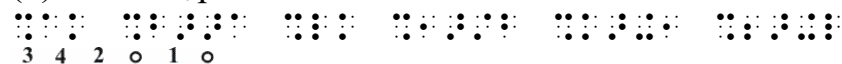
Bản chuyển đổi sơ đồ hợp âm trong nhạc nổi được hình thành bằng cách kết hợp các ký hiệu dây và ngón trong Bảng 24 với các ký hiệu phím bấm và hợp âm chặn. Dây nào không chơi thì sẽ không được ghi trong bản chuyển đổi. Ví dụ 26.13.1-1 mô tả hợp âm Đô trưởng cho guitar được viết bằng (a) ký âm khuông nhạc bình thường trong chữ nổi và (b) sơ đồ hợp âm. Ví dụ 26.13.1-2 và 26.13.1-3 mô tả lần lượt những tông giọng điển hình của hợp âm Rê thứ và Mi thứ.

Ví dụ 26.13.1-1.

(a) Ký âm khuông nhạc



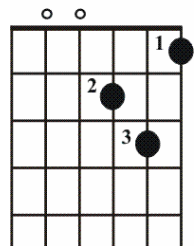
(b) Sơ đồ hợp âm



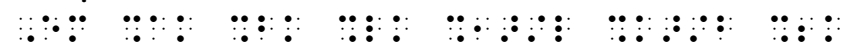
Ví dụ 26.13.1-2.



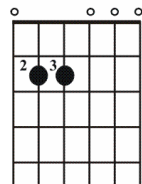
D Minor



Ví dụ 26.13.1-3.



E Minor



26.13.2. Hợp âm chặn trong sơ đồ hợp âm

Hợp âm barré hay còn gọi là hợp âm chặn được mô tả bằng một đường cắt ngang các dây, nối những chấm nằm trên cùng một phím, với cùng ngón bấm. Nếu 6 dây được bấm bằng cùng một ngón (xem Ví dụ 26.13.2-1) thì đó là hợp âm chặn toàn phần; nếu ít hơn 6 dây (xem Ví dụ 26.13.2-2) là hợp âm chặn một phần. Ký hiệu hợp âm chặn được viết duy nhất 1 lần trong bản nổi, trước ký hiệu phím của dây cao nhất nằm trong hợp âm chặn. Những dây còn lại nằm trong hợp âm chặn chỉ nên được mô tả bằng ký hiệu dây và phím bấm. Nếu một hợp âm chứa nhiều hơn một hợp âm chặn một phần, ngón bấm được lặp lại với mỗi phím được chơi. Những dây có ghi ký hiệu ngón khác nằm phía trên hợp âm chặn được chuyển đổi như bình thường.

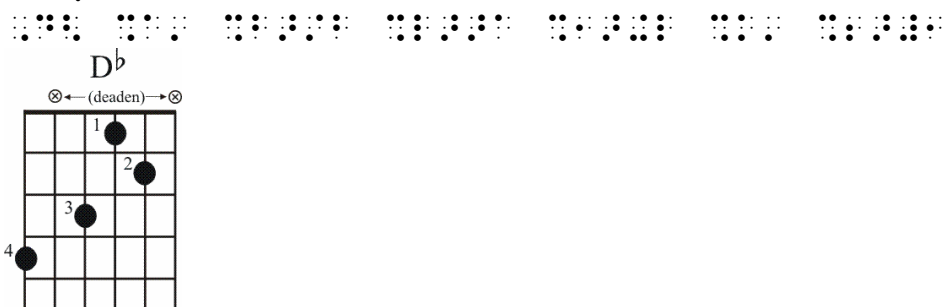
Ví dụ 26.13.2-1.

Ví dụ 26.13.2-2.

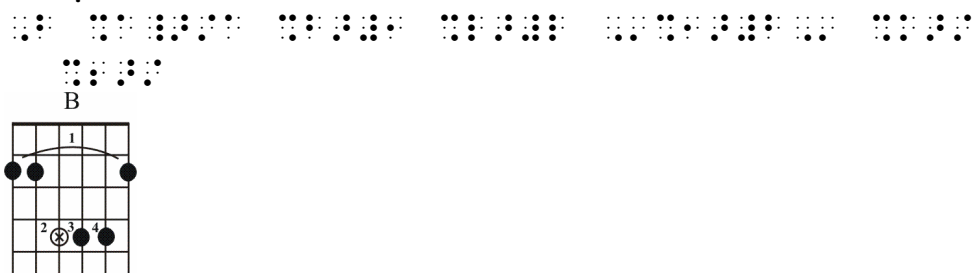
26.13.3. Giải thích ký hiệu "x" trong bản phổ thông

Chữ x nhỏ được in phía trên hoặc ngay trên dòng kẻ chỉ dây có ý nghĩa thay đổi tùy thuộc vào giải thích của từng cá nhân nhà xuất bản. Khi nó thể hiện kỹ thuật "chặn tiếng" (mute hoặc damp) như trong Ví dụ 26.13.3-1, thì nó được mô tả bằng một chấm 3 trong nhạc nổi. Ký hiệu chặn tiếng được đặt ngay sau ký hiệu dây hoặc phím bấm (dựa vào vị trí của chữ x trong bản phổ thông). Khi nó thể hiện một nốt bất kỳ trong hợp âm, như trong Ví dụ 26.13.3-2, ký hiệu dây cùng với chữ x được đặt giữa dấu ngoặc âm nhạc. Khi chữ x đại diện cho một dây không được chơi, như trong Ví dụ 26.13.3-3 và 26.13.2-2, thì không ghi ký hiệu dây trong bản chuyển đổi thành chữ nổi.

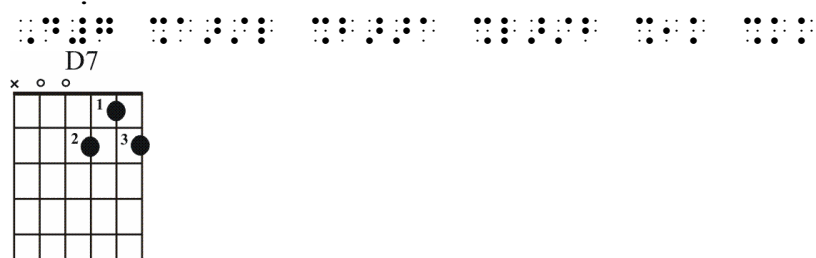
Ví dụ 26.13.3-1.



Ví dụ 26.13.3-2.



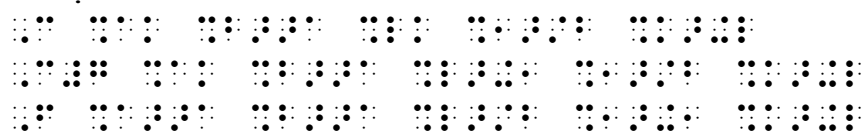
Ví dụ 26.13.3-3.

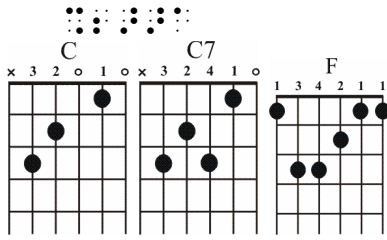


26.13.4. Danh sách sơ đồ hợp âm

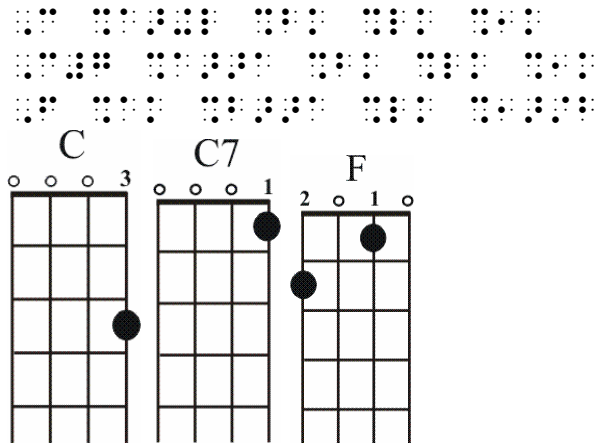
Sơ đồ hợp âm rõ ràng không khả dụng khi dùng kết hợp với chuyển đổi thông thường từ ký âm khuôn nhạc. Vậy nên chúng sẽ được lược bỏ nếu chúng kết hợp với ký âm bằng biểu tượng hợp âm. (Xem Chương [23](#)) Tuy nhiên, danh sách hợp âm được dùng trong một bài hát cụ thể hoặc bản nhạc khác thì thường được in ở đầu bản nhạc. Danh sách như vậy nên được ghi trong bản chuyển đổi. Ví dụ 26.13.4-1 là một danh sách trong một bài hát chứa sơ đồ hợp âm cho guitar. Ví dụ 26.13.4-2 là một danh sách các hợp âm trong một bài hát chứa sơ đồ hợp âm cho ukulele.

Ví dụ 26.13.4-1.





Ví dụ 26.13.4-2.



26.14. Ký âm TAB

Nhạc cho guitar hoặc ukulele thường được in bằng một hệ thống ký âm gọi là TAB (cách gọi ngắn gọn của "tablature"). Cách ký âm này không thể được chuyển đổi trực tiếp trong chữ nổi. Nếu cần phải chuyển đổi thành chữ nổi, tab nhạc phải được chuyển đổi chính xác và đầy đủ thành ký âm khuông nhạc bởi một người có chuyên môn biết đọc tab nhạc.

27. BẢN NHẠC KHÔNG LỜI CHO NHẠC CỤ

(Bảng 23)

27.1. Căn chỉnh biểu tượng hợp âm bên dưới nốt và dấu lặng

Khi biểu tượng hợp âm xuất hiện trong bản phổ thông chỉ có dòng nhạc đơn lẻ mà không có lời bài hát (thường gọi là lead sheet), thì bản nổi sử dụng một cặp dòng song song, và viết biểu tượng hợp âm ở dòng bên dưới dòng nhạc. Đây không được xem là một định dạng bản nhạc mới, mà chỉ là biến thể của dạng bản nhạc trình bày theo dòng đơn. Ký hiệu viết hoa ở đầu mỗi biểu tượng hợp âm được đặt bên dưới ký hiệu nốt/dấu lặng đầu tiên trùng với nó. Nếu ký hiệu liền trước ký hiệu nốt là một dấu bậc, dấu hóa bất thường, hoặc sắc thái, ký hiệu viết hoa được đặt dưới ký hiệu đứng trước nốt; nếu không có thay đổi gì (không thăng, giáng,...) với nốt nhạc, thì ký hiệu viết hoa được đặt dưới tên nốt. Mỗi

cặp dòng song song phải bắt đầu một phân đoạn mới, có số thứ tự ô nhịp tương ứng đặt ở lề giấy.

Ví dụ 27.1-1.

Example 27.1-1 shows a musical staff in 4/4 time with a key signature of one flat (Bb). The melody starts on F4 and moves through G4, A4, Bb4, C5, Bb4, A4, G4, F4. Chords are indicated above the staff: F, C7, Dm, G7, Am. Dynamics p and f are marked below the staff.

27.1.1. Biểu tượng hợp âm đặt sau vị trí bắt đầu một nốt

Khi biểu tượng hợp âm được đặt trên bản phổ thông tại vị trí nhằm chỉ rõ hợp âm được chơi sau khi nốt/dấu lặng đi kèm đã được bắt đầu, dấu gạch nối (chấm 36) được đặt trước ký hiệu viết hoa trong biểu tượng, bên dưới ký hiệu đầu tiên của nốt/dấu lặng.

Ví dụ 27.1.1-1.

Example 27.1.1-1 shows a musical staff in 4/4 time with a key signature of one flat (Bb). The melody starts on F4 and moves through G4, A4, Bb4, C5, Bb4, A4, G4, F4. Chords are indicated above the staff: F, C7, F, A7, Dm, C7, F. A dash is placed under the first F chord.

27.1.2. Dấu nhắc lại trong nhạc nổi và biểu tượng hợp âm

Các đoạn nhắc lại toàn phần hay một phần ô nhịp trong nhạc nổi không bị ảnh hưởng bởi các biểu tượng hợp âm trừ khi vị trí tiết tấu của các biểu tượng không rõ ràng. Ký hiệu nhắc lại không mang theo biểu tượng hợp âm. Một hợp âm xác định bằng một biểu tượng được hiểu là có hiệu lực cho đến khi nó bị hủy bỏ bởi một biểu tượng mới. Ví dụ, nếu một biểu tượng hợp âm được dùng trong một ô nhịp và đoạn nhạc của ô nhịp tiếp theo là một đoạn nhắc lại nhưng biểu tượng hợp âm không được viết lại, thì có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại ô nhịp. Tương tự, nếu một cấu trúc nhạc được nhắc lại nhưng đi kèm biểu tượng hợp âm khác, cũng có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại toàn phần hay một phần ô nhịp trong nhạc nổi, và căn chỉnh sao cho biểu tượng hợp âm nằm bên dưới dấu nhắc lại. Tuy nhiên, các đoạn nhắc lại bằng số đếm vẫn giữ lại các biểu tượng hợp âm.

Ví dụ 27.1.2-1.

27.2. Phân tách các ô nhịp ở cả hai dòng

Các biểu tượng hợp âm trong các ô nhịp liên tiếp phải được phân tách bằng ít nhất một khoảng trắng; phải có các khoảng trắng căn theo chiều dọc trong cả hai dòng của đoạn song song giữa các ô nhịp liên tiếp.

27.3. Giãn cách các biểu tượng hợp âm trong ô nhịp

Có thể viết liên tục các biểu tượng hợp âm trong một ô nhịp trên bản nổi khi độ dài các biểu tượng này và đoạn nhạc đi kèm là như nhau. Khi có hai biểu tượng hợp âm trở lên được gắn với cùng một nốt/dấu lặng, các biểu tượng được viết liên tục. Tuy nhiên, một biểu tượng hợp âm chứa hai chữ cái viết hoa chỉ tên gọi các nốt trở lên thì phải có ít nhất một khoảng trắng đặt sau, trước ký tự đầu tiên của biểu tượng đứng sau. (Xem Ví dụ 27.4-1.)

27.4. Giãn cách trong dòng nhạc

Khi các biểu tượng hợp âm chiếm nhiều chỗ hơn (dài hơn) đoạn nhạc xuất hiện trước biểu tượng tiếp theo, thì phải để lại khoảng trống trong dòng nhạc. Nếu khoảng cách trong dòng nhạc lớn hơn một ô chữ nổi và khoảng cách này không nằm ở cuối ô nhịp, dấu gạch nối âm nhạc (chấm 5) chiếm vị trí của khoảng trống đầu tiên. Nếu khoảng cách vượt quá 6 ô trống, cần có các dấu chấm định hướng đặt trước và sau các ô trống. Không bao giờ sử dụng các dấu chấm định hướng trong dòng viết biểu tượng hợp âm.

Ví dụ 27.4-1.

27.4.1. Phương pháp thay thế khi các ô trống trùng nhau

Khi các khoảng trống trong một ô nhịp rơi vào cùng một ô chữ nổi ở cả hai dòng của đoạn song song, phải dùng một phương pháp khác để tránh nhầm lẫn với khi bắt đầu một ô nhịp mới. Trong trường hợp đó, không dùng dấu gạch nối trong âm nhạc, mà phải dùng dấu vạch nhịp đặc biệt (chấm 123) giữa các ô chữ nổi trùng trong dòng nhạc đó để ngăn cách các ô nhịp với nhau. Nếu tình huống này xảy ra thường xuyên, cần ưu tiên dùng phương pháp này xuyên suốt bản chuyển đổi hơn là phương pháp sử dụng dấu gạch nối. Không nên dùng xen kẽ hai phương pháp này thường xuyên.

Ví dụ 27.4.1-1.

27.5. Dòng nhạc không có biểu tượng hợp âm

Không cần dùng hai dòng song song nhau khi một dòng nhạc không có biểu tượng hợp âm đi kèm. Nếu hợp lý về mặt âm nhạc, những dòng nhạc như thế có thể được xem như một dòng kéo dài, bắt đầu ở ô chữ nổi 3.

Ví dụ 27.5-1.

27.6. Ký hiệu quạt

Đường xiên dùng để chỉ động tác quạt tiết tấu đôi khi được thể hiện bằng giai điệu mà không có từ ngữ. Ký hiệu quạt được viết bằng chấm 34 và đặt ở một dòng riêng biệt ngay phía dưới nốt nhạc mà nó áp dụng. Nếu còn có các biểu tượng hợp âm, chúng được đặt ở dòng cuối trong đoạn song song gồm 3 dòng, căn chỉnh với ký hiệu quạt mà chúng đi kèm.

Ví dụ 27.6-1.

27.7. Sơ đồ hợp âm guitar có biểu tượng hợp âm

Các sơ đồ hợp âm guitar thường được in cùng với biểu tượng hợp âm. Trong bản nổi không có những sơ đồ này. (Xem Mục [26.13.4](#) về các danh sách biểu tượng hợp âm và sơ đồ hợp âm ở đầu bản nhạc.)

28. ĐỊNH DẠNG Ô-NHIP-TRÊN-Ô-NHIP CHO NHẠC CỤ

28.1. Các nguyên tắc chung

Định dạng ô-nhip-trên-ô-nhip được dùng để trình bày các bài nhạc được in theo hệ thống gồm hai khuông nhạc trở lên (grand staff, còn gọi là khuông nhạc lớn). Phần nhạc trong mỗi ô nhip được thể hiện bằng kiểu bố trí tương tự như bảng biểu gồm một dòng chữ nổi cho mỗi tay hoặc mỗi bè nhạc cụ. Phần tử đầu tiên của tất cả các bè trong mỗi ô nhip được căn chỉnh thẳng hàng theo chiều dọc.

Thông thường không cần cố gắng căn chỉnh các phách trong ô nhịp. (Xem Mục [29.5](#), [30.3](#), và [30.4–30.4.2](#) về các ngoại lệ của nguyên tắc này.) Một nhóm các dòng này được gọi là một đoạn song song. Mỗi dòng của đoạn song song phải chứa chính xác cùng một lượng giá trị tiết tấu, bắt đầu và kết thúc tại cùng một điểm. Một đoạn song song có thể chứa một ô nhịp đơn lẻ, một phần ô nhịp, hoặc nhiều hơn một ô nhịp. Một đoạn song song phải luôn luôn kết thúc trên trang giấy mà nó bắt đầu.

28.1.1. Phân chia một ô nhịp giữa các đoạn song song

Một ô nhịp có thể được bắt đầu ở một đoạn song song và tiếp tục ở đoạn song song tiếp theo. Điểm xuất hiện sự phân chia phải giống nhau trong mọi bè. Việc phân chia được xác định ở cuối mỗi dòng chữ nổi bằng một dấu gạch nối âm nhạc hoặc một ký hiệu phân chia ô nhịp; bất cứ ký hiệu nào trong hai ký hiệu này đều thích hợp. Không bao giờ được thay đổi giá trị tiết tấu của các nốt/dấu lặng trong ô nhịp để phù hợp với việc phân chia ô nhịp. Điểm ngắt phải được đặt giữa các phách hoặc phần chia đều của đoạn nhạc. Cần phải có óc phán đoán tốt về âm nhạc. Thông thường nên ưu tiên không phân chia một ô nhịp ngắn chỉ để lấp đầy chỗ trống nếu phải hy sinh tính liên tục của âm nhạc, mà phải mang cả ô nhịp hoàn chỉnh sang đoạn song song mới.

28.1.2. Các dòng kéo dài

Khi lượng nhạc trong một dòng của đoạn song song chứa chỉ một ô nhịp nhưng lớn hơn đáng kể so với các ô nhịp khác, đoạn song song có thể được mở rộng. Dòng dài hơn được chia thành hai hay nhiều dòng liên tiếp. Dòng kéo dài được thụt lề 2 ô so với các dòng còn lại. Thông thường không nên mở rộng nhiều hơn một dòng trong đoạn song song.

28.1.3. Các dấu chấm định hướng

Khi các yếu tố căn chỉnh hoặc khác biệt về độ dài của các phần làm phát sinh một khoảng trống lớn ở đầu hoặc cuối một ô nhịp, một loạt tối thiểu 5 chấm định hướng (chấm 3), tách biệt với phần nhạc bằng một ô chữ nổi trống, sẽ thay thế cho khoảng trống lớn này. Các chấm định hướng được sử dụng với mục đích dẫn đến một ký hiệu nào đó; không thêm chấm định hướng để lấp đầy chỗ trống ở cuối dòng.

28.2. Ký hiệu nhắc lại

Ký hiệu nhắc lại bằng số thứ tự ô nhịp được dùng tự do. Ký hiệu nhắc lại bằng số đếm ngược chỉ được sử dụng khi đoạn nhạc gốc và đoạn nhắc lại diễn ra trên cùng đoạn song song. Ký hiệu nhắc lại một phần ô nhịp được sử dụng tự do, nhưng không được dùng với vai trò là phần tiếp nối của một ô nhịp bị phân chia

thành các dòng hay đoạn song song. Các dấu hỏi D.C. và D.S. có thể được dùng cho các đoạn nhắc lại lớn khi tất cả các chi tiết của các đoạn nhạc chịu ảnh hưởng là giống nhau.

28.3. Di chuyển song song và viết tắt chuỗi

Ký hiệu di chuyển song song (xem Mục [18.6–18.6.1](#) và [33.6](#)) được dùng ở bất cứ nơi nào thích hợp. Viết tắt chuỗi (xem Mục [18.7–18.7.2](#)) thường được dành cho các nghiên cứu kỹ thuật và tài liệu bài tập khác có bản chất âm nguyên (diatonic). Chỉ nên dùng viết tắt chuỗi ở vị trí có tất cả các bè được nối chuỗi tương tự nhau.

28.4. Điều chỉnh định dạng cho các phương tiện khác nhau

Các chi tiết của định dạng sẽ khác nhau tùy vào bản nhạc dành cho nhạc cụ phím hay nhạc cụ khác được ký âm bằng khuông nhạc lớn hay dành cho nhóm đồng diễn nhạc cụ. Các điểm khác biệt sẽ được mô tả và minh họa trong 6 chương sau đây.

29. CÁC NHẠC CỤ PHÍM

(Bảng [25](#))

29.1. Khuông nhạc trên bản phổ thông so với các bè cho mỗi tay trên bản nổi

Các bản nhạc dành cho đàn piano, harpsichord, clavichord, hoặc keyboard synthesizer thường được in trên khuông nhạc lớn (thường gồm hai khuông nhạc ghép lại với nhau bằng dấu ngoặc ôm). Khuông nhạc ở dưới chứa nửa bên trái trên bàn phím của đàn, khuông nhạc ở trên chứa nửa bên phải. Các dòng và khe có các cao độ cụ thể khác nhau, và được chỉ ra bằng khóa nhạc. Kết quả là khuông nhạc ở dưới thường chứa phần bè được chơi bằng tay trái và khuông nhạc ở trên thường do tay phải chơi. Sự phân chia này không phải là tuyệt đối; các phần bè cho từng tay có thể được ký âm trên bất kỳ khuông nhạc nào. Tuy nhiên, trong chữ nổi, nhạc được trình bày trên hai dòng song song liên tiếp, dòng chữ nổi ở trên dành cho tay phải và dòng ở dưới dành cho tay trái, bất kể trên bản phổ thông bố trí thế nào và dùng khóa nhạc gì. (Xem Mục [29.4 – 29.4.3](#) và [29.7](#) về các ngoại lệ của cách sắp xếp này.) Nhạc cho đại phong cầm được in trên hệ thống gồm ba khuông nhạc. (Xem Mục [29.12–29.16.1](#).)

29.2. Ký hiệu tay

Ký hiệu tay phải $\text{::}\text{::}$ hoặc ký hiệu tay trái $\text{::}\text{::}$ được đặt liền trước ký hiệu đầu tiên trong đoạn nhạc mà nó áp dụng. Nốt nhạc theo sau một trong các ký hiệu này phải có một dấu bậc đặc biệt. Khi một ký hiệu tay đứng liền trước một ký hiệu chứa chấm 1, 2 hoặc 3, thì ký hiệu tay phải có một chấm 3 theo sau. Các quãng được đọc hướng xuống trên tay phải và hướng lên trên tay trái. Nếu muốn đảo hướng đọc quãng trên bất kỳ tay nào, như trong sách giáo khoa nhạc lý hoặc trong bản nhạc đồng diễn nhạc cụ, thì phải sử dụng ký hiệu tay đặc biệt dành cho đảo hướng tương ứng.

29.3. Cấu trúc tiêu biểu của đoạn nhạc song song dành cho nhạc cụ phím

Nhạc dành cho nhạc cụ phím trên bản nổi được trình bày dưới định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp, theo các nguyên tắc được mô tả trong Chương 28, với một số điểm bổ sung và điều chỉnh như sau:

- (a) Nốt đầu tiên trong mỗi ô nhịp của mỗi tay cần phải có một dấu bậc.
- (b) Mỗi đoạn song song được bắt đầu ở lê trang bằng số thứ tự ô nhịp tương ứng, không kèm dấu báo số. Nếu ô nhịp đầu là ô nhịp đủ, đặt một khoảng trắng phía sau số thứ tự; nếu là phần tiếp theo của một ô nhịp bị phân chia, đặt một chấm 3 sau số thứ tự. Khi ô nhịp đầu tiên của đoạn di chuyển là ô nhịp lấy đà, đặt số thứ tự là 0. (Xem Ví dụ 29.3.3-1.)
- (c) Các khoảng trắng hoặc chấm 3 phải được căn chỉnh theo chiều dọc trong suốt trang nhạc nổi; nếu tất cả các số thứ tự đều có cùng số chữ số, chúng được bắt đầu từ lê trang; nếu không, cần chừa khoảng trống trước các số thứ tự ngắn hơn để có thể căn đều (về bên phải) theo chiều dọc.
- (d) Một ký-hiệu-tay-phải theo sau khoảng trắng hoặc chấm 3, liền trước phần bè trên tay phải của ô nhịp đó.
- (e) Ký hiệu tay trái được đặt ở dòng theo sau, ngay dưới ký hiệu tay phải, và liền trước phần bè trên tay trái của ô nhịp đó.
- (f) Chừa một khoảng trắng sau ký hiệu cuối cùng của bè dài hơn, theo sau là phần nhạc của ô nhịp tiếp theo trên tay đó.
- (g) Phần bè trên tay còn lại được chuyển thành chữ nổi bắt đầu ngay trên hoặc ngay dưới nốt đầu tiên của ô nhịp vừa viết.

(h) Quy trình này cứ tiếp tục cho đến khi không có đủ chỗ trên cả hai dòng để viết một ô nhịp hoàn chỉnh.

(i) Khi các yếu tố căn chỉnh hoặc khác biệt về độ dài của các bè làm phát sinh một khoảng trống lớn ở đầu hoặc cuối một ô nhịp, một loạt tối thiểu 5 chấm định hướng (châm 3), tách biệt với phần nhạc bằng một ô chữ nổi trống, sẽ thay thế cho khoảng trống lớn này. Các chấm định hướng được sử dụng với mục đích dẫn đến một ký hiệu nào đó; không thêm chấm định hướng để lấp đầy chỗ trống ở cuối dòng.

Ví dụ 29.3-1.

29.3.1. Phân chia một ô nhịp giữa các đoạn song song

Một ô nhịp không thể viết hết trên một đoạn song song có thể bị ngắt quãng. (Xem Mục [28.1.1](#).) Dấu gạch nối trong âm nhạc hoặc ký hiệu phân chia ô nhịp được đặt làm ký hiệu cuối cùng của dòng nhạc trong mỗi bè. Số thứ tự ô nhịp nằm trên lề trang của đoạn song song viết tiếp được thêm chấm 3 theo sau để thể hiện ô nhịp chưa hoàn chỉnh, và không có khoảng trống xen giữa chấm 3 và ký hiệu tay phải. (Xem thêm Mục [29.3.5](#) về phân chia ô nhịp ở một cụm từ diễn đạt dài.)

Ví dụ 29.3.1-1.

Ví dụ 29.3.1-2.

Braille musical notation for Example 29.3.1-2, consisting of five lines of Braille characters representing musical notes and rests.

29.3.2. Sử dụng dòng kéo dài khi không thể phân chia ô nhịp

Đôi khi một bè trong một ô nhịp nằm ở đầu đoạn song song dài hơn khoảng trống có sẵn trên dòng chữ nổi, nhưng không thể phân chia ô nhịp tại cùng một điểm ở cả hai dòng. Trường hợp này cần dùng một hay nhiều dòng kéo dài. (Xem Mục [28.1.2.](#))

Ví dụ 29.3.2-1.

Braille musical notation for Example 29.3.2-1, consisting of five lines of Braille characters representing musical notes and rests.

29.3.3. Vị trí đặt các cụm từ diễn đạt ngắn

Một cụm từ diễn đạt bao gồm một từ hoặc một từ viết tắt được viết trong bản nhạc nổi tại vị trí mà nó xuất hiện. Đặt cụm từ diễn đạt ở dòng nhạc cho tay phải nếu nó được áp dụng cho toàn cấu trúc hoặc chỉ cho phần bè trên tay phải. Đặt ở dòng nhạc cho tay trái nếu nó chỉ áp dụng cho bè trên tay trái. Khi các cụm từ diễn đạt như thế xuất hiện ở đầu đoạn song song, chúng không nằm trong phần

căn chỉnh nội dung của mỗi tay. Các ký hiệu đầu tiên trong phần nội dung, gồm có dấu lặng, dấu bậc, dấu hóa bất thường, hoặc sắc thái, là các phần tử được căn theo chiều dọc. Nếu cụm từ diễn đạt áp dụng cho toàn cấu trúc và phần tử đầu tiên của bè tay phải là một dấu lặng, cụm từ diễn đạt được đặt trên dòng cho tay trái, ngoài phần được căn chỉnh, và phải được viết lại trong phần bè tay phải theo sau dấu lặng. Khi cả hai bè trong một ô nhịp bắt đầu bằng các cụm từ diễn đạt, không cần cố gắng đặt các cụm từ ngoài phần căn chỉnh; các ký hiệu báo bắt đầu từ được căn theo chiều dọc. (Xem Ví dụ 29.3.5-2(b).) Không cần cố gắng căn dọc giữa các dòng trong một đoạn song song chứa dòng kéo dài, trừ khi dòng kéo dài là dòng cuối cùng của đoạn song song.

Ví dụ 29.3.3-1.

The image shows a musical score for Example 29.3.3-1. At the top, there is a line of Braille notation. Below it are two systems of musical notation. Each system consists of a grand staff with a treble clef on the top line and a bass clef on the bottom line. The first system has four measures. The first measure has a piano (*p*) dynamic. The second measure has a mezzo-piano (*mp*) dynamic. The third measure has a mezzo-forte (*mf*) dynamic. The fourth measure has a piano (*p*) dynamic. The second system also has four measures. The first measure has a piano (*p*) dynamic. The second measure has a piano (*p*) dynamic. The third measure has a forte (*f*) dynamic. The fourth measure has a piano (*p*) dynamic. The music is in 3/4 time and has a key signature of two flats.

29.3.4. Cụm từ diễn đạt dài trong ô nhịp

Một cụm từ diễn đạt dài xuất hiện trong một ô nhịp được viết trong bản nhạc nổi ở dòng cho tay phải nếu nó được áp dụng cho toàn cấu trúc hoặc chỉ cho bè tay phải. Đặt ở dòng nhạc cho tay trái nếu nó chỉ áp dụng cho bè tay trái. Việc ngắt quãng một dòng cho tay này bằng dấu gạch nối âm nhạc để thêm cụm từ diễn đạt dài không gây ảnh hưởng đến giãn cách của dòng cho tay kia trong ô nhịp đó. (Xem Mục [29.3.5](#) về tách rời cụm từ diễn đạt sang dòng tự do bên trên đoạn song song và/hoặc phân chia ô nhịp có cụm từ diễn đạt dài.)

Ví dụ 29.3.4-1.

The image shows a musical score for piano with Braille notation above it. The score is in 3/4 time, key of B-flat major. The right hand starts with a melody marked 'molto espr.' and 'mf'. The left hand has a bass line. The piece ends with two triplet figures in the right hand and a 'ben marcato' marking.

29.3.5. Cụm từ diễn đạt dài ở đầu đoạn song song

Một cụm từ diễn đạt dài được đặt trong cùng đoạn song song chứa ô nhịp hoặc một phần ô nhịp mà nó chỉ đến. Đặc biệt khi một cụm từ diễn đạt rất dài, sẽ thuận lợi hơn khi bắt đầu một đoạn song song tại điểm nhằm tách cụm từ này sang một dòng tự do khác; nếu cụm từ bị tách rời nằm giữa ô nhịp, ô nhịp trong trường hợp này sẽ được phân chia thành các đoạn song song, điều này có thể làm phát sinh các khoảng trống không sử dụng ở cuối đoạn song song mà nó bắt đầu. Một cụm từ diễn đạt dài ở đầu đoạn song song có thể được trình bày theo một trong nhiều cách:

(a) Nó thường được viết trên dòng chữ nổi liên quan, giữa các khoảng trắng, trước nội dung nhạc của ô nhịp (Xem Mục [17.1](#) về vị trí đặt cùng ký hiệu nhắc lại trên bản phổ thông.) Các chấm định hướng được thêm vào các dòng còn lại khi cần thiết.

(b) Khi một cụm từ diễn đạt dài vốn sẽ được đặt trên dòng cho tay phải xuất hiện ở đầu đoạn song song, nó có thể được tách rời sang một dòng tự do phía trên đoạn song song, thật 2 ô về bên phải của ô đầu tiên trong ký hiệu tay. Nếu một cụm từ diễn đạt ngắn cũng xuất hiện ở đầu đoạn song song, nó được đặt ngoài phần căn chỉnh theo chiều dọc. (Xem Mục [29.3.3](#).)

(c) Khi một cụm từ diễn đạt dài chỉ áp dụng cho bè tay trái xuất hiện ở đầu đoạn song song, nó có thể được tách rời sang một dòng tự do phía trên dòng cho tay

trái, thụt vào ô ngay sau ký hiệu tay; từ đó về sau không cần quan tâm đến căn chỉnh theo chiều dọc trong suốt đoạn song song đó.

Ví dụ 29.3.5-1. (a) Trong dòng nhạc nổi

Braille notation for Example 29.3.5-1 (a) is shown above the musical score. The score is in 2/4 time, starting at measure 16. The right hand (treble clef) plays a melody with a slur over the last two measures. The left hand (bass clef) plays a bass line. The dynamic marking *piu p* is present. The piece ends with a double bar line and repeat dots.

Ví dụ 29.3.5-2. (b) Tách rời khỏi tay phải

Braille notation for Example 29.3.5-2 (b) is shown above the musical score. The score is in 3/4 time, starting at measure 22. The right hand (treble clef) plays a melody with slurs. The left hand (bass clef) plays a bass line. The dynamic marking *f* is present. The tempo markings *poco rit.* and *a tempo* are present. The piece ends with a double bar line and repeat dots.

Ví dụ 29.3.5-3. (c) Tách rời khỏi tay trái

Braille notation for Example 29.3.5-3 (c) is shown above the musical score. The score is in 3/4 time, starting at measure 22. The right hand (treble clef) plays a melody with slurs. The left hand (bass clef) plays a bass line. The dynamic marking *f* is present. The piece ends with a double bar line and repeat dots.

17

f

molto agitato

Ví dụ 29.3.5-4. Phân chia ô nhịp

15

una corda *3* *(cloudy)*

tre corde *(suddenly clear)*

29.3.6. Phân chia một ô nhịp có đoạn kẹp giữa các đoạn song song

Khi phải phân chia một ô nhịp có sử dụng ký hiệu kẹp giữa các đoạn song song liên tiếp, cần thận trọng để bảo đảm rằng trong cả hai bè của đoạn song song có các phân chia giống nhau về tiết tấu. Khi ký hiệu cuối cùng trong một dòng là ký hiệu phân chia ô nhịp, không cần thiết phải thêm dấu gạch nối âm nhạc.

Ví dụ 29.3.6-1.

Braille musical notation for Example 29.3.6-2, consisting of four lines of Braille above a piano score. The score is in treble and bass clefs, key of D major (two sharps), and 4/4 time. It starts with a measure number '31'. The treble clef part features a complex rhythmic pattern with many beamed notes, while the bass clef part has a simpler, more melodic line. The piece concludes with a double bar line.

Ví dụ 29.3.6-2.

Braille musical notation for Example 29.3.7, consisting of four lines of Braille above a piano score. The score is in treble and bass clefs, key of B-flat major (two flats), and 3/4 time. It starts with a measure number '23'. The treble clef part features a complex rhythmic pattern with many beamed notes, while the bass clef part has a simpler, more melodic line. The piece concludes with a double bar line.

29.3.7. Dòng kéo dài có đoạn kệp

Khi dùng dòng kéo dài để chuyển đổi nhạc nổi từ một ô nhịp có kệp nốt, ký hiệu kệp hoặc phân chia ô nhịp nên được dùng làm điểm phân chia bất cứ khi nào có thể.

Ví dụ 29.3.7-1.

Braille musical notation for Example 29.3.7-1, consisting of two lines of Braille.

Braille notation for Example 29.4-1:

```

c1: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5
c2: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5
c3: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5
c4: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5

```

29.4. Các bè kết hợp và tay khách (visiting hands)

Khi một dòng giai điệu đơn lẻ được dùng chung cho các tay hoặc hợp âm luân phiên giữa các tay, thông thường sẽ thuận lợi hơn khi kết hợp các bè bằng một cách nào đó. Người chuyển đổi cần phải chỉ rõ bè được viết cho tay nào và các quãng được đọc theo hướng nào. Các quãng luôn được đọc theo hướng được thiết lập bởi ký hiệu tay mở đầu của mỗi bè "chủ". Khi phần nhạc được chơi trên tay "khách" có chứa quãng, hướng đọc những quãng đó phải được củng cố bằng một trong hai cách: sử dụng ký hiệu tay đặc biệt tương ứng để chỉ rõ hướng đọc quãng, như trong Ví dụ 29.4.2-2, hoặc thêm câu chú thích về hướng đọc quãng trong tay khách vào phần chú thích của người chuyển đổi. (Xem Mục [9.2.](#))

29.4.1. Đan tay hoặc luân phiên các tay

Khi một nốt hoặc một yếu tố ngắn được chơi bằng cách bắt chéo tay này trên tay kia, đôi khi có thể duy trì tính liên tục của âm nhạc bằng cách đặt nốt/yếu tố này ở dòng nhạc cho tay kia, theo trước là ký hiệu tay tương ứng. Nếu trong bản phổ thông có các dấu hiệu chỉ tay trái/phải (như RH, LH, m.d., hoặc m.g.), chúng được lược bỏ, trừ khi cần chuyển đổi y bản.

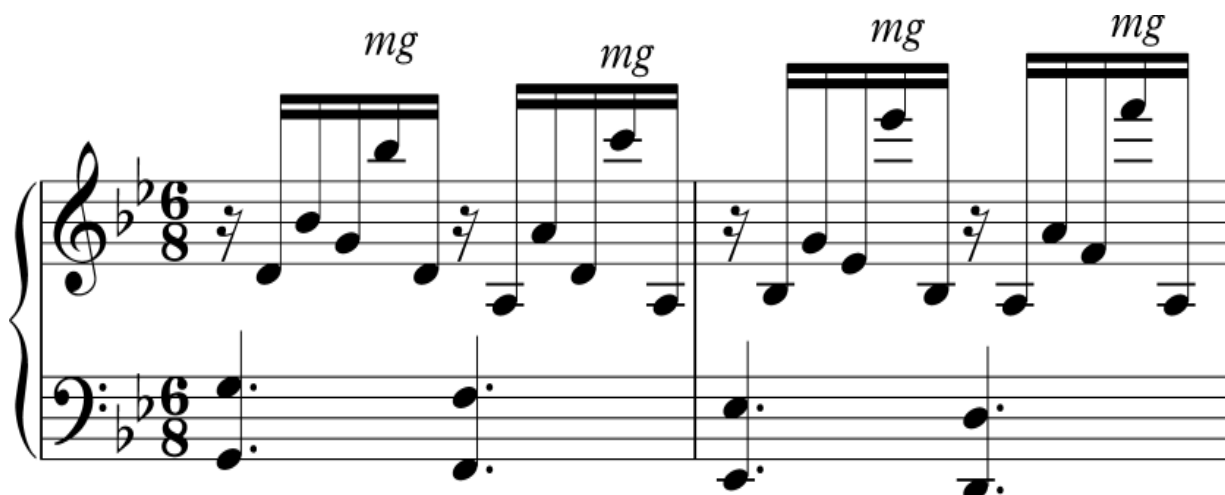
Ví dụ 29.4-1.

Braille notation for Example 29.4-1:

```

c1: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5
c2: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5
c3: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5
c4: c4 d4 e4 f4 g4 a4 b4 c5

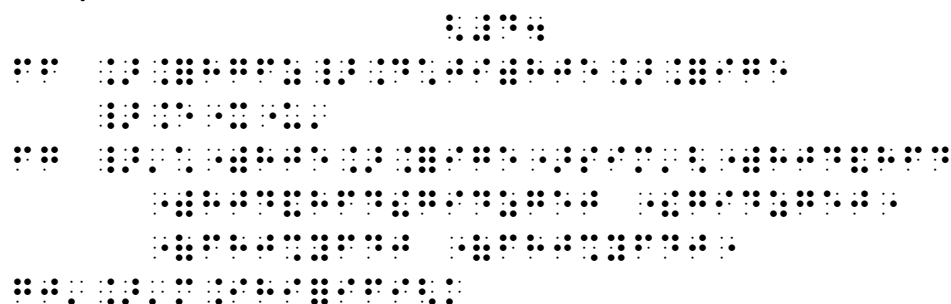
```



29.4.2. Rút gọn các đoạn song song chơi luân phiên các tay

Các đoạn nhạc chơi luân phiên trên hai tay nên được viết liên tục trên phần bè của một tay bất cứ khi nào có thể, kèm theo ký hiệu tay cho mỗi lần đổi tay. Không phải lúc nào cũng dễ xác định viết trên tay nào sẽ tốt hơn cho đoạn nhạc như thế, nhưng cách bố trí chung của bản nhạc sẽ là chỉ dẫn tốt nhất cho việc này. Đoạn song song được rút gọn thành một dòng đơn lẻ, và sử dụng các dòng kéo dài, thụt lề đến ô đứng sau ký hiệu tay mở đầu. Các quãng được đọc theo hướng chiếm ưu thế hơn trong phần bè mà nó được viết, dùng thêm ký hiệu tay đặc biệt tương ứng cho các quãng đảo hướng khi bè tay khách có chứa quãng. Khi một cấu trúc luân phiên tay tiếp diễn nhiều lần, có thể sử dụng từ viết tắt "sim.," có chấm 5 đứng trước để thể hiện nó là ký hiệu được người chuyên đổi thêm vào.

Ví dụ 29.4.2-1.



66

68

Ví dụ 29.4.2-2.

29.4.3. Ký hiệu kẹp nằm trong đoạn song song rút gọn

Một đoạn song song đã được rút gọn thành một dòng cũng có thể chứa các nốt cần dùng ký hiệu kẹp. Cần thận trọng để đánh dấu rõ ràng các nốt này được gán cho tay nào. Ký hiệu tay cần phải được viết sau ký hiệu kẹp hoặc phân chia ô nhịp, và đặt ở đầu ô nhịp theo sau đoạn kẹp.

Ví dụ 29.4.3-1.

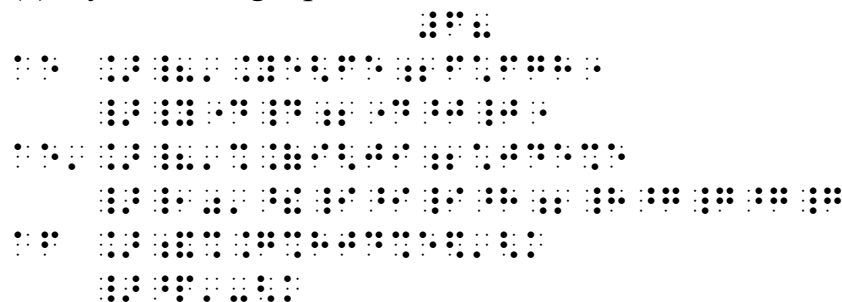


29.5. Sự trùng lặp các nốt

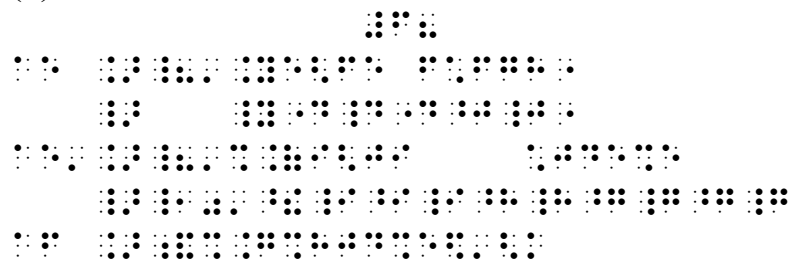
Trong một đoạn nhạc hoa mỹ hoặc không chia ô nhịp, có thể sẽ hữu ích khi thể hiện rằng các nốt nào đó trùng lặp giữa các tay. Việc trùng lặp này có thể được trình bày bằng một trong hai cách: (a) đặt ký hiệu trùng lặp \therefore trước các nốt của mỗi bè, hoặc (b) căn chỉnh các nốt theo chiều dọc trong mỗi bè, chừa các khoảng trống trong các dòng nhạc, lấp đầy bằng các chấm định hướng (chấm 3) nếu khoảng trống vượt quá 6 ô chữ nổi. Khi một đoạn trùng lặp xảy ra tại điểm phân chia trong một ô nhịp bị phân chia thành các đoạn song song, không cần thiết phải sử dụng ký hiệu trùng lặp.

Ví dụ 29.5-1.

(a) Ký hiệu trùng lặp



(b) Căn chỉnh theo chiều dọc



Ví dụ 29.5-2.

(a) Ký hiệu trùng lặp

(b) Căn chỉnh theo chiều dọc

29.6. Đoạn nghỉ lớn trên một bè

Khi một trong các bè có hơn 10 ô nhịp nghỉ liên tiếp, phần này có thể được lược bỏ tạm thời. Cần phải thêm dấu hoa thị trong âm nhạc tại điểm lược bỏ và viết số lượng ô nhịp nghỉ trong phần chú thích cuối trang.

29.7. Mở rộng đoạn song song thành bản nhạc mở

Khi bài nhạc được in trên 3 khuôn nhạc để làm rõ một cấu trúc nào đó, đoạn song song có thể được mở rộng thành 3 dòng, trình bày cùng một ký hiệu tay trên mỗi dòng trong hai dòng liên tiếp. Nếu sử dụng phương pháp đặc biệt này, cần tránh dùng các dòng kéo dài bất cứ khi nào có thể.

Ví dụ 29.7-1.

The musical score for Example 29.7-1 is presented in three staves. The top staff, marked *8va*, shows a sustained chord of two octaves. The middle staff, marked *lh* and *rh*, contains a melodic line. The bottom staff, marked *8vb* and *sost.*, shows a sustained chord. The score is in 4/4 time and consists of two measures.

29.8. Đệm đàn bằng nhạc cụ phím

Khi một bài đơn ca hoặc độc tấu hoặc một bài soạn nhạc dành cho nhóm đồng diễn nhỏ được in dưới dạng bản nhạc chứa phần đệm piano hoặc các nhạc cụ phím khác, các phần đơn ca/độc tấu được chuyển đổi riêng, và phần đệm được chuyển đổi riêng. Trong phần đệm, có một bản tóm tắt phần đơn ca/độc tấu nhằm giúp người chơi đàn ghi nhớ phần tham gia của mình. Bản tóm tắt này được đặt ở dòng phía trên bè cho tay phải, đánh dấu bằng ký hiệu chỉ bản tóm tắt đơn ca $\text{::}\text{::}$. Ký hiệu này đóng vai trò như một dấu báo, được xử lý như ký hiệu tay, đặt ngay trên ký hiệu tay phải. Số thứ tự ô nhịp nằm ở lề trang được viết ở dòng này thay vì dòng cho tay phải. Bản tóm tắt chỉ bao gồm các nốt nhạc, dấu nối, dấu lặng, và các dấu thiết yếu khác như dấu mắt ngỗng; không bao gồm sắc thái, dấu luyện, cụm từ diễn đạt, hoặc lời bài hát (trong thanh nhạc). Những cụm từ diễn đạt được tách rời sang một dòng tự do phía trên đoạn song song sẽ

được đặt phía trên dòng có bản tóm tắt; các chỉ dẫn không nên xuất hiện giữa phần tóm tắt và phần bè tay phải. Một đánh dấu khi diễn tập bất kỳ được trình bày cùng với phần đơn ca hoặc độc tấu cũng phải được viết trong phần đệm, đặt cách 2 ô về phía bên phải của dấu báo bản tóm tắt, trong một dòng tự do phía trên bản tóm tắt và phía trên bất kỳ cụm từ diễn đạt nào khác. Khi phần đệm là dành cho nhóm nhạc đồng diễn, phải trình bày các phần tử nổi trội nhất trong bản tóm tắt; phần tóm tắt không nên vượt quá một dòng. Nếu phần đệm bằng nhạc cụ phím gấp đôi tất cả hoặc hầu hết phần nhạc đơn ca/đồng diễn, có thể lược bỏ toàn bộ bản tóm tắt.

Ví dụ 29.8-1.

The image shows a musical score for the lyrics "When the blue sky turns gray and the". The score is presented in two parts: Braille notation and standard musical notation. The Braille notation is arranged in two columns, one above and one below the musical notation. The musical notation consists of a vocal line and a piano accompaniment. The vocal line is in 3/4 time, marked with *mp* (mezzo-piano). The piano accompaniment is also in 3/4 time, marked with *mf* (mezzo-forte) and *p* (piano). The lyrics are written below the vocal line.

Ví dụ 29.8-2.

The image shows two columns of Braille notation. The first column contains 10 lines of Braille, and the second column contains 10 lines of Braille. The Braille notation is arranged in two columns, one above and one below the musical notation.

29.9. Bản rút gọn cho nhạc cụ phím trong dàn nhạc

Trong các bản rút gọn nhạc đồng diễn dành cho các nhạc cụ phím, các chú thích về việc phối hợp nhạc cụ phải được viết trong bản chuyển đổi như đã viết trong bản phổ thông.

29.10. Bàn đạp cho piano

Thao tác nhấn và nhả bàn đạp vang âm (pedal 3) được thể hiện trên bản phổ thông bằng biểu tượng "Ped." và một dấu sao (hoặc dấu hoa thị). Các thao tác này còn có thể được trình bày bằng một dấu ngoặc nằm ngang hoặc bằng biểu tượng "Ped." có dấu ngoặc theo sau. Trên bản nổi, có thể viết các ký hiệu pedal trong phần bè tay trái, dù rằng có nhiều trường hợp chỉ có thể mô tả chính xác ký hiệu pedal trong phần bè tay phải, chẳng hạn như khi thao tác trên pedal thay đổi trong khi bè tay trái đang có một ô nhịp nghỉ hoặc một nốt dài. Các ký hiệu nhấn và nhả pedal nên được xem như một cặp, cùng đặt trong một bè như nhau bất cứ khi nào có thể.

29.10.1. Vị trí đặt ký hiệu bàn đạp

Vị trí chính xác khi đánh dấu pedal có sự khác biệt lớn giữa các ấn phẩm khác nhau; người chuyên đổi phải thường xuyên đưa ra phán đoán của cá nhân mình. Các ký hiệu pedal được chuyển đổi như sau:

(a) Ký hiệu nhấn pedal được đặt trước nốt/dấu lặng mà nó chỉ đến. Ký hiệu này đứng trước một cụm từ diễn đạt đơn giản, dấu luyện ngoặc, ký hiệu nhóm nốt, hoặc sắc thái.

(b) Ký hiệu nhả pedal phải theo sau nốt, quãng, hoặc dấu lặng mà nó chỉ đến, và dấu nổi, ký hiệu đuôi nốt nhạc, luyện, ngân rung (tremolo), hoặc ký hiệu ngón

bất kỳ. Khi pedal sẽ được nhấn lại ngay sau khi nhả, ký hiệu nhả pedal được lược bỏ. Cũng có thể lược bỏ nó trước vạch nhịp nét đôi kết thúc, nhưng không lược bỏ khi có một dấu lặng giữa dấu nhả pedal và vạch nhịp nét đôi.

(c) Khi biểu tượng "Ped." không có dấu sao sau bất cứ điểm nào về sau, không dùng ký hiệu nhấn pedal trên bản nổi mà thay thế bằng từ viết tắt "ped.".

(d) Ký hiệu bổ sung cho pedal Ped.^* nhằm chỉ pedal sẽ được nhấn ngay sau khi vừa đánh nốt/hợp âm đó. Ký hiệu Ped. mô tả pedal sẽ được nhả ngay sau khi vừa đánh nốt/hợp âm. Việc bổ sung không ảnh hưởng đến vị trí đặt ký hiệu pedal đã mô tả trong mục (a) và (b) bên trên.

(e) Có nhiều cách trình bày thao tác nhấn một nửa pedal trong bản phổ thông. Trong bản nổi, ký hiệu Ped.^* được đặt trước nốt/hợp âm mà nó chỉ đến.

(f) Khi các ký hiệu nhấn và nhả pedal được in dưới cùng một nốt hoặc dấu lặng, ký hiệu pedal kết hợp Ped.^* đứng trước nốt/dấu lặng đó. Ký hiệu đặc biệt này thường không cần thiết và nên sử dụng rất ít.

Ví dụ 29.10.1-1. (a) và (b)

Ped.^*

Ví dụ 29.10.1-2. (c) Sử dụng ký hiệu "ped." không có dấu sao

ped.

Ví dụ 29.10.1-3 (d) Các ký hiệu pedal chính xác ít gặp

The image shows a musical score for a piano piece in 2/4 time, key of B-flat major. The score consists of two staves: a treble staff and a bass staff. The treble staff contains a series of chords, some of which are held over with a fermata. The bass staff contains a series of chords, some of which are held over with a fermata. Below the bass staff, there are two 'Ped.' markings with brackets underneath, indicating the start and end of a pedal point. Above the treble staff, there are two sets of Braille notation, each consisting of a 2x4 grid of dots, representing the notes of the chords in the treble staff.

Ví dụ 29.10.1-5. (e) Nhấn nửa pedal

The image shows a musical score for a piano piece in 4/4 time, key of B-flat major. The score consists of a single bass staff. The first measure is a whole rest. The second measure contains a chord. The third measure contains a chord with a fermata. The fourth measure contains a chord with a fermata. Below the bass staff, there is a 'p' marking followed by a dotted line, and then two 'Λ' markings followed by dotted lines, indicating the start and end of a half-pedal point. Above the bass staff, there are two sets of Braille notation, each consisting of a 2x4 grid of dots, representing the notes of the chords in the bass staff.

Ví dụ 29.10.1-4 (f) Pedal kết hợp (hiếm khi dùng)

The image shows a single line of Braille notation consisting of four 2x4 grids of dots, representing the notes of the chords in the bass staff.

Braille notation above the staff:
 ♯ 2/4
 Treble clef:
 Bass clef:
 Ped. *Ped. *Ped. *

29.11. Ký hiệu bàn đạp piano và nhắc lại

Chỉ có thể dùng ký hiệu nhắc lại bằng số đếm trong nhạc nổi khi thao tác trên pedal trong đoạn nhắc lại hoàn toàn giống với trong đoạn gốc. Ký hiệu nhắc lại toàn phần và một phần ô nhịp trong nhạc nổi có thể sử dụng kết hợp với các ký hiệu pedal chỉ khi ý đồ của người viết vẫn được thể hiện rõ ràng. Nếu có bất kỳ sự mơ hồ nào thì không nên dùng ký hiệu nhắc lại.

29.11.1. Ký hiệu bàn đạp nằm trong đoạn gốc và đoạn nhắc lại

Có thể dùng ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi khi cặp ký hiệu nhấn/nhả pedal chỉ áp dụng cho một phần của đoạn gốc và đoạn nhắc lại cũng dùng cùng thao tác đó. Tuy nhiên, khi ô nhịp gốc bắt đầu bằng thao tác nhấn pedal, và có một hay nhiều ký hiệu pedal về sau trong ô nhịp, không được sử dụng ký hiệu nhắc lại toàn ô nhịp có ký hiệu nhấn pedal đứng trước ký hiệu nhắc lại, vì ký hiệu pedal đó sẽ được hiểu là áp dụng cho toàn ô nhịp. Nếu trong bản phổ thông, cả hai ô nhịp giống nhau như thế đều bắt đầu ở thao tác nhấn pedal rồi kết thúc khi nhả pedal, và ô nhịp theo sau bắt đầu khi nhấn pedal, có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại ô nhịp mà không thêm ký hiệu pedal.

Ví dụ 29.11.1-1.

Braille notation above the staff:
 ♯ 6/8
 Bass clef:
 Ped. Ped. Ped. Ped. Ped. Ped.

29.11.2. Nhấn bàn đạp ở đoạn gốc và giữ qua đoạn nhắc lại

Khi pedal được nhấn tại bất kỳ điểm nào trong đoạn gốc, giữ xuyên suốt đoạn nhắc lại, và nhả ở cuối đoạn nhắc lại, có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại. Nếu cần có ký hiệu nhả pedal, thì nó được đặt sau ký hiệu nhắc lại. Tuy nhiên, khi pedal được nhấn, nhả rồi nhấn lại trong đoạn gốc, sau đó giữ xuyên suốt đoạn nhắc lại, ký hiệu nhắc lại sẽ gây nhầm lẫn rằng pedal được nhả rồi nhấn giữ suốt đoạn nhắc lại. Trong trường hợp đó, phải viết ra đầy đủ đoạn nhắc lại.

Ví dụ 29.11.2-1.

The image shows two staves of musical notation in bass clef with a 4/4 time signature. The first staff contains a melodic line with a 'Ped.' marking at the beginning, followed by an asterisk, then another 'Ped.' marking, and a final asterisk. The second staff continues the melodic line with 'Ped.' and asterisk markings, ending with a double bar line and a chord symbol.

29.11.3. Mỗi đoạn gốc và đoạn nhắc lại nằm hoàn toàn trong khi dùng bàn đạp

Nếu pedal được dùng hai lần không ngắt quãng, lần đầu cho toàn đoạn gốc và lần sau cho đoạn nhắc lại, phải viết lại ký hiệu pedal trước đoạn nhắc lại.

Ví dụ 29.11.3-1.

The image shows one staff of musical notation in bass clef with a 4/4 time signature. The staff contains a melodic line with four 'Ped.' markings, each followed by a bracket indicating the duration of the pedal use.

29.11.4. Đoạn gốc không dùng và đoạn nhắc lại có dùng bàn đạp

Có thể dùng ký hiệu nhắc lại khi không nhấn pedal trong đoạn gốc nhưng có nhấn trong đoạn nhắc lại.

Ví dụ 29.11.4-1.

A small musical notation symbol consisting of a treble clef and a dotted quarter note.

29.11.5. Đoạn gốc có dùng và đoạn nhắc lại không dùng bàn đạp

Khi toàn bộ một ô nhịp có dùng pedal và ô nhịp theo sau là một đoạn nhắc lại không dùng pedal, có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại toàn ô nhịp; ký hiệu nhả pedal được viết trước ký hiệu nhắc lại, sau khoảng trắng tách biệt các ô nhịp. Trong trường hợp chỉ dùng pedal trong một phần ô nhịp gốc và không dùng trong ô nhịp nhắc lại, đoạn nhắc lại phải được viết ra.

Ví dụ 29.11.5-1.

Ví dụ 29.11.5-2.

29.12. Đoạn song song tiêu biểu cho nhạc dùng đại phong cầm (organ)

Cần phải hiểu rằng mỗi chiếc đàn organ là một nhạc cụ khác biệt; số lượng bàn phím, danh sách phím chặn và tất cả các đặc điểm vật lý khác đều khác nhau. Nhạc cho organ nhà thờ (loại organ có hai tầng phím và bàn phím đạp chân cũng gọi là pedal, khác với pedal piano) thường được in trên hệ thống ba khuông nhạc gồm một khuông nhạc lớn (chứa hai khuông nhạc ghép lại) cho hai bè cộng thêm khuông nhạc thứ ba cho pedal. Các ký hiệu cho bè tay phải và tay trái được chuyển đổi hoàn toàn giống với ký hiệu bè trên các nhạc cụ phím khác. (Xem Mục [29.1–29.9](#).) Các ký hiệu nhạc cho pedal được viết ở dòng thứ ba trong đoạn song song gồm 3 dòng, tương tự như bè cho tay thứ ba, mô tả bằng ký hiệu

pedal :: căn chỉnh sao cho nằm ngay dưới ký hiệu tay trái. Tất cả các quy tắc và phương pháp liên quan đến các bè tay trái/phải đều được áp dụng cho dòng này. Các quãng được đọc theo hướng lên.

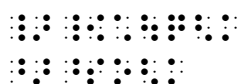
Ví dụ 29.12-1.

29.12.1. Bè bàn đạp đại phong cầm in trong khuôn nhạc cho bè tay trái

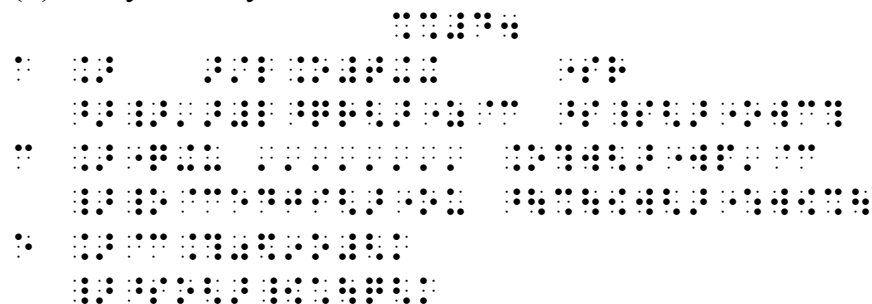
Trong chuyển đổi lược bản, khi bè pedal trên bản phổ thông được viết trong cùng khuôn nhạc với bè tay trái, trên bản nổi vẫn viết thành dòng riêng biệt như khi bản phổ thông dùng 3 khuôn nhạc riêng. Tuy nhiên, trong chuyển đổi y bản, sử dụng ký hiệu kết hợp tay :: tại vị trí bắt đầu đoạn nhạc, bè tay trái và bè pedal được chuyển đổi bằng phương pháp kẹp nốt. Các đoạn song song liên tiếp được chuyển đổi mà chỉ có ký hiệu tay trái. Khi ngưng chơi trên pedal, ký hiệu "trở về chế độ chỉ có tay trái" :: được thêm vào dòng cho bè tay trái trước nốt đầu tiên không dùng pedal; nếu từ bản thân bản nhạc đã cho thấy rõ ràng việc không còn dùng pedal nữa, thì không cần viết ký hiệu này. Nếu sử dụng pedal trở lại, ký hiệu kết hợp tay được dùng lại lần nữa.

Ví dụ 29.12.1-1.

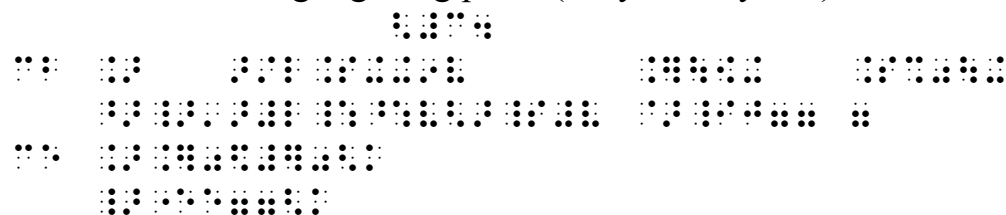
(a) Chuyển đổi lược bản



(b) Chuyển đổi y bản



Ví dụ 29.12.1-2. Ngưng dùng pedal (chuyển đổi y bản)



29.13. Ký hiệu chân trên đại phong cầm

Khi trên bản phổ thông có biểu tượng mũi nhọn cho ngón chân và biểu tượng chữ U cho gót chân được đặt phía dưới khuông nhạc, chúng mô tả cách sử dụng chân trái. Khi những biểu tượng y hệt in phía trên khuông nhạc, chúng nhằm chỉ việc sử dụng chân phải. Các ký hiệu này được xử lý như các ký hiệu ngón, viết sau nốt/quãng mà chúng đi kèm trong bản nổi. Đường gạch ngang bên trên hoặc dưới biểu tượng chân thường dùng để chỉ thao tác bắt chéo chân. Mô tả thao tác chân này bắt qua trước chân kia bằng ký hiệu đặt trước nốt được chơi bằng chân bắt chéo. Nếu bắt chéo ra sau, sử dụng ký hiệu tương tự như trên.

Ví dụ 29.13-1.

The image shows a musical staff in bass clef with a common time signature (C). The notes are: G2 (quarter), A2 (quarter), Bb2 (quarter), B#2 (quarter), C3 (quarter), B2 (quarter), A2 (quarter), G2 (quarter). Above the staff, there are several accents (^) and a 'U' mark. Below the staff, there are several accents (^) and a 'U' mark. Above the staff, there are several groups of dots representing fingerings.

29.14. Bảng liệt kê các âm vực cho đại phong cầm

Trong bản nôi, nên viết bảng liệt kê các chi tiết về âm vực đàn ở đầu đoạn đi chuyên hoặc phân đoạn sao cho giống với bản phổ thông nhất có thể. Đặt danh sách các chi tiết này ở lề trang, theo sau tựa đề (nếu có), và trước tiêu đề chỉ dẫn. Không được dùng chữ nôi viết tắt. Biểu tượng trong bản phổ thông dùng để chỉ feet phải được thể hiện ở dạng viết tắt "ft.". Nên sử dụng ký hiệu dấu cộng và dấu trừ dùng trong các biểu tượng hợp âm liệt kê trong Bảng 23. Tuy nhiên, xem Mục 29.15.2 về cách sử dụng đặc biệt cho ký hiệu dấu trừ để bỏ phím chặn.

Ví dụ 29.14-1.

The image shows a musical staff with a sequence of notes: G2 (quarter), A2 (quarter), Bb2 (quarter), B#2 (quarter), C3 (quarter), B2 (quarter), A2 (quarter), G2 (quarter). Above the staff, there are several groups of dots representing fingerings. Below the staff, there are several groups of dots representing dynamics and articulation marks.

Gt.: 8 ft. Sw. coupled

Sw.: Stopped Diap., Clarabella and Gamba (or Salicional) 8 ft.

Ped.: Bourdon 16 ft. and Bass Flute 8 ft.

Gt. to Ped.

29.15. Các chỉ dẫn âm vực đại phong cầm

Các chỉ dẫn về âm vực xuất hiện trong bản nhạc được xử lý như các cụm từ diễn đạt. (Xem Mục 29.3.3–29.3.5.) Các cụm từ chứa những chỉ dẫn đó không nằm ngoài giới hạn căn chỉnh của các bè. Âm vực và các mức cường độ có mối liên hệ về bản chất; thông thường có thể đặt chúng trong cùng cụm từ diễn đạt khi chúng xuất hiện cùng lúc. Tuy nhiên, không được kết hợp các dấu crescendo (mạnh dần) và decrescendo (nhẹ dần) hình kẹp tóc với âm vực trong một cụm từ

diễn đạt dài. Do độ phức tạp gây ra bởi sự hiện diện của nhiều bàn phím, cần chú ý kỹ càng đến vị trí đặt các ký hiệu âm vực và ký hiệu gán tay trái/phải cho bàn phím. Người chuyển đổi được phép đặt một dấu áp dụng cho toàn nhạc cụ trong dòng cho tay phải, đặc biệt khi dấu này là một cụm từ diễn đạt dài được tách sang một dòng tự do phía trên đoạn song song. Nếu có bất kỳ sự mơ hồ nào, nên viết hướng dẫn ở dòng cho mỗi bè mà nó áp dụng.

Ví dụ 29.15-1.

The image displays a musical score for Example 29.15-1. At the top, there are several lines of Braille notation. Below this, the score is written for piano. It consists of three staves: a treble clef staff, a bass clef staff, and a dulcimer staff. The treble staff begins with a 27-measure rest, followed by notes with dynamics *pp*, *Gt. full*, and *f*. The bass staff has notes with dynamics *mp* and *f*. The dulcimer staff has notes with dynamics *dulc. 16'* and *f*. The score is in 4/4 time and has a key signature of two flats.

29.15.1. Các công cụ cài đặt sẵn

Các nhóm phím chặn thường được điều khiển bằng các nút (thường gọi là piston) thiết lập trước khi bắt đầu màn trình diễn. Mỗi nhạc cụ có cách sắp xếp các công cụ cài đặt sẵn khác nhau. Thao tác kích hoạt các nút thường được mô tả trong bản phổ thông bằng các con số hay chữ cái có vòng tròn bao quanh. Trong bản nổi, dùng các cụm từ diễn đạt để đại diện cho các ký hiệu này. Nếu có hai nút trở lên được trình bày ở cùng vị trí, chúng được ngăn cách bởi các khoảng trắng giữa cùng một cặp ký hiệu báo từ. Nếu ký hiệu chỉ nút có thể bị nhầm lẫn thành ký hiệu diễn đạt khác (ví dụ như nút có đánh dấu *C* có thể bị nhầm thành ký hiệu crescendo/mạnh dần) nên thêm một tiền tố chẳng hạn như

chữ *p* trước ký hiệu nút, hoặc giả định rằng vòng tròn hoặc hình vuông bao quanh chữ cái sẽ tương đương với dấu ngoặc và đặt ký hiệu nút giữa hai dấu ngoặc đặc biệt trong cụm từ diễn đạt. Bất kỳ sự sai lệch nào so với bản phổ thông đều phải được giải thích trong phần chú thích của người chuyển đổi. Trong ví dụ sau đây có giả định tùy ý rằng con số nằm trong vòng tròn đại diện cho một "nút chung" tác động đến các phím chặn trong mọi phần của đàn, và chữ cái nằm trong ô vuông đại diện cho nút chỉ ảnh hưởng đến âm vực của pedal.

Ví dụ 29.15.1-1.

48 Gt. Pos. ⑤ B

29.15.2. Hủy bỏ cài đặt âm vực

Khi bản phổ thông mô tả thao tác bỏ một hoặc một nhóm nút chặn bằng ký hiệu dấu trừ, một dấu gạch chéo qua ký hiệu này, hoặc một dấu tương tự, bản nổi sẽ mô tả bằng ký hiệu ∴ đặt liền trước tên nút chặn, nhóm, hoặc nút cài đặt sẵn. Cần lưu ý, trong Ví dụ 29.15.2-2 những cài đặt sẵn nào không bị hủy bỏ thì được tách biệt khỏi các cài đặt khác bằng một khoảng trắng, và, trong mọi trường hợp, các con số được tách biệt khỏi các chữ cái.

Ví dụ 29.15.2-1.

Braille notation for the first example, consisting of five lines of musical notation.

41

ff - *flutes* - *reeds* - *4'*

- *diapason*

Ví dụ 29.15.2-2.

Braille notation for the second example, consisting of four lines of musical notation.

24

① ~~②~~ ③ E

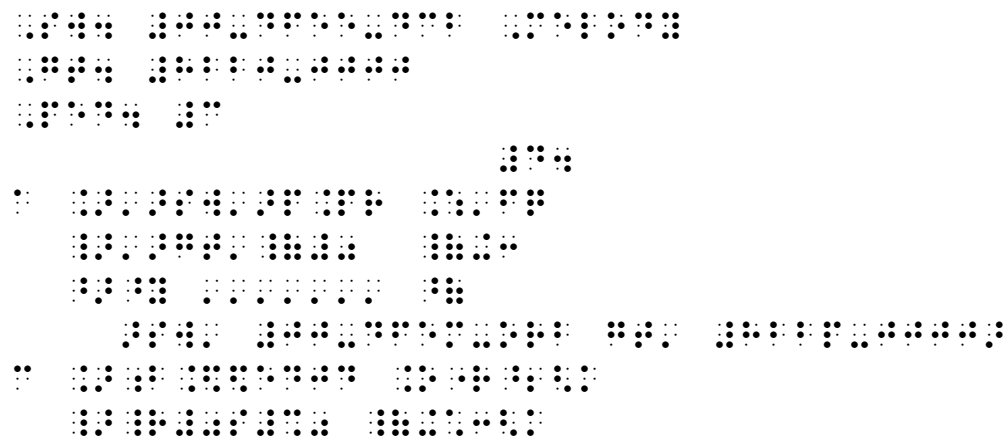
29.16. Các chú thích cụ thể cho từng loại nhạc cụ

Đàn organ điện tử, synthesizer, organ điện cơ, và bất kỳ nhạc cụ nào khác chơi bằng bàn phím tương tự như piano thường cần có chú thích cụ thể tùy loại nhạc cụ. Trong bản nổi, các chú thích như trên phải được viết giống với bản phổ thông nhất có thể và đôi khi cần thêm chú thích của người chuyên đổi nếu trong bản phổ thông chưa ghi rõ.

29.16.1. Đàn organ có nút gạt (drawbar)

Trong một mẫu đàn organ điện tử rất phổ biến này, chất lượng giọng được điều khiển bằng bộ nút gạt (thanh trượt). Người chơi điều chỉnh giọng đến các con số trên nút gạt. Vị trí của các nút gạt trong mỗi bộ in thành một dòng các thông số có chứa dấu gạch ngang và khoảng trắng. Cả dòng thông số đầy đủ, cùng với chữ đi kèm bất kỳ, được viết như các cụm từ điển đạt. Để tiết kiệm chỗ trống, chỉ viết dấu báo số đầu tiên của mỗi thông số trong bản nổi. Các thiết lập ban đầu có thể được liệt kê thành bảng theo cách như khi trình bày âm vực đầu tiên trước mỗi đoạn di chuyển hay phân đoạn. Nếu trong quá trình chơi nhạc có một hay nhiều nút gạt được điều chỉnh lại, cả nhóm phím được liệt kê và gạch chân các thông số có thay đổi. Trong bản nổi, thêm chấm 3 vào ô chữ nổi trình bày mỗi chữ số được gạch chân.

Ví dụ 29.16.1-1.



23 Fmaj9 Eb9 Gb9 F6(add9)

29.17.1. Các biểu tượng hợp âm được giãn cách không theo quy tắc

Khi hợp âm đặt tại vị trí bất thường, người chuyên đổi được phép căn chỉnh hợp âm nằm bên dưới các nốt mà nó trùng lặp, thêm các khoảng trắng vào dòng nhạc thấp nhất nếu cần, theo cách được dùng trong bản nhạc không lời. (Xem Mục [27.1–27.4](#)) Giãn cách của các dòng nhạc bên phía trên không bị ảnh hưởng; tuy nhiên, nếu phần nhạc trong dòng trên bị các khoảng trắng cắt ngang vì lý do nào đó, phải sử dụng vạch nhịp đặc biệt trong nhạc nổi ||: , căn chỉnh theo chiều dọc ở tất cả các dòng nhạc.

Ví dụ 29.17.1-1.

19 Eb Cm7 Bb9 Ebm F7

Ví dụ 29.17.1-2.

21 Bm⁷/D G⁷/D A⁷/D D

sub f

30. BÈ TRẦM CÓ ĐÁNH SỐ VÀ PHÂN TÍCH HÒA ÂM

(Bảng 26)

30.1. Bè trầm có đánh số

Bè trầm có đánh số, như tên gọi của nó, luôn luôn gồm có giai điệu bè trầm trong một khung nhạc, cùng với các chữ số, các dấu hóa bất thường, và những yếu tố khác được đặt phía trên hoặc phía dưới khung nhạc. Có thể có nhạc đi cùng được in trong bản nhạc cho nhạc cụ dùng phím hoặc trong một bản nhạc cho nhóm đồng diễn nhạc cụ. Nên chú ý rằng bè trầm có đánh số, theo định nghĩa, là một loại tốc ký âm nhạc, và không được sử dụng thống nhất trong các ấn phẩm khác nhau, và thật ra cũng không thống nhất ngay cả trong một bản nhạc. Người chuyển đổi không được diễn giải nó mà chỉ được trình bày nó một cách chính xác.

30.1.1. Trình bày bè trầm có đánh số bằng chữ nổi

Trong nhạc nổi, bè trầm có đánh số có thể được trình bày bằng một trong hai kiểu. Các con số được viết theo chiều ngang trong dòng nhạc khi bản nhạc có mục đích sử dụng cho biểu diễn, hoặc được sắp xếp theo chiều dọc dưới các nốt của dòng nhạc khi dùng cho việc học. Một số người đọc ưa chuộng cách trình bày theo chiều dọc khi dùng để biểu diễn, và không có quy định giới hạn sử dụng kiểu nào cho mục đích nào. Các chữ số được đại diện bằng các số nằm ở phần dưới của ô.

30.2. Bè trầm có đánh số theo kiểu chiều ngang

Trong kiểu trình bày theo chiều ngang, bè trầm có đánh số được chỉ ra trên bản nổi bằng ký hiệu bè trầm có đánh số ::: tại phần đầu của mỗi đoạn song song trong định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp hoặc ở phần đầu của đoạn di chuyển trong định dạng dòng đơn. Cũng như ký hiệu tay, ký hiệu bè trầm có đánh số phải có một chấm 3 theo sau nếu ô tiếp theo có chứa một chấm 1, 2 hoặc 3. Các ký hiệu trong Bảng 26 chỉ mang ý nghĩa đặc biệt khi đoạn nhạc chứa chúng có ký hiệu này đi trước. Dòng này là dòng dành cho tay trái trong bản nhạc dùng nhạc cụ phím hoặc dòng dành cho bàn đạp trong bản nhạc đại phong cầm, và ký hiệu bè trầm có đánh số thay thế cho ký hiệu tay trái hoặc bàn đạp. Khi nó là dòng dành cho nhạc cụ trầm trong một bản nhạc cho nhóm đồng diễn, ký hiệu bè trầm có đánh số là một ký hiệu bổ sung. Các con số đi kèm một nốt được chuyển thành chữ nổi phía sau nốt đó và sau một dấu luyến đơn hoặc dấu nối, theo các quy định sau đây:

(a) Các cột dọc chứa số trong bản phổ thông luôn luôn được chuyển đổi từ dưới lên trên, dù theo lệ thường thì chúng được đọc từ trên xuống dưới.

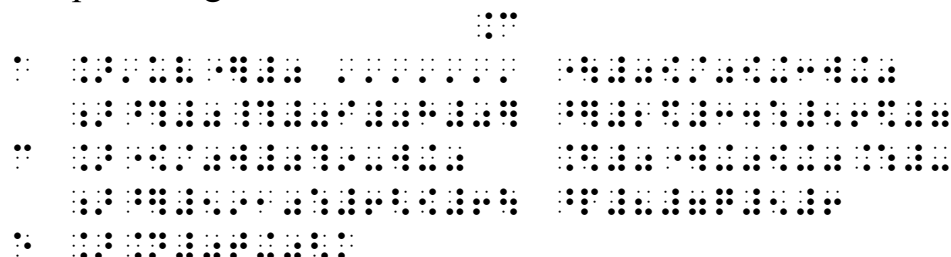
(b) Một dấu báo số phải chỉ ra điểm khởi đầu của mỗi con số đơn lẻ hoặc mỗi cột số, ngay cả khi con số đó là một dấu hóa bất thường, một nét xiên hoặc yếu tố khác.

(c) Quy định này là ngoại lệ của nguyên tắc chung là nốt đầu tiên theo sau bất cứ dấu báo số nào cũng phải có một dấu bậc; chỉ khi không có bè trầm đánh số mà một nốt vẫn phải có dấu bậc thì mới phải thêm dấu bậc cho nốt đó khi nó theo sau một bè trầm đánh số.

(d) Trong một chuỗi các con số, một con số bị lược bỏ được thể hiện bằng chấm 3. Tuy nhiên, nếu việc sắp xếp các số theo chiều ngang trong bản phổ thông có vẻ không chính xác, người chuyển đổi nên bám sát bản phổ thông hết mức có thể và không cố gắng chỉnh sửa theo trách nhiệm của bản thân.

(e) Được phép dùng dấu gạch nối âm nhạc giữa các cột số, nhưng không được dùng dấu này giữa các con số trong cùng một cột.

Ví dụ 30.2-1. Các con số không được xếp thẳng hàng theo chiều ngang trong bản phổ thông.



Ví dụ 30.2-2. Các con số được xếp thành hàng ngang trong bản phổ thông.

Ví dụ 30.2-3. Bè nhạc cụ trích từ bản nhạc

30.2.1. Dấu hóa bất thường, nét xiên và các chữ số "có gạch chéo"

Một dấu hóa bất thường bỏ nghĩa cho một con số sẽ đi trước con số mà nó tác động ngay cả khi nó đã được in phía sau con số đó. Một dấu hóa bất thường riêng biệt có các chấm 13 theo sau để tách nó khỏi các biểu tượng chữ nổi phía sau trừ khi phía sau nó là một khoảng trắng. Một dấu cộng được đại diện bằng các chấm 346 và được xử lý như là một dấu hóa bất thường. Một con số "có gạch chéo" (cho thấy rằng nó được chuyển điệu lên cao) có các chấm 56 đi trước. Một nét xiên được đại diện bởi các chấm 34 theo sau dấu báo số.

Ví dụ 30.2.1-1.

Braille notation for musical notation, followed by a musical score snippet starting at measure 16. The score is in 4/4 time, key of B-flat major, and features a piano accompaniment with chords and a bass line with fingerings.

30.2.2. Các ký hiệu đuôi nốt nhạc chỉ giá trị tiết tấu

Nếu cần phải cho biết giá trị tiết tấu của các con số hoặc cột số đi kèm với một nốt được ngân dài, các ký hiệu đuôi nốt nhạc có thể được đặt sau các con số đó hoặc sau số cuối cùng trong mỗi cột. Nếu các giá trị không được thể hiện rõ trong bản phổ thông, người chuyển đổi không được cố diễn giải chúng.

Ví dụ 30.2.2-1.

Braille notation for musical notation, followed by a musical score snippet starting at measure 15. The score is in 3/4 time, key of D major, and features a piano accompaniment with chords and a bass line with fingerings.

30.2.3. Đường nối dài

Chấm 1 đại diện cho một đường nối dài trong bản phổ thông. Khi các đường nối dài kéo dài qua các cột số, mỗi đường nối dài được đại diện bởi một chấm 1 như thể đó là một con số trong cột.

Ví dụ 30.2.3-1.

Braille notation for musical notation, showing a long note with a dot 1 indicating a long note.

30.2.4. Phần nhạc thêm vào trong khuôn nhạc có bè trầm có đánh số

Nếu các nốt khác xuất hiện trong khuôn nhạc cùng với dòng bè trầm và các con số, những nốt này nên được viết riêng, sử dụng các đoạn kẹp thay vì thể hiện chúng dưới dạng hợp âm.

Ví dụ 30.2.4-1.

30.2.5. Các ký hiệu bổ nghĩa cùng bè trầm có đánh số

Các ký hiệu có thể đôi khi xuất hiện trong một đoạn chứa bè trầm có đánh số bao gồm các liên ba, các nốt cỡ lớn, dấu lượn, nốt dựa ngắn, dấu láy rền, dấu day, staccato (tách rời tiếng), dấu nhấn và dấu nhắc lại. Việc hiểu nhầm là không thể trừ khi một trong các ký hiệu này theo ngay sau một con số hoặc cột số trong cùng một dòng chữ nổi, trong trường hợp đó, nó phải được tách riêng bằng ký hiệu :: đi trước.

Ví dụ 30.2.5-1.

30.2.6. Biểu diễn độc lập (tasto solo)

Trong một đoạn bè trầm có đánh số, khi giai điệu trầm được chơi không kèm bất cứ hợp âm đệm nào, trong bản phổ thông sẽ có chỉ dẫn "tasto solo", "chỉ cello"

hoặc chỉ dẫn nào đó có dạng giống như vậy. Phân kết thúc của đoạn nhạc được thể hiện trong bản phổ thông bằng một đường xiên trong khuôn nhạc, hoặc bằng một từ như "accomp." Chỉ dẫn bằng lời được thể hiện bằng chữ nổi bằng các cụm từ điển đạt. Đường xiên được đại diện bằng ký hiệu ⋈ trong dòng nhạc.

Ví dụ 30.2.6-1.

Ví dụ 30.2.6-2.

30.2.7. Các con số có ngoặc vuông và ngoặc tròn

Các dấu ngoặc tròn xuất hiện trong bản phổ thông được đại diện bằng các dấu ngoặc đơn âm nhạc. Khi các dấu ngoặc vuông nhỏ bao quanh một ký hiệu, các ký hiệu đặc biệt dành cho ngoặc vuông nhỏ phải được dùng trong các bản chuyển đổi y bản; trong các bản chuyển đổi lược bản, có thể sử dụng các dấu ngoặc đơn âm nhạc. (Xem Mục [1.13.2.](#))

Ví dụ 30.2.7-1.

(a) Chuyển đổi y bản

(b) Chuyển đổi lược bản

30.3. Bè trầm có đánh số theo kiểu chiều dọc

Trong cách trình bày theo chiều dọc, con số đầu tiên xuất hiện ngay dưới nốt trầm mà nó đi kèm, với các con số còn lại xếp thành một hàng dọc như cách chúng xuất hiện trong bản phổ thông, theo các quy định sau đây:

- (a) Không được dùng ký hiệu bè trầm có đánh số.
- (b) Khi nốt nhạc đi sau một phần bổ nghĩa như dấu bậc, dấu hóa bất thường, hoặc sắc thái, dấu báo số được viết dưới ký hiệu bổ nghĩa đó và bản thân con số sẽ rơi vào ô nằm ngay dưới nốt đó. Nếu nốt nhạc không có phần bổ nghĩa đi trước, dấu báo số được đặt phía bên trái của nốt, để con số được xếp dưới nốt đó. Việc nốt nào đi kèm với số nào phải hết sức rõ ràng.
- (c) Các chữ số được viết ở phần dưới của ô ngay cả ở nơi chúng không được trình bày cùng dấu báo số.
- (d) Dấu cộng được đại diện bằng các chấm 346 và được xử lý như là một dấu hóa bất thường.
- (e) Dấu báo số chỉ xuất hiện ở con số ở trên cùng của cột. Dấu báo số được dùng ngay cả khi tại đó là một dấu hóa bất thường hoặc yếu tố khác.
- (f) Một dấu hóa bất thường xuất hiện cùng với một chữ số được đặt sau chữ số đó, ngay cả nếu nó được in trước số đó.
- (g) Khi có các con số hoặc cột số liên tiếp phía dưới một nốt ngân dài, các chữ số nằm ngang trong hàng trên cùng được liên kết với nhau bằng một hoặc nhiều dấu gạch nối văn bản ∷ giữa chúng. Vì các chữ số trong các hàng phía dưới được xếp thẳng hàng theo chiều dọc, không cần chèn dấu gạch nối vào những hàng đó.
- (h) Một đường nối dài được đại diện bởi chấm 1. Nếu đó là yếu tố đầu tiên trong một cột, nó sẽ theo sau dấu báo số, cũng như bất cứ yếu tố nào khác.
- (i) Để căn chỉnh thẳng hàng, cần để lại các khoảng trắng trong dòng nhạc. Tại vị trí mà việc xếp đặt các con số theo chiều ngang để lại khoảng trống trong dòng nhạc, vạch nhịp đặc biệt ∷ có thể được dùng để phân tách các ô nhịp. (Xem Mục [1.10.2](#) về việc sử dụng ký hiệu này.) Một lựa chọn khác là dấu gạch nối âm nhạc có thể được dùng khi có hai khoảng trắng liên tiếp trở lên, việc các khoảng trắng trùng nhau theo hàng dọc trong toàn bộ các dòng được dùng cho mục đích thể hiện sự tách biệt của các ô nhịp.

(j) Không dòng nhạc nào được vượt khỏi khuôn khổ một dòng (không dùng dòng kéo dài).

(k) Một dòng trống phải được đặt vào giữa các phân đoạn hoặc đoạn song song liên tiếp.

Ví dụ 30.3-1. So sánh với Ví dụ 30.2.1-1.

Braille musical notation for Example 30.3-1, consisting of three systems of Braille notation for musical staves.

Standard musical notation for Example 30.3-1, showing a piano accompaniment with treble and bass staves. The key signature is one sharp (F#) and the time signature is 4/4. The piece starts at measure 16. Fingerings are indicated by numbers 1-5. The bass line includes a triplet of eighth notes in measure 17.

Ví dụ 30.3-2. So sánh với Ví dụ 30.2.3-1.

Braille musical notation for Example 30.3-2, consisting of two systems of Braille notation for musical staves.

Standard musical notation for Example 30.3-2, showing a single bass staff with a 3/4 time signature. The key signature is two flats (Bb, Eb). Fingerings are indicated by numbers 1-5. The notation includes a triplet of eighth notes in the second measure.

30.4. Phân tích hòa âm

Trong bản phổ thông, vì mục đích phân tích hòa âm, các chữ số La Mã thường được kết hợp với các chữ số Ả Rập và các ký hiệu khác trong một định dạng tương tự như định dạng của bè trầm có đánh số. Trong nhạc nổi, ký hiệu đầu tiên của biểu tượng hợp âm được đặt dưới nốt nó đi kèm, và các ký tự còn lại theo sau theo chiều ngang. Các khoảng trắng được đưa vào dòng nhạc khi cần thiết, và các chấm định hướng được chèn vào tại nơi có từ 7 khoảng trắng liên tiếp trở lên. Việc phân tách các ô nhịp có thể được thể hiện bằng một trong hai phương pháp, sử dụng ký hiệu vạch nhịp đặc biệt hoặc sử dụng dấu gạch nối âm nhạc. Các quy định sau đây được áp dụng:

(a) Ký tự đầu tiên của chữ số La Mã nằm ngay dưới nốt. Khi nốt nhạc theo sau một hoặc nhiều dấu bổ nghĩa như dấu bậc, dấu hóa bất thường, hoặc sắc thái, ký hiệu viết hoa hoặc dấu báo viết thường được viết dưới ô cuối cùng trước nốt.

(b) Đối với bất kỳ trường hợp nào cho thấy việc phân tích hòa âm có bao gồm những giọng khác đi cùng với giai điệu bè trầm, tất cả các quãng phải được đọc từ dưới lên. Khi bản nhạc là dành cho nhạc cụ phím, phải sử dụng ký hiệu dành cho tay phải đọc quãng từ dưới lên :::: .

(c) Chỉ ký hiệu viết hoa đơn được dùng cho bất cứ chữ số La Mã viết hoa nào. Dấu báo viết thường được dùng cho mọi chữ số La Mã viết thường.

(d) Các chữ số Ả Rập đi kèm và/hoặc các dấu hóa bất thường bổ nghĩa hoặc thay thế các chữ số theo sau chữ số Ả Rập (và bất cứ biểu tượng chen ngang nào như một vòng tròn nhỏ, một hình tam giác, hoặc một dấu cộng) không bị khoảng trắng ngăn cách, và được bắt đầu bằng một dấu báo số đơn. Một cột số được đọc từ dưới lên từ vị trí thấp nhất. Các chữ số được viết ở phần dưới của ô. Một dấu hóa bất thường sẽ đi trước chữ số mà nó ảnh hưởng trong bản nổi cho dù nó có được in sau chữ số đó. Một dấu hóa bất thường riêng lẻ có các chấm 13 theo sau để tách nó khỏi ký hiệu nối tiếp theo trừ khi theo sau nó là một khoảng trắng.

(e) Dấu ngoặc tròn trong bản phổ thông được đại diện bởi các ký hiệu dấu ngoặc đơn âm nhạc.

(f) Ký hiệu mở đầu của hóa biểu được đặt ở lề trang, theo sau dấu báo viết hoa hoặc viết thường và sử dụng ký hiệu dấu thăng hoặc giáng thích hợp, và dấu câu được viết theo bản phổ thông. Giữa hóa biểu và các hợp âm liền kề phía sau nó không cần có khoảng trắng trừ khi cần có khoảng trắng do các yếu tố khác. Hóa biểu có mặt trong một dòng nhạc được chuyển thành chữ nổi trước ký tự đầu tiên của hợp âm theo sau, thông thường là một ký hiệu viết hoa hoặc một dấu báo viết thường.

(g) Phân phân tích như "V of ii" được chuyển thành chữ nổi như trong bản phổ thông, bao gồm cả các khoảng trắng ở giữa. Các hợp âm được căn chỉnh để ký hiệu đầu tiên xuất hiện ngay dưới nốt trầm. (Xem các Ví dụ 30.4.1-2 và 30.4.2-1.)

(h) Không nên nhân đôi các quãng trừ khi tất cả các quãng đồng thời đều được nhân đôi.

(i) Giữa các đoạn song song hoặc phân đoạn liên tiếp phải có một dòng trống.

Ví dụ 30.4-1.

Amaj: V V² I⁶ ii⁷ I⁴ V⁷ vi F#min: V V² I⁶ iv I⁴ V⁷ i

Ví dụ 30.4-2.

Bb: I⁶ IV⁴ ii vi V ii⁷ V⁴ I⁶

30.4.1. Nhiều dòng in cùng một giai điệu trầm

Khi hai dòng phân tích trở lên được viết trong bản phổ thông, dòng này ở trên dòng kia, bản nổi nên bám theo bản phổ thông, đưa vào đủ các dòng chữ nổi cần

thiết. Tương tự như vậy, nếu một bè trầm đánh số và một phần phân tích hòa âm cùng có mặt trong bản phổ thông, cả hai phải cùng có mặt trong bản nổi.

Ví dụ 30.4.1-1. Nhiều dòng phân tích

Eb: I V⁷ vi
 c: i V⁷ i f: Fr ii⁴ vi IV V

Ví dụ 30.4.1-2. Bè trầm có đánh số và dòng phân tích

I⁶ ii⁵ V₃ V₅of ii ii V

30.4.2. Sử dụng bản nhạc mở dành cho phân tích hòa âm

Trong các bản trích phức tạp, chẳng hạn như những bản có các đoạn kẹp, nên trình bày theo kiểu bản nhạc mở. Các chữ số Ả Rập và các dấu hóa bất thường được chuyển thành chữ nổi trong các cột dọc nếu chúng được in theo chiều dọc. Một số lượng thích hợp các chấm 36 được dùng để đại diện cho bất cứ dòng ngang nào được in giữa các dòng nghịch đảo.

Ví dụ 30.4.2-1.

The image displays two systems of Braille notation for chords, followed by a piano score. The piano score is in G major (one sharp) and 2/4 time. The first system of Braille notation consists of two rows of chords. The second system also consists of two rows. Below the piano score, the following chord symbols are listed: I, V⁶, V⁶ of ii, V⁶ of iii, V⁷ of iii, iii, and V⁶.

30.5. Các biểu tượng phân tích trong văn bản

Khi các chữ số La Mã với vai trò là các biểu tượng phân tích xuất hiện trong một văn bản, chúng có thể được chuyển đổi thành các số La Mã bình thường. Tuy nhiên, khi chúng được kết hợp với các số Ả Rập hoặc các ký hiệu khác, các biểu tượng được kết hợp này nên được trình bày dưới dạng ký hiệu âm nhạc, sử dụng dấu báo bắt đầu ::: và kết thúc mã âm nhạc ::: như mô tả trong Mục [1.16](#).

31. ĐÀN HARP

(Bảng [25](#) và [27](#))

31.1. Ký âm tiêu chuẩn

Nhạc cho đàn harp được ký âm trên một khuông nhạc lớn và nhìn chung trông rất giống các bản nhạc dùng nhạc cụ phím. Giống như piano, khuông nhạc phía trên in các nốt chơi bằng tay phải, khuông nhạc phía dưới in các nốt chơi bằng tay trái, mặc dù nhạc cho tay này cũng có thể in trên khuông nhạc tay kia. Trong nhạc nổi, tương tự như piano, dòng trên của một đoạn song song gồm hai dòng sẽ dành cho tay phải và dòng dưới dành cho tay trái, nhưng cũng có thể xuất hiện "tay khách". Ký hiệu tay được sử dụng như trong bản chuyển đổi nhạc dùng nhạc cụ phím. Quãng và đoạn kệp được đọc từ trên xuống ở tay phải và từ

dưới lên ở tay trái. Nếu việc phân bổ cho các tay không rõ ràng thì người chuyên đổi nên chuyển đổi dựa theo bản phổ thông càng sát càng tốt.

31.1.1. Ký âm đặc biệt

Nhạc cho đàn harp thường chứa các ký hiệu không có trong nhạc cho nhạc cụ phím. Các ký hiệu phổ biến nhất được mô tả trong các mục dưới đây. Khi xuất hiện các ký hiệu lạ trong bản nhạc, cần tham khảo ý kiến của một nhạc công đàn harp, và người chuyên đổi có thể phải tự sáng tạo ra ký hiệu chữ nổi riêng để mô tả chúng.

31.2. Điều chỉnh cao độ

Tất cả những hướng dẫn về lên dây và điều chỉnh cao độ phải được ghi trong bản nhạc nổi tại vị trí chúng xuất hiện trong bản phổ thông. Những chỉ dẫn này có thể được trình bày như tên nốt, dây các tên nốt, hoặc sơ đồ Salzedo. Hướng dẫn điều chỉnh cao độ được chuyển đổi như sau:

(a) Nếu tên nốt nhạc được dùng cho hướng dẫn trong bản phổ thông thì trong bản nổi, nó được viết thành cụm từ diễn đạt. Chữ cái thể hiện tên nốt không được viết hoa, và ký hiệu ô đơn được dùng cho dấu hóa bất thường tại vị trí nó xuất hiện trong bản phổ thông, thay vì dùng ký hiệu 2 ô trong *Chữ nổi tiếng Anh thống nhất*. Ký hiệu cụm từ diễn đạt chứa một tên nốt đơn lẻ phải được kết thúc bằng một chấm 3. Nếu ký hiệu đó chứa một dãy các tên nốt thì danh sách tên nốt được chuyển đổi thành một cụm từ diễn đạt dài; các tên nốt cách nhau bằng những khoảng trắng; bất kỳ dấu phẩy nào cũng được lược bỏ; một chấm 3 kết thúc được đặt ngay sau tên nốt cuối cùng.

(b) Một đoạn nhắc lại toàn ô nhịp, một phần ô nhịp hoặc đoạn nhạc không bao gồm ký hiệu điều chỉnh cao độ xuất hiện cuối đoạn gốc.

(c) Điều chỉnh cao độ được mô tả ở phần mở đầu bản nhạc nên được đặt giữa các ký hiệu báo từ trên một dòng tự do phía trên dòng cho tay phải, bắt đầu tại vị trí cách hai ô về bên phải của ký hiệu tay. Nếu có cụm từ diễn đạt xuất hiện ở cùng vị trí thì ký hiệu điều chỉnh cao độ có thể được viết trên dòng đó trước cụm từ diễn đạt còn lại. Nếu không đủ chỗ cho cả hai cụm từ diễn đạt, ký hiệu điều chỉnh cao độ nên được đặt trên một dòng tự do được thêm vào phía trên cụm từ diễn đạt còn lại.

(d) Trong bản phổ thông, nếu một điều chỉnh chứa một tên nốt nhạc đơn lẻ được in ở đầu một ô nhịp thì nó được tùy ý viết trong bản nổi ở cuối ô nhịp đứng trước nếu còn chỗ.

31.2.1. Điều chỉnh cao độ bằng cần gạt

Với loại đàn harp dùng cần gạt (lever harps), việc thay đổi cao độ của một dây trong khi biểu diễn được viết thành các chỉ dẫn như "middle G#" (Son Thẳng trưởng) or "low Bb" (Si giáng). Những chỉ dẫn này được đặt tại vị trí xuất hiện điều chỉnh cao độ, thường ưa đặt trên dòng nhạc dành cho tay trái vì các cần gạt nằm ở bên trái đàn harp. Trong bản nhạc cũng có thể có vị trí điều chỉnh cao độ rõ ràng, như một dấu lặng hoặc một nốt nhạc có trường độ dài trong phần nhạc dành cho tay trái sẽ chỉ ra khi nào phải di chuyển cần gạt. Cụm từ diễn đạt nên được viết ngay sau nốt đó hoặc trước dấu lặng đó trong bản nổi. Nếu có sự mơ hồ về ý định của tác giả, cụm từ diễn đạt nên được đặt ở dòng nhạc dành cho tay trái càng gần với vị trí như trong bản phổ thông càng tốt.

Ví dụ 31.2.1-1.

Lever harps: Set high E \sharp before starting to play.

Ví dụ 31.2.1-2.

31.2.2. Điều chỉnh cao độ bằng bàn đạp

Với loại đàn harp dùng bàn đạp (pedal harps), tất cả các nốt có cùng tên bằng chữ cái ở tất cả các bậc được thay đổi cùng lúc bằng cách điều chỉnh bàn đạp thích hợp. Vì vậy, các thay đổi về cao độ thường được ghi đơn giản bằng cách viết tên nốt với một dấu hóa. Ký hiệu này được đặt tại vị trí càng gần với vị trí trong bản phổ thông càng tốt. Tuy nhiên, cần cẩn trọng để tránh đặt dấu chỉ thay

đôi bàn đạp trước vị trí xuất hiện cuối cùng của cao độ nốt được thay đổi, ở bất kỳ bậc nào.

Ví dụ 31.2.2-1.

(D# C# B# E# F# G# A#) G# E# A# E#

31.2.3. Sơ đồ bàn đạp

Một sơ đồ Salzedo (sơ đồ bàn đạp) cho biết vị trí của 7 bàn đạp từ trái qua phải, được mô tả bằng một đường kẻ ngang cắt một đường kẻ dọc, chia thành bàn đạp chân trái (Rê, Đô và Si) và bàn đạp chân phải (Mi, Fa, Son và La). Một dấu chỉ xuyên qua đường kẻ ngang chỉ nốt bình, dấu nằm phía trên đường kẻ ngang chỉ nốt giáng và dấu phía dưới chỉ nốt thăng. Trong bản nổi, tiền tố :: dùng giới thiệu sơ đồ và luôn được xử lý như một cụm từ diễn đạt. Vị trí 7 bàn đạp theo thứ tự liên tiếp từ trái sang phải; vị trí cao được mô tả bằng chấm 12, vị trí giao nhau là chấm 2 và vị trí thấp là chấm 23. Đường kẻ dọc chia sơ đồ thành hai bên trái và phải được mô tả bằng chấm 123. Chấm 3 luôn đứng sau dấu chỉ bàn đạp cuối cùng và cũng là dấu kết thúc. Trong những bản chuyên đổi chứa sơ đồ bàn đạp, tiền tố cho sơ đồ và mô tả cách sử dụng nó phải được ghi trong trang chú thích của người chuyên đổi ở mỗi chương mà nó xuất hiện. Cũng có thể gặp thay đổi sau:

(a) Sơ đồ có thể được in bằng những dấu đen đậm nhằm đại diện cho những bàn đạp thay đổi và dấu trắng nhằm chỉ bàn đạp không bị thay đổi. Dấu trắng được chuyển đổi thành chấm 13 tại vị trí giữ nguyên bàn đạp.

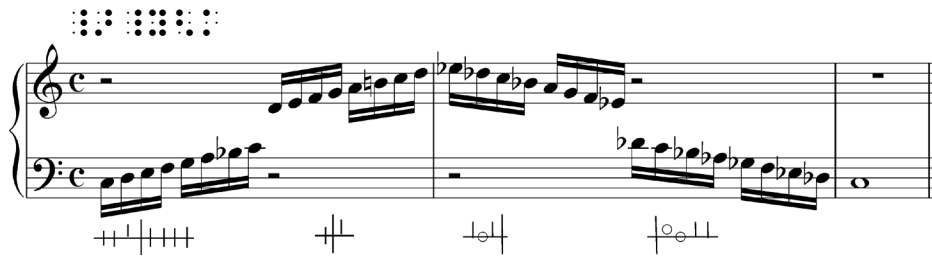
(b) Sơ đồ bán phần có thể là sơ đồ chỉ chứa những bàn đạp được thay đổi hoặc chỉ cho thấy một vài trong số 7 bàn đạp. Một ô chứa chấm 123 chia bàn đạp thành hai bên trái và phải cũng có thể dùng để chỉ bàn đạp nào sẽ thay đổi. Nếu có bất kỳ sự mơ hồ nào, thì toàn bộ 7 bàn đạp phải được ghi ra, và chấm 13 dùng đại diện cho các bàn đạp còn thiếu.

(c) Đôi khi nên điều chỉnh cách sắp xếp các ô nhịp để sơ đồ bàn đạp có thể được đặt trên một dòng tự do phía trên dòng nhạc cho tay phải ở đầu một đoạn song song mới để không phải cắt ngang tính liên tục về tiết tấu của bản nhạc.

Ví dụ 31.2.3-1.

Ví dụ 31.2.3-2.

Ví dụ 31.2.3-3.



31.3. Kỹ thuật chặn dây

Ký hiệu $\text{::}\text{::}$ và $\text{::}\text{::}$ theo thứ tự được dùng để mô tả dây bị chặn và không bị chặn. Đây cũng là những ký hiệu được dùng trong nhạc piano chỉ thao tác nhả pedal (chặn) và nhấn pedal (không chặn). Lưu ý rằng đàn piano khi chơi bình thường sẽ chặn dây còn đàn harp thì không chặn dây. Trong nhạc cho đàn harp, thao tác chặn dây (chặn độ rung của dây) thường được mô tả trong bản phổ thông bằng một dấu chữ thập có hình tròn bao quanh. (Cách dùng dấu này phải rõ ràng để không nhầm lẫn với dấu coda trong phương pháp lặp lại bằng ký hiệu D.C. và D.S.). Biểu tượng này có thể đi kèm với từ tiếng Pháp "étouffer," hoặc chỉ dùng từ này mà không cần biểu tượng. Từ này được chuyển đổi thành một cụm từ diễn đạt đặt tại vị trí nó xuất hiện. Ký hiệu $\text{::}\text{::}$ dùng mô tả biểu tượng chữ thập có hình tròn bao quanh, bắt buộc cho bất kỳ trường hợp nào, một số trường hợp được minh họa trong các Mục [31.3.1–31.3.7](#). Có thể áp dụng một số nguyên tắc sau đây:

(a) Nếu có ghi rõ ngón đàn thực hiện kỹ thuật chặn dây thì ký hiệu ngón phải được ghi ngay sau ký hiệu chặn dây.

(b) Các nốt liên quan có thể được viết như những nốt có giá trị tiết tấu, như các nốt nhỏ hoặc như các đầu nốt không có đuôi (không được cộng vào giá trị tiết tấu trong ô nhịp); đôi khi người chuyên đổi cần thêm vào các dấu lặng (đứng trước là chấm 5) nếu nốt không có giá trị nằm trong khoảng trống được chia thành ô nhịp ở bản phổ thông.

(c) Khi ký hiệu chặn dây được viết trước hoặc đồng thời với dấu lặng trong bản phổ thông (dù có xuất hiện rõ ràng hay chỉ được ngầm ám chỉ) thì trong bản nổi được viết trước dấu lặng.

31.3.1. Chặn một hợp âm hoặc một dây đơn lẻ

Ký hiệu chặn được đặt trước nốt hoặc hợp âm có giá trị tiết tấu được chặn. Tuy nhiên, nếu ký hiệu chặn được đặt trong bản phổ thông một cách rõ ràng nhằm chỉ ra rằng nốt hoặc hợp âm đó sẽ bị chặn sau khi được chơi thì ký hiệu bổ sung $\text{::}\text{::}$ sẽ được đặt ngay sau nốt trong bản nổi.

Ví dụ 31.3.1-1.

Ví dụ 31.3.1-2.

31.3.2. Chặn toàn bộ dây

Ký hiệu chữ thập có hình tròn bao quanh có thể được viết 2 lần, hoặc có thể gắn với một hình tròn lớn hơn để chỉ thao tác chặn tất cả các âm. Trong bản nổi thì ký hiệu chặn tất cả các dây sẽ được viết 2 lần liên tiếp.

Ví dụ 31.3.2-1.

31.3.3. Chặn tất cả các dây từ một cao độ cho sẵn trở xuống

Để mô tả toàn bộ dây dưới một nốt cụ thể nào đó bị chặn thì 2 chữ thập có hình tròn bao quanh sẽ được viết theo hàng dọc dưới nốt đó trong bản phổ thông. Cách này có thể được dùng cho các nốt có giá trị tiết tấu bình thường, nốt nhỏ hoặc đầu nốt khuyết đuôi. Ký hiệu $\circ \circ$ mô tả kỹ thuật này được đặt trước nốt trong bản nổi.

Ví dụ 31.3.3-1.

Ví dụ 31.3.3-2.



31.3.4. Chặn một dãy các nốt liền kề nhau

Một dãy các nốt bị chặn được ghi trong bản phổ thông bằng các đầu nốt nằm ngoài cao độ trong phần bị chặn, được liên kết bằng các ký hiệu hình ảnh gắn với dấu chữ thập đặt trong hình tròn. Ký hiệu chặn này theo sau nốt cuối cùng vang lên trong phần chặn. Cặp cao độ đầu tiên, đứng trước là ký hiệu đầu nốt khuyết đuôi, đứng sau ký hiệu chặn, và cặp cao độ tiếp theo được mô tả bằng ký hiệu quãng thích hợp, với một dấu bậc nếu cần. Quãng được đọc theo hướng xuống cho tay phải và hướng lên cho tay trái. Trong bản nổi, ký hiệu này nên đứng trước dấu lặng nếu nó được viết trong bản phổ thông hoặc cần thêm vào bởi người chuyển đổi.

Ví dụ 31.3.4-1.

31.3.5. Chặn các cao độ chọn lọc

Khi chỉ dùng kỹ thuật chặn cho vài dây, nốt được chặn có thể liên kết với dấu chữ thập đặt trong hình tròn như một hợp âm hoặc như những nốt đơn kết hợp bằng các ký hiệu hình ảnh. Nếu những nốt được chặn đó được mô tả như một hợp âm thì ký hiệu chặn phải được viết cho nốt đó và cho mỗi quãng. Nếu ký hiệu hình ảnh ngầm chỉ ra những dây sẽ được chặn theo một thứ tự cụ thể thì ô thứ 2 của ký hiệu chặn trong bản nổi có thể được nhân đôi trước nốt đầu tiên và ký hiệu 2 ô được viết trước nốt cuối.

Ví dụ 31.3.5-1.

The image shows a musical score for a guitar in 3/4 time. The notation includes a treble clef, a key signature of one flat (B-flat), and a 3/4 time signature. The music consists of two measures. The first measure shows a chord with a circled cross symbol above it, indicating a specific muting technique. The second measure shows a melodic line with a circled cross symbol above it, indicating a specific muting technique. Above the notation, there are several lines of Braille notation representing the musical score.

31.3.6. Hoãn chặn

Đôi khi sẽ có một đường kẻ kéo dài từ một dây cụ thể đến dấu chữ thập ở phía sau, tại vị trí mà dây sẽ bị chặn. Ký hiệu \circ đứng trước nốt nhạc nơi dòng kẻ bắt đầu. Ký hiệu chặn được đặt tại vị trí nó xuất hiện.

Ví dụ 31.3.6-1.

The image shows a musical score for a guitar in 4/4 time. The notation includes a treble clef, a key signature of two flats (B-flat and E-flat), and a 4/4 time signature. The music consists of two measures. The first measure shows a chord with a circled cross symbol above it, indicating a specific muting technique. The second measure shows a melodic line with a circled cross symbol above it, indicating a specific muting technique. Above the notation, there are several lines of Braille notation representing the musical score.

31.3.7. Chặn các nốt liên tiếp nhau

Một đường nối dài theo sau ký hiệu chặn trong bản phổ thông có thể nhằm chỉ thao tác chặn các nốt liên tiếp nhau. Trong bản nổi, đường này được mô tả bằng hai chấm 3, đứng sau ký hiệu chặn. Ký hiệu $\text{::} \text{::}$ theo sau nốt chặn cuối cùng.

Ví dụ 31.3.7-1.

The image shows a musical score for a piano. The key signature has one sharp (F#) and the time signature is 6/8. The melody consists of several chords and single notes. A long horizontal line is drawn above the notes, indicating a sustained or blocked effect. Above the staff, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes and the sustained effect.

31.4. Ký hiệu đặc biệt cho kỹ thuật dùng móng tay

Biểu tượng hình trăng khuyết đôi khi được mô tả trong bản phổ thông khi dùng móng tay gảy đàn thay vì dùng phần thịt đầu ngón tay. Ký hiệu cho biểu tượng này trong bản nổi là chữ n đứng sau một ký hiệu báo từ và đứng trước nốt, được xem như là một cụm từ diễn đạt.

Ví dụ 31.4-1.

The image shows a musical score for a piano. The key signature has two sharps (F# and C#) and the time signature is 4/4. The melody consists of several notes, some with a crescent moon symbol above them, indicating a fingering technique. The score is marked with p and pp . Above the staff, there are two lines of Braille notation corresponding to the notes and the fingering technique.

32. ĐÀN ACCORDION

(Bảng [25](#) và [28](#))

32.1. Ký âm accordion

Có nhiều kích cỡ và mẫu đàn accordion hay concertina khác nhau, cũng như các hệ thống ký âm khác nhau dành cho chúng trong bản phổ thông. Tài liệu này hiện chỉ có thể nêu ra nhưng nguyên tắc cơ bản trong ký âm chữ nổi cho các nhạc cụ này. Người chuyển đổi phải thực hiện những điều chỉnh cho các trường hợp đặc biệt và thêm lời giải thích rõ ràng trong các bản chuyển đổi. Hệ thống ký âm trình bày ở đây được điều chỉnh cho phù hợp với đàn piano accordion – loại đàn có bàn phím tương tự piano ở tay phải và 6 hàng nút ở tay trái. Các bản nhạc cho loại nhạc cụ này được in trên khuông nhạc lớn và được chuyển đổi thành chữ nổi bằng định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp. Khuông nhạc bên trên chứa phần nhạc cho tay phải và được chuyển đổi thành dòng đầu tiên trong đoạn song song, hoàn toàn giống với nhạc cho piano, được chỉ ra bằng ký hiệu tay phải. Khuông nhạc bên dưới chứa phần nhạc cho tay trái, và được chuyển đổi thành dòng thứ hai trong đoạn song song, như mô tả trong các mục sau đây của chương này. Các ký hiệu chỉ mang ý nghĩa đặc biệt khi đoạn nhạc có ký hiệu ký âm hàng nút $\text{::}\text{::}$ đứng trước. Ký hiệu ký âm hàng nút cũng được xem như ký hiệu tay.

32.1.1. Bàn phím tay trái và các nút hợp âm

Trong bản phổ thông, các nốt của bàn phím (2 hàng nút đầu tiên) xuất hiện trong phần dưới của khuông nhạc và có đuôi nốt hướng lên. Các nốt cho hợp âm (4 hàng nút còn lại) xuất hiện trong phần trên của khuông nhạc và có đuôi nốt hướng xuống. Đối với đàn accordion có 6 hàng nút đang được dùng để minh họa trong tài liệu này, các nút của hàng 3 dùng cho hợp âm trưởng, hàng 4 cho hợp âm thứ, hàng 5 cho hợp âm 7 át và hàng 6 cho hợp âm 7 giảm. Bất kỳ nốt nào cho tay trái, dù nằm ở vị trí nào trên khuông nhạc, đều chỉ có thể chơi bằng một nút. Vì lý do này, các dấu bậc trở nên không cần thiết, và các ký hiệu bậc được dùng để đánh số cho các hàng nút. Ký hiệu hàng nút đứng liền trước các nốt và không được có bất kỳ ký hiệu nào khác xen giữa. Ký hiệu hàng nút vẫn còn hiệu lực cho đến khi có ký hiệu hàng nút khác. Một ký hiệu hàng nút đang có hiệu lực phải được viết lại ở đầu dòng chữ nổi mới hoặc khi nó theo sau một yếu tố cắt ngang ví dụ như ký hiệu nhắc lại bằng số thứ tự ô nhịp trong chữ nổi. Các nốt và dấu lặng đương nhiên được viết theo cách thông thường. Ví dụ 32.1.1-1 thể hiện một giai điệu trên tay phải cùng thao tác luân phiên các nốt trầm và hợp âm trên tay trái.

Ví dụ 32.1.1-1.



Musical score for piano in 4/4 time. The right hand has a melodic line with a slur over the first two measures. The left hand has a bass line with chords marked 'M' and '7'.

32.1.2. Nút hợp âm trình bày giống quãng

Khi các nốt cho hợp âm đứng bên trên bè trầm có cùng giá trị thời gian, tức là được chơi đồng thời với chúng, các nốt hợp âm này có thể được viết như các quãng có ký hiệu hợp âm tương ứng đứng trước. Trong trường hợp này, mỗi ký hiệu hợp âm chỉ áp dụng cho một quãng. Có thể nhân đôi các quãng, nhưng đoạn nhân đôi phải bị gián đoạn trước một sự thay đổi về hàng nút.

Ví dụ 32.1.2-1.

Musical score for bass in 3/8 time. The notes are marked with 'M' and 'm' above them, indicating chords. Braille notation is provided above the staff.

Ví dụ 32.1.2-2.

Musical score for piano in 6/8 time. The right hand has a melodic line with a slur. The left hand has a bass line with chords marked 'M' and 'm'. Braille notation is provided above the staff.

32.1.3. Ký hiệu nút cùng với biểu tượng hợp âm

Các biểu tượng hợp âm và ký âm cho accordion đôi khi được in kết hợp trong cùng một bản nhạc. Trong bản nổi, các biểu tượng hợp âm được căn chỉnh phía dưới các nốt mà nó đi kèm. Biểu tượng hợp âm xác định số hàng nút dùng cho hợp âm.

Ví dụ 32.1.3-1.

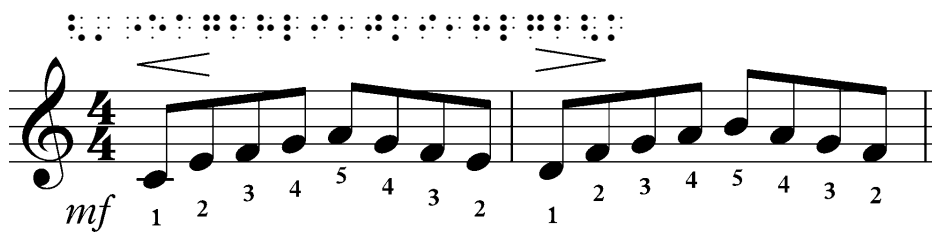
32.1.4. Ký hiệu ngón

Ký hiệu ngón có thể được in cùng với các nốt chơi bằng nút trên tay trái cũng như nốt chơi bằng bàn phím trên tay phải. Ký hiệu ngón được trình bày như trong nhạc cho nhạc cụ phím, theo ngay sau các nốt hoặc quãng mà nó áp dụng. (Xem Ví dụ 32.1.5-1.)

32.1.5. Đệm bè trầm solo

Khi trong bản phổ thông có một chỉ dẫn, chẳng hạn như "chỉ bè trầm" (only bass) hoặc một từ viết tắt như "B.S." (bass solo) để chỉ ra rằng đoạn nhạc trầm sẽ được chơi không có hợp âm, ký hiệu viết tắt $\text{::} \text{:} \text{:} \text{:}$ được thêm vào bản nổi. Thông thường, việc quay lại sử dụng ký hiệu chỉ nút trên hàng nút hợp âm là đủ để báo hiệu kết thúc đoạn solo. Nếu có bất kỳ sự mơ hồ nào về điểm kết thúc, nên thêm ký hiệu ký âm hàng nút $\text{::} \text{:} \text{:}$.

Ví dụ 32.1.5-1.



32.4. Âm vực

Các từ hay từ viết tắt về âm vực được chuyển đổi thành nhạc nổi bằng các ký hiệu viết tắt trong Bảng 28 tại vị trí mà chúng xuất hiện trong bản phổ thông. Ký hiệu âm vực thể hiện bằng các chấm bên trong một vòng tròn được đặt trực tiếp trong dòng nhạc và liền sau là ký tự âm nhạc tiếp theo. Nếu xuất hiện biểu tượng âm vực không được minh họa trong Bảng 28, người chuyển đổi nên đặt ra các ký hiệu nhạc nổi tương tự và mô tả trong phần ghi chú.

Ví dụ 32.4-1.

33. BẢN NHẠC CHO NHÓM ĐỒNG DIỄN NHẠC CỤ

(Bảng 29)

33.1. Ứng dụng của định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp

Một bản nhạc cho đồng diễn nhạc cụ, bao gồm cả dàn nhạc và ban nhạc, áp dụng các nguyên tắc cơ bản cho định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp như mô tả trong Chương 28. Nó được chuyển đổi như một bản nhạc cô đọng, mỗi đoạn song song chỉ chứa phần nhạc của nhạc cụ được chơi trong các ô nhịp của đoạn. Nhạc cụ nào nghỉ trong các ô nhịp đó thì được lược bỏ khỏi đoạn song song. Do đó, số lượng dòng trong một đoạn song song có thể thay đổi từ một dòng đến nhiều dòng. Bản nổi luôn sử dụng định dạng này dù cho bản phổ thông là một bản nhạc đầy đủ có trình bày tất cả các dấu lặng ở tất cả các bè, hay là một bản nhạc cô đọng hay thu nhỏ chỉ có các bè được chơi trình bày trên các hệ thống khác nhau. Thông thường người chuyển đổi cần thực hiện những điều chỉnh và thêm

thất cho các hướng dẫn và quy tắc sau đây, nhưng phải luôn dựa trên các nguyên tắc được nêu ra trong chương này.

33.2. Danh sách các nhạc cụ

Ngay sau tựa đề, có một bảng gồm 2 cột liệt kê tất cả những nhạc cụ dùng trong bản nhạc. Trong cột đầu tiên, tên gọi các nhạc cụ xuất hiện theo thứ tự như đã in trên trang đầu tiên của bản nhạc phổ thông, dù chúng chứa các nốt nhạc hay dấu lặng (được chơi hay nghỉ) trong các ô nhịp đó. Cột tên gọi này chứa tất cả các thông được in trên trang đầu tiên của bản nhạc phổ thông, bao gồm hóa biểu của những nhạc cụ chuyển vị (nhạc cụ di tông). Cột thứ hai được căn trái, bắt đầu từ vị trí cách 2 ô so với ô cuối cùng của tên dài nhất, liệt kê các cụm từ viết tắt được dùng để chỉ những nhạc cụ này trong bản chuyển đổi. Áp dụng các điều kiện sau đây:

(a) Không sử dụng chữ nổi viết tắt.

(b) Khi ngôn ngữ trong bản nhạc là tiếng Anh thì sử dụng các ký hiệu của UEB cho dấu hóa và ký hiệu bổ sung chữ cái. Các chữ cái có dấu trong bản nhạc sử dụng ngôn ngữ khác tiếng Anh được chuyển thành chữ nổi cùng các ký tự cho những biểu tượng đó trong ngôn ngữ đó.

(c) Dòng ghi tên nhạc cụ có thể kéo dài sang dòng thứ hai, nếu cần, thụt vào đến ô chữ nổi thứ 3, hoặc thứ 5 nếu có hai nhạc cụ cùng tên trên các khuôn nhạc riêng biệt trở lên.

(d) Thêm hai hay nhiều chấm 5 định hướng để lấp đầy chiều rộng của cột khi một tên gọi kết thúc cách ô cuối cùng của tên dài nhất từ 3 ô trở lên. Một khoảng trắng xen giữa sẽ tách biệt phần cuối của tên gọi và phần đầu của chấm định hướng.

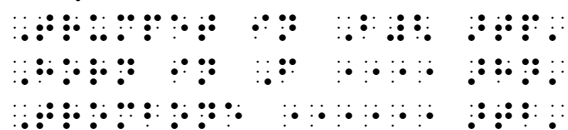
(e) Nếu trang chữ nổi đầu tiên không đủ chỗ ghi hết tựa đề, bảng liệt kê nhạc cụ, tiêu đề chỉ dẫn có dòng trống đứng trước, và đoạn song song hoàn chỉnh đầu tiên của bản nhạc, thì tiêu đề chỉ dẫn và đoạn song song đầu tiên phải bắt đầu trên trang tiếp theo.

33.2.1. Viết tắt tên nhạc cụ

Danh sách viết tắt tên tiếng Anh, Pháp, Ý, Đức của các nhạc cụ thường gặp trong dàn nhạc được liệt kê trong Bảng 29. Tất cả các ví dụ sau đây đều sử dụng tên và tên viết tắt bằng tiếng Anh. Người chuyển đổi thường sẽ cần phải đặt ra tên viết tắt cho những nhạc cụ không có trong Bảng 29, và những từ viết tắt này nên được giới hạn trong 2 hoặc 3 chữ cái có thể gợi nhớ đến tên nhạc cụ ngay

lập tức (ví dụ, viết tắt "glo" cho "glockenspiel" (đàn chuông), "tt" cho "tam-tam" (chiêng gió Trung Quốc), v.v...).

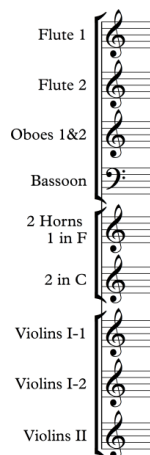
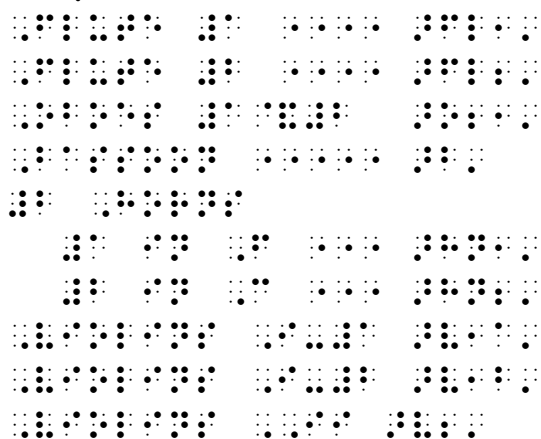
Ví dụ 33.2.1-1.



33.2.2. Đánh số nằm trong từ viết tắt

Khi có nhiều nhạc cụ cùng tên trong danh sách và các nhạc cụ này được đánh số, các số thứ tự được viết với vai trò là một phần của tên viết tắt, giống như một con số ở phần dưới của ô chữ nổi và không có dấu báo số, trước chấm 3 dùng kết thúc tên viết tắt. Khi hai bè trở lên của các nhạc cụ giống nhau được kết hợp trong khung nhạc, số thứ tự được viết trong tên viết tắt theo thứ tự từ lớn đến bé. Vì vậy, các số được viết từ bé thấp nhất đến cao nhất, theo cùng trật tự xuất hiện của các bè trong quãng hoặc đoạn kẹp trong bản nhạc. (Xem Mục [33.4.2](#) và tên kèn "Oboes 1&2" trong Ví dụ bên dưới.) Đôi khi một bè đã đánh số có thể được chia thành những phần nhỏ hơn; trong trường hợp đó, số thứ hai được viết như một con số ở phần trên của ô chữ nổi, không có dấu báo số và đặt trước chấm 3. (Xem "Violins I-1" và "Violins I-2" trong Ví dụ bên dưới.)

Ví dụ 33.2.2-1.



33.2.3. Các nhạc cụ dùng nhiều khung nhạc

Khi bản nhạc có một số nhạc cụ như piano, organ hoặc đàn harp, là những nhạc cụ được viết trên hai khung nhạc trở lên và do đó cần có đoạn song song chứa hai dòng trở lên, mỗi bè của mỗi tay được xem như một nhạc cụ riêng biệt và không áp dụng các quy tắc cho nhạc cụ phím thông thường. (Xem Mục [33.4.2](#) và Ví dụ [33.7-1](#).) Trong bản nhạc, có thể viết các ký hiệu tay nhưng không bắt buộc, trừ khi có đôi tay.

33.3. Cách bố trí trang giấy

Không cần chừa dòng trống bên dưới dòng nhan đề trên cùng của trang chữ nổi, hoặc giữa tiêu đề chỉ dẫn và dòng đầu tiên của bài nhạc hoặc một dòng tự do có chứa chữ. Luôn luôn phải chừa một dòng trống phía trên tiêu đề chỉ dẫn trừ khi nó nằm ở đầu trang chữ nổi theo ngay sau dòng nhan đề. Khi có hai đoạn song song trở lên trên một trang giấy, mỗi đoạn song song liên tiếp được theo trước bởi ít nhất hai dòng tự do. Dòng đầu tiên của những dòng này phải để trống; dòng thứ hai và những dòng sau (nếu có), có thể chứa tiêu đề đoạn, các ký hiệu đánh dấu cho diễn tập, số thứ tự ô nhịp, và/hoặc các cụm từ diễn đạt dài. Mỗi đoạn song song phải hoàn chỉnh trên trang chữ nổi mà nó bắt đầu. Tuy nhiên, nếu có quá nhiều bè trong đoạn và không thể viết hết trên một trang, đoạn song song có thể bắt đầu ở đầu trang bên trái và kết thúc ở trang đối diện bên phải. Nếu có thể, điểm phân chia phải được đặt giữa các nhóm nhạc cụ có liên quan với nhau, và số dòng trên hai trang phải gần bằng nhau.

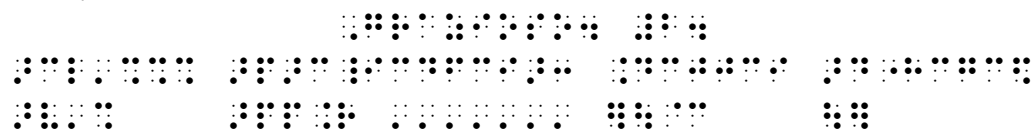
33.4. Đoạn song song

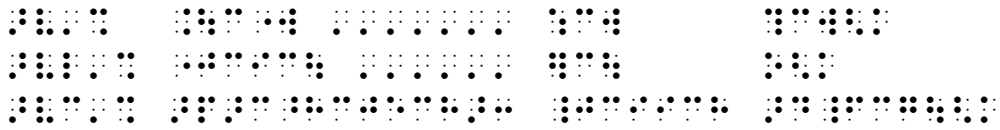
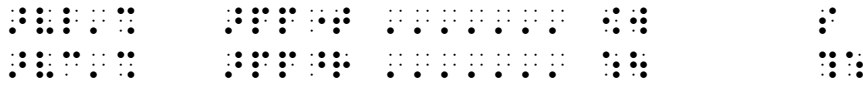
Mỗi dòng nhạc của đoạn song song (trừ dòng kéo dài, như mô tả trong Mục [33.4.7](#)) bắt đầu ở lề trang bằng tên viết tắt của nhạc cụ, bao gồm cả hóa biểu nếu cần. Phần nhạc của mỗi dòng bắt đầu ở vị trí cách 1 khoảng trắng so với điểm cuối cùng của tên dài nhất, bao gồm cả hóa biểu nếu cần. Không cần cố gắng loại trừ các dấu chỉ cường độ hoặc cụm từ diễn đạt khác ra khỏi phần căn chỉnh. Nếu đoạn song song chứa nhiều hơn một ô nhịp, các ký hiệu đầu tiên của các ô nhịp được căn chỉnh theo chiều dọc trong mọi bè, có các chấm định hướng được thêm vào tại những chỗ có hơn 6 ô trống. Nốt đầu tiên của mỗi dòng chữ nổi phải có một dấu bậc; tuy nhiên, các nốt đầu tiên của các ô nhịp liên tiếp trong dòng thì không cần dấu bậc đặc biệt, vốn là dấu bắt buộc phải viết trong nhạc cho nhạc cụ phím.

33.4.1. Hóa biểu

Nếu tất cả các bè trong bản nhạc có cùng hóa biểu, hóa biểu được viết như bình thường trong hóa biểu kết hợp như một phần của tiêu đề chỉ dẫn. Tuy nhiên, nếu không phải tất cả các bè đều có cùng hóa biểu, nó được lược bỏ khỏi tiêu đề chỉ dẫn, và hóa biểu tương ứng được thêm vào tên viết tắt của nhạc cụ ở đầu mỗi dòng nhạc trong mỗi đoạn song song. Hóa biểu đứng liền sau chấm 3 kết thúc tên viết tắt.

Ví dụ 33.4.1-1.





Grazioso

Clarinet in B \flat

Violin

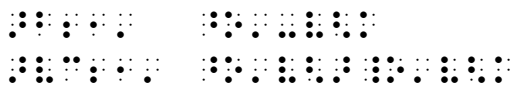
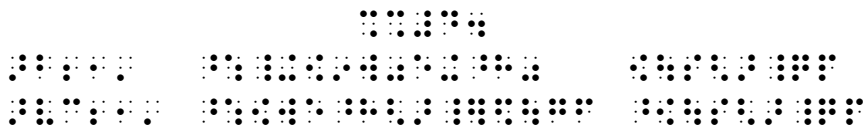
Viola

Violoncello

33.4.2. Quãng và đoạn kẹp

Các quãng và các đoạn kẹp được đọc theo hướng đi lên trong mọi bè. Ký hiệu quãng trong nhạc nổi nên được dùng tự do, trừ khi dùng trong các bè phân chia cho nhạc cụ dây. Trong nhạc cho nhạc cụ dây, các quãng nhạc nổi phải được dành cho các đoạn chơi 2, 3 hoặc 4 dây cùng lúc (double, triple hay quadruple stops); ngoại lệ duy nhất của giới hạn này là khi có đoạn phân chia trong các quãng tám (bậc). Giới hạn đặc biệt về quãng trong các bè nhạc cụ dây được minh họa trong các ví dụ dưới đây.

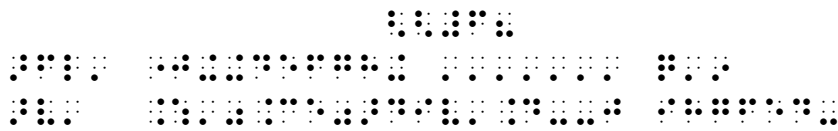
Ví dụ 33.4.2-1.



Bassoons

Cellos

Ví dụ 33.4.2-2.



Flutes

Violins

Musical score for Flutes and Violins. The Flutes part is in treble clef, 6/8 time, and the Violins part is in treble clef, 6/8 time. The key signature has one flat (B-flat). The Flutes part starts with a series of eighth notes and rests. The Violins part starts with a dotted quarter note followed by eighth notes, with a *div.* marking above the first measure.

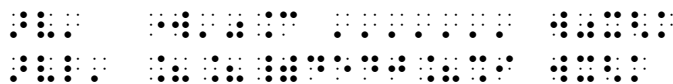
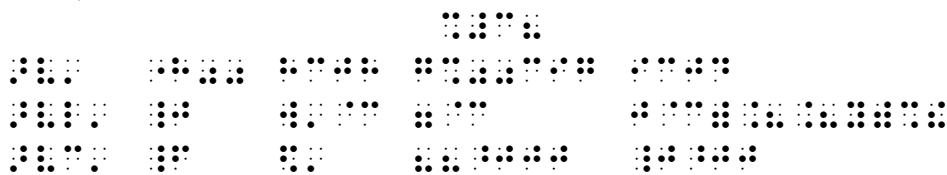
33.4.3. Ký hiệu nhắc lại trong nhạc nổi

Có thể dùng các ký hiệu nhắc lại toàn phần hay một phần ô nhịp rất rõ ràng khi chúng xuất hiện trên cùng dòng nhạc nổi với đoạn nhạc gốc. Không sử dụng ký hiệu nhắc lại bằng số đếm. Các dấu D.C. và D.S. có thể được áp dụng cho các đoạn nhắc lại lớn khi tất cả các chi tiết của những đoạn nhạc chịu ảnh hưởng của chúng là giống nhau.

33.4.4. Nhân đôi ký hiệu nhạc nổi

Tất cả các đoạn nhân đôi đang có hiệu lực ở cuối một đoạn song song phải kết thúc và được viết lại ở đầu đoạn song song tiếp theo.

Ví dụ 33.4.4-1.



The image shows a musical score for three instruments: Violin, Viola, and Violoncello. The music is in 3/8 time and has a key signature of one sharp (F#). A long slur is placed over the first four measures of the piece, indicating a long note or a phrase that spans across these measures. The Violin part is in the treble clef, the Viola in the alto clef, and the Violoncello in the bass clef.

33.4.5. Vị trí đặt cụm từ diễn đạt dài

Các cụm từ diễn đạt dài thông thường sẽ được đặt ở dòng tự do phía trên các dòng nhạc mà chúng chỉ đến. Nếu một cụm từ diễn đạt không xuất hiện ở đầu đoạn song song, có thể viết ở phía trên ô nhịp mà nó áp dụng, hoặc ngay giữa ô nhịp nếu trong bản phổ thông cũng viết như vậy. Không có quy định không được viết cụm từ diễn đạt dài trong dòng nhạc; tuy nhiên, phải đảm bảo căn chỉnh các ký hiệu đầu tiên của ô nhịp theo chiều dọc. Với một cụm từ diễn đạt quá dài đến không thể viết hết trên một dòng tự do, có thể viết tắt miễn là vẫn rõ nghĩa, hoặc có thể mở rộng nó đến đoạn song song tiếp theo, phân chia từ đứng ở cuối dòng nếu cần. Trong một đoạn song song:

- (a) Một cụm từ diễn đạt tác động đến tất cả các bè có thể được viết ở dòng tự do phía trên bè chịu tác động trên cùng, đặt giữa các ký hiệu báo từ.
- (b) Một cụm từ diễn đạt chỉ tác động đến một dòng nhạc có thể được đặt giữa các ký hiệu báo từ trong một dòng tự do phía trên dòng nhạc đó. Khi dòng nhạc đó là dòng đầu tiên của đoạn song song, tên viết tắt của nhạc cụ được viết trước và không có ký hiệu báo từ, có một khoảng trắng ngăn cách tên viết tắt với cụm từ diễn đạt.
- (c) Một cụm từ diễn đạt tác động đến các phần phụ liên tiếp của các bè có thể được đặt giữa các ký hiệu báo từ phía trên bè chịu tác động trên cùng. Tên viết tắt của các nhạc cụ được viết trước và không có ký hiệu báo từ, có một khoảng trắng ngăn cách danh sách tên viết tắt với cụm từ diễn đạt.

Ví dụ 33.4.5-1.

The image shows a musical notation example with a long slur above the staff. The notation includes various symbols for notes, rests, and slurs, demonstrating how a long phrase is represented in musical notation across multiple measures.

Braille notation for the first system of music.

Violin *rit. e dim.*

Viola *rit. e dim.*

Violoncello *rit. e dim.*

Ví dụ 33.4.5-2.

Braille notation for the second system of music.

Violin

Viola

Violoncello *rilevato e ruvido*

Ví dụ 33.4.5.3.

Braille notation for the third system of music.

♫ ♫

Grazioso

Clarinet in B \flat *solo*
p

Violin *senza vibr.*
pp

Viola *senza vibr.*
pp

Violoncello *senza vibr.*
pp

33.4.6. Số thứ tự ô nhịp và các ký hiệu đánh dấu cho diễn tập

Một đoạn song song mới phải được bắt đầu tại vị trí có ký hiệu đánh dấu cho diễn tập hoặc có số thứ tự ô nhịp. Nếu muốn thêm các số thứ tự ô nhịp không có trong bản phổ thông để thuận tiện cho việc đọc bản nổi thì chỉ được thêm khi bản phổ thông không chứa các con số hay chữ cái. Khi số thứ tự ô nhịp xuất hiện tại các vị trí đồng nhất trong bản phổ thông, ví dụ ở đầu mỗi hệ thống hoặc cứ mỗi 5 ô nhịp sẽ có một số thứ tự, người chuyển đổi có thể trình bày các con số như là các ký hiệu tham chiếu tại các điểm có ý nghĩa về mặt âm nhạc, thay vì chuyển đổi mỗi số trên bản phổ thông như một ký hiệu đánh dấu cho diễn tập. Các số chỉ này được đặt riêng lẻ trong một dòng tự do, thật 1 ô so với ký hiệu nhạc đầu tiên của đoạn song song. Nếu ký hiệu đánh dấu là một chữ cái hoặc số thứ tự của một đoạn, nó được viết giữa các ký hiệu báo từ; nếu là số thứ tự ô nhịp thực tế thì không cần viết giữa các ký hiệu báo từ. Khi ký hiệu đánh dấu trùng với một cụm từ diễn đạt cần phải viết ở dòng tự do phía trên dòng nhạc đầu tiên, ký hiệu đánh dấu được viết phía trên cụm từ diễn đạt. Nếu nó trùng với một tiêu đề đoạn được căn giữa, thì tiêu đề được viết ở dòng phía trên ký hiệu đánh dấu.

Ví dụ 33.4.6-1.

♫

♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♫

♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♩ ♫ ♫

Violin **B**

Violoncello

Ví dụ 33.4.6-2.

♩ ♫ ♫

♩ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♩ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

Violin 25

Violoncello

Ví dụ 33.4.6-3.

♩ ♫ ♫

♩ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♩ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

Violin **D**

Violoncello

rit. *a tempo*

Ví dụ 33.4.6-4.

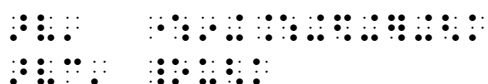
♩ ♫ ♫

♩ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♩ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♩ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫ ♫

♩ ♫ ♫



Violin

Violoncello

D Allegro

33.4.7. Dòng kéo dài

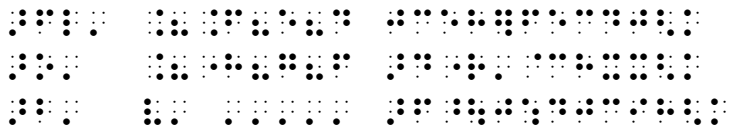
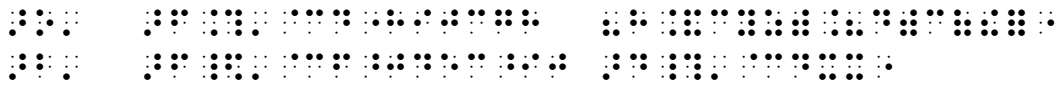
Khi chỉ một hay một vài dòng trong đoạn song song chỉ chứa một ô nhịp và có phần nhạc quá dài đến không thể viết hết trong chỗ trống có sẵn, các dòng đó có thể tiếp tục viết thành dòng kéo dài, thật là 2 ô. Đôi khi cũng cần phải mở rộng nhiều dòng của một ô nhịp nếu các nốt dài trong các dòng khác gây cản trở cho việc phân chia ô nhịp.

Ví dụ 33.4.7-1.

33.5. Phân chia ô nhịp giữa các đoạn song song

Một ô nhịp không thể kết thúc trong đoạn song song thì có thể được phân chia bằng cách dùng dấu gạch nối trong âm nhạc hoặc dùng ký hiệu phân chia ô nhịp ở cùng điểm tiết tấu trong tất cả các bè, và tiếp tục ở đoạn song song tiếp theo. Nên phân chia giữa các phách hoàn chỉnh hoặc giữa các đơn vị tiết tấu tự nhiên khác.

Ví dụ 33.5-1.

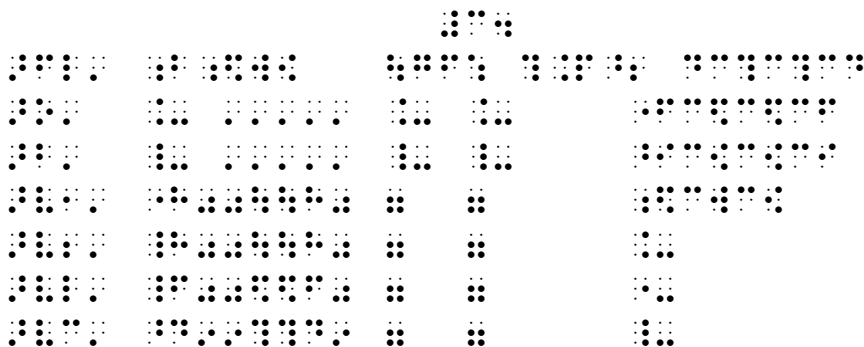


33.6. Di chuyển song song

Khi các bè được nhân đôi bởi các nhạc cụ khác nhau, đồng âm hoặc trong bất kỳ bậc nào, đoạn nhân đôi có thể được trình bày bằng ký hiệu di chuyển song song :: , là ký hiệu giống với quãng tám. Chỉ có thể dùng phương pháp này khi tất cả các dấu đều giống nhau, ngoại trừ dấu bậc và dấu diễn đạt ở đầu ô nhịp. Thông thường cách này chỉ dùng cho ô nhịp hoàn chỉnh, dù đôi khi cũng có thể dùng cho một phần ô nhịp bị phân chia thành các đoạn song song. Khi đoạn nhân đôi nằm trong một bậc khác chứ không đồng âm với đoạn gốc, cần phải có dấu bậc cho mỗi ký hiệu di chuyển song song. Phải đánh dấu bậc của nốt đầu tiên theo sau ký hiệu này trong bất kỳ giọng nào. Có thể dùng ký hiệu di chuyển song song với 2 điều kiện:

- (a) Khi các nhạc cụ được đặt liền nhau trong bản nhạc, bè trên cùng trong các bè đó được chuyển đổi đầy đủ, và ký hiệu di chuyển song song được trình bày trong mỗi bè theo sau.
- (b) Khi một dòng giai điệu rất quan trọng và rõ ràng được nhân đôi bằng các nhạc cụ xếp cách xa nhau trong bản nhạc, bè trên cùng trong các bè đó được viết ra. Ký hiệu di chuyển song song trong mỗi bè nhân đôi được đặt trước tên viết tắt của nhạc cụ có giai điệu đã được viết ra. Nếu đoạn nhân đôi tiếp tục trong cùng đoạn song song, không cần thiết phải viết lại tên viết tắt theo sau ký hiệu di chuyển song song trong các ô nhịp sau của đoạn song song đó.

Ví dụ 33.6-1.



Braille musical notation for the first system, consisting of six staves of music.

Standard musical score for the first system, including parts for Flute, Oboe, Bassoon, Violin I, Violin II, Viola, and Violoncello.

Ví dụ 33.6-2.

Braille musical notation for the second system, consisting of six staves of music.

Braille musical notation for the third system, consisting of six staves of music.

Flute

Oboe

Bassoon

Violin I

Violin II

Viola

Violoncello

33.7. Hợp nhất các phần giống nhau

Khi có từ hai bè liên kế nhau trở lên của cùng một nhạc cụ đồng âm với nhau trong suốt đoạn song song, có thể hợp nhất chúng thành một dòng chữ nổi bằng cách viết số thứ tự bè trong phần viết tắt ở đầu dòng, ngay cả khi các bè này được in trên những khuôn nhạc riêng biệt.

Ví dụ 33.7-1.

Braille notation examples for music.

The image displays a musical score for three trumpets and piano. The top system includes staves for Trumpet I, Trumpet II, Trumpet III, and Piano. The bottom system shows a more detailed piano accompaniment with multiple staves. The music is in 6/8 time and consists of two systems.

33.7.1. Nhiều nhạc cụ cùng chơi một đoạn nhạc

Khi các đoạn nhạc cho nhạc cụ hơi có đánh dấu *a2* (a due) hoặc các ký hiệu tương đương với nó bằng ngôn ngữ khác, theo thường lệ cần phải viết lại dấu này ở đầu mỗi hệ thống ký âm trên bản phổ thông khi nó vẫn còn hiệu lực. Dấu này phải được trình bày như một cụm từ diễn đạt ở đầu một đoạn nhạc, nhưng không cần phải nhắc lại nó trong bản nổi. Các con số gắn với tên nhạc cụ ở mỗi dòng là đủ để nhắc cho người đọc hiểu.

34. BỘ GỖ

(Bảng 30)

34.1. Các loại bản nhạc phổ thông

Nhạc cho các nhạc cụ thuộc bộ gõ có nhiều loại bản nhạc. Trong một số trường hợp, bản nhạc thể hiện rõ tác phẩm được sáng tác cho một người biểu diễn hoặc cho các cá nhân cụ thể, chơi trên một hay nhiều nhạc cụ. Tuy nhiên, trong các bài nhạc biểu diễn bởi nhóm nhạc đồng diễn hoặc các nhạc công chơi bộ gõ trong dàn nhạc hay ban nhạc, ngay cả số lượng người chơi cũng thường không được ghi rõ, và việc phối hợp nhạc cụ và người chơi được quyết định khi diễn tập. Các kiểu sắp xếp tiêu biểu là:

(a) Nhạc cho nhạc cụ định âm, như đàn chuông, mộc cầm (xylophone), đàn trống định âm, được in trên khuôn nhạc thường hoặc khuôn nhạc lớn. Sử dụng ký hiệu khóa nhạc tương ứng.

(b) Nhạc cho nhạc cụ đơn lẻ không định âm như trống hoặc kèn tam giác có thể được in trên một khuôn nhạc, chỉ chiếm một dòng hoặc khe, hay cũng có thể được in trên một dòng kẻ ngang đơn lẻ giao nhau với các đường vạch nhịp đứng. Hoặc là một ký hiệu khóa nhạc cho trước, hoặc là một khóa Fa sẽ xuất hiện khi sử dụng khuôn nhạc.

(c) Nhạc cho nhạc cụ như đàn mõ (temple blocks) hoặc chũm chọe có nhiều kích cỡ khác nhau, phát ra âm thanh có cao độ khác nhau nhưng không phân chia rõ ràng theo từng cao độ có sẵn trong thang âm, thường được in trên các dòng và khe của một khuôn nhạc, thường có đầu nốt hình chữ x để chỉ ra các cao độ không xác định. Hoặc là một ký hiệu khóa nhạc cho trước, hoặc là một khóa Fa sẽ xuất hiện.

(d) Nhạc cho một bộ các nhạc cụ không định âm được biểu diễn bởi một nhóm nhỏ các nhạc công có thể được ký âm bằng một loạt các dòng kẻ ngang giao nhau với các đường vạch nhịp đứng, hoặc in trên các khuôn nhạc tận dụng các dòng và khe để mô tả nhiều nhạc cụ. Đôi khi hai nhạc cụ có thể được trình bày trên cùng một dòng kẻ ngang bằng cách chỉ định các đuôi nốt nhạc hướng lên cho một nhạc cụ và đuôi hướng xuống cho nhạc cụ còn lại. Việc gán các dòng kẻ ngang và/hoặc dòng kẻ và khe trên khuôn nhạc thường được chỉ rõ bằng những từ viết tắt hoặc biểu tượng, và có lẽ sẽ thay đổi trong bản nhạc. Khi các nhạc cụ không được kể tên trong một bè ghi tên "trống," viết trên một khuôn nhạc 5 dòng kẻ, khe thấp nhất thường là cho trống cái (bass drum) và khe thứ ba thường là cho trống dây (snare drum).

(e) Nhạc cho dàn trống – một tập hợp các nhạc cụ được chơi bởi một nhạc công, thường gắn liền với các thể loại nhạc jazz hoặc pop, được in trên một khuôn nhạc đơn lẻ tận dụng các dòng kẻ và khe để mô tả các phần tử trống khác nhau trong dàn trống. Hoặc là một ký hiệu khóa Fa, hoặc là một ký hiệu khóa nhạc cho trước sẽ xuất hiện.

(f) Nhạc cho bộ gõ trong một dàn nhạc hoặc ban nhạc, hoặc cho nhóm nhạc đồng diễn gồm các nhạc công chơi bộ gõ có thể được in trên bản nhạc kết hợp bất kỳ hay tất cả các định dạng trên.

34.2. Bản chuyển đổi nhạc nổi tiêu biểu

Bản nhạc cho bộ gõ thường kèm theo nhiều chỉ dẫn. Trong một bản chuyển đổi dài hơn vài trang, những ký âm như thế nên được liệt kê trong trang "Các ký hiệu đặc biệt" khi chúng xuất hiện nhiều hơn một lần, kèm theo đó là chú thích

về các biểu tượng và ký hiệu nhạc nổi cho các ký âm tương ứng. Các bản chuyển đổi, ngoại trừ chuyển đổi bản nhạc cho dàn trống như mô tả trong Mục [34.7](#), nhìn chung được định dạng như sau:

(a) Một bè cho một người biểu diễn chơi một nhạc cụ đơn lẻ được chuyển đổi dưới dạng dòng đơn. Một bộ các nhạc cụ giống nhau nhưng có nhiều kích cỡ, như mõ hoặc trống mõ (tom-toms), có thể được xem như một nhạc cụ.

(b) Một bè chứa đồng thời từ hai nhạc cụ trở lên, cho một người chơi hoặc cho nhóm nhạc đồng diễn, và dù cho được in trên nhiều khuông nhạc hay chỉ một khuông nhạc, thì đều được chuyển đổi như một bản nhạc đồng diễn nhạc cụ như mô tả trong Chương [33](#), thể hiện phần nhạc cho mỗi nhạc cụ trên một dòng riêng, xác định bằng tên viết tắt ở lề trang. Một bộ các nhạc cụ giống nhau nhưng có nhiều kích cỡ được xem như một nhạc cụ. Có 3 ngoại lệ cho các quy tắc ở Chương [33](#) đó là có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại bằng số đếm ngược trên phạm vi rộng, chỉ cần chừa một dòng trống giữa các đoạn song song liên tiếp, và có thể thêm cột thứ 3 vào bảng liệt kê nhạc cụ để trình bày các tên nốt được chỉ định. (Xem Ví dụ 34.2.3-2 và 34.7-1.) Nên dùng các từ viết tắt trong Bảng [29](#) khi có thể.

(c) Để dành chỗ trống trong cả hai định dạng này, với các nhạc cụ không bao giờ chơi đồng thời với nhau thì phần nhạc của chúng có thể được gom lại trình bày trong cùng một bè, phối hợp với các tên viết tắt trong danh sách nhạc cụ để chỉ ra khi nào cần đổi nhạc cụ trong dòng nhạc đó. (Xem Ví dụ 34.5-1.)

34.2.1. Tên nốt nhạc

Phần nhạc cho các nhạc cụ định âm được chuyển đổi giống như nhạc cho nhạc cụ phím. Khi phần nhạc cho nhạc cụ không định âm được in trên khuông nhạc gồm 5 dòng kẻ, các tên nốt viết bằng chữ cái được sử dụng như khi chúng được viết ở khóa Fa. Khi in trên một hay nhiều dòng kẻ ngang, có thể sử dụng bất kỳ nốt nào để đại diện; phổ biến nhất là nốt Đô. Việc gán các nốt cho các nhạc cụ không định âm phải luôn luôn được nêu ra trong bảng nhạc cụ ở đầu bản nhạc hoặc trên trang "Các ký hiệu đặc biệt" hoặc trang chú thích của người chuyển đổi.

34.2.2. Dấu bậc

Do bản chất của hệ thống nhạc nổi, mặc dù các nốt nhạc trong nhạc cụ không định âm không đại diện cho các cao độ trong thang âm, vẫn cần phải có các dấu bậc trên bản nổi. Các dấu bậc được sử dụng tương ứng theo các quy tắc áp dụng cho bản nhạc đồng diễn hoặc định dạng dòng đơn. Khi nhạc được in trên một dòng kẻ ngang đơn lẻ, thường được hiểu là bậc 4, dù có thể dùng bất kỳ bậc nào; ví dụ, với keng tam giác thì thường là bậc cao và với chiêng gió thường là bậc

thấp. Khi phần nhạc được in trên khuông nhạc 5 dòng kẻ, thường dùng các bậc đi cùng với khóa Fa. (Xem Ví dụ 34.2.3-2.)

34.2.3. Ký hiệu quãng và kẹp nốt

Trong một bè cho bộ nhạc cụ giống nhau nhưng có nhiều kích cỡ do một người chơi, các nốt chơi đồng thời, có cùng giá trị, và in trên các dòng hay khe khác nhau có thể được trình bày như các quãng trong bản nổi. Có thể sử dụng phương pháp kẹp nốt khi có hai tiết tấu khác nhau xuất hiện cùng nhau trở lên. Các quãng và các đoạn kẹp được đọc theo hướng đi lên. Tuy nhiên, các nốt đồng thời cho những nhạc cụ khác nhau phải được viết trên các dòng chữ nổi khác nhau.

Ví dụ 34.2.3-1. Một nhạc cụ không định âm

Ví dụ 34.2.3-2. Hai nhạc cụ viết trên khuông nhạc 5 dòng kẻ

Ví dụ 34.2.3-3. Quãng và đoạn kẹp

3 Tom-toms

Ví dụ 34.2.3-4. Nhắc lại trong nhạc nổi

34.3. Dấu hoa mỹ

Các nhạc công bộ gõ dùng các thuật ngữ khác (như "flams", "rolls") cho các nốt hoa mỹ, nhưng ký âm trên trang phổ thông là giống nhau cho các nốt dựa (appoggiaturas), láy rền (trills), ngân rung (tremolo), v.v... Các ký hiệu nhạc nổi cơ bản tương ứng được sử dụng.

Ví dụ 34.3-1.

34.4. Các nốt có hình dạng đặc biệt

Bản nhạc phổ thông thường sử dụng các đầu nốt hình chữ x, hình thoi và nhiều hình dạng khác với vai trò hỗ trợ thuần túy về hình ảnh chứ không mang ý nghĩa âm nhạc. Các nốt như thế có thể được viết như các nốt nhạc thông thường trong

Susp. cym.

 x = damped

 ◇ = on edge

Ví dụ 34.4-3. Tên nốt mô tả nhạc cụ

Woodblocks

34.5. Ký hiệu tượng hình

Dù chưa có tiêu chuẩn nào được xây dựng, nhưng các hình ảnh và biểu tượng vẫn thường được dùng trong ký âm cho bộ gõ, để nhận diện các nhạc cụ, dùi gõ hoặc các công cụ khác dùng để chơi nhạc cụ bộ gõ, và/hoặc cách chơi cụ thể. May mắn là, hầu hết các cách mô tả này luôn được giải nghĩa trong bản nhạc. Trong nhạc nổi, thông thường cách tốt nhất là tùy ý thay thế bằng các ký hiệu viết tắt cho phần giải nghĩa, hơn là cố gắng mô tả các hình ảnh hoặc sử dụng hình nổi. Hiển nhiên là tất cả những ký hiệu viết tắt như thế phải được đề cập trong phần chú thích của người chuyển đổi, trên trang "Các ký hiệu đặc biệt" hoặc ở đầu bản nhạc, cùng phần giải nghĩa của chúng. Không thể đoán trước tất cả các tình huống gặp phải; một số trường hợp tiêu biểu được trình bày trong Ví dụ dưới đây.

Ví dụ 34.5-1.

susp. cym w/ soft timp. stick tgl. btr. on bell of cym. snare drum
 triangle tam-tam tambourine

Percussion $\frac{4}{4}$ *f* *mf* *p* *ff* *f* *tr*

34.6. Ký hiệu tay cho bộ gõ

Ký hiệu tay phải ♩ và tay trái ♪ đứng liền sau các nốt, tương tự như các ký hiệu ngón trong những bản nhạc cho các loại nhạc cụ khác.

Ví dụ 34.6-1.

5 Temple blocks
 L R L R R L *tr* R L R L 3 3 3 3 *sf*

34.7. Các bản chuyển đổi dàn trống

Phần nhạc cho mỗi trống thành phần trong dàn trống nên được chuyển đổi trên một dòng chữ nổi riêng, dưới định dạng dùng cho nhóm đồng diễn nhạc cụ. Một bộ các nhạc cụ giống nhau nhưng có nhiều kích cỡ có thể được xem như các nhạc cụ riêng biệt. Thông thường người chuyển đổi cần thêm vào nhiều dấu lặng. Bản chuyển đổi cuối cùng sẽ cần nhiều chỗ trống nhưng đây là điều nên làm vì người chơi trống sẽ đọc tất cả các thành phần trong một đoạn nhạc trước khi hoạch định ra các động tác phối hợp tay chân rất phức tạp, cùng với các dụng cụ thích hợp nhất. Thứ tự các thành phần nên được xếp theo ký âm trên bản phổ thông, từ trên xuống dưới.

Ví dụ 34.7-1.

Ride cymbal
Mounted tom
Snare drum
Bass drum
Hi-hat

PHẦN III. KÝ HIỆU DỪNG TRONG THANH NHẠC

35. CÁC BÀI ĐƠN CA VÀ BÈ HỢP XƯƠNG

(Bảng 31 và 32)

35.1. Các nguyên tắc của định dạng dòng-nói-dòng

Khi lời và nhạc được kết hợp với nhau, các ca từ bắt đầu ở lề trang và phần nhạc tương ứng bắt đầu ở ô thứ 3 của dòng tiếp theo. Bất kỳ dòng nào trong hai dòng nhạc và lời đều có thể được viết thành một (hoặc nhiều, nếu cần) dòng kéo dài bắt đầu ở ô 5, nhưng không nên kéo dài cả hai dòng trong cùng một đoạn song song. Các dòng kéo dài liên tục theo sau, nếu cần, cũng bắt đầu ở ô 5, các âm tiết trong phần lời và các nốt trong phần nhạc phải luôn luôn được ghép đôi chính xác. Tiêu đề chỉ dẫn được căn giữa phía trên dòng lời; không cần chừa dòng trống giữa hai dòng này. Cấu trúc cơ bản này cho một đoạn song song, còn gọi là "định dạng dòng-nói-dòng", được điều chỉnh cho phù hợp với nhiều tình huống khác nhau, theo mô tả trong chương này và 3 chương tiếp theo. Chương này sẽ bàn về các bài đơn ca và các bè đơn lẻ được trích từ một bản nhạc cho hợp xướng. Phần đệm bằng nhạc cụ không nằm trong bản chuyển đổi nhạc có

lời, mà được chuyển đổi riêng, như mô tả trong Mục [29.8](#). Người chuyển đổi cần thận trọng để chuyển đổi cả những ký hiệu liên quan về diễn đạt và thao tác có thể xuất hiện trong bản phổ thông cùng với phần đệm nhạc hoặc ở những nơi khác và không được viết lại gần khuông nhạc có lời.

35.1.1. Phần lời

Lời bài hát được viết bằng chữ nổi viết đủ theo mã Chữ nổi tiếng Anh thống nhất, với một số quy định và ngoại lệ như sau:

(a) Không chuyển đổi dấu gạch nối dùng trong bản phổ thông để tách biệt các âm tiết trong một từ với nhau, trừ khi các ca từ là những âm tiết không có nghĩa hoặc cần phải phát âm khác thường. Khi một từ bị phân chia thành các âm tiết ở một đoạn song song và còn tiếp tục đến đoạn song song tiếp theo, dấu gạch nối vẫn bản được đặt ở cuối dòng, theo quy tắc cho văn bản thông thường.

(b) Có thể dùng Chữ nổi tiếng Anh thống nhất viết tắt khi chuyển đổi các bài nhạc thánh, bình ca, hoặc tài liệu cho cấp tiểu học. (Xem Mục [1.2.1](#).)

(c) Khi lời nhạc ngoài các trường hợp đã nêu trong quy tắc (b) bên trên được viết bằng chữ nổi viết tắt theo yêu cầu đặc biệt của người dùng cuối, các từ viết đủ được viết thành các lời (lời 1, lời 2...) hoặc dưới dạng đoạn văn (chỉ có chữ) như là một phần của các trang mở đầu của bản chuyển đổi. (Xem thêm Mục [1.2.1](#).)

(d) Các chữ cái có dấu của những ngôn ngữ khác khi nằm trong ngữ cảnh tiếng Anh được mô tả theo *Các quy tắc chữ nổi tiếng Anh thống nhất*.

(e) Các chữ cái có dấu và dấu câu đặc biệt trong ngữ cảnh ngôn ngữ khác tiếng Anh được viết bằng các ký tự mô tả chữ cái/dấu câu đó trong ngôn ngữ đó. Các ký tự này phải được liệt kê trong trang "Các ký hiệu đặc biệt" của bất kỳ bản chuyển đổi nào có xuất hiện chúng. (Tham khảo tài liệu *World Braille Usage* có trên các website, hoặc cái tài liệu liên quan khác.)

(f) Nếu toàn bộ lời nhạc trong ngôn ngữ gốc của bài hát bằng hai thứ tiếng hoàn toàn là các ký tự trong Bảng chữ cái phiên âm quốc tế (IPA), thì phải dùng ký hiệu IPA trong bản nổi. Trong trường hợp này, không thêm các dấu báo chuyển đổi qua lại giữa các mã chữ nổi; phải có một câu mô tả việc sử dụng IPA trên trang chú thích của người chuyển đổi và tất cả các ký hiệu IPA xuất hiện trong bản chuyển đổi phải được liệt kê trong trang "Các ký hiệu đặc biệt". Tuy nhiên, nếu các đoạn chứa ký hiệu IPA xuất hiện trong lời nhạc viết bằng ngôn ngữ bất kỳ, thì phải sử dụng các dấu báo chuyển đổi như mô tả trong *Các quy tắc chữ nổi tiếng Anh thống nhất*.

35.1.2. Phần nhạc

Phần nhạc tương ứng với lời bài hát được chuyển đổi bắt đầu từ ô thứ 3 của dòng theo sau dòng lời. Nốt đầu tiên của mỗi dòng nhạc cần có một dấu bậc. Không cần thêm dấu chỉ định bè, do loại giọng hoặc bè trong hợp xướng đã được ghi trong phần tài liệu mở đầu nếu cần. Khi giọng nam cao được in trong khuôn nhạc khóa Son mà không có số "8" ở dưới, nó được chuyển đổi ở bậc sẽ hát, giống như khi có số "8".

35.1.3. Phân chia thành các đoạn song song

Người chuyển đổi phải suy xét kỹ lưỡng khi chọn vị trí phân chia các tổ hợp ca từ và nhạc giữa các đoạn song song. Nhìn chung, nên ưu tiên tạo điều kiện dễ để ghi nhớ bài nhạc bằng cách giữ cho các cụm ca từ không bị đứt đoạn, dù cho việc này có thể làm cho ô nhịp bị phân chia, trong một đoạn có độ dài dòng nhạc và dòng lời khác nhau, trong một số đoạn song song rất ngắn, hoặc khi cần có dòng kéo dài. Mặc dù được phép dùng dòng kéo dài cho dòng lời hoặc dòng nhạc (hầu như không bao giờ dùng dòng kéo dài cho cả hai dòng nhạc và lời trong cùng một đoạn song song), việc sử dụng dòng kéo dài nên được xem là trường hợp ngoại lệ, hơn là quy tắc áp dụng; nhìn chung nên bảo đảm các nguyên tắc của phương pháp dòng-nổi-dòng.

Ví dụ 35.1.3-1.

The image shows musical notation for Example 35.1.3-1. It consists of five lines of Braille notation above a musical staff. The staff is in 3/4 time, key of B-flat major, and starts with a forte (f) dynamic. The melody is: C4 (quarter), D4 (quarter), E4 (quarter), F4 (quarter), G4 (quarter), F4 (quarter), E4 (quarter), D4 (quarter), C4 (quarter), B3 (quarter), A3 (quarter), G3 (quarter), F3 (quarter), E3 (quarter), D3 (quarter), C3 (quarter). The lyrics are: "So heigh ho the mer-ry oh, and a der - ry down der - ry." The Braille notation is arranged in five lines, with the first line starting with a treble clef and a 3/4 time signature.

35.2. Dấu luyện âm tiết

Trong thanh nhạc, các dấu luyện đơn và luyện kép được dùng để nối hai hay nhiều nốt hát trên một âm tiết trong ca từ, các dấu luyện kép thường dùng khi luyện 4 nốt trở lên. (Xem thêm Mục [35.3.2.](#)) Khi không có dấu luyện trong bản phổ thông để mô tả mối liên kết trên, thêm các ký hiệu dấu luyện vào bản nổi. Những ký hiệu nhạc nổi này không dùng để chỉ cách phân câu; mà dấu luyện ngoặc mới được dùng cho mục đích phân câu, ngay cả khi có ít hơn 4 nốt nằm trong dấu phân câu trên bản phổ thông. Khi một dấu luyện âm tiết trùng với một dấu nối hoặc một dấu luyện ngắt (portamento), dấu luyện được viết đầu tiên.

Ví dụ 35.2-1.

Black is the co - lor of my true love's hair; Her
face is some - thing wond' - rous fair.

35.3. Âm tiết mang từ đoạn song song này sang đoạn song song khác

Khi phân nguyên âm của một âm tiết ở cuối một dòng được kéo dài sang đoạn song song tiếp theo, đôi khi do đòi hỏi về bản chất cầu kỳ của bản nhạc hoặc vị trí của đánh dấu cho diễn tập, phần tiếp nối phải được trình bày rõ trong dòng lời và dòng nhạc của cả hai đoạn song song.

35.3.1. Phân tiếp nối của nguyên âm trong ca từ

Chữ cái, hoặc nhóm chữ cái, đại diện cho nguyên âm được mang đi phải viết 2 lần. Lần thứ nhất viết ở cuối dòng đầu chứa ca từ đó, theo sau là một dấu gạch nối. Lần thứ hai, viết nhắc lại ở đầu dòng tiếp theo, đứng trước là một dấu gạch nối. Khi phân nguyên âm gồm nhiều hơn một chữ cái, cả nhóm chữ cái được viết giống nhau trong cả hai dòng. Một số ví dụ cho âm bị phân chia: "tai- -ail," "crow- -owd," "they- -ey," "rou- -ound," "ou- -ought," và "beau- -autiful." Nếu đang dùng chữ nối viết tắt, từ viết tắt thông thường có thể sử dụng trong cả hai dòng miễn là có tất cả các chữ cái chứa phân nguyên âm (ví dụ, "crow- -owd"). Tuy nhiên, từ viết tắt chứa một chữ cái không nằm trong phân nguyên âm của âm tiết thì không được dùng cho bất kỳ dòng nào, và phải đảm bảo các quy tắc viết tắt. Ví dụ, không dùng từ viết tắt cho "the" trong "they- -ey," từ viết tắt cho "ound" trong "rou- -ound," dạng ngắn gọn của "ought" trong "ou- -ought," và từ viết tắt cho "ea" trong "beau- -autiful" vì vị trí gần với dấu gạch nối của chúng trong phần tiếp nối.

35.3.2. Phân tiếp nối của nốt

Khi phân nguyên âm được mang từ cuối dòng nhạc của một đoạn song song này sang dòng nhạc tương ứng trong đoạn song song tiếp theo, cần trình bày các dấu

luyện và dấu nối trong cả hai dòng. Khi nốt cuối cùng trong một đoạn song song được nối với nốt đầu tiên của đoạn song song tiếp theo, phải viết lại dấu nối ở đầu đoạn song song thứ hai. Dấu luyện âm tiết được viết lại ở đầu đoạn song song thứ hai phải đứng trước tất cả các ký hiệu khác trong ô nhịp (hoặc phần tiếp nối của một ô nhịp bị phân chia), ngoại trừ cụm từ diễn đạt dài, ký hiệu nhắc lại, hóa biểu và số chỉ nhịp. Nếu một nốt vừa được nối vừa được luyện, không cần trình bày dấu luyện dư thừa cùng với dấu nối, trừ khi chuyển đổi y bản; khi chuyển đổi y bản, dấu luyện đứng trước dấu nối. Vị trí đặt dấu luyện âm tiết phụ thuộc vào số lượng nốt tổng cộng và số lượng rơi vào trước và sau vị trí phân chia. (Các ví dụ sau đây được tạo ra để minh họa ngắn gọn cho phương pháp này. Thông thường nên ưu tiên mang toàn bộ âm tiết sang đoạn song song mới hơn là phân chia nó.)

(a) Khi chỉ có 2 hoặc 3 nốt tổng cộng, một dấu luyện đơn theo sau mỗi nốt trừ nốt cuối cùng, và dấu luyện viết lại phải đứng trước nốt đầu tiên của đoạn song song thứ hai.

(b) Khi có 4 nốt tổng cộng trở lên, dấu luyện kép theo sau nốt đầu tiên trong số đó, ngay cả khi nó là nốt cuối cùng trong đoạn song song đầu tiên. Dấu luyện đơn được đặt sau nốt cuối cùng của đoạn song song đầu tiên trừ khi dấu luyện kép cũng nằm ở vị trí đó.

(c) Khi có 4 nốt tổng cộng trở lên và không quá 3 trong số chúng rơi vào đoạn song song thứ hai, dấu luyện đơn đứng trước mỗi nốt xuất hiện trong đoạn song song thứ hai.

(d) Khi có 4 nốt tổng cộng trở lên và hơn 3 trong số đó rơi vào đoạn song song thứ hai, dấu luyện kép viết lại đứng trước nốt đầu tiên của đoạn song song đó và dấu luyện đơn đứng trước nốt cuối cùng của nhóm nốt.

Ví dụ 35.3.2-1. Dấu luyện đơn

The example shows Braille notation for the lyrics "I will sing to the stars and moon, al - le - lu - ia,". The Braille is arranged in three lines. Below it is a musical staff in 3/4 time with a key signature of one flat (B-flat). The melody consists of quarter notes: G4, A4, Bb4, A4, G4, F4, E4, D4, C4. The lyrics are aligned under the notes: "I will sing to the stars and moon, al - le - lu - ia,". A single accent mark is placed above the first note of the second measure, "sing".

Ví dụ 35.3.2-2. Dấu nối và dấu luyện đơn (chuyển đổi y bản)

The example shows Braille notation for a musical phrase. The Braille is arranged in two lines. The first line contains the Braille for the first measure, and the second line contains the Braille for the second measure. A tie connects the final note of the first measure to the first note of the second measure. An accent mark is placed above the first note of the second measure.

Ví dụ 35.3.2-3. Dấu luyện kép chỉ trong đoạn song song thứ nhất

Ví dụ 35.3.2-4. Dấu luyện kép tiếp tục trong đoạn song song thứ hai

35.4. Ký hiệu nhắc lại cho từ hoặc cụm từ

Ký hiệu nhắc lại cho một từ hoặc cụm từ ♪ được đặt trước và sau từ/cụm từ được nhắc lại, và không có khoảng trắng xen giữa. Toàn bộ phần lời và phần nhạc liên quan phải nằm trong cùng một đoạn song song. Nên dùng một dòng kéo dài của dòng lời hoặc dòng nhạc khi việc sử dụng ký hiệu nhắc lại ca từ dẫn đến khác biệt đáng kể về độ dài của hai dòng. Viết in hoa theo các chữ in hoa trong đoạn gốc. Dấu câu mở đầu của đoạn gốc được đặt sau ký hiệu mở đầu nhắc lại, và dấu câu kết thúc của đoạn nhắc lại cuối cùng đặt trước ký hiệu kết thúc nhắc lại. Các khác biệt khác về chữ in hoa và dấu câu được bỏ qua.

(a) Khi phần lời được nhắc lại một lần, sử dụng một ký hiệu nhắc lại ở trước và một ký hiệu nhắc lại ở sau nó.

(b) Khi phần lời được nhắc lại hai lần, đặt hai ký hiệu nhắc lại liên tiếp ở trước và một ký hiệu nhắc lại ở sau nó.

(c) Khi phần lời được nhắc lại hơn hai lần, đặt một ký hiệu nhắc lại trước nó, theo trước ký hiệu này là một con số, có dấu báo số, thể hiện số lần nhắc lại. Sau phần lời được nhắc lại là một ký hiệu nhắc lại.

Ví dụ 35.4-1. Nhắc lại một lần

Be - ne - dic - tus, be - ne - dic - tus.

Ví dụ 35.4-2. Nhắc lại hai lần

Ich lie - be dich, ich lie - be dich, ich lie - be dich in Zeit und E - wig - keit.

Ví dụ 35.4-3. Nhắc lại ba lần

Hal - le - lu - jah, Hal - le - lu - jah, Hal - le - lu - jah, Hal - le - lu - jah!

Ví dụ 35.4-4. Nhắc lại mười lần

With a zin, zin, zin, zin, zin, zin, zin, zin, zin, zin, zin, zin, zin zan zounds.

35.5. Các âm tiết kết hợp lại trong một nốt

Khi hai hay nhiều âm tiết hoặc nguyên âm được nối lại trong bản phổ thông bằng một dấu ngoặc hay một ký hiệu khác, hoặc được nhóm lại bên dưới một nốt đơn lẻ, thể hiện rằng các âm tiết/nguyên âm này được hát trong một nốt, chúng được đặt giữa các dấu ngoặc kép :: :: trong bản nổi. Nếu dấu câu đứng sau phần kết hợp, đặt dấu câu sau dấu đóng ngoặc kép. Nếu trong bản phổ thông xuất hiện dấu ngoặc kép trong văn bản, đoạn trích dẫn trong dấu ngoặc kép phải được đặt trong cặp dấu ngoặc kép "bậc hai" thích hợp gồm 2 ô. Trong nhạc nổi, số âm tiết/nguyên âm kết hợp với nhau được mô tả bằng một ký hiệu đứng liền sau nốt liên quan. Ký hiệu này là ký tự đại diện cho số chỉ ngón trong nhạc cho nhạc cụ; ký hiệu :: thể hiện có kết hợp 2 âm tiết, và ký hiệu :::: thể hiện kết hợp 3 âm tiết.

Ví dụ 35.5-1.

Fin - chè l'a-ria è an - cor bru - na, e il mon - do ta - ce.

35.6. Các bản nhạc bằng hai thứ tiếng trở lên

Khi một bài hát được in bằng hai (hay nhiều) ngôn ngữ, đoạn song song được mở rộng thành 3 dòng (hoặc hơn). Dòng lời bằng ngôn ngữ gốc được viết ở dòng gần với dòng nhạc nhất, và các dòng lời bằng ngôn ngữ khác được viết ở các dòng trước đó, bất kể trong bản phổ thông xếp theo thứ tự nào. Tất cả các dòng chữ bắt đầu ở lề trang. Cần thận trọng để đảm bảo các đơn vị phân chia âm tiết của ca từ trong từng ngôn ngữ đều khớp với các nốt ở dòng nhạc. Không được sử dụng dòng kéo dài cho các dòng chữ.

Ví dụ 35.6-1.

Wer rei - tet so spät durch Nacht und Wind?
 Who rides out so late through night and wind?

35.6.1. Các âm tiết khác nhau giữa các ngôn ngữ

Khi bài hát được in bằng hai ngôn ngữ trở lên, số lượng âm tiết trong một ô nhịp có thể khác nhau trong các lời khác nhau. Khi tiết tấu giống nhau, và điểm khác biệt chỉ giới hạn ở cách luyện, các dấu luyện bị ảnh hưởng được theo sau bởi ký hiệu "ngón" (Bảng 15) để mô tả nó áp dụng cho ngôn ngữ nào. Khi giá trị nốt và dấu lặng khác nhau, phải sử dụng phương pháp kẹp nốt, mỗi phần bị ảnh hưởng được bắt đầu bằng một con số ở phần dưới của ô chữ nổi để chỉ ra nó đại diện cho ngôn ngữ nào. Khi dùng cho những mục đích này, thứ tự đánh số cho các ngôn ngữ là thứ tự trình bày chúng trong bản nổi, đếm dòng từ trên xuống dưới.

Ví dụ 35.6.1-1.

Voi che sa - pe - te, che co - sa è a - mor,
 You who have know - ledge, what is love's sign,

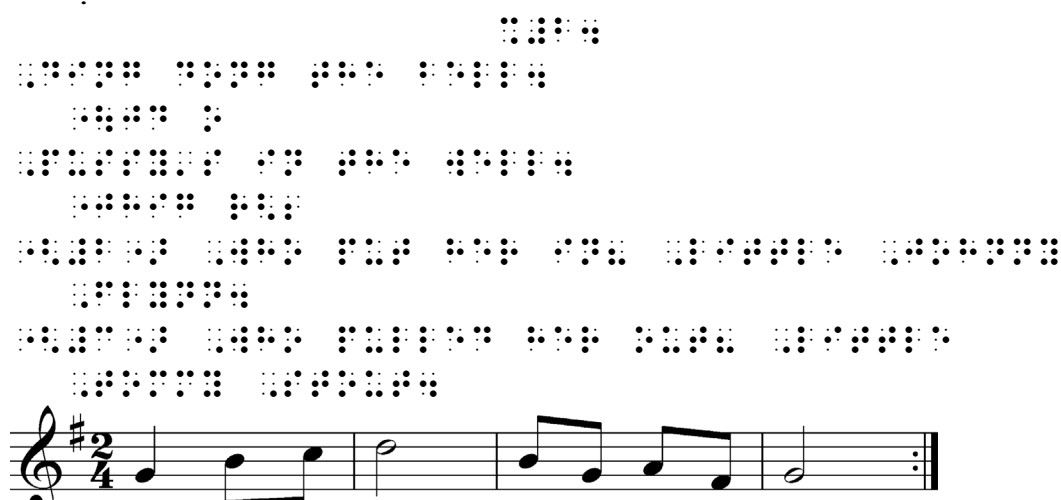
Ví dụ 35.6.1-2.

Mei-ne Mut - ter hat - manch' - gül - den Ge-wand.
 And my mo - ther has - ma - ny a gar - ment of gold.

35.7. Bài hát có nhiều lời

Khi ca từ của các lời nhạc liên tiếp trong một bài hát có nhiều lời được in thành những dòng liên tiếp bên dưới khuôn nhạc, chỉ chuyển đổi lời đầu tiên cùng với phần nhạc. Dù trong bản phổ thông có đánh số 1 thì trong bản nổi cũng không viết số này. Ca từ trong các lời còn lại được chuyển đổi sau dòng cuối cùng của phần nhạc. Mỗi lời được bắt đầu ở lề trang bằng số thứ tự của nó đặt giữa dấu ngoặc trong văn bản và một khoảng trắng, bất kể trong bản phổ thông có đánh số hay không. Ca từ trong lời theo sau liên tục, tất cả các dòng được thụt lề vào ô chữ nổi thứ 3. Có thể dùng ký hiệu nhắc lại ca từ bất cứ khi nào có thể áp dụng, mà không cần xét đến cách bố trí đoạn nhắc lại từ trong lời đầu tiên.

Ví dụ 35.7-1.

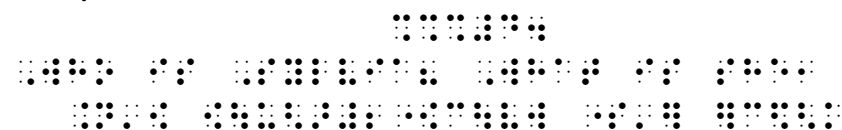


The image shows a musical score for the song 'Ding dong the bell'. It features a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 2/4 time signature. The melody consists of a series of eighth and quarter notes. Above the staff, the lyrics are written in Braille. The lyrics are arranged in two columns, with the first column starting at the beginning of the first line of music and the second column starting at the beginning of the second line of music. The lyrics are: 'Ding dong the bell. Pus-sy's in the well. Who put her in? Lit - tle John - ny Flynn. Who pulled her out? Lit - tle Tom - my Stout.'

35.7.1. Biến thể của âm tiết trong các lời

Trong một bài hát có nhiều lời, nếu biến thể của một âm tiết hoặc một dấu diễn đạt, v.v... xuất hiện ở lời 2 hoặc các lời theo sau, toàn ô nhịp hoặc một phần ô nhịp có thể được viết lại sau một ký hiệu kẹp, theo trước là số thứ tự của lời có thay đổi (viết ở phần dưới của ô chữ nổi và có dấu báo số). Những khác biệt nhỏ trong giai điệu thực tế cũng có thể được xử lý theo cách này. Dấu luyện điều chỉnh :: được dùng khi biến thể chỉ chứa hai hoặc ba nốt luyện trên một âm tiết trong một lời và được phát âm riêng biệt trong các lời khác.

Ví dụ 35.7.1-1.

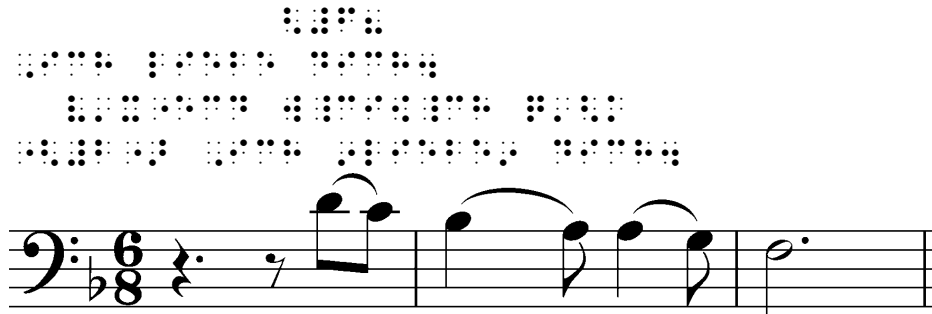


The image shows a musical score for the song 'Ding dong the bell'. It features a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 2/4 time signature. The melody consists of a series of eighth and quarter notes. Above the staff, the lyrics are written in Braille. The lyrics are arranged in two columns, with the first column starting at the beginning of the first line of music and the second column starting at the beginning of the second line of music. The lyrics are: 'Ding dong the bell. Pus-sy's in the well. Who put her in? Lit - tle John - ny Flynn. Who pulled her out? Lit - tle Tom - my Stout.'



Who is Syl-via? What is she,
Is she kind as she is fair?

Ví dụ 35.7.1-2.

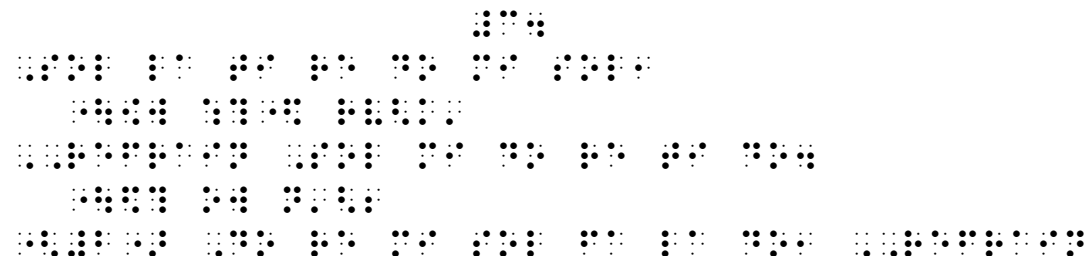


Ich_ lie - be__ dich.
Ich_ lie-be, lie-be dich.

35.7.2. Bài hát có nhiều lời và điệp khúc

Khi một phần của bài hát có nhiều lời được theo sau bởi một điệp khúc chỉ có một nhóm ca từ, lời 1 và đoạn điệp khúc được chuyển đổi như mô tả trong Mục 35.7. Điệp khúc phải bắt đầu trong một đoạn song song mới. Dòng lời đầu tiên của điệp khúc được bắt đầu bằng từ "Refrain" (Điệp khúc) ở lề trang, viết hoa hoặc in nghiêng cả từ để thể hiện rõ không hát từ này, dù trong bản phổ thông có viết hay không. Nếu bản phổ thông viết từ "Chorus" hoặc một từ tương tự nào đó, viết từ đó thay cho từ "Refrain". Ca từ trong các lời còn lại được viết như mô tả bên trên; tuy nhiên, không viết lại ca từ trong điệp khúc mà thay thế bằng từ "Điệp khúc" (Refrain hoặc Chorus) lần nữa, viết hoa hoặc in nghiêng cả từ. (Ví dụ dưới đây được rút ngắn để minh họa ngắn gọn cho phương pháp này.)

Ví dụ 35.7.2-1.



35.7.3. Xen kẽ các đoạn nhạc có một và nhiều lời

Nếu một bài hát chứa một số đoạn chỉ có một dòng lời xen kẽ với các đoạn có hai dòng lời, được phép mở rộng đoạn song song thành 3 dòng ở vị trí có 2 dòng lời và quay lại cấu trúc song song gồm 2 dòng khi chỉ có một dòng lời. Tại điểm xuất hiện đoạn song song mở rộng, mỗi dòng được bắt đầu bằng số 1 hoặc số 2 đặt giữa hai dấu ngoặc đơn trong văn bản theo sau là một khoảng trắng. Chỉ nên sử dụng phương pháp đặc biệt này với 3 điều kiện: cách phân chia âm tiết của 2 nhóm ca từ (2 lời) phải giống nhau, không được có kết thúc xen kẽ (khung thay đổi), và không được phép dùng dòng kéo dài cho dòng lời. Trong một bài hát có chuỗi các phân đoạn nối lại với nhau phức tạp, hoặc có các kết đoạn xen kẽ kết hợp với nhiều lời, sẽ tốt hơn nếu lược bỏ các ký hiệu nhắc lại bất kỳ và chuyển đổi bản nhạc đầy đủ, theo thứ tự chính xác, và giải thích trong phần chú thích của người chuyên đổi. (Ví dụ dưới đây được rút ngắn để minh họa ngắn gọn cho phương pháp này.)

Ví dụ 35.7.3-1.

35.8. Ký hiệu nhắc lại nhạc nổi trong thanh nhạc

Có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại toàn phần hay một phần ô nhịp và nhắc lại bằng số đếm ngược trong dòng nhạc của bản nhạc có lời, độc lập với các đoạn nhắc lại hoặc không nhắc lại trong lời bài hát, miễn là đoạn gốc và đoạn nhắc lại của phần nhạc nằm trong cùng một đoạn song song. Cần thận trọng để đảm bảo các đoạn nhắc lại là chính xác, ngoại trừ các thay đổi về bậc hoặc cường độ. Việc sử dụng các dấu da capo (D.C.) và dal segno (D.S.) trong nhạc nổi là thích hợp khi một phần đáng kể trong một bài hát được lặp lại chính xác ở cả nhạc và lời, tại vị trí có khoảng cách bất kỳ so với đoạn gốc. (Xem Chương 20.) Không nên sử dụng hay dấu này cho đoạn nhắc lại ngắn trừ khi đoạn đó lặp lại thường xuyên; thông thường, các đoạn nhắc lại ngắn nên được viết ra theo như bản phổ thông. Nếu có các biến thể của lời bài hát hoặc nhiều dòng lời, nên chuyển đổi đầy đủ chứ không dùng ký hiệu nhắc lại.

35.9. Số thứ tự ô nhịp và các đánh dấu cho diễn tập

Thông thường trong bản chuyển đổi nhạc nổi dùng cho thanh nhạc không có số thứ tự ô nhịp, mà các ca từ đóng vai trò như các điểm đánh dấu để tham chiếu. Tuy nhiên, có thể sẽ có ích khi thỉnh thoảng đặt một số thứ tự ô nhịp ở đầu dòng lời, trong những bản nhạc có ca từ lặp lại nhiều lần hoặc khi số thứ tự ô nhịp xuất hiện trong phần đệm. Một đánh dấu cho diễn tập, hoặc là chữ cái hoặc là chữ số, mà không phải là số thứ tự ô nhịp thực tế, phải được đặt giữa các ký hiệu báo từ ở lề trang trong một dòng riêng biệt phía trên dòng lời. Một đánh dấu diễn tập vốn là số thứ tự ô nhịp thực tế thì không cần có ký hiệu báo từ.

35.10. Các bè trích từ bản nhạc cho hợp xướng

Cách chuyển đổi các bè giọng cá nhân do người chuyển đổi trích từ một bản nhạc cho hợp xướng cũng giống như cách chuyển đổi một bài hát đơn. Người chuyển đổi cần thận trọng để bao gồm cả những ký hiệu diễn đạt và thao tác liên quan có thể xuất hiện trong bản phổ thông ở phía trên khuông nhạc trên cùng của bản nhạc hoặc ở các điểm khác và không được viết lại gần bè được trích. Cần quan sát tỉ mỉ các đoạn sang trang trong bản phổ thông, và phải chuyển đổi tất cả các đánh dấu cho diễn tập. Nếu bản phổ thông trình bày số thứ tự ô nhịp ở các vị trí liên quan đến cách bố trí trang phổ thông nhưng không liên quan đến cấu trúc âm nhạc (tức là ở đầu mỗi khuông nhạc hoặc ở mỗi 5 hay 10 ô nhịp), không cần chuyển đổi các số đó. Trong những trường hợp đó, nên trình bày số thứ tự ô nhịp trong bản nổi ở đầu mỗi đoạn song song hoặc mỗi 2 hoặc 3 đoạn song song.

35.10.1. Các bè hợp xướng được phân chia

Khi hai (hoặc hơn) bè trong hợp xướng được viết cùng nhau trên một khuông nhạc, nên chuyển đổi chúng riêng lẻ trừ khi các bè này gần như luôn luôn đồng âm. Tại vị trí một bè chỉ thỉnh thoảng bị phân chia, có thể chuyển đổi các giọng cùng nhau như một bè, trình bày các ô nhịp khác nhau bằng phương pháp kẹp nốt. Các đoạn kẹp được viết thành chữ nổi từ cao nhất đến thấp nhất trong các bè nữ cao và nữ trầm, và thấp nhất đến cao nhất trong nam cao và nam trầm. Ô nhịp đầu tiên trong một đoạn nhạc có bè bị phân chia nên được mở đầu bằng ký hiệu cảnh báo \therefore trong bản nổi, không có khoảng trắng xen giữa; nốt đầu tiên theo sau ký hiệu này cần có một dấu bậc. Ngoài ra, tại vị trí bè bị phân chia trên phạm vi rộng và cần phải viết tất cả các giọng trong cùng một bản chuyển đổi, nên ưu tiên xử lý bè này như đồng diễn và chuyển đổi nhạc như mô tả trong Chương [37](#).

Ví dụ 35.10.1-1.

The image shows a musical score for 'Alleluia, Alleluia, Amen'. It features a bass clef, a key signature of one flat (B-flat), and a 4/4 time signature. The melody is written on a single staff. Above the staff, there are two lines of Braille notation. Below the staff, the lyrics 'Al - le - lu - ia, Al - le - lu - ia, A - men.' are written in a spaced-out format to align with the notes.

35.11. Thánh ca và hát nói

Trong thánh ca hay hát nói, nhiều âm tiết được hát trên một nốt dài, dấu mở và đóng ngoặc cho nốt tường thuật \therefore được dùng để bao quanh phần chữ được hát trên nốt tường thuật. Mỗi lời liên tiếp được trình bày như mô tả trong Mục [35.7](#). Dấu chỉ trong phần chữ (nếu có) nhìn tương tự như dấu nhấn âm hoặc dấu nháy (') được chuyển đổi thành ký hiệu \therefore đặt giữa hai khoảng trắng. Dấu hoa thị trình bày trong bản phổ thông với vai trò như dấu phân cách được mô tả bằng ký hiệu dấu hoa thị \therefore đặt giữa hai khoảng trắng. (Xem Ví dụ [35.11.1-1](#).) (Lưu ý: Sử dụng chữ nổi viết tắt trong ví dụ này và ví dụ theo sau vì chúng là nhạc thánh ca.)

Ví dụ 35.11-1.

The image shows a single line of Braille notation. It consists of several groups of Braille characters, including a double colon symbol \therefore and a star symbol \therefore , which are used as musical notation for the example.

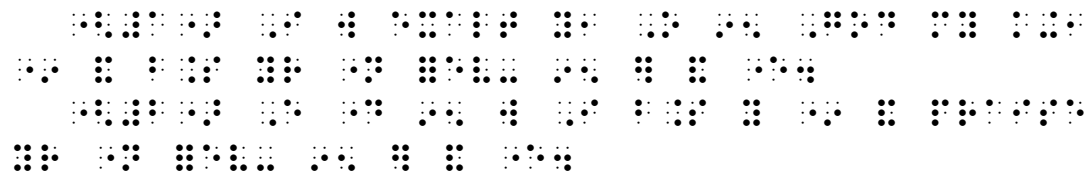


Blessed be the Lord,
 the God of Israel; he has come
 to his
 people and set them free.

35.11.1. Thánh ca chỉ in lời mà không có nhạc

Khi một bài thánh ca chỉ được in phần lời và không có nốt nhạc, nó được chuyển đổi dưới dạng đoạn văn, mỗi lời viết thành một đoạn văn bắt đầu bằng số thứ tự đặt giữa hai dấu ngoặc đơn trong văn bản. Các dấu chỉ và dấu hoa thị được chuyển đổi như mô tả trong Mục [35.11](#).

Ví dụ 35.11.1-1.

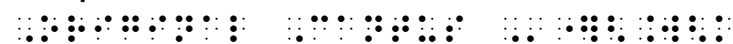


1I will exalt you, O God my king,*
 and bless your name
 forever and ever.
 2Every day will I bless you*
 and praise your name
 forever and ever.

35.12. Quảng giọng và hóa biểu dịch chuyển

Nếu hóa biểu gốc của một bè dịch giọng và/hoặc quảng giọng của một giọng đã được trình bày trong bản phổ thông và sẽ được mô tả trong bản nổi, nên viết các thông tin này ở lề trang tại một dòng tách biệt trước một dòng trống trước tiêu đề chỉ dẫn. Quảng giọng được trình bày bằng ký âm âm nhạc, nốt thấp nhất (đứng trước là dấu báo ký hiệu âm nhạc) có nốt cao nhất đứng liền sau, kết thúc bằng vạch nhịp nét đôi.

Ví dụ 35.12-1.



36. BIỂU TƯỢNG HỢP ÂM VÀ LỜI NHẠC

(Bảng 23)

36.1. Mở rộng đoạn song song để chứa biểu tượng hợp âm

Khi các ca từ, biểu tượng hợp âm và một giai điệu hiện diện, chúng được kết hợp trong một định dạng dòng-nổi-dòng mở rộng bao gồm một đoạn song song có 3 dòng. Ca từ đặt ở dòng đầu tiên, tương ứng với biểu tượng hợp âm ở dòng thứ hai và giai điệu tương ứng đặt ở dòng thứ ba. Không được phép dùng các dòng kéo dài cho dòng lời. Dòng lời luôn bắt đầu ở lề trang bằng một ca từ, một âm tiết, một ký hiệu giãn cách gồm hai ô chữ nổi chấm 36, hoặc một số thứ tự ô nhịp. Các biểu tượng hợp âm, như mô tả trong Chương 23, được đặt tương ứng với các âm tiết của ca từ, và giãn cách của các âm tiết trong dòng lời có thể được điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu của biểu tượng hợp âm. Dòng nhạc luôn bắt đầu ở ô 3 (dòng kéo dài, nếu có, bắt đầu ở ô 5) và được chuyển đổi tương ứng với lời bài hát như chỉ dẫn trong Chương 35.

36.1.1. Cần có chú thích của người chuyển đổi

Phải viết một loạt các đoạn văn trong trang chú thích của người chuyển đổi cho bất kỳ bản chuyển đổi nào có chứa biểu tượng hợp âm đi cùng với lời nhạc. Mỗi câu trong các khẳng định sau đây (không bao gồm các chữ cái (a), (b),... đặt trong ngoặc) mà có thể áp dụng cho một bản chuyển đổi nào đó thì nên được viết thành một đoạn văn riêng biệt, theo thứ tự như trình bày dưới đây.

(a) Các biểu tượng hợp âm trong bài hát này có mối liên hệ với các ca từ; vị trí của ký hiệu viết hoa đầu tiên trong mỗi biểu tượng hợp âm xác định hợp âm được chơi trước, cùng lúc hay sau từ hoặc âm tiết liên quan.

(b) Các dấu câu và ký hiệu nhắc lại trong dòng lời không có mối liên hệ nào với vị trí tương ứng của ký hiệu đầu tiên trong hợp âm. Khi một từ được in hoa, ký hiệu viết hoa chữ nổi được xem như ký tự đầu tiên của từ.

(c) Một số ca từ xuất hiện và giãn cách bất thường là do phải có lượng khoảng trống cần thiết để có vị trí chính xác cho mỗi biểu tượng hợp âm.

(d) Nếu hợp âm vang lên trước âm tiết, ký hiệu viết hoa đầu tiên của nó được đặt cách 2 khoảng trắng về bên trái trong dòng bên dưới ký tự đầu tiên của âm tiết.

(e) Nếu hợp âm vang lên cùng với âm tiết, ký hiệu viết hoa đầu tiên của nó được căn chỉnh thẳng hàng theo chiều dọc bên dưới ký tự đầu tiên của âm tiết.

(f) Nếu hợp âm vang giữa âm tiết, ký hiệu viết hoa đầu tiên có một dấu gạch nối đứng trước; khi nó là hợp âm đầu tiên vang lên giữa âm tiết, dấu gạch nối được căn chỉnh bên dưới ký tự đầu tiên của âm tiết.

(g) Nếu hợp âm vang lên sau khi âm tiết kết thúc, ký hiệu viết hoa đầu tiên của nó được đặt cách 1 khoảng trắng về bên phải trong dòng bên dưới chữ cái cuối cùng của âm tiết.

36.2. Điều chỉnh giãn cách các từ

Nếu độ dài của một (hay nhiều) biểu tượng hợp âm trải rộng trên phạm vi vượt quá điểm cuối của một từ hoặc âm tiết trong lời nhạc, cần phải chừa các khoảng trống giữa chúng. Nếu phải phân chia ca từ thành các âm tiết cho phù hợp với độ dài của biểu tượng hợp âm, chèn thêm dấu gạch nối giữa các âm tiết, cùng với các khoảng trắng bất kỳ theo sau nếu cần. Tại vị trí khoảng trắng phát sinh do các biểu tượng hợp âm đòi hỏi phải có một đoạn phân tách gồm 4 ô trở lên giữa các ca từ hoặc sau dấu gạch nối giữa các âm tiết, một chuỗi gồm 2 chấm 36 trở lên được thêm vào dòng lời, có một ô trống ở trước và sau chuỗi này. Từ/âm tiết đầu tiên theo sau một biểu tượng hợp âm mà bắt đầu bằng một dấu gạch nối phải được đặt cách ít nhất 2 khoảng trắng về bên phải của dấu gạch nối để từ/âm tiết mới không bị liên kết với hợp âm trước.

36.2.1. Nhắc lại ca từ và biểu tượng hợp âm

Khi biểu tượng hợp âm được trình bày cùng với lời nhạc, chỉ có thể sử dụng ký hiệu nhắc lại ca từ khi từ/cụm từ và phần lặp lại của nó hoàn toàn nằm trong thời gian chơi hợp âm, hoặc khi các hợp âm thay đổi giống nhau trong tất cả các phần lặp lại. Từ/cụm từ phải được viết ra khi các hợp âm liên quan là khác nhau.

36.3. Căn chỉnh các biểu tượng hợp âm dưới lời nhạc

Vị trí đặt ký hiệu viết hoa đầu tiên của mỗi hợp âm (hoặc dấu gạch nối đứng trước nó) được xác định dựa theo hợp âm được chơi cùng lúc, trước, giữa, hay sau khi hát từ/âm tiết. Không cần xét đến các ký hiệu nhắc lại từ và tất cả các dấu câu, bao gồm cả dấu phẩy trên (dấu ' trong các từ *I'm*, *You're*,...), trong

dòng lờ khi căn chỉnh. Chỉ cần có 1 khoảng trắng giữa các biểu tượng hợp âm liên tiếp khi biểu tượng hợp âm đầu tiên chứa một chữ cái viết hoa thứ hai vốn là tên của một nốt; chữ cái này có thể bị hiểu nhầm thành ký hiệu bắt đầu một biểu tượng hợp âm mới. Sự hiện diện của một chữ cái, ví dụ như chữ *M* viết hoa đại diện cho từ "major" (hợp âm trưởng), vốn không phải là tên của một nốt, thì không thể bị hiểu nhầm như trên.

36.3.1. Hợp âm và âm tiết vang lên cùng nhau

Khi hợp âm vang lên cùng lúc với từ/âm tiết liên quan, ký hiệu viết hoa đầu tiên của biểu tượng hợp âm được căn chỉnh theo chiều dọc bên dưới ký tự đầu tiên của âm tiết, dù là ký hiệu viết hoa hay chữ cái.

Ví dụ 36.3.1-1.

Braille notation for the first example, showing chord symbols F, Bb, F, C7, F, C7, F aligned with the lyrics.

Twin-kle, twin-kle, lit-tle star, how I won-der what you are.

Ví dụ 36.3.1-2.

Braille notation for the second example, showing chord symbols F, Dm, F, Dm, Bb, F aligned with the lyrics.

Twin - kle, twin - kle, lit - tle star,

Ví dụ 36.3.1-3.

Braille notation for the third example, showing chord symbols.

Twin - kle, twin - kle, lit - tle star,

36.3.2. Hợp âm vang lên trước âm tiết

Khi hợp âm vang lên trước từ/âm tiết, ký hiệu viết hoa đầu tiên của hợp âm được đặt cách 2 khoảng trắng về bên trái trong dòng bên dưới ký tự đầu tiên của từ. Tuy nhiên, nếu một hợp âm đứng trước từ đầu tiên trong một dòng, khiến cho dòng này không thể bắt đầu ở lề trang theo quy tắc, có thể căn chỉnh bằng 1 trong 3 cách:

- (a) Đoạn song song đứng trước có thể được rút ngắn hoặc kéo dài để cho phép dòng lời mới bắt đầu ở ô thứ 1.
- (b) Nếu dòng lời bắt đầu bằng một số thứ tự ô nhịp, sẽ có khoảng trống cho biểu tượng hợp âm trước biểu tượng đầu tiên của hợp âm. Không nên tùy ý thêm số thứ tự ô nhịp để tiện cho việc căn chỉnh.
- (c) Có thể đặt 2 ô chấm 36 và một ô trống ở lề trang của dòng lời để có các khoảng trắng cần thiết.

Ví dụ 36.3.2-1.

Twin-kle, twin-kle, lit-tle star, how I won-der what you are.

Ví dụ 36.3.2-2.

Twin- kle, twin- kle, lit- tle star, how I won- der what you are.

Ví dụ 36.3.2-3.

Twin- kle, twin- kle, lit- tle star, how I won- der what you are.

Ví dụ 36.3.2-4.

Twin- kle, twin- kle, lit- tle star, how I won- der what you are.

36.3.3. Hợp âm vang lên giữa âm tiết

Khi một hợp âm khởi đầu giữa một âm tiết, yếu tố căn chỉnh là một dấu gạch nối. Dấu gạch nối, theo sau là ký hiệu viết hoa của hợp âm và không có khoảng trắng xen giữa, được căn chỉnh theo chiều dọc với ký tự đầu tiên của từ/âm tiết.

(a) Khi các hợp âm liên tiếp vang lên giữa một âm tiết đơn lẻ, các dấu gạch nối kết nối chúng, không có khoảng trắng xen giữa.

(b) Không cần có khoảng trắng sau một biểu tượng hợp âm chứa 2 chữ cái viết hoa vốn là tên của các nốt nhạc khi biểu tượng hợp âm đứng sau bắt đầu bằng một dấu gạch nối.

(c) Trong dòng lời, các âm tiết của một từ đôi khi phải bị tách biệt bởi một dấu gạch nối để ký tự đầu tiên của âm tiết theo sau không trùng tụ với ký hiệu viết hoa đầu tiên của hợp âm.

Ví dụ 36.3.3-1.

Braille notation for chords: Am7, Am7/D, G, G/F#, Em.

Who knows if we_ will meet a- gain?_

Ví dụ 36.3.3-2. (a) và (b)

Braille notation for chords: Cm, G7, Cm, Fm/C, Cm.

Far, far a - way.

Ví dụ 36.3.3-3. (c)

Braille notation for chords: C, Cm, Gm, G9, C.

Then o - pen your hearts to love.

36.3.4. Hợp âm vang lên sau khi kết thúc một âm tiết

Khi một hợp âm vang lên sau khi một âm tiết hoặc một từ kết thúc, ký hiệu viết hoa đầu tiên của hợp âm được đặt cách 1 khoảng trắng về bên phải trong dòng bên dưới chữ cái cuối cùng. Nếu ký hiệu trong hợp âm trước đó đã mở rộng vượt quá từ này, hợp âm theo liền sau mà không có khoảng trắng xen giữa, trừ khi hợp âm trước chứa 2 chữ cái viết hoa vốn là các tên nốt.

Ví dụ 36.3.4-1.

Example 36.3.4-1 shows a musical staff in C minor, common time. The melody consists of a quarter note G4, a quarter note A4, a quarter note Bb4, a quarter note C5, a quarter note Bb4, a quarter note A4, and a quarter note G4. Above the staff, the chords Cm, D, and GM7 are indicated. The lyrics are "blue, as it is now and then;".

Ví dụ 36.3.4-2.

Example 36.3.4-2 shows a musical staff in C minor, 4/4 time. The melody consists of a half note G4, a half note A4, a whole note Bb4, and a whole note C5. Above the staff, the chords Dm, Db^{o7}, Cm⁷, and F⁷ are indicated. The lyrics are "love a - way."

36.3.5. Các đoạn song song không chứa thay đổi hợp âm

Trong một đoạn nhạc có rất ít ký hiệu hợp âm, có thể sẽ xuất hiện một đoạn song song hoàn toàn không có thay đổi hợp âm. Trong trường hợp đó, hợp âm cuối cùng có hiệu lực trong đoạn song song trước đó được viết lại giữa các ký hiệu báo từ ở đầu dòng hợp âm, ký hiệu báo bắt đầu từ được căn chỉnh theo chiều dọc với từ/âm tiết đầu tiên.

Ví dụ 36.3.5-1.

Example 36.3.5-1 shows a musical staff with a sequence of chords: Dm, Db^{o7}, Cm⁷, and F⁷. The lyrics are "love a - way."

36.3.6. Thay đổi hợp âm trong đoạn nghỉ và đoạn giới thiệu (intro)

Khi có thay đổi hợp âm tại các vị trí không có lời hát, đoạn nhạc được bắt đầu trong một đoạn song song mới. Cụm từ "no words" (không lời) in nghiêng hoặc viết hoa toàn từ để thể hiện không hát từ này, được đặt ở lề trang để đại diện cho dòng lời. Biểu tượng hợp âm được viết trong dòng hợp âm bên dưới cụm từ đó, và trong dòng giai điệu (dòng nhạc) viết các dấu lặng thích hợp. Tuy nhiên, khi hợp âm thay đổi trong các đoạn đủ ngắn và có chỗ ở cuối đoạn song song để bắt đầu phần lời tiếp theo, dòng lời có thể được bắt đầu ở lề trang bằng số thứ tự ô nhịp, hoặc bằng một chuỗi các dấu gạch nối và một khoảng trắng. Khi sử dụng số thứ tự ô nhịp, khoảng trống giữa số thứ tự này và ký tự đầu tiên của lời nhạc được lấp đầy bằng một chuỗi các dấu gạch nối có khoảng trắng đứng trước và sau.

Ví dụ 36.3.6-1.

Ví dụ 36.3.6-2.

(a) Có số thứ tự ô nhịp

Braille musical notation for a short piece of music.

(b) Có ký hiệu giãn cách

Braille musical notation for a short piece of music with a gap.

11 F Bb7 F F G7
She left me sing-in' the blues...
15 C7 Bb C7 F G7 Bbm
I got the Fri-day night blues...

36.4. Biểu tượng hợp âm và lời nhạc đứng riêng lẻ

Khi các ca từ và hợp âm xuất hiện riêng lẻ, và không có phần nhạc nào hiện diện, sử dụng đoạn song song gồm 2 dòng, căn chỉnh hợp âm bên dưới âm tiết liên quan như mô tả trong Mục [36.2–36.3.4](#) và [36.3.6](#).

Ví dụ 36.4-1.

Braille musical notation for the example.

G7 Dm7 G7 F Em Dm

And I'll try to be smiling.

36.5. Thay đổi hợp âm trong nhạc có nhiều lời

Khi nhiều hơn một lời được viết cho cùng một đoạn nhạc, hoặc các đoạn nhạc có khác biệt nhỏ, chỉ có lời đầu tiên được viết cùng với hợp âm và giai điệu

(nhạc). Các lời thêm vào được viết ở cuối tác phẩm trong những đoạn song song chỉ gồm lời và hợp âm. Số thứ tự của lời được viết giữa các dấu ngoặc trong văn bản ở lề trang trong dòng đầu tiên của mỗi lời viết thêm. Mỗi dòng liên tiếp của ca từ trong lời đó được thụt lề đến ô 3.

Ví dụ 36.5-1.

How I wish you were here.
Just to know you are here.

36.5.1. Khác biệt nhỏ giữa các ca từ trong hai lời nhạc

Khi lời 2 chỉ có vài từ khác với lời 1, có thể trình bày điểm khác biệt trong lời 1 với điều kiện ca từ gốc và ca từ biến thể có thể được viết trên một dòng chữ nổi. Ký hiệu chỉ số thứ tự lời và biến thể được đặt giữa các ký hiệu báo từ. Các hợp âm được trình bày dưới mỗi phiên bản, nhưng giai điệu thì chỉ viết một lần.

Ví dụ 36.5.1-1.

Will you [wait for] me? [come with]

37. HỢP XƯƠNG

(Bảng [31](#) và [32](#))

37.1. Định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp mở rộng

Bản nhạc cho dàn hợp xướng được chuyển đổi dưới định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp, có điều chỉnh để thêm phần lời bên trên phần nhạc trong mỗi đoạn song song. Tất cả các lời nhạc của đoạn song song được viết trên những dòng chữ nối liền tiếp, theo sau là tất cả các dòng nhạc. Đoạn song song không bao gồm phần đệm bằng nhạc cụ. Khi cần chuyển đổi một bè cá nhân có chứa các đoạn nhạc được phân chia như thể đó là một bản hợp xướng, hoặc một nhóm nhỏ của dàn hợp xướng đầy đủ, ví dụ như chỉ bè giọng nam hoặc bè giọng nữ, có thể sử dụng phương pháp giống như trên. Cách sắp đặt các dòng trong mỗi đoạn song song được xác định bằng những mối quan hệ giữa phần lời và phần hát. Các phương pháp và quy tắc chung sau đây được áp dụng suốt bản nhạc.

- (a) Không cần phải chừa một dòng trống giữa các đoạn song song liền tiếp.
- (b) Số thứ tự ô nhịp hoặc đánh dấu cho diễn tập nên được đặt ở lề trang, trong một dòng tự do phía trên dòng đầu tiên của đoạn song song. Đánh dấu cho diễn tập nên được đặt giữa các ký hiệu báo từ; còn số thứ tự ô nhịp thực tế thì không cần.
- (c) Một bè nghỉ suốt đoạn nhạc trong đoạn song song thì được lược bỏ trong đoạn song song đó.
- (d) Các dòng lời bắt đầu ở lề trang, có dòng kéo dài bắt đầu ở ô chữ nổi thứ 5. Chỉ được phép sử dụng dòng lời kéo dài khi chỉ có một dòng lời duy nhất trong đoạn song song.
- (e) Các dòng nhạc bắt đầu ở ô chữ nổi thứ 3, có dòng kéo dài bắt đầu ở ô chữ nổi thứ 5. Tuy nhiên, khi phần chữ được viết bằng hai thứ tiếng, dòng nhạc bắt đầu ở ô 5 và dòng kéo dài bắt đầu ở ô 7. (Xem Mục [37.4](#).) Chỉ có thể sử dụng dòng nhạc kéo dài khi chỉ có một dòng nhạc duy nhất trong đoạn song song.
- (f) Mỗi dòng lời và mỗi dòng nhạc trong đoạn song song đầu tiên của trang chữ nổi được bắt đầu bằng ký hiệu chỉ định tương ứng cho biết tên bè. Ký hiệu chỉ định trong dòng lời luôn có một khoảng trắng theo sau. Ký hiệu chỉ định trong dòng nhạc không có khoảng trắng theo sau trừ khi cần phải căn chỉnh các ký hiệu nhạc đầu tiên của nó. Không cần viết lại các ký hiệu chỉ định khi việc ấn định dòng nào là lời dòng nào là nhạc vẫn không đổi trong các đoạn song song liền tiếp trên cùng trang. Bất cứ khi nào có thay đổi trong việc ấn định các dòng lời, tất cả các dòng lời trong đoạn song song phải có ký hiệu chỉ định. Tương tự, bất cứ khi nào có thay đổi trong ấn định các dòng nhạc, tất cả các dòng nhạc trong đoạn song song phải có ký hiệu chỉ định.

(g) Tất cả các lời nhạc tiếng Anh đều được viết đủ (không sử dụng chữ tắt) ngoại trừ trong nhạc thánh, bình ca, ca tụng và tài liệu cho cấp tiểu học (Xem Mục [1.2.1.](#))

(h) Cách phân chia âm tiết, luyến láy, và phân chia ca từ giữa các đoạn song song được thực hiện như trong nhạc cho đơn ca, theo mô tả trong Chương [35](#).

(i) Không cần cố gắng loại bỏ các đánh dấu về cường độ hoặc các ký hiệu diễn đạt khác ra khỏi phần căn chỉnh. Nếu đoạn song song chứa nhiều hơn một ô nhịp, các ký hiệu đầu tiên của ô nhịp được căn chỉnh theo chiều dọc trong tất cả các bè. Nốt đầu tiên của mỗi dòng nhạc cần có một dấu bậc, nhưng các nốt đầu tiên của các ô nhịp liên tiếp không cần dấu bậc trừ khi cần có vì lý do khác.

(j) Các quãng và đoạn kẹp được đọc từ trên xuống trong bè nữ cao (soprano) và bè nữ trầm (alto), và đọc từ dưới lên trong bè nam cao (tenor) và bè nam trầm (bass).

(k) Khi bè nam cao được in bằng khóa treble (khóa Son) mà không có số 8 nhỏ ở dưới, nó được chuyển đổi trong bậc sẽ được hát, như thể có số 8 hiện diện.

(l) Khi bản nhạc có lời được in dưới định dạng cô đọng, thường là dùng một khuôn nhạc đơn hoặc một khuôn nhạc lớn như bản nhạc cho nhạc cụ phím, các bè được chuyển thành chữ nổi dưới định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp mở rộng trừ khi cần có bản chuyển đổi y bản.

37.2. Tất cả các bè có lời giống nhau

Chỉ cần có một dòng lời khi tất cả các giọng đều có lời giống nhau cho phần nhạc trong đoạn song song, dù người biểu diễn hát cùng lúc hay vào các thời điểm khác nhau. Không cần phải ghi ký hiệu chỉ định trong dòng lời để chỉ ra tên bè.

Ví dụ 37.2-1.

The image shows a musical score for the hymn 'Ma-ry, Ma-ry, quite con-tra-ry, how does your gar-den grow?'. The score is presented in two parts: Braille notation and standard musical notation. The Braille notation is arranged in a grid above the staff, with each line of Braille corresponding to a specific part of the melody. The standard musical notation is in 4/4 time, with a key signature of one sharp (F#). The lyrics are written below the staff, with the first line of lyrics 'Ma-ry, Ma-ry, quite con-tra-ry, how does your gar - den grow?' and the second line 'Ma-ry, Ma-ry, quite con-tra-ry, how does your gar-den grow?_'. The Braille notation is placed above the staff, and the lyrics are placed below the staff.

37.2.1. Các bè có khác biệt nhỏ về lời

Khi tất cả các bè có lời giống nhau ngoại trừ một hay nhiều giọng có khác biệt nhỏ, chẳng hạn như lặp lại một từ/cụm từ hoặc thêm từ, các biến thể có thể được chèn thêm vào dòng lời. Phần chèn thêm được đặt giữa một cặp ký hiệu báo từ, có các khoảng trắng theo trước và theo sau. Ký hiệu chỉ định cho giọng chịu tác động được đặt ngay sau ký hiệu báo mở đầu từ; một khoảng trắng theo sau chấm 3 kết thúc ký hiệu chỉ định.

Ví dụ 37.2.1-1.

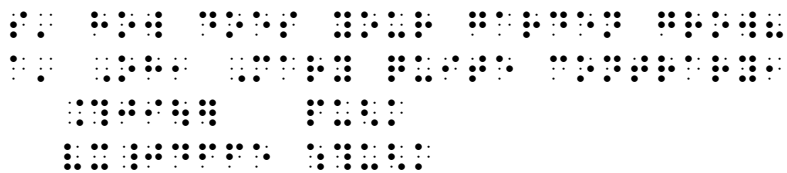
Ma-ry, Ma-ry, Ma-ry quite con-tra-ry, how does your gar - den grow?

Ma-ry, Ma-ry, quite con - tra-ry, how how does your gar-den grow?_

37.3. Các bè có lời khác nhau

Khi tất cả các giọng trong một đoạn song song có lời khác nhau, các ca từ cho mỗi bè được viết trên một dòng riêng biệt, bắt đầu ở lề trang bằng ký hiệu chỉ định tên giọng và một khoảng trắng. Ký tự đầu tiên của phần lời trong tất cả các dòng của đoạn song song được căn chỉnh theo chiều dọc; chừa thêm các khoảng trắng khi các ký hiệu chỉ định có độ dài khác nhau. Không được sử dụng các dòng kéo dài khi có từ hai dòng chữ trở lên. Phải viết các ký hiệu chỉ định ở đoạn song song đầu tiên trên trang chữ nổi, nhưng không cần viết lại ở các đoạn song song liên tiếp trên trang đó khi việc ấn định các dòng là không đổi, và trong các đoạn song song đó phần lời bắt đầu ở lề trang. Việc ấn định các dòng lời và dòng nhạc được xử lý riêng biệt. Nếu có thay đổi trong ấn định dòng lời nhưng không đổi trong dòng nhạc, các ký hiệu chỉ định được trình bày trong dòng lời nhưng không trình bày trong dòng nhạc. Tương tự, nếu có thay đổi trong ấn định dòng nhạc nhưng không thay đổi dòng lời, chỉ cần trình bày ký hiệu chỉ định cho dòng nhạc.

Ví dụ 37.3-1.



how does your gar - den grow?

Ma-ry, Ma-ry, quite con-tra-ry, Oh, Ma-ry quite con-tra-ry,

37.3.1. Kết hợp các dòng giống nhau

Khi có từ hai bè giọng liền kề trở lên có lời giống nhau trong đoạn song song, dòng lời của chúng có thể được hợp nhất bằng cách viết các ký hiệu chỉ định xếp theo trật tự ở đầu dòng. Tương tự, nếu hai bè giọng liền kề có phần nhạc giống nhau, dòng nhạc của chúng có thể được hợp nhất bằng cách kết hợp các ký hiệu chỉ định, chỉ trình bày ký hiệu báo từ mở đầu, các chữ cái, và một chấm 3 kết thúc.

Ví dụ 37.3.1-1.

SOPRANO

Ma-ry, Ma - ry quite con - tra-ry, how does your gar - den grow?

ALTO

Ma-ry, Ma - ry quite con - tra-ry, how does your gar - den grow?

TENOR

How does your gar-den grow? Oh, Ma-ry quite con-tra-ry.

BASS

How does your gar - den grow? Oh, Ma-ry quite con - ra-ry.

37.4. Lời bài hát có hai thứ tiếng

Khi phần chữ trong lời nhạc của bản nhạc hợp xướng được in bằng hai thứ tiếng, ngôn ngữ gốc được viết sau, gằn dòng nhạc hơn trong bản nổi. Dòng lời của ngôn ngữ thứ nhất trong hai ngôn ngữ được chuyển đổi bắt đầu ở lê trang, có ký hiệu chỉ định tên bè giọng ở vị trí cần ghi. Dòng lời của ngôn ngữ gốc được viết ở dòng chữ nổi theo sau, bắt đầu ở ô chữ nổi thứ 3, cũng có các ký hiệu chỉ định tại vị trí cần ghi. Không được sử dụng dòng kéo dài ở bất kỳ ngôn ngữ nào. Dòng nhạc được chuyển đổi sau đó, bắt đầu ở ô 5, có ký hiệu chỉ định khi cần; các dòng nhạc kéo dài bắt đầu ở ô 7 và chỉ được phép sử dụng khi chỉ có một dòng nhạc duy nhất trong đoạn song song.

Ví dụ 37.4-1.

Braille notation for the lyrics is provided above the musical staves.

SOPRANO
 Inns-bruck, ich muss dich las - sen,
Inns - bruck, I now must leave you,

ALTO
 Inns - bruck, ich muss dich las - sen,
Inns - bruck, I now must leave you,

TENOR
 Inns-bruck, ich muss dich las - sen,
Inns - bruck, I now must leave you,

BASS
 Inns - bruck, ich muss dich las - sen,
Inns - bruck, I now must leave you,

37.5. Bè phân chia tạm thời

Khi một bè được phân chia tạm thời, các giọng riêng biệt có thể được trình bày bằng một trong 3 cách. Nếu các giọng có tiết tấu và lời giống nhau, có thể sử dụng các quãng. Nếu các giọng có tiết tấu khác nhau nhưng lời giống nhau, và đoạn phân chia ngắn, có thể dùng ký hiệu kẹp nốt. Trong cả hai trường hợp này, ký hiệu cảnh báo bè bị phân chia ∷ phải đứng trước ô nhịp đầu tiên của đoạn chứa phần chia, và nốt đầu tiên theo sau ký hiệu này phải có một dấu bậc. Nếu

các giọng có tiết tấu và/hoặc lời khác nhau, và việc sử dụng ký hiệu kẹp khiến cho cách trình bày trở nên phức tạp, thông thường các bè được ưu tiên trình bày trong các dòng liên tiếp có ký hiệu chỉ định tương ứng. Trong trường hợp này, không cần ghi dấu cảnh báo.

Ví dụ 37.5-1.

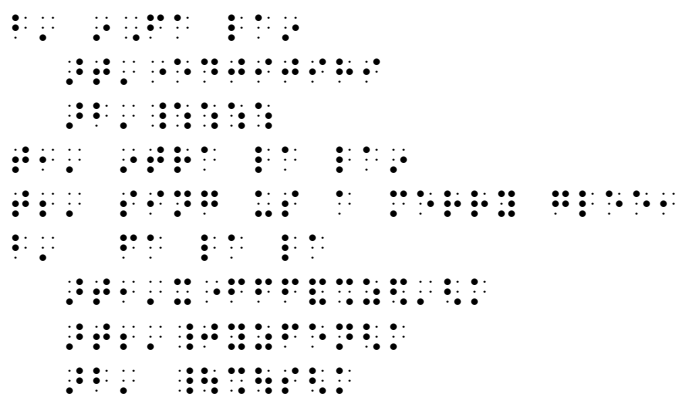
Example 37.5-1 shows a musical score for Tenor and Bass in 4/4 time. The Tenor part is in G major (one sharp) and the Bass part is in F# major (two sharps). The lyrics are: "Fid-dle fad-dle fid-dle fad-dle, sing us a mer-ry glee, Fa la fa la fa la la". Above the score is a large block of Braille notation. Below the Tenor staff, there are several lines of Braille notation corresponding to the lyrics.

Ví dụ 37.5-2.

Example 37.5-2 shows a musical score for Tenor and Bass in 4/4 time, similar to the previous example. The lyrics are: "Fid-dle fad-dle fid-dle fad-dle, sing us a mer-ry glee, Fa la fa la fa la la". Above the score is a large block of Braille notation. Below the Tenor staff, there are several lines of Braille notation corresponding to the lyrics.

Ví dụ 37.5-3.

Example 37.5-3 shows a large block of Braille notation, likely representing the lyrics for this example.



TENOR

Fid-dle fad-dle fid-dle fad-dle, sing us a mer-ry glee,

BASS

Fa la fa la fa la la

tra la la tra la la

37.6. Đoạn song song cần nhiều hơn một trang chữ nổi

Mỗi đoạn song song phải kết thúc trên trang chữ nổi mà nó bắt đầu. Tuy nhiên, nếu một đoạn song song mở rộng đến quá nhiều dòng và không thể viết hết trên một trang, đoạn song song đó có thể được bắt đầu ở đầu trang bên trái và kết thúc ở trang đối diện bên phải. Nếu có thể, nên đặt điểm phân chia thành các nhóm bè có liên quan, và số dòng trên hai trang nên gần bằng nhau.

38. NHẠC KỊCH

38.1. Bản nhạc có lời và các trích dẫn diễn đơn

Đối với nhạc cho opera, operetta, nhạc kịch hài, oratorio (thanh xướng kịch), hoặc các hình thức nhạc kịch khác, có thể cần có bản chuyển đổi dưới dạng một phần cho một nhân vật trích từ bản nhạc phổ thông đầy đủ, một bản nhạc thành phần thể hiện các phần cho các nhân vật được chọn, hoặc một bản nhạc hoàn chỉnh thể hiện tất cả các tài liệu biểu diễn của tất cả các nhân vật. Tương tự như các bản nhạc đơn hay hợp xướng khác, phần đệm bằng nhạc cụ không được thêm vào bản chuyển đổi mà được chuyển đổi riêng, theo mô tả trong Mục [29.8](#). Một bản nhạc cho một nhân vật được chuyển đổi như cách làm đối với một bè trong hợp xướng, theo mô tả trong Mục [35.10](#). Một bản nhạc chứa nhiều vai diễn được chuyển đổi như một dàn hợp xướng, theo mô tả trong Chương [37](#). Phải tuân theo tất cả các quy ước liên quan đến các định dạng trên. Một số điểm điều chỉnh và bổ sung được mô tả dưới đây.

38.2. Danh sách nhân vật

Khi bản nhạc chứa phần nhạc cho hai nhân vật trở lên được chuyển đổi theo cách chuyên đổi cho hợp xướng, phải gán ký hiệu chỉ định có 1 hoặc 2 chữ cái cho tên của mỗi nhân vật. Các ký hiệu chỉ định không được trùng nhau, không viết hoa, và luôn kết thúc bằng chấm 3. Chúng được sử dụng trong các đoạn song song hoàn toàn giống như tên các bè trong dàn hợp xướng. Không nên sử dụng các ký hiệu chỉ định chỉ có một chữ cái *c*, *d*, *f* và *p*, để tránh nhầm lẫn với các đánh dấu về cường độ khi chúng có ký hiệu báo từ đứng trước trong các dòng nhạc của đoạn song song. Tên các nhân vật cùng với ký hiệu chỉ định của chúng phải được viết trong một bảng kê ở đầu bản nhạc. Thứ tự các nhân vật trong bảng này có thể viết theo như trong danh sách phân vai trên trang mở đầu của bản nhạc phổ thông, hoặc có thể được liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái, thứ tự xuất hiện, hoặc theo thứ tự khác. Nếu không, cũng có thể viết theo thứ tự được sắp xếp từ trên xuống trong bản nhạc phổ thông.

Ví dụ 38.2-1.

Braille notation for the example above, consisting of three staves of musical notation with lyrics and character names.

Amelia
Who's at the door? Oh!

Barbara
I'll an-swer it. Oh!

Charles
It's on-ly me.

Ví dụ 38.2-2.

Braille notation for the second example, consisting of two staves of musical notation.

Braille musical notation for Gretel and Hansel.

Gretel. **Piu animato**

Fa -ther, mo -ther, ah! *Hansel.* Ah!

See there, the man - kin, sis - ter dear!

38.3. Chỉ đạo sân khấu

Vấn đề chỉ đạo sân khấu có thể khá rắc rối. Các từ đơn hoặc cụm từ ngắn có thể được đặt trong dòng lời của nhân vật được chỉ đạo. Chỉ được sử dụng các dòng lời kéo dài chứa những chỉ đạo như thế khi chỉ có một dòng lời duy nhất trong đoạn song song. Các chỉ đạo dài hơn, đặc biệt là khi có nhiều chỉ đạo, có thể được đánh số và đặt trên trang riêng ở cuối một cảnh hoặc màn diễn. Số này được viết trong dòng nhạc, bắt đầu bằng ký hiệu báo in nghiêng thích hợp và đặt giữa các khoảng trắng. Nếu con số này xuất hiện ở đầu một ô nhịp, nó được đặt ra ngoài phần căn chỉnh các bè; nếu nó bắt đầu đoạn song song, con số được đặt sau ký hiệu chỉ định và có khoảng trắng xen giữa.

Ví dụ 38.3-1.

Braille musical notation for Example 38.3-1.

Phyllis (dials impatiently)

Pick up, pick up!

George (holds cellphone to ear)

George (smiles smugly)

Hel - lo.

Ví dụ 38.3-2.

(Đặt ở phần ghi chú cuối cảnh hoặc màn diễn)

(Rushes horror-struck under the tree and falls on her knees, hiding herself behind Hansel.)

Piu animato

Gretel.

Fa - ther, mo - ther, ah! Ah!

(At this moment the mist lifts on the left; a little grey man is seen with a little sack on his back.)

Hansel.

See there, the man-kin, sis - ter dear!

38.4. Nói lỏng các quy tắc trong bản chuyển đổi lược bản

Các bản nhạc cho nhạc kịch thường được in dưới các định dạng cô đọng khác thường. Trừ khi cần có bản chuyển đổi y bản, thông thường sẽ thiết thực hơn khi sắp xếp lại chúng theo cách bố trí sao cho thích hợp với phương tiện truyền đạt

bằng chữ nổi. Ví dụ, có thể sẽ có lợi khi trình bày phần nhạc của các nhân vật riêng biệt trên các dòng riêng biệt của đoạn song song khi chúng đã được kết hợp trên một khuôn nhạc đơn trong bản phổ thông. Trong những trường hợp như thế, người chuyên đổi được phép thêm các dấu lặng mà không nhất thiết phải thêm tiền tố chấm 5.

Ví dụ 38.4-1.

Braille notation for Example 38.4-1, consisting of three systems of Braille characters above a musical staff. The staff contains three vocal lines: *D. Elvira*, *D. Giovanni*, and *Leporello*. The lyrics are: Chi è la? Stel-le! che ve-do! O bel-la! Donna El-vi-ra! Don Gio-van-ni!

38.5. Các gợi ý theo sau khoảng lặng dài

Trong bản chuyển đổi phần nhạc cho một nhân vật, nên thêm một gợi ý ngắn từ 2 đến 4 ô nhịp theo sau một đoạn nghỉ dài, đặc biệt khi có đáp lời hoặc xen lời giữa các nhân vật. Gợi ý được viết trên một đoạn song song riêng, có dòng lời cho mỗi nhân vật nằm trong gợi ý, và dòng nhạc cho mỗi dòng lời. Mỗi dòng lời được bắt đầu bằng tên nhân vật, in nghiêng hoặc viết hoa cả từ để thể hiện phần này không được hát; có thể viết tắt tên nếu quá dài hoặc chứa nhiều hơn một từ. Dòng nhạc của mỗi phần được mở đầu bằng ký hiệu báo từ và một ký hiệu chỉ định cho tên nhân vật, theo sau là chấm 3. Phần nhạc được chuyển đổi như bản tóm tắt phần solo trong bản đệm nhạc cụ, chỉ chứa nốt nhạc, dấu lặng, và dấu nối, không có cường độ, đánh dấu phân câu hoặc sắc thái. Trên trang chú thích của người chuyên đổi phải có chú thích về các gợi ý nằm trong bản nhạc.

Ví dụ 38.5-1. Bản chuyển đổi phần diễn của Hansel

Braille notation for Example 38.5-1, consisting of three systems of Braille characters. The notation represents the musical score for Hansel's part, including rests and notes.

Gretel Hansel

Round a-bout and back a - gain! With your head you nick nick nick,

Ví dụ 38.5-2. Bản chuyển đổi phân diễn của Albert

Betsy

Then we will al-ways be to - ge - ther!

Albert

The Captain

And we shall

They will ne - ver part.

PHẦN IV. PHỤ LỤC: CÁC ĐỊNH DẠNG KHÔNG DÙNG TẠI CÁC NƯỚC BANA(*) Ở THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI

(*) BANA là tên viết tắt của *Braille Authority of North America* (Hiệp hội các tổ chức Chữ nổi Bắc Mỹ)

Chú ý: Các chương sau đây mô tả những phương pháp người đọc có thể gặp trong các bản nhạc thời trước hoặc ở các quốc gia khác. Các nội dung này không nên được dùng làm hướng dẫn chuyển đổi.

Phần văn bản và các ví dụ trong Phần IV phần lớn được trích xuất từ quyển sách do tác giả H.V. Spanner thực hiện có tựa đề "*Revised International Manual of Braille Music Notation 1956*". (Bản Mỹ). Phần I: Âm Nhạc Phương Tây.

Louisville: NXB American Printing House for the Blind, 1961. Xuất bản lần đầu năm 1956, bởi Hội đồng Phúc lợi cho người mù Paris, Pháp.

Theo quyển sách trên, các nội dung bên trong được "dựa trên các quyết định được đưa ra tại Hội nghị Nhạc nổi Quốc tế tại Paris năm 1954, các phần chỉnh sửa do Hội đồng Chữ nổi Thế giới công nhận vào tháng 9, 1961."

Vào thời điểm xuất bản, H. V. Spanner là Thư ký phụ trách mảng nhạc nổi của Hội đồng Phúc lợi cho người mù Thế giới và Hội đồng Chữ nổi Thế giới.

39. DÒNG-TRÊN-DÒNG

39.1. Khác biệt so với định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp

Phương pháp dòng-trên-dòng khác với ô-nhịp-trên-ô-nhịp chỉ ở ba phương diện: (a) không áp dụng nguyên tắc căn chỉnh thẳng hàng dọc; (b) không cần phải đặt các dấu bậc đặc biệt tại nốt đầu tiên của các ô nhịp; và (c) sự đều đặn của các đoạn song song có thể bị gián đoạn khi một trong các bè có các đoạn nhắc lại hoặc các khoảng lặng tương ứng với hơn một dòng nhạc nổi trong một hoặc nhiều bè khác. Các ví dụ sau đây minh họa cho các điểm này. Các quy luật còn lại dành cho định dạng ô-nhịp-trên-ô-nhịp cũng được áp dụng cho định dạng dòng-trên-dòng.

Ví dụ 39.1-1. (a) và (b)

Ví dụ 39.1-2. (c)

Ví dụ 39.1-3.

39.2. Đánh số không nhạc

Trong bản chuyển đổi nhạc không chia ô nhịp, việc đánh số ở lề trang có thể được chuyển hướng thành đánh số không nhạc. Có thể sử dụng định dạng dòng-trên-dòng, đánh số mỗi đoạn song song dựa trên các không nhạc. Để được rõ ràng, có thể cần dùng hoặc các ký hiệu trùng lặp hoặc phách-trên-phách (Xem Mục [29.5.](#))

39.3. Các đoạn không chia ô nhịp

Nếu trong một bản nhạc có một đoạn nhạc không chia ô nhịp mà rõ ràng không phải là một đoạn độc tấu cuối bản concerto (cadenza) và cũng không phải đoạn nhạc chơi ngẫu hứng (ad libitum), đoạn nhạc như vậy nên được xem là "không

chia ô nhịp" và để bắt đầu lại phần âm nhạc có nhịp điệu, dùng cụm từ thông báo "có chia ô nhịp." Các ký hiệu trùng lặp hoặc phách-trên-phách cũng có thể được sử dụng. Trong bất cứ trường hợp nào, cũng cần có chú thích của người chuyên đổi để giải thích định dạng khác thường này.

40. ĐOẠN-NÓI-ĐOẠN

(Bảng 33)

40.1. Định dạng của một phân đoạn

Phương pháp này bao gồm việc trình bày lần lượt một nhóm ô nhịp sao cho thuận tiện cho mỗi đoạn, theo thứ tự từ tay phải, đến tay trái, rồi đến pedal (nếu có, trong nhạc dành cho đàn đại phong cầm). Độ dài của những nhóm hoặc phân đoạn này do người chuyên đổi quyết định, dựa trên tình trạng của chính phần âm nhạc đó hoặc số lượng ô nhịp trong khuôn nhạc in trong bản phổ thông. Cách trình bày trong định dạng đoạn-nói-đoạn tương tự như trong định dạng dòng-trên-dòng, tức là, các ký hiệu tay và chân xuất hiện thẳng hàng theo chiều dọc bên trái của trang, các dòng còn lại của bản nhạc được lùi vào cách hai khoảng trắng.

Ví dụ 40.1-1.

The image shows a musical score in Braille notation. It consists of several lines of music, with notes and rests represented by Braille characters. The notation is arranged in a paragraph-like structure, with line breaks and indentation. The first line starts with a treble clef and a key signature of one flat. The music is written in a single system, with notes and rests connected by stems. The notation is dense and follows the principles of paragraph formatting described in the text.



40.1.1. Tiêu đề của phân đoạn

Phía trên dòng đầu tiên của mỗi phân đoạn phải có một dòng tự do. Trong dòng này, số thứ tự của phân đoạn, số ô nhịp có trong phân đoạn và số trang phổ thông và (một hoặc nhiều) khuông nhạc dành cho phân đoạn đó phải được căn giữa theo thứ tự này. Các số thứ tự ô nhịp được viết ở phần dưới của ô và được ngăn cách với nhau bằng các chấm 36; số trang và số thứ tự khuông nhạc được viết ở phần trên của ô, theo sau ký hiệu :: và được ngăn cách với nhau bằng chấm 3. Nếu có hơn một khuông nhạc được trình bày, ký hiệu :: sẽ phân tách các số thứ tự khuông nhạc. Nếu một phân đoạn bắt đầu hoặc kết thúc bằng một ô nhịp không hoàn chỉnh, các số thứ tự ô nhịp ở phần tiêu đề phải có chấm 3 theo liền sau mà không có khoảng trắng ngăn cách, và nếu phân đoạn đầu tiên bắt đầu bằng một ô nhịp không hoàn chỉnh, số 0 trong hệ chữ nổi, được viết ở phần dưới của ô, sẽ thay thế cho số thứ tự ô nhịp.

Ví dụ 40.1.1-1.

$\text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::}$

Phân đoạn 1, ô nhịp 1-8, trang 1, khuông nhạc 1.

Ví dụ 40.1.1-2.

$\text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::}$

Phân đoạn 2, bắt đầu ở giữa ô nhịp 8, kết thúc ở giữa ô nhịp 16, trang 1, khuông nhạc 2 và 3.

Ví dụ 40.1.1-3.

$\text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::} \text{::}$

Phân đoạn 1, bắt đầu bằng ô nhịp không hoàn chỉnh, kết thúc ở giữa ô nhịp 8, trang 1, khuôn nhạc 1.

40.1.2. Số thứ tự ô nhịp được thể hiện trong bản phổ thông

Nếu các ô nhịp được đánh số trong bản phổ thông, các số này (được viết ở phần trên của ô không kèm dấu báo số) phải được đặt giữa các ô nhịp và có khoảng trắng ở hai bên. Ô nhịp đầu tiên trong phân đoạn không cần số, vì số này đã được viết ở tiêu đề của phân đoạn.

Ví dụ 40.1.2-1.

The image shows a musical score in 3/4 time. The first measure is a quarter rest, followed by a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The second measure contains a dotted quarter note G4, an eighth note A4, a quarter note B4, and a quarter note C5. The third measure contains a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. Braille notation is placed above the staff, with the first measure starting with a double bar line and a key signature change to one flat. The numbers 1 and 2 are placed above the first and second measures respectively.

40.1.3. Thay đổi khuôn nhạc

Khi các phân đoạn được sắp xếp độc lập với các khuôn nhạc trong bản phổ thông, việc thay đổi khuôn nhạc được thể hiện bằng ký hiệu \therefore đặt giữa các ô nhịp. Nếu các ô nhịp có đánh số, số thứ tự ô nhịp sẽ theo sau ký hiệu này.

Ví dụ 40.1.3-1.

The image shows a musical score in 3/4 time. The first measure is a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The second measure contains a dotted quarter note G4, an eighth note A4, and a quarter note B4. The third measure contains a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The fourth measure contains a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The fifth measure contains a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The sixth measure contains a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The seventh measure contains a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The eighth measure contains a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. A double bar line and a key signature change symbol (two flats) are placed between the second and third measures. Braille notation is shown above the staff.

40.1.4. Xếp đặt các cụm từ diễn đạt và ký hiệu bàn đạp piano

Các dấu diễn đạt được đại diện bằng các từ hoặc các từ viết tắt nên được đặt ở bè tay phải trừ khi chúng rõ ràng được áp dụng cho bè tay trái hoặc pedal, và ký hiệu pedal piano nên được xử lý như đã giải thích ở các Mục [29.10-29.11.5](#).

40.1.5. Thay đổi tay

Phần nhạc chung cho cả hai tay nên được xử lý như đã đề cập trong các Mục [29.4–29.4.3](#).

40.1.6. Nhắc lại bằng số thứ tự ô nhịp

Vì các số thứ tự ô nhịp luôn luôn được viết ở tiêu đề của phân đoạn, hệ thống nhắc lại bằng số thứ tự ô nhịp (đã trình bày rõ trong các Mục [19.1.2–19.6](#)) nên được dùng cho kiểu này. Trong nhạc viết cho các nhạc cụ trong ban nhạc và dàn nhạc, có các số thứ tự cho các phân đoạn, số chỉ phân đoạn được viết trước tiên, trong phần trên của ô. Phương pháp thể hiện các đoạn nhắc lại này không được dùng trong cùng một đoạn với đoạn nhạc gốc (nghĩa là nó không thể thay thế phương pháp nhắc lại bằng số thứ tự ô nhịp lẫn nhắc lại bằng số đếm ngược).

40.1.7. Nhắc lại bằng dấu segno trong bản nổi

Một phương pháp viết tắt chuyên sâu hơn chính là sử dụng dấu hồi (segno) trong bản nổi. Phương pháp này khác với phương pháp nhắc lại bằng số thứ tự ô nhịp ở 2 điểm: (a) đoạn nhạc được lặp lại có độ dài ngắn tùy ý với điều kiện nó không vượt quá độ dài của một phân đoạn; (b) đoạn nhắc lại có thể cách đoạn nhạc gốc bao nhiêu tùy ý.

40.1.8. Thanh nhạc

Trong thanh nhạc, các ô nhịp phải được đánh số, và số của ô nhịp đầu tiên trong mỗi phân đoạn phải được đặt ở đầu dòng đầu tiên chứa các ca từ trong phân đoạn đó.

40.1.9. Hát bè

Trong hát bè (phụ họa), nên có một bản tóm tắt các bè giọng; bè giọng phải được viết sau một ký hiệu kẹp trong bè tay phải, đánh dấu bằng ký hiệu :: cho mỗi ô nhịp. Trong bản tóm tắt này chỉ nên có các nốt, dấu nối và dấu lặng.

Ví dụ 40.1.9-1.

The image shows a musical staff with a brace on the right side, indicating a voice part. Above the staff, there is a key signature symbol consisting of two dots, representing a major key. The staff contains several measures of music, each starting with a double bar line and a repeat sign (two dots), indicating the start of a phrase or section. The notation is simplified, focusing on the structure of the phrases rather than specific notes.



41. BẢN NHẠC DÀN BÈ BÈ DỌC VÀ Ô-NHIP-NÓI-Ô-NHIP

(Bảng 34)

41.1. Bối cảnh lịch sử

Hai hệ thống này được sử dụng ở riêng Vương quốc Anh từ khoảng 1915 đến khoảng 1960, và dù chúng đã bị Hội nghị Paris năm 1954 bác bỏ, ngành sản xuất nhạc chữ nổi rất lớn của Vương quốc Anh xem việc miêu tả chúng là cần thiết. Một vài chi tiết nhỏ nhất định có xu hướng bất đồng cho đến khi quyển "*Key to the Braille Music Notation 1922*" được Viện người mù Hoàng gia tại London xuất bản, và Hội nghị Paris 1929 cũng đưa ra một vài điểm thay đổi. Việc đi vào chi tiết về những biến thể này được đánh giá là không cần thiết, và hai hệ thống này được miêu tả như khi chúng được trình bày tại Hội nghị Paris 1954.

41.2. Bản nhạc dàn bè bè dọc

Đúng như tên gọi của nó, phương pháp này là cách trình bày đầy đủ bản nhạc trong từng ô nhịp bằng cách dùng các quãng hoặc các đoạn nhạc kẹp hoặc cả quãng và đoạn kẹp, và các ký hiệu nhạc luôn được đọc từ dưới lên trên. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu như một bản thu gọn hữu dụng của bản nhạc dạng mở trong thanh nhạc, phục vụ cho người chơi đại phong cầm và người chỉ huy hợp xướng, và cho các giai điệu thánh ca và phần đệm của các bài ngợi ca đơn giản và các bài hát có ba bè trở lên.

41.2.1. Dấu bậc

Không sử dụng dấu bậc nào cho nốt đầu tiên của các ô nhịp trừ khi các quy luật ở các Mục [3.1-3.3](#) và [11.1](#) yêu cầu.

41.2.2. Đồng thanh

Ký hiệu \therefore luôn được dùng để thể hiện việc hai hoặc nhiều bè gặp nhau tại cùng một nốt khi những bè này có thể được mô tả bằng các quãng.

41.2.5. Giai điệu thánh ca được lặp lại

Trong các quyển sách về giai điệu thánh ca, ký hiệu $\text{::}::\text{::}::\text{::}$ đầu tiên giới thiệu giai điệu hoàn chỉnh với vai trò hướng dẫn độc giả, theo sau là ký hiệu $\text{::}::\text{::}$ và phần lời hoàn chỉnh.

41.2.6. Chia đoạn bằng khuôn nhạc hoặc diễn biến âm nhạc

Trong âm nhạc dùng nhạc cụ phím, việc chia đoạn đôi khi dựa trên các khuôn nhạc trong bản phổ thông và đôi khi dựa trên diễn biến âm nhạc; nhưng trong thanh nhạc, cách chia đoạn thứ hai được sử dụng rộng rãi hơn để thuận lợi cho người chỉ huy hợp xướng, do vậy mà đoạn nhạc thường được đặt tựa đề như sau:

Ví dụ 41.2.6-1.

$\text{::}::\text{::}::\text{::}::\text{::}::\text{::}::\text{::}$

Trang 15, dòng 3, ô nhịp 2.

41.2.7. Ký hiệu kẹp nốt

Trong cả bản nhạc đàn bè bè dọc và bản nhạc ô-nhịp-nối-ô-nhịp, ký hiệu $\text{::}::$ luôn được dùng làm ký hiệu cho đoạn nhạc kẹp, $\text{::}::\text{::}$ được giữ lại cho các ô nhịp mà trong đó một phần của bản nhạc được viết kèm ký hiệu phân chia ô nhịp và phần còn lại không có ký hiệu này.

41.3. Ô-nhịp-nối-ô-nhịp

Phương pháp này chỉ được dùng cho các bản nhạc dành cho nhạc cụ có hai hoặc ba khuôn nhạc, như nhạc cho piano và đại phong cầm, hoặc piano kết hợp với bản tóm tắt bè đơn ca hoặc độc tấu. Bản nhạc được trình bày theo chiều ngang, ô nhịp của một bè có một ô nhịp tương ứng trong một bè khác theo sau, cách một khoảng trắng ngăn giữa, và cứ tiếp tục như vậy. Thứ tự của các bè là từ dưới lên trên, các quãng và đoạn kẹp cũng được đọc từ dưới lên.

41.3.1. Vạch nhịp

Vạch nhịp :: được đặt giữa bè cao nhất trong một ô nhịp và bè thấp nhất trong ô nhịp tiếp theo, và hai bên nó là khoảng trắng. Vạch nhịp theo sau mỗi ô nhịp của bản nhạc (ngay cả ở nơi trong bản phổ thông có vạch nhịp nét đôi có hoặc không có chấm) trừ ô nhịp cuối cùng.

41.3.2. Dấu bậc

Nốt đầu tiên trong mỗi ô nhịp của mỗi bè có một dấu bậc đặc biệt.

41.3.3. Thứ tự đánh dấu các bè

Thứ tự của các bè được thể hiện bằng tay, chân hoặc các ký hiệu khác, chẳng hạn ♫::♫::♫::♫::♫::♫ v.v... Những ký hiệu này được đặt ở phần mở đầu của bản nhạc và không được viết lại trong ô nhịp thứ hai và các ô nhịp tiếp theo trừ khi có thay đổi trong cách phân bố. Tại vị trí mà một trong các bè được lược bỏ, hoặc ở nơi mà nhạc của một bè có thể được đặt ở một bè khác thuận tiện hơn, các ký hiệu tay được viết sao cách phân bố nhạc trở nên rõ ràng.

Ví dụ 41.3.3-1.

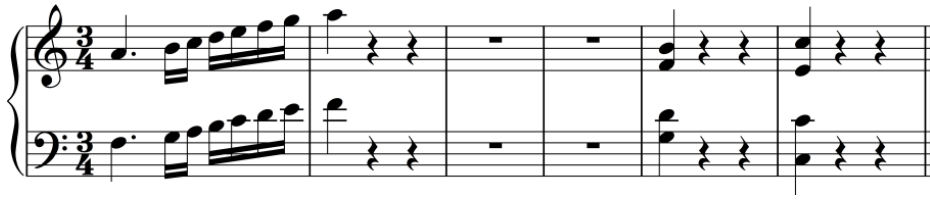
41.3.4. Chia đoạn liên quan đến khuông nhạc in trong bản phổ thông

Bản nhạc viết theo phương pháp này đôi lúc được chia đoạn dựa trên diễn biến âm nhạc, nhưng cách làm thông thường là chia đoạn dựa trên các khuông nhạc trong bản phổ thông.

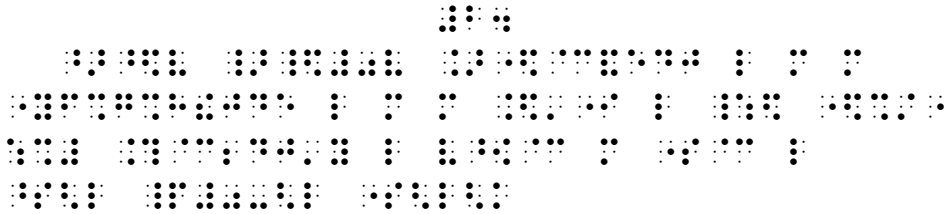
41.3.5. Dấu lặng toàn ô nhịp

Khi tất cả các bè có một ô nhịp nghỉ, chỉ một dấu lặng duy nhất được viết, và đối với một khoảng lặng dài hơn một ô nhịp, phải áp dụng phương pháp được trình bày trong Ví dụ 41.3.5-1. Khi khoảng lặng không nằm trong tất cả các bè, các khoảng lặng được viết riêng cho mỗi bè, như trong Ví dụ 41.3.5-2. Khi một khoảng lặng dài hơn 4 ô nhịp nó sẽ được lược bỏ, như trong Ví dụ 41.3.5-3.

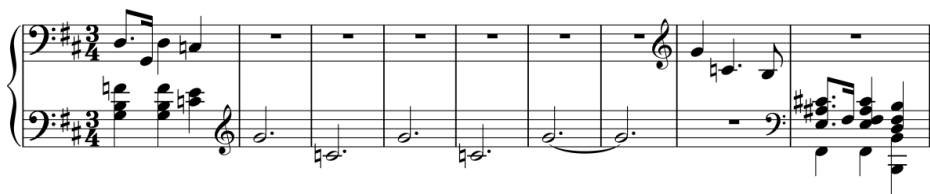
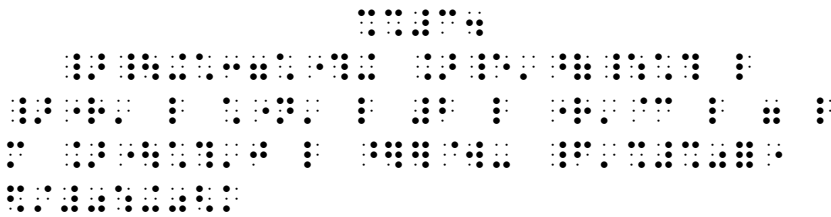
Ví dụ 41.3.5-1.



Ví dụ 41.3.5-2.



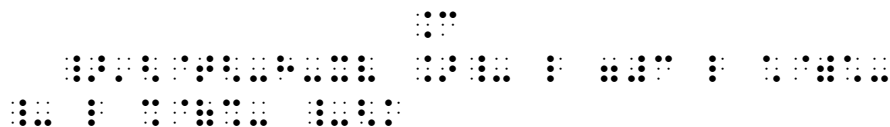
Ví dụ 41.3.5-3.



41.3.6. Nhắc lại ô nhịp

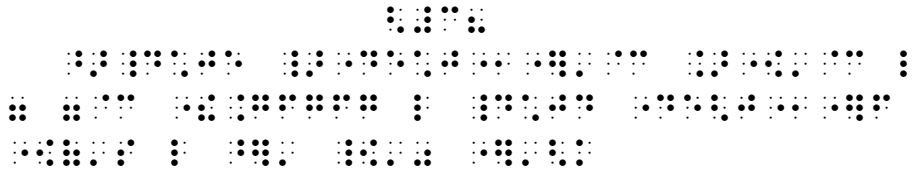
Việc nhắc lại ô nhịp được xử lý theo cùng một cách như ô nhịp nghỉ, ngoại trừ vị trí có từ 2 ô nhịp nhắc lại trở lên trong tất cả các bè, ký hiệu :: sẽ có một con số kèm dấu báo số theo liền sau.

Ví dụ 41.3.6-1.





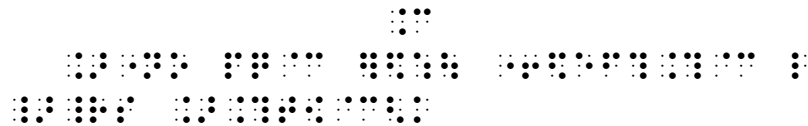
Ví dụ 41.3.6-2.



41.3.7. Bắt đầu bằng một bè

Khi một bản nhạc bắt đầu bằng chỉ một bè (như trong một tẩu pháp - fugue), các vạch nhịp được lược bỏ cho đến cuối ô nhịp đi trước vị trí bắt đầu bè thứ hai.

Ví dụ 41.3.7-1.



42. THAY THẾ

(Bảng 35)

42.1. Ký hiệu thay thế

Ký hiệu thay thế được sử dụng nhằm tránh đánh dấu bậc liên tục trong các đoạn nhạc thường xuyên thay đổi bậc. Có một điều kiện để sử dụng ký hiệu này, đó là

các nốt trong đoạn nhạc phải có giá trị tương đương. (Hệ thống này từng được sử dụng rộng rãi vào đầu thế kỷ 20 nhưng dần ít được ưa chuộng và cuối cùng bị bác bỏ bởi Hội nghị Paris năm 1954.) Một đoạn nhạc viết bằng ký hiệu thay thế được giới hạn trong phạm vi 4 bậc, các bậc được trình bày theo thứ tự tăng dần từ thấp nhất tính bằng giá trị nốt, do đó:

bậc thấp nhất — các nốt móc đơn

bậc giữa thấp — các nốt trắng

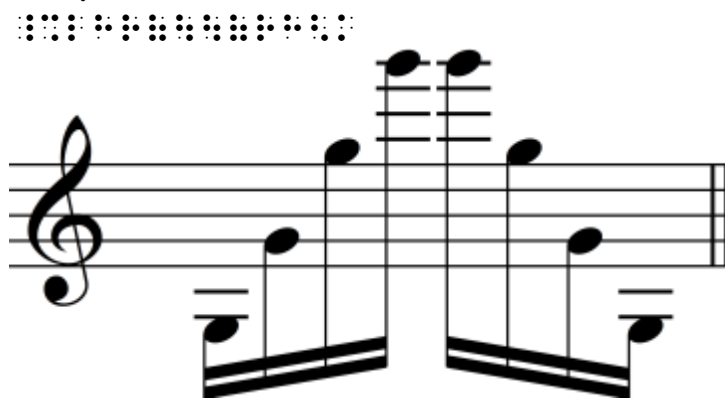
bậc giữa cao — các nốt tròn

bậc cao nhất — các nốt đen

42.1.1. Ký hiệu mở đầu cho thay thế

Ký hiệu xác định bắt đầu một đoạn nhạc thay thế chiếm 3 ô trống: (1) một ký hiệu bậc cho biết bậc thấp nhất của đoạn nhạc; (2) ký hiệu \therefore và (3) ô thứ hai của một trong các ký hiệu giá trị lấy từ Bảng 14, cho biết giá trị các nốt trong đoạn nhạc. Do đó ký hiệu $\therefore\therefore\therefore$ mô tả đoạn nhạc gồm các nốt móc đôi có nốt ở bậc thấp nhất là bậc 2.

Ví dụ 42.1.1-1.



42.1.2. Bao gồm cả dấu lặng và ký hiệu đuôi nốt nhạc

Các dấu lặng có giá trị bất kỳ có thể xuất hiện trong đoạn nhạc dùng ký hiệu thay thế. Có thể dùng ký hiệu đuôi nốt nhạc có giá trị bất kỳ trong đoạn nhạc dùng ký hiệu thay thế.

42.1.3. Ký hiệu kết thúc thay thế

Một nốt có giá trị bất kỳ nào khác (hoặc ngay cả nốt có cùng giá trị nhưng thêm chấm đôi) sẽ kết thúc đoạn thay thế và phải có một dấu bậc đặc biệt đứng trước. Các ký hiệu tay và dấu diễn đạt (Bảng 22(C)) sẽ khiến cho người chuyển đổi

phải viết lại ký hiệu thay thế trừ khi (theo quy định tại một số quốc gia) chúng có chấm 3 theo sau.

43. NỐT-THÀNH-NỐT

(Bảng 36)

43.1. Phương pháp nốt-thành-nốt

Đây là phương pháp mà các quãng được thay thế bằng các nốt thực tế mà chúng đại diện cho. Các nốt này được viết thành những nốt móc đơn ở phần dưới của ô chữ nổi và do đó được mô tả như các "nốt phụ". Để thấy phương pháp nốt-thành-nốt có thể được sử dụng trong mọi bài nhạc mà nếu không có nó, sẽ cần dùng các quãng, bất kể vị trí sắp xếp của bản nhạc.

Ví dụ 43.1-1.



43.1.1. Hướng đọc

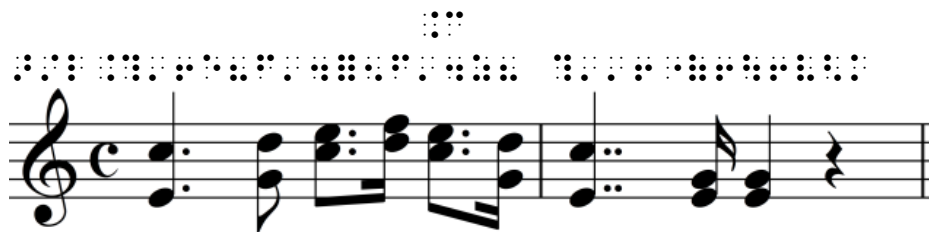
Hướng đọc các nốt phụ (từ dưới lên hay từ trên xuống) phụ thuộc rất nhiều vào loại nhạc cụ đang dùng và cách sắp xếp của bản nhạc. Trong bản nhạc có dùng khóa nhạc, khóa Son ngữ ý đọc theo hướng xuống và khóa Fa ý chỉ đọc theo hướng lên.

Ví dụ 43.1.1-1.

43.1.2. Nốt có chấm dôi

Khi các nốt chính có chấm dôi, không nhất thiết phải đặt chấm dôi sau các nốt phụ.

Ví dụ 43.1.2-1.



43.1.3. Dấu bậc trên nốt phụ

Các nốt phụ được ghi dấu bậc theo các quy tắc sau:

(a) Khi khoảng cách giữa một nốt phụ và nốt chính lớn hơn một quãng tám, nốt phụ phải có một dấu bậc.

(b) Nếu có nhiều hơn một nốt phụ theo sau nốt chính, không cần dấu bậc miễn là hai nốt liền kề cách nhau nhỏ hơn một quãng tám.

(c) Nếu hai nốt phụ liền kề cách nhau một quãng tám hoặc hơn, nốt phụ thứ hai phải có dấu bậc thích hợp.

(d) Nếu một nốt phụ tạo thành một đồng âm với nốt chính, nó phải có dấu bậc thích hợp.

(e) Nếu hai nốt phụ liền kề tạo thành một đồng âm với nhau, nốt thứ hai phải có dấu bậc thích hợp.

Ví dụ 43.1.3-1. (a)



Ví dụ 43.1.3-2. (b)



Braille notation: $\text{C}_4 \text{E}_4 \text{G}_4 \text{A}_4 \text{B}_4 \text{C}_5 \text{B}_4 \text{A}_4 \text{G}_4 \text{F}_4 \text{E}_4 \text{D}_4 \text{C}_4$

Ví dụ 43.1.3-3. (b)

Braille notation: $\text{C}_4 \text{E}_4 \text{G}_4 \text{A}_4 \text{B}_4 \text{C}_5 \text{B}_4 \text{A}_4 \text{G}_4 \text{F}_4 \text{E}_4 \text{D}_4 \text{C}_4$

Ví dụ 43.1.3-4. (c)

Braille notation: $\text{C}_4 \text{E}_4 \text{G}_4 \text{A}_4 \text{B}_4 \text{C}_5 \text{B}_4 \text{A}_4 \text{G}_4 \text{F}_4 \text{E}_4 \text{D}_4 \text{C}_4$

Ví dụ 43.1.3-5. (d)

Braille notation: $\text{C}_4 \text{E}_4 \text{G}_4 \text{A}_4 \text{B}_4 \text{C}_5 \text{B}_4 \text{A}_4 \text{G}_4 \text{F}_4 \text{E}_4 \text{D}_4 \text{C}_4$

Ví dụ 43.1.3-6. (e)

Braille notation: $\text{C}_4 \text{E}_4 \text{G}_4 \text{A}_4 \text{B}_4 \text{C}_5 \text{B}_4 \text{A}_4 \text{G}_4 \text{F}_4 \text{E}_4 \text{D}_4 \text{C}_4$



43.1.4. Các giọng đan xen

Khi hai bè đại diện bằng nốt phụ đan xen với nhau trong một hợp âm, mỗi nốt "nằm ngoài vị trí" phải có dấu bậc thích hợp, thứ tự viết các bè vẫn không đổi.

Ví dụ 43.1.4-1.

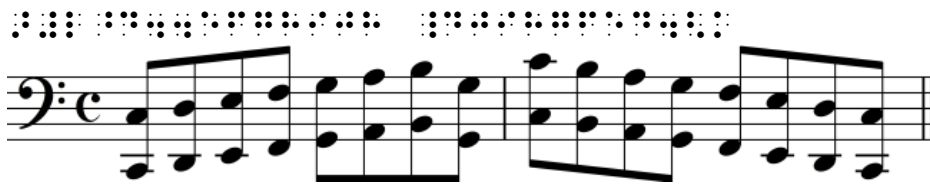


43.1.5. Nhân đôi các nốt phụ giới hạn trong các đoạn chứa quãng tám

Trong phương pháp nốt-thành-nốt, không áp dụng nguyên tắc nhân đôi dùng cho các quãng, ngoại trừ trong các đoạn chứa quãng tám. Ở đây đoạn nhân đôi được trình bày bằng đoạn nhắc lại nốt phụ sau nốt chính đầu tiên của đoạn nhạc và viết lại nó sau nốt cuối cùng. Trong một đoạn nhạc như thế, đoạn nhân đôi không bị ngắt quãng bởi sự xuất hiện của các dấu hóa bất thường vốn thường được đánh dấu cho các nốt phụ cũng như nốt chính.

Ví dụ 43.1.5-1.





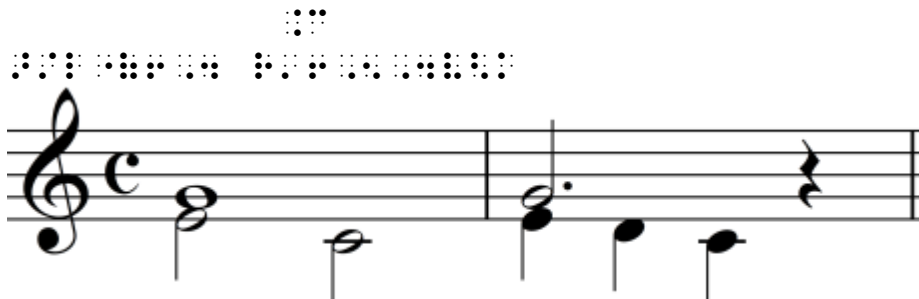
Ví dụ 43.1.5-2.



43.1.6. Ký hiệu di chuyển nốt

Có thể sử dụng ký hiệu di chuyển nốt trong phương pháp nốt-thành-nốt cho những trường hợp rất rõ ràng. Tuy nhiên, không được dùng ký hiệu di chuyển nốt nhân đôi trong phương pháp này. Nếu ký hiệu di chuyển nốt được sử dụng trên phạm vi rộng, các quy tắc bậc cho nốt phụ là những quy tắc bậc áp dụng cho nốt được viết.

Ví dụ 43.1.6-1.



Ví dụ 43.1.6-2.



Ví dụ 43.1.6-3.





43.2. Thay đổi ý nghĩa các ký hiệu nhạc trong bản nổi

Có thể thấy rằng phương pháp nốt-thành-nốt sẽ bao gồm các thay đổi về ý nghĩa của những ký hiệu sau đây. Người chuyên đổi có thể sẽ gặp phải vấn đề này ở cả hai cách được trình bày trong các mục dưới đây.

Dấu lượn nhiều hình thức khác nhau ::

Các nốt cỡ lớn hoặc nhỏ và nhiều dấu hoa mỹ :: :: :: :: ::

Dấu láy rền, dấu day, v.v... :: ::

Nhắc lại, nhóm bất thường :: :: ::

Xem Bảng [22\(A\)](#) :: :: :: :: ::

43.2.1. Phân tách các ký hiệu này bằng ký hiệu dấu gạch nối

Các ký hiệu này có thể được phân tách khỏi phần nhạc đứng trước bằng ký hiệu :: vốn không được dùng trong phương pháp nốt-thành-nốt trừ khi (a) ở đầu một ô nhịp hoặc một dòng chữ nổi, (b) ở sau một dấu lặng, ký hiệu pedal piano, ký hiệu tay hoặc chân, hoặc (c) ở sau các loại dấu diễn đạt liệt kê trong bảng Bảng [22\(C\)](#).

43.2.2. Thay thế các ký hiệu quãng không dùng

Các ký hiệu quãng :° :: :: và :: bị loại bỏ bởi phương pháp nốt-thành-nốt có thể được dùng như sau:

Nốt láy ngắn (acciaccatura) ::

Nốt dựa (appoggiatura) :: ::

Dấu lượn giữa các nốt :: ::

Dấu lượn phía trên nốt :: ::

Thay thế nhắc lại :: ::

Thay thế nhóm bất thường :: ::

Dấu láy rền và dấu day :: :: :: :: ::

Dấu rời tiếng, dấu nhấn (staccato, accent) v.v... :: :: :: :: ::

BẢNG TRA CỨU THEO KÝ HIỆU NỔI

Trong sơ đồ dưới đây, 63 ô chữ nổi (tương ứng với 63 ký tự) được xếp thành 7 cột, mỗi ô có đánh số tham chiếu. Bảng tra được chia thành 63 danh sách, mỗi danh sách chứa tất cả các ký hiệu bắt đầu bằng ô chữ nổi có số tham chiếu tương ứng. Các số trong ngoặc là số chỉ bảng ký hiệu đã đề cập trong phần "Bảng các ký hiệu"; các số khác chỉ số Mục.

Sơ đồ 63 ô chữ nổi

∴	1.	∴	11.	∴	21.	∴	31.	∴	41.	∴	51.	∴	57.
∴	2.	∴	12.	∴	22.	∴	32.	∴	42.	∴	52.	∴	58.
∴	3.	∴	13.	∴	23.	∴	33.	∴	43.	∴	53.	∴	59.
∴	4.	∴	14.	∴	24.	∴	34.	∴	44.	∴	54.	∴	60.
∴	5.	∴	15.	∴	25.	∴	35.	∴	45.	∴	55.	∴	61.
∴	6.	∴	16.	∴	26.	∴	36.	∴	46.	∴	56.	∴	62.
∴	7.	∴	17.	∴	27.	∴	37.	∴	47.	∴	63.		
∴	8.	∴	18.	∴	28.	∴	38.	∴	48.				
∴	9.	∴	19.	∴	29.	∴	39.	∴	49.				
∴	10.	∴	20.	∴	30.	∴	40.	∴	50.				

Danh sách ký hiệu

1.	∴	Ngón thứ 1 (15 , 24A) 15.1–15.4.1, 25.4, 26.4
		Ngón áp út trên tay phải cho guitar (24C) 26.7
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
		Ngón chân trái cho organ (25) 29.13
		Đường nổi dài cho bè trầm đánh số (26) 30.3, 30.2.3
		Tay trái cho bộ gõ (30) 34.6
	∴∴	Dấu chỉ định giọng nữ trầm (32) 37.1
2.	∴	Ngón thứ 2 (15 , 24A) 15.1–15.4.1, 25.4, 26.4
		Gót chân trái cho organ (25) 29.13
		Vị trí bàn đạp cao trong sơ đồ pedal đàn harp (27) 31.2.3
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
		Hai âm tiết kết hợp lại trong một nốt (31) 35.5
	∴∴	Dấu chỉ định giọng nam trầm (32) 37.1
3.	∴	Dấu luyện đơn ngân (13) 13.2, 13.3.3, 13.5, 13.9
		Đôi ngón (15) 15.2
		Ngón út tay phải cho guitar (24C) 26.7
		Đôi chân cho organ (25)
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
		Dấu luyện âm tiết đơn (31) 35.2
	∴∴	Dấu luyện trong ngôn ngữ thứ nhất (31) 35.6.1
	∴∴	Dấu luyện trong ngôn ngữ thứ hai (31) 35.6.1

	♯♯	Dấu luyện kép dài (13) 13.3–13.3.1, 13.3.3, 13.5, 13.9
		Dấu luyện âm tiết kép (31) 35.2
	♯♯♯	Đường cong đi xuống ghi sau nốt nhạc (16E) 16.7
	♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
4.	♯	Nốt Đô móc đơn hoặc móc năm (2) 2.1
		Nốt Đô đại diện cho giá trị nhỏ hơn trong nhóm nốt 8.1
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
		Nốt móc đơn hoặc móc năm trong nhạc cụ không có giai điệu 34.2.1
5.	♯	Nốt Rê móc đơn hoặc móc năm (2) 2.1
		Nốt Rê đại diện cho giá trị nhỏ hơn trong nhóm nốt 8.1
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
6.	♯	Nốt Mi móc đơn hoặc móc năm (2) 2.1
		Nốt Mi đại diện cho giá trị nhỏ hơn trong nhóm nốt 8.1
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
7.	♯	Nốt Fa móc đơn hoặc móc năm (2) 2.1
		Nốt Fa đại diện cho giá trị nhỏ hơn trong nhóm nốt 8.1
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
8.	♯	Nốt Son móc đơn hoặc móc năm (2) 2.1
		Nốt Son đại diện cho giá trị nhỏ hơn trong nhóm nốt 8.1
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
9.	♯	Nốt La móc đơn hoặc móc năm (2) 2.1
		Nốt La đại diện cho giá trị nhỏ hơn trong nhóm nốt 8.1
		Ngón trở tay phải cho guitar (24C) 26.7
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 29.3–29.3.1
10.	♯	Nốt Si móc đơn hoặc móc năm (2) 2.1
		Nốt Si đại diện cho giá trị nhỏ hơn trong nhóm nốt 8.1
		Số thứ tự ô nhịp số 0 in ở lề trang 29.3, 24.1.2
11.	♯	Vạch nhịp nét đứt (1) 1.10.1
		Ngón thứ 5 (15) 15.1–15.4.1
		Dây buông (24A) 25.4, 26.4
		Hòa âm tự nhiên (24A) 25.7, 26.10
		Đôi chân cho organ (25)
		Vị trí bàn đạp không đôi trong sơ đồ pedal đàn harp (27) 31.2.3
		Hình tròn phía trên hoặc dưới nốt cho nhạc cụ hơi (30)
12.	♯	Vạch nhịp (1, 34B) 1.10.2, 41.3.1
		Ngón thứ 3 (15, 24A) 15.1–15.4.1, 25.4, 26.4
		Ngón chân phải cho organ (25) 29.13
		Đường phân cách trái/phải trong sơ đồ pedal đàn harp (27) 31.2.3
		Tay phải cho bộ gõ (30) 34.6
		Ba âm tiết trên cùng một nốt (31) 35.5
		Hai hay nhiều bè trên cùng một nốt trong phương pháp đàn bè bè dọc (34) 41.2.2
13.	♯	Dấu lặng cả ô nhịp (5) 5.1
		Dấu lặng tròn hoặc móc đôi (5) 5.1–5.3
		Ngón giữa tay phải cho guitar (24C) 26.7
	♯♯	Dấu lặng tròn kép (5) 5.1, 5.3.1
	♯♯♯♯	Dấu lặng tròn kép (5) 5.1, 5.3.1
14.	♯	Nốt Đô trắng hoặc móc ba (2) 2.1

		Nốt trắng hoặc móc ba trong nhạc cụ không có giai điệu 34.2.1
15.	♩	Nốt Rê trắng hoặc móc ba (2) 2.1
16.	♩	Nốt Mi trắng hoặc móc ba (2) 2.1
		Ngón cái tay phải cho guitar (24C) 26.7
17.	♩	Nốt Fa trắng hoặc móc ba (2) 2.1
18.	♩	Nốt Son trắng hoặc móc ba (2) 2.1
19.	♩	Nốt La trắng hoặc móc ba (2) 2.1
	♩	Giọng nữ cao 1 (32) 37.1
	♩	Giọng nữ cao 2 (32) 37.1
	♩	Dấu chỉ định giọng nữ cao (32) 37.1
20.	♩	Nốt Si trắng hoặc móc ba (2) 2.1
	♩	Dấu chỉ định giọng nam cao (32) 37.1
21.	♩	Dấu lặng trắng hoặc móc ba (5) 5.1–5.2
22.	♩	Dấu lặng đen hoặc móc tư (5) 5.1–5.2
23.	♩	Dấu lặng móc đơn hoặc móc năm (5) 5.1–5.2
		Ngón áp út tay phải cho guitar (viết tắt ch) (24C) 26.7
24.	♩	Nốt Đô tròn hoặc móc đôi (2) 2.1
		Nốt tròn hoặc móc đôi trong nhạc cụ không có giai điệu 34.2.1
	♩	Nốt Đô tròn kép (2) 2.2
		Nốt Đô tường thuật trong nhạc bình ca 35.11
	♩	Nốt Đô tròn kép (2) 2.2
25.	♩	Nốt Rê tròn hoặc móc đôi (2) 2.1
	♩	Nốt Rê tròn kép (2) 2.2
		Nốt Rê tường thuật trong nhạc bình ca 35.11
	♩	Nốt Rê tròn kép (2) 2.2
26.	♩	Nốt Mi tròn hoặc móc đôi (2) 2.1
	♩	Nốt Mi tròn kép (2) 2.2
		Nốt Mi tường thuật trong nhạc bình ca 35.11
	♩	Nốt Mi tròn kép (2) 2.2
27.	♩	Nốt Fa tròn hoặc móc đôi (2) 2.1
	♩	Nốt Fa tròn kép (2) 2.2
		Nốt Fa tường thuật trong nhạc bình ca 35.11
	♩	Nốt Fa tròn kép (2) 2.2
28.	♩	Nốt Son tròn hoặc móc đôi (2) 2.1
	♩	Nốt Son tròn kép (2) 2.2
		Nốt Son tường thuật trong nhạc bình ca 35.11
	♩	Nốt Son tròn kép (2) 2.2
29.	♩	Nốt La tròn hoặc móc đôi (2) 2.1
	♩	Nốt La tròn kép (2) 2.2
		Nốt La tường thuật trong nhạc bình ca 35.11
	♩	Nốt La tròn kép (2) 2.2
30.	♩	Nốt Si tròn hoặc móc đôi (2) 2.1
	♩	Nốt Si tròn kép (2) 2.2
		Nốt Si tường thuật trong nhạc bình ca 35.11
	♩	Nốt Si tròn kép (2) 2.2
31.	♩	Dấu bình (6, 23, 26) 6.1–6.2, 23.1.2, 27.1, 30.2.1, 30.4
		Kết thúc một đoạn nhạc có dấu segno trong bản nổi (20) 20.1.2
		Nốt có hình dạng đặc biệt cho nhạc cụ không định âm (30) 34.4

	♯♯	Nhà pedal piano (25) 29.10–29.11.5
		Chặn dây trong đàn harp (27) 31.3–31.3.7
	♯♯♯♯	Chặn tất cả các âm trong đàn harp (27) 31.3.2
	♯♯	Ngón cái tay trái cho nhạc cụ dây dùng vĩ (24B) 25.4
	♯♯	Hòa âm nhân tạo (24A) 25.8, 26.10
	♯♯♯♯	Chặn dưới một cao độ cụ thể trong đàn harp (27) 31.3.3
	♯♯♯	Nhấn và nhà pedal piano trên một nốt (25) 29.10.1
	♯♯	Phân tách các đoạn được nhắc lại trong nhạc không chia ô nhịp (18) 18.5
	♯♯	Lên bổng tại một nốt (22A) 22.1–22.1.1
32.	♯	Dấu giáng (6, 23, 26) 6.1–6.2, 23.1.2, 27.1, 30.2.1, 30.4
		Nốt có hình dạng đặc biệt cho nhạc cụ không định âm (30) 34.4
	♯♯	Kéo vĩ xuống, gảy xuống (24B, 24C) 25.3, 26.3
		Kéo (accordion) (28) 32.3
		Chữ thập phía trên hoặc dưới nốt (nhạc cụ hơi) (30)
	♯♯	Đường vòm nhỏ cuộn ngược ghi trên hình nốt (16E) 16.7
		Nhấn pedal piano (25) 29.10–29.11.5
		Không chặn dây trong đàn harp (27) 31.3.6
	♯♯	Vạch nhịp kép kết bài (1) 1.10.3
	♯♯♯♯	Dấu mắt ngỗng phía trên hay dưới vạch nhịp kép kết bài (22B)
	♯♯♯♯	Vạch nhịp kép kết đoạn (1) 1.10.3
	♯♯♯♯	Dấu mắt ngỗng phía trên hay dưới vạch nhịp kép kết đoạn (22B)
	♯♯	Dấu mắt ngỗng phía trên hay dưới nốt nhạc (22B) 22.2
	♯♯	Dấu giáng kép (6) 6.1–6.2
		Hóa biểu có hai dấu giáng (6) 6.5
	♯♯	Dấu phẩy trong bản nhạc chữ nổi (8) 8.3–8.3.2
	♯♯♯	Dấu phẩy kết thúc trong bản nhạc chữ nổi (8) 8.3
	♯♯	Dấu nhắc lại về phía trước trong bản phổ thông (17) 17.1
	♯♯	Dấu lượn có dấu giáng bên trên (16B) 16.4.1
	♯♯	Dấu lượn rên có dấu giáng (16B) 16.3.1
	♯♯	Dấu nhắc lại về phía sau trong bản phổ thông (17) 17.1
	♯♯	Ngân rung thấp cho accordion (28)
	♯♯	Dấu kẹp toàn bộ ô nhịp (11) 11.1–11.1.1, 11.4, 29.3.6–29.3.7
	♯♯	Kéo vĩ lên, gảy lên (24B, 24C) 25.3, 26.3
		Đẩy (accordion) (28) 32.3
	♯♯♯	Đường cong đi lên ghi trước nốt nhạc (16E) 16.7
	♯♯♯♯	Đường thẳng đi lên hay đường lượn sóng ghi trước nốt nhạc (16E) 16.7
	♯♯♯	Dấu dây kéo dài chuyển động lên có dấu giáng (16C) 16.5
	♯♯♯♯	Dấu dây kéo dài chuyển động xuống có dấu giáng (16C) 16.5
	♯♯♯♯	Dấu lượn mang hai dấu hóa (16B) 16.4.1
33.	♯	Dấu thăng (6, 23, 26) 6.1–6.2, 23.1.2, 27.1, 30.2.1, 30.4
		Nốt có hình dạng đặc biệt cho nhạc cụ không định âm (30) 34.4
	♯♯	Dây thứ 1 (24A) 25.2.1, 26.5–26.5.1, 26.13
	♯♯	Dây thứ 2 (24A) 25.2.1, 26.5–26.5.1, 26.13
	♯♯	Dây thứ 5 (24A) 26.5–26.5.1, 26.13
	♯♯	Dây thứ 3 (24A) 25.2.1, 26.5–26.5.1, 26.13
	♯♯	Dấu thăng kép (6) 6.1–6.2

		Hóa biểu có hai dấu thăng kép (6) 6.5
	♯♯	Dây thứ 4 (24A) 25.2.1, 26.5–26.5.1, 26.13
	♯♯♯	Dây thứ 6 (24A) 26.5–26.5.1, 26.13
	♯♯♯♯	Dấu lượn có dấu thăng bên trên (16B) 16.4.1
	♯♯♯♯♯	Dấu lượn có dấu thăng (16B) 16.3.1
	♯♯♯♯♯♯	Ngân rung cao cho accordion (28)
	♯♯♯♯♯♯♯	Dây thứ 7 (24A) 26.5–26.5.1, 26.13
	♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu dây kéo dài chuyển động lên có dấu thăng (16C) 16.5
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu dây kéo dài chuyển động xuống có dấu thăng (16C) 16.5
34.	♯	Nốt Đô đen và móc tư (2) 2.1
		Đen và móc tư trong nhạc cụ không có giai điệu 34.2.1
35.	♯♯	Nốt Rê đen và móc tư (2) 2.1
36.	♯♯♯	Nốt Mi đen và móc tư (2) 2.1
37.	♯♯♯♯	Nốt Fa đen và móc tư (2) 2.1
38.	♯♯♯♯♯	Nốt Son đen và móc tư (2) 2.1
39.	♯♯♯♯♯♯	Nốt La đen và móc tư (2) 2.1
40.	♯♯♯♯♯♯♯	Nốt Si đen và móc tư (2) 2.1
41.	♯♯♯♯♯♯♯♯	Ngón thứ 4 (15, 24A) 15.1–15.4.1, 25.4, 26.4
		Gót chân phải cho organ (25) 29.13
		Vị trí bàn đạp lưng chừng trong sơ đồ pedal đàn harp (27) 31.2.3
42.	♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Ký hiệu một ô đơn chỉ liên ba (8) 8.4
		Vị trí bàn đạp thấp trong sơ đồ pedal đàn harp (27) 31.2.3
43.	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Quãng 7 (9) 9.1–9.3.6
		Dấu hoa mỹ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Thay đổi khuông nhạc trong phương pháp đoạn-nối-đoạn (33) 40.1.3
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	(Viết hết dòng) Dấu phân cách chú thích (21) 21.2, 21.5.1
44.	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu lượn giữa các nốt (16B) 16.4
		Hình tròn nhỏ trong biểu tượng hợp âm (23, 26) 23.1.2, 30.4
		Nốt Đô phụ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.1
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu lượn nghịch đảo giữa các nốt (16B) 16.4
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Hình tròn bị chia đôi bởi một đường kẻ trong biểu tượng hợp âm (23, 26) 23.1.2, 30.4
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
45.	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Nốt dựa ngắn (16A) 16.1–16.2.3
		Dấu báo biến thể (21) 21.5.3
		Nốt Rê phụ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.1
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Đầu nốt đặc không có đuôi nốt (2) 2.5–2.5.1
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Đầu nốt hình chữ x (2) 2.5–2.5.1
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Cao độ vô định hoặc xấp xỉ (2) 2.5–2.5.1
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Đầu nốt hình thoi (2) 2.5–2.5.1
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Đường lượn sóng cho đoạn nhắc lại không tuần hoàn (17) 17.2
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Cao độ xấp xỉ tại điểm kết thúc của một đường xiên (2) 2.5, 16.7
46.	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu lượn rên (16B) 16.3–16.3.4
		Nốt Mi phụ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.1
47.	♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯♯	Dấu "=" (1) 1.8–1.8.1
		Nhắc lại toàn phần hoặc một phần ô nhịp (18) 18.1–18.5

		Nốt Fa phụ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.1
	∴ ∴	Dấu ngoặc đơn đặc biệt (1, 21) 1.3, 21.3
		Dấu ngoặc trong biểu tượng hợp âm (23) 1.3, 23.1.2
	∴∴∴	Nhắc lại nhiều ô nhịp trong phương pháp ô-nhịp-nổi-ô-nhịp (34B) 41.3.6
	∴∴∴	Nhắc lại một phần ô nhịp có giá trị khác 18.3.2
48.	∴	Dấu staccato (22A) 22.1–22.1.1
		Nốt Son phụ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.1
	∴ ∴	Nhóm các nguyên âm hoặc âm tiết (32) 35.5
49.	∴	Quãng 5 (9) 9.1–9.3.6
		Hủy bỏ cài đặt organ (25) 29.15.2
		Nhắc lại trong phần chữ của lời nhạc (32) 35.4
		Nốt La phụ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.1
	∴∴	Dấu chỉ trong lời nhạc (32) 35.11
50.	∴	Quãng 6 (9) 9.1–9.3.6
		Hình tam giác trong biểu tượng hợp âm (23, 26) 23.1.2, 30.4
		Nốt Si phụ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.1
	∴∴	Ngoặc đóng cho lời nhạc trên nốt tường thuật (32) 35.11
	∴∴	Hình tam giác bị chia đôi bởi một đường kẻ trong biểu tượng hợp âm (23, 26) 23.1.2, 30.4
51.	∴	Quãng 2 (9) 9.1–9.3.6
		Dấu gạch chéo trong biểu tượng hợp âm (23, 26) 23.1.2–23.1.3
		Đường xiên cho thao tác quạt tiết tấu (24C) 27.6
		Ký hiệu cảnh báo bè bị phân chia (31) 35.10.1, 37.5
		Nốt lách ngón (acciaccatura) trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
52.	∴	Dấu cộng trong số chỉ nhịp (7) 7.1.2
		Quãng 4 (9) 9.1–9.3.6
		Dấu segno (D.S.) trên bản phổ thông (20) 20.1.1
		Dấu cộng trong biểu tượng hợp âm hoặc bè trầm đánh số (23, 26) 23.1.2, 30.2.1, 30.4
		Nhắc lại trong bản nhạc chữ nổi dùng phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	∴∴	Dấu segno có chữ cái chỉ dùng trong bản nổi (a, b, v.v...) (20) 20.1.1
	∴∴	Dấu hồi hình vòng tròn chữ thập (dấu coda) đi cùng dấu D.C. hoặc D.S. trong bản phổ thông (20) 20.1.3
53.	∴	Quãng 4 (9) 9.1–9.3.6
		Nhóm bất thường trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
		Theo sau là các số ở phần trên của ô chữ nổi:
		Hóa biểu (6) 6.5
		Số chỉ nhịp (7) 7.1–7.1.5
		Nhắc lại nhiều ô nhịp (18) 18.2.1
		Nhắc lại bằng số đếm ngược (19) 19.1–19.7
		Số thứ tự ô nhịp in ở lề trang 24.1.2
		Cài đặt organ, điện tử 29.16.1
		Theo sau là các số ở phần dưới của ô chữ nổi:
		Khung thay đổi thứ 1 hoặc thứ 2 (17) 17.1.1
		Nhắc lại có số thứ tự ô nhịp (19) 19.1.2–19.7

		Bề trầm đánh số (26) 30.1.1–30.2, 30.3
		Số thứ tự lời nhạc (31) 35.7.1
	⠠⠠	Đường nổi dài trong bề trầm đánh số (26) 30.2.3
	⠠⠠⠠	Hai đường nổi dài trong bề trầm đánh số (26) 30.2.3
	⠠⠠⠠⠠	Ba đường nổi dài trong bề trầm đánh số (26) 30.2.3
	⠠⠠⠠	Dấu bình riêng biệt trong bề trầm đánh số (26) 30.2.1
	⠠⠠⠠	Dấu giáng riêng biệt trong bề trầm đánh số (26) 30.2.1
	⠠⠠⠠	Dấu thăng riêng biệt trong bề trầm đánh số (26) 30.2.1
	⠠⠠	Nét xiên xuất hiện như con số trong bề trầm đánh số (26) 30.2.1
	⠠⠠	Dấu cộng thay thế con số trong bề trầm đánh số (26) 30.2.1
	⠠⠠	Số bị lược bỏ trong bề trầm đánh số (26) 30.2
	⠠⠠	Nét xiên gạch chéo qua con số trong bề trầm đánh số (26) 30.2.1
54.	⠠	Ký hiệu báo từ (22C) 22.3–22.3.9, 29.3.3–29.3.5
	⠠⠠	Bắt đầu ký hiệu mạnh dần hình kẹp tóc (crescendo) (22C) 22.3.3
	⠠⠠⠠⠠	Mạnh dần (Cresc.) (22C) 22.3.2
	⠠⠠	Bắt đầu ký hiệu yếu dần hình kẹp tóc (decrescendo) (22C) 22.3.3
	⠠⠠⠠⠠⠠	Yếu dần (Decresc.) (22C) 22.3.2
	⠠⠠⠠⠠	Giảm dần (Dimin.) (22C) 22.3.2
	⠠⠠⠠	Thánh ca có nhạc và lời hoàn chỉnh trong phương pháp đàn bề đọc (34A) 41.2.5
	⠠⠠	Dấu rải hợp âm từ dưới lên (22A) 22.1–22.1.1, 26.11
	⠠⠠⠠	Dấu rải hợp âm từ trên xuống trong một khuôn nhạc (22A) 22.1–22.1.1, 26.11
	⠠⠠⠠⠠⠠	Ngân vang (L.V. hay let vibrate) (22C) 22.3.2
	⠠⠠⠠⠠⠠	Thánh ca chỉ có giai điệu trong phương pháp đàn bề đọc (34A) 41.2.5
	⠠⠠	Móng tay gảy cho đàn harp (27) 31.4
	⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠	Giọng nữ cao 1 hoặc 2, v.v... (31) 37.1
	⠠⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠⠠	Đàn violin 1 hoặc 2, v.v... (29) 33.2.2
	⠠⠠	Dấu lấy hơi hoặc ngắt hơi (22B, 31) 22.2
	⠠⠠	Kết thúc ký hiệu mạnh dần hình kẹp tóc (crescendo) (22C) 22.3.3
	⠠⠠	Kết thúc ký hiệu yếu dần hình kẹp tóc (decrescendo) (22C) 22.3.3
	⠠⠠⠠⠠	Dấu hoa thị âm nhạc (21) 21.1–21.2
	⠠⠠	Phím thứ 5 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
	⠠⠠	Phím thứ 6 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
	⠠⠠	Phím thứ 2 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
	⠠⠠⠠	Khóa Son thay đổi cho bề tay trái (4) 4.5
	⠠⠠⠠	Khóa Son (treble) (4) 4.1–4.2
	⠠⠠⠠⠠⠠	Khóa Son có số 8 nhỏ bên trên hoặc dưới (4) 4.4
	⠠⠠⠠⠠	Khóa Son trên dòng kẻ 1 (khóa vĩ cầm Pháp) (4) 4.3
	⠠⠠	Phím thứ 3 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
	⠠⠠⠠⠠	Khóa Đô (alto) (4) 4.1–4.2
	⠠⠠⠠⠠	Khóa Đô trên dòng kẻ 4 (tenor) (4) 4.3
	⠠⠠	Phím thứ 4 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
	⠠⠠⠠⠠⠠	Hình tròn có dấu chấm bên dưới các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4
	⠠⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Hình tròn có một dấu chấm bên trên và một dấu chấm bên dưới các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4

		Hình tròn có dấu chấm bên trên, ở giữa và bên dưới các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4
		Hình tròn có dấu chấm bên trên và ở giữa các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4
		Hình tròn có dấu chấm bên trên các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4
		Hai chấm nằm ngang giữa các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4
		Hình tròn có dấu chấm ở giữa và bên dưới các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4
		Hình tròn có dấu chấm ở giữa các đường gạch ngang cho accordion (28) 32.4
		Khóa Fa thay đổi cho bè tay phải (4) 4.5
		Khóa Fa (bass) (4) 4.1–4.2
		Khóa Fa trên dòng kẻ 3 (baritone) (4) 4.3
		Phím thứ 1 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
		Nửa phím (24A) 25.2.2
		Kết thúc đường nối dài thứ 1 (22C) 22.3.4, 25.2.2, 26.6.1
		Đường xiên kết thúc <i>tasto solo</i> (26) 30.2.6
		Kết thúc đường nối dài thứ 2 (22C) 22.3.4, 25.2.2
		Phím thứ 8 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
		Tiền tố chỉ sơ đồ pedal đàn harp (27) 31.2.3
		Phím thứ 12 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
		Phím thứ 13 (24A) 25.2.2
		Phím thứ 9 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
		Phím thứ 10 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
		Phím thứ 11 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
55.		Dấu chấm đôi tăng giá trị trường độ (2) 2.3, 5.4
		Lược bỏ ngón bấm luân phiên thứ hai (15) 15.4
		Phân tách các đoạn nhắc lại có giá trị khác nhau (18) 18.3.2
		Đánh dấu viết tắt (22C) 22.3
		Đường nối dài cho ký hiệu ngón trong nhạc cụ dây 25.4.1
		Chặn tiếng (<i>mute</i> hoặc <i>damp</i>) trong sơ đồ guitar (24C) 26.13.3
		Đường nối dài (22C) 22.3.4, 25.2.2, 26.6.1
		Chấm định hướng 28.1.3, 29.3
56.		Quãng 8 (9) 9.1–9.3.6
		Di chuyển song song (18) 18.6–18.6.1, 33.6
		Viết tắt chuỗi (18) 18.7–18.7.2
		Dấu gạch nối hoặc dấu trừ trong biểu tượng hợp âm (23) 23.1.2, 27.1.1
		Ký hiệu phân biệt ý nghĩa đi trước trong bè trầm đánh số (26) 30.2.5
		Ký hiệu phân tách trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.1
		Sắc thái trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
		Viết tắt chuỗi trong chuyển đổi y bản (18) 18.7.2
		Giãn cách về thời gian trong ký âm hiện đại (7) 7.2.2
		Đường nối dài thứ 2 (22C) 22.3.4, 25.2.2, 26.6.1
57.		Bậc 1 (3) 3.1–3.3.2
		Dấu ngoặc chỉ hợp âm chặn cho guitar (24C) 26.9.2–26.9.3

		Hàng nút thứ 1 trên accordion (28) 32.1.1–32.1.3
	♯♯	Dấu ` (16D, 24A, 24C, 31) 16.6–16.6.4, 26.8–26.8.2
	♯♯♯	Đường thẳng hay đường lượn sóng đi xuống ghi sau nốt nhạc (16E) 16.7
	♯♯♯	Bắt đầu vuốt dài (24C) 26.8.1
	♯♯	Dấu nối giữa các nốt đơn lẻ (10) 10.1–10.1.3
	♯♯	Bắt chéo chân lên trước trong organ (25) 29.13
	♯♯	Đường kẻ thẳng giữa các khuôn nhạc (13) 13.6.3
	♯♯	Dấu giáng ¼ cung (6) 6.3
	♯♯	Dấu thăng ¼ cung (6) 6.3
	♯♯	Dấu phân đôi tiết nhạc (13) 13.7
	♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	♯♯	Dấu nhấn có hình mũi nhọn hẹp nằm ngang chỉ về bên trái (reversed accent) (22A) 22.1–22.1.1
	♯♯♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	♯♯	Quay lại chỉ chơi tay trái trong khuôn nhạc cho organ (25) 29.12.1
		"Senza ped." trong phương pháp đàn bê bê dọc (34A) 41.2.4
	♯♯	Bậc dưới (Sub-octave) (3) 3.1–3.3.2
	♯♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
58.	♯	Bậc 2 (3) 3.1–3.3.2
		Một giây (thời gian) (7) 7.2–7.2.2
		Hợp âm chặn bán phần hoặc một phần cho guitar (24C) 26.9–26.9.3
		Hàng nút thứ 2 trên accordion (28) 32.1.1–32.1.3
	♯♯	Dấu ngân rung lặp nốt với nốt móc đơn (14) 14.2
	♯♯	Dấu rải các nốt được chồng lên nhau (10) 10.2.3
	♯♯	Dấu ngân rung lặp nốt với nốt móc tư (14) 14.2
	♯♯	Dấu ngân rung lặp nốt với nốt móc đôi (14) 14.2
	♯♯♯	Cụm hợp âm có dấu bình (9) 9.4
	♯♯♯	Cụm hợp âm có dấu giáng (9) 9.4
	♯♯♯	Dấu mắt ngỗng hình mái lều (22B) 22.2
	♯♯♯	Các nốt móc đơn và lớn hơn (2) 2.4–2.4.3, 8.1.2
	♯♯♯♯	Chùm vạch ngang rẽ ra phía bên phải (accelerando) (22D) 22.4–22.4.1
	♯♯♯	Cụm hợp âm có dấu thăng (9) 9.4
	♯♯♯♯	Cụm hợp âm có tất cả các nốt (9) 9.4
	♯♯	Dấu ngân rung lặp nốt với nốt móc ba (14) 14.2
	♯♯	Dấu luyện ngoặc đóng (13) 13.3–13.3.3
	♯♯♯	Cụm hợp âm có của các cao độ không xác định (9) 9.4
	♯♯	Dấu nhấn có hình mũi nhọn dần rộng nằm ngang chỉ về bên phải được liên kết với một hình nốt (expressive accent) (22A) 22.1–22.1.1
	♯♯♯	Hai giây (thời gian) (7) 7.2.1–7.2.2
	♯♯	Pedal đàn organ (25) 29.12
	♯♯♯♯	Bè tay trái và pedal trên cùng một khuôn nhạc (25) 29.12.1
	♯♯	Dấu ngân rung lặp nốt với nốt móc năm (14) 14.2
59.	♯	Ký hiệu báo dấu câu (1) 1.16
		Bậc 3 (3) 3.1–3.3.2
		Hợp âm chặn lớn hay toàn phần cho guitar (24C) 26.9–26.9.3
		Hàng nút thứ 3 trên accordion (28) 32.1.1–32.1.3

	♯♯	Đuôi nốt đen (12) 12.1–12.4
	♯♯	Đuôi nốt móc đơn (12) 12.1–12.4
	♯♯	Nhịp "C chế" (cut time, alla breve) (7) 7.1, 7.1.4
		Dấu luyện từ bè này sang bè kia (13) 13.6–13.6.1
		Dấu luyện cho các biến thể về âm tiết trong các lời nhạc (31) 35.7.1
	♯♯♯	Dấu luyện dài từ bè này sang bè kia (13) 13.6–13.6.1
	♯♯	Đuôi nốt trắng (12) 12.1–12.4
	♯♯	Đuôi nốt móc đôi (12) 12.1–12.4
	♯♯♯	Dấu mắt ngỗng phía trên hoặc dưới vạch nhịp (22B) 22.2
	♯♯	Dấu giáng $\frac{3}{4}$ cung (6) 6.3
	♯♯	Dấu thăng $\frac{3}{4}$ cung (6) 6.3
	♯♯	Đuôi nốt móc ba (12) 12.1–12.4
	♯♯♯	Nhóm hai nốt, v.v... (8) 8.5–8.5.2
	♯♯	Dấu nhấn agogic accent (tenuto) (22A) 22.1–22.1.1
	♯♯	Dấu lượn phía trên nốt trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	♯♯	Gảy dây tay trái (24B) 25.5.1
		Tay trái (25) 29.2–29.3
	♯♯♯	Tay trái, quãng đọc từ trên xuống (25) 29.2
	♯♯	Đuôi nốt tròn (12) 12.1–12.4
	♯♯	Sắc thái trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
60.	♯	Tiền tố cho các ký hiệu do người chuyển đổi thêm vào (1) 1.9
		Dấu gạch nối trong bản nhạc chữ nổi (1) 1.11
		Bậc 4 (3) 3.1–3.3.2
		Hàng nút thứ 4 accordion (28) 32.1.1–32.1.3
	♯♯	Di chuyển dấu luyện giữa các khuông nhạc (13) 13.6.2
	♯♯♯	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	♯♯♯	Điểm đến của dấu luyện được di chuyển giữa các khuông nhạc (13) 13.6.2
	♯♯	Tiền tố dành cho các đánh dấu khi biên tập (21) 21.4
	♯♯♯	Nhả pedal piano ngay sau khi đánh (25) 29.10.1
		Chặn sau khi phát ra tiếng trong đàn harp (27) 31.3.1
	♯♯♯	Nhấn nửa pedal piano (25) 29.10.1
	♯♯♯	Dấu mắt ngỗng giữa các nốt (22B) 22.2
	♯♯	Kẹp một phần ô nhịp (11) 11.1, 11.1.2–11.1.3, 11.4, 29.3.6–29.3.7
	♯♯	Dấu báo phân trang bản phổ thông (1) 1.5–1.5.1
		Dấu hoa mỹ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	♯♯♯	Dấu hoa mỹ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	♯♯	Nốt dựa dài (16A) 16.1–16.2.3
	♯♯	Dấu day chuyển động lên (16C) 16.5
	♯♯♯	Dấu day chuyển động xuống (16C) 16.5
	♯♯	Dấu chấm và một gạch ngăn ghi trên hay dưới một nốt nhạc (mezzo-staccato) (22A) 22.1–22.1.1
	♯♯ ♯♯	Dấu ngoặc cho lời nhạc của nốt trường thuật (32) 35.11
	♯♯♯	Dấu D.S. có chữ cái (a, b, c, v.v...) chỉ dùng trong bản nhạc chữ nổi (20) 20.1.4
	♯♯	Bản tóm tắt solo trong đệm nhạc cụ phím (25) 29.8
	♯♯♯	Dấu rải hợp âm từ dưới lên qua hai khuông nhạc (22A) 22.1–22.1.1

	⠠⠠⠠⠠⠠	Dấu rải hợp âm từ trên xuống qua hai khuôn nhạc (22A) 22.1–22.1.1
	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Dấu ngoặc nhỏ bao quanh biểu tượng phổ thông trong chuyển đổi y bản (1) 1.13.2, 30.2.7
	⠠⠠	Sắc thái trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
61.	⠠	Bậc 5 (3) 3.1–3.3.2
		Hàng nút thứ 5 trên accordion (28) 32.1.1–32.1.3
	⠠⠠	Dấu ngân rung luân phiên với nốt móc tư (14) 14.3
	⠠⠠	Dấu ngân rung luân phiên với nốt móc đơn (14) 14.3
	⠠⠠	Nhịp C (7) 7.1, 7.1.4
		Hai hay nhiều dấu nối giữa các hợp âm (10) 10.2–10.2.2
	⠠⠠	Phân chia ô nhịp (11) 11.1.2, 11.2, 11.4, 29.3.6–29.3.7
	⠠⠠	Dấu ngân rung luân phiên với nốt móc đôi (14) 14.3
	⠠⠠	Dấu ngân rung luân phiên với nốt móc ba (14) 14.3
	⠠⠠	Dấu nhấn có hình mũi nhọn hẹp nằm ngang chỉ về bên phải (accent) (22A) 22.1–22.1.1
	⠠⠠⠠	Số 7 in nghiêng trong biểu tượng hợp âm (23) 23.1.1
	⠠⠠	Tay phải (25) 29.2–29.3
	⠠⠠⠠	Tay phải, quãng đọc từ dưới lên (25) 29.2, 30.4
	⠠⠠	Dấu ngân rung luân phiên với nốt móc năm (14) 14.3
	⠠⠠	Sắc thái trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	⠠⠠⠠	Kết thúc đường kẻ thẳng giữa các khuôn nhạc (13) 13.6.3
	⠠⠠⠠	Chắp ghép các phần của dấu luyện từ bè này sang bè kia (13) 13.6–13.6.1
	⠠⠠⠠	Dấu luyện có điểm đầu không đi từ nốt nhạc nào (13) 13.10.1
62.	⠠	Bậc 6 (3) 3.1–3.3.2
		Di chuyển nốt nhân đôi (9) 9.5–9.5.3
		Dấu báo viết thường trong phân tích hòa âm (26) 30.4
		Hàng nút thứ 6 trên accordion (28) 32.1.1–32.1.3
	⠠⠠⠠⠠	Dấu luyện ngoặc (13) 13.3–13.3.3, 13.9, 35.2
	⠠⠠⠠⠠	Dấu luyện ngoặc hội tụ (13) 13.4
	⠠⠠	Dấu luyện cho nốt dựa ngắn (chuyển đổi y bản) (13) 13.9.1
		Dấu luyện có điểm đến không kết thúc ở nốt nhạc nào (13) 13.10.2
	⠠⠠	Dấu kết thúc chùm vạch ngang (22D) 22.4–22.4.1
	⠠⠠⠠	Dấu mắt ngỗng có dạng ngắn hình vuông (22B) 22.2
	⠠⠠⠠	Giá trị móc sáu (2) 2.4.1
	⠠⠠⠠⠠	Dấu lặng móc sáu (5) 5.1
	⠠⠠⠠⠠	Dấu ngoặc vuông vẽ phía trên khuôn nhạc (1) 1.13–1.13.1
	⠠⠠⠠⠠	Dấu ngoặc vuông cho giải kết mở vẽ phía trên khuôn nhạc (1) 1.13–1.13.1
	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Dấu ngoặc vuông nét đứt vẽ phía trên khuôn nhạc (1) 1.13–1.13.1
	⠠⠠	Sự trùng lặp giữa các nốt (1, 25) 1.14, 29.5
		Ký hiệu kết thúc dùng cho bản nhạc chữ nổi trong ngữ cảnh văn bản (1) 1.16
	⠠⠠	Dấu hoa mỹ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	⠠⠠	Các nốt in cỡ lớn (21) 21.6–21.6.1
	⠠⠠	Dấu dây kéo dài chuyển động lên (16C) 16.5
	⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8

	⠠⠠⠠⠠	Dấu day kéo dài chuyên động xuống (16C) 16.5
	⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	⠠⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	⠠⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	⠠⠠	Dấu nhấn hình chữ V viết xuôi hoặc ngược (martellato) (22A) 22.1–22.1.1
	⠠⠠	Dấu lượn giữa các nốt trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	⠠⠠	Ký hiệu cho bè trầm đánh số (26) 30.2
	⠠⠠ ⠠⠠	Dấu ngoặc vuông cho giải kết mở về phía dưới khuông nhạc (1) 1.13–1.13.1
	⠠⠠ ⠠⠠	Dấu ngoặc vuông về phía dưới khuông nhạc (1) 1.13–1.13.1
	⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠	Dấu ngoặc vuông nét đứt về phía dưới khuông nhạc (1) 1.13–1.13.1
	⠠⠠	Sắc thái trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠	Dấu ngoặc vuông thứ hai về phía trên khuông nhạc (1) 1.13–1.13.1
	⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠	Dấu ngoặc vuông thứ hai về phía dưới khuông nhạc (1) 1.13–1.13.1
63.	⠠	Dấu phẩy văn bản trong ngữ cảnh âm nhạc (1) 1.16
		Bạc 7 (3) 3.1–3.3.2
		Tiền tô cho dấu hóa bất thường được in lên trên hoặc bên dưới hình nốt (6) 6.1
		Di chuyển nốt (9, 36) 9.5–9.5.3, 43.1.6
		Lược bỏ ngón bấm luân phiên thứ nhất (15) 15.4
	⠠⠠	Nhiều dấu luyện ngắn hội tụ (13) 13.4
		Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	⠠⠠	Bắt chéo chân ra sau trong organ (25) 29.13
	⠠⠠⠠⠠⠠⠠	Tacet (giữ im lặng) trong biểu tượng hợp âm (23) 23.2
	⠠⠠⠠	Nhấn pedal piano ngay sau khi đánh (25) 29.10.1
	⠠⠠⠠	Các nốt móc đôi và nhỏ hơn (2) 2.4–2.4.3
	⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠	Chùm vạch ngang hội tụ phía bên phải (ritardando) (22D) 22.4–22.4.1
	⠠⠠⠠ ⠠⠠⠠	Các chùm vạch ngang song song nằm trong một nhóm bất thường (22D) 22.4.1
	⠠⠠⠠	Dấu lượn có dấu giáng bên dưới (16B) 16.4.1
	⠠⠠⠠	Dấu lượn có dấu thăng bên dưới (16B) 16.4.1
	⠠⠠	Dấu lượn bên trên hoặc dưới nốt (16B) 16.4
	⠠⠠⠠	Dấu lượn nghịch đảo bên trên hoặc dưới nốt (16B) 16.4
	⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
		Các nốt in cỡ nhỏ (21) 21.6–21.6.2
	⠠⠠	Ký hiệu hình quả lê ghi bên trên hay bên dưới một nốt (staccatissimo) (22A) 22.1–22.1.1
	⠠⠠	Dấu lấy hơi hoặc ngắt hơi (22B, 31) 18.1.7, 22.2
		Nốt dựa (appoggiatura) trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	⠠⠠	Ký hiệu ký âm hàng nút (28) 32.1–32.2
	⠠⠠⠠	Phím thứ 7 (24A) 25.2.2, 26.6–26.6.1, 26.13.1
	⠠⠠	Dấu báo bắt đầu trong bản nhạc chữ nổi (1) 1.16
		Dấu ngoặc âm nhạc (1, 21) 21.3

	⠠⠠⠠	Sắc thái trong phương pháp dịch nốt-thành-nốt (36) 43.2.2
	⠠⠠⠠⠠	Kết thúc vuốt dài (24C) 26.8.1
	⠠⠠⠠⠠⠠	Dấu hoa mỹ ít gặp (16F) 16.8
	⠠⠠⠠	Bậc 8 (bậc trên) (3) 3.1–3.3.2
	⠠⠠⠠⠠⠠	Ký hiệu N.C. trong biểu tượng hợp âm (23) 23.2